

ĐẠI-ĐẠO TAM-KỶ PHỔ-ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH



NỮ TRUNG *Tùng Phận*

ĐOÀN THỊ ĐIỂM



HỘI THÁNH GIỮ BẢN QUYỀN



TÀI LIỆU SƯU TẦM 2021
hai•không•hai•một

Ebook được làm theo tài liệu phổ biến trên Website **DAOCAODAI.INFO**. Mọi góp ý, đề nghị thay đổi, sửa chữa những sơ sót về nội dung, có thể có do sự tái trình bày, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **HIỀN TÀI NGUYỄN VĂN HỒNG, BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAI.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 10/02/2022

Tâm Nguyễn

Website: tusachCAODAI.wordpress.com

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH



Nữ Trung Tông Phận

Tiên-Nương Đoàn Thị Điểm
Giảng cơ đề bút Năm Quý-Dậu - 1933

ĐỨC NGUYÊN
Giới Thiệu & Chú Thích

HỘI THÁNH GIỮ BẢN QUYỀN



MỤC LỤC

- NỮ TRUNG TÙNG PHẬN Nguyên Bản của Đoàn Thị Điểm 5
- NỮ TRUNG TÙNG PHẬN Giới Thiệu & Chú Thích của Đức Nguyên. 79
 1. Nữ Trung Tùng Phận. 7
 2. Giới thiệu Tác phẩm Nữ Trung Tùng Phận. 79
 3. Tiểu Sử Bà Đoàn Thị Điểm 87
 4. Mục đích Giáo dục của Nữ Trung Tùng Phận 117
 5. Những giới hạn thời gian trong Nữ Trung Tùng Phận 131
 6. Tứ Đức & Tam Tùng đối với phụ nữ thời nay 139
 7. Giải thích hình bì, tên sách, khảo đính 151
 8. Nữ Trung Tùng Phận chú thích. 157
 9. Phụ Bản: Chinh Phụ Ngâm. 373
 10. Hướng dẫn tìm các: Từ ngữ, Thành ngữ, Điển tích . 394

NỮ TRUNG TÙNG PHẬN
Tiên Nương Đoàn Thị Điểm giảng cơ đề bút
Năm Quý Dậu – 1933

Nữ Trung Tùng Phận



01

Dụng văn hóa trau tria nữ phách,
Lấy kinh luân thúc thách quần hồng.
Giờm thư giúp sức giờm hùng,
Điểm tô nghiệp cả con Rồng cháu Tiên.

05

Bồi rẻ rúng thuyền duyên thiếu học,
Dầu chí thân tơ tóc cũng khi.
Tinh thần cao thấp nhờ thi,
Dục tài nữ sĩ sánh bì cùng nam.

09

Chinh phụ trước treo nên giá quý,
Áng văn làm nhuệ khí cầu vinh.
Thêm duyên chúc quý giao tình,
Mỹ ngôn nương ý gia đình an vui.

13

Nấu kinh sử ra mùi sơn phấn,
Cầm bút nghiên đặng thắm má đào.
Quần xoa đỡ ngọn binh đao,
Xây hình thực nữ giặm màu nước non.

17

Cửa Thánh miếu hỡi còn thiếu gái,
Chốn quyền môn nữ lại vẫn không.
Vật chơi ở chốn khuê phòng,
Đã cam phận vợ để chồng cầm duyên.

21

Phần nội trợ trăm phiền đeo đẳng,
Đạo phụ cơ đã nặng cho mình.
Duyên may chồng đã nghĩ tình,
Còn cha còn mẹ có đành phận đâu?

25

Nỗi em chị bởi đâu chẳng thuận,
Nỗi nhi tôn lẫn bản bên lưng.
Nỗi nhà, nỗi bếp, nỗi lân,
Nỗi trong thân tộc, nỗi gần, nỗi xa.

29

Trên lo thảo, giữa hòa, dưới thuận,
Ngoài nên danh, trong vững mối giềng.
Nỗi trông hương hỏa giữ bền,
Giúp nên chồng có phẩm quyền cao sang.

33

Mảng lo lắng chữ nhàn nào rõ,
Huống để công đến ngõ Khổng Trình.
Rừng Nho biển Thánh thình thình,
Nữ lưu nào thấu muôn nghìn thi thơ.

37

Kính tổ hiền nổi thờ nổi phụng,
 Tế tông đường lo cúng lo đơm.
 Kiến thân viếng sớm thăm hôm,
 Chua cay rõ miếng cơm ngon cá bùi.

41

Lưỡi lừa miếng nhai cơm lữ trẻ,
 Kiêng vật ăn đặng để nuôi con.
 Còn con nòi giống chồng còn,
 Mạnh thân đành chịu hao mòn với ai?

45

Còn gặp thuở xanh mày lịch sắc,
 Dâng hình hoa treo mắt bướm ong.
 Nào là hương đượm lửa nồng,
 Nết khuôn giữ vẹn chữ đồng lương nhân.

49

Muốn trau chuốt mặt ngân thân dịu,
 Vẽ cho hay mày liễu má đào.
 Thương gìn lúc ốm khi đau,
 Sợ chê xấu phận, cậy màu phấn son.

53

Mình mỏng mảnh sức non nớt yếu,
 Đỡ nâng chồng vốn thiếu tay co.
 Không toan sớm đói chiều no,
 Lựa là tứ hải ngũ hồ giúp nhau.

57

Cứ tựa cửa phòng đào giấu dạng,
Ngoài nước non nào hẳn với chênh.
Mảng trong thắm nghĩa nặng tình,
Để công bề liễu, bản bình trượng phu.

61

Dầu khôn mấy giả ngu cho thuận,
Phải bao nhiêu cũng nhận lỗi lầm.
Phòng đào giữ rủi rơi trâm,
Sợ lời hơi sắt, tiếng cầm lạc cung.

65

Thử từ nét khi chung lúc chạ,
Gióng từ hơi hòa nhã tơ loan.
Chiều vui dưới trướng ngoài màn,
Nhãng lo ngại nỗi phụ phàng ái ân.

69

Nghe từ lệnh, cúi vâng từ mạng,
Nhọc lòng chi nào dám đi hơi.
Sợ cơn giông gió tới bời,
Trà mi sơ sẩy hoa rời rã bông.

73

Che đây kín tường đông ong bướm,
Giấu nhật nghiêm nhụy tướng hương hình.
É khi vách có âm thanh,
Để gương lỗi đạo, lỗi tình phu thê.

77

Giao thân cú gằn kẻ kẻ thiết,
 Ép nhớ thương làm điếc làm đui.
 Mặc người cha mẹ dễ duôi,
 Ngoạ tông nương phận nếm mùi trần cam.

81

Hiếu thương ghét giả cam phận đại,
 Biết nên hư chẳng cãi cho cùng.
 Nên thì an phận kiếm cung,
 Hư thì khổ vợ tội chồng chung nhau.

85

Ngoài mặt phép, chàng sao thiệp vậy,
 Giữa cửa công, phải quấy đồng thân.
 Vinh thì chàng mảo thiệp cân,
 Hèn thì chàng váy thiệp quần đổi thay.

89

Lấy khổ cực làm bài thuốc mển,
 Dụng đau thương rù quên thâm tình.
 Dầu chàng đổi dạ én anh,
 Tê mi vện đạo, giữ gìn phép khuôn.

93

Nâng khăn trấp giải buồn quân tử,
 Hầu tửu trà giấc ngủ không an.
 Chàng vui thiệp cũng vui càn,
 Chàng buồn thiệp tựa bên màn khóc theo.

97

Dòng Tương chảy thân bèo trôi nổi,
Chẳng ai thương chữa lỗi binh lời.
Chàng thì biển cả vơi vơi,
Thiếp như bóng bọt giữa vời linh đình.

101

Nếu gặp phước bố kinh đáng khách,
Biết yêu hoa dưới gạch phòng thu.
Rủi duyên gặp phải thường phu,
Nhành xuân thì trọng, giường thu dở cầm.

105

Khi lịch sắc trao trâm đáng giá,
Cơn tàn hoa, keo rã sơn rời.
Về hồng mắc mỏ bao mười,
Đưa cho quân tử trọn đời chủ trương.

109

Nhụy đường nở mùi thơm ngào ngạt,
Dâng hình hoa lo lót con ong.
Trăm năm kim cải cũng chồng,
Trái duyên cũng vẹn đạo tông mà thôi.

113

Thân lòn cúi, vợ tôi chồng chúa,
Đạo phu thê như đũa nên đôi.
Dầu cho lúc đứng khi ngồi,
Chàng là chúa cả, thiếp thời gia nô.

117

May quan cả, rúi cho lê thú,
 Trong tộc gia cũng cứ phép nhà.
 Hèn người sang ấy của ta,
 Chê người ta lại cho là đáng khen.

121

Chông sang đặng, ta hèn chẳng quản,
 Chông đẹp hình, ta mắng lo âu.
 Ờ ra nhiều thiệp nhiều hầu,
 Rồi tham bẻ lựu, bỏ đào bơ vơ.

125

Hẽ xấu dạng thì nhờ mặt thiệp,
 Còn đẹp hình, nhất kiếp phù dung.
 Mình thương người cũng thương cùng,
 Còn như chê bỏ, lại dùng vào đâu?

129

Kiểm xứng mặt mày râu dưới thế,
 Ờ không mưu đủ kế gìn duyên.
 Còn theo thăm ván bán thuyền,
 Trông chi giữ mảnh hương nguyên cùng nhau.

133

Lỡ lối cũ động đào lạc bước,
 Khó cầm duyên đợi ngọc cầu Lam,
 Thân Tiên dầu lỗ gót phàm,
 Gương xưa lỗi rắp, ai cầm làm chi?

137

Nhẹ là bức, nặng chì tình nghĩa,
Để dùng riêng cho phía nữ lưu.
Thung dung quân tử hảo cừ,
Năm thê bảy thiếp mặc dầu trắng hoa.

141

Nào có tưởng vợ nhà đau đớn,
Ôm tình si muôn lượng sâu than.
Máu ghen chần gối dẫy tràn,
Hình mai ủ dột sắc càng héo don.

145

Hễ càng ngắm hao mòn đóa ngọc,
Càng riêng lo tơ tóc không bền.
Chàng vui cung nguyệt trao duyên,
Thiếp sầu sợ nén hương nguyên bột thơm.

149

Lo ngại rồi ra cơn mất nết,
Vì ghen tương hết biết thân mình.
Dám toan tử tiết với tình,
Còn chi kể đến gia đình hư nên.

153

Nếu ôm ấp một bên thương nhớ,
Bệnh tương tư khó gỡ cho kham.
Nên toan đập nát cung cầm,
Vô duyên đành phận, sống làm chi đây?

157

Thương ra giận khó khuây nỗi nhớ,
 Mỗi tờ duyên ai gỡ cho đang?
 Hỡi người cỡi phụng giữa loan,
 Phải chi vợ dám phụ phàng mới sao?

161

Tả nỗi thâm thêm đau mấy đoạn,
 Mượn bút hoa đắp cạn thành sâu.
 Tiếng tiêu dẫu lọt phụng lâu,
 Hoặc may gỡ đặng dây sầu nữ nhi.

165

Cầm bút ngọc đề thi tự thuật,
 Một kiếp sanh của bậc văn tài.
 Nêu gương tuyết giá hậu lai,
 Gỡ trong muôn một những bài sanh ly.

169

Khi đầu ấp cùng khi tay gối,
 Thân thiết nhau sớm tối quen hơi.
 Chừ sao chong ngọn đèn ngời,
 Cô đặng giỡn bóng, gheo người thương tâm.

173

Nào là thuở âm thầm đan dúi,
 Vịn bóng trăng đặng níu hoa đào.
 Chừ sao bỏ cảnh úa xào,
 Nhụy phai hương lọt, khuôn rào tả tơi.

177

Nào khi đứng lúc ngồi đủ mặt,
Qua tường đông lóng bạc tơ đồng.
Chừ sao chẵn chiếu lạnh lũng.
Phím loan nín bật, tranh tòng đứt dây.

181

Nào khi lén vẽ mày thực nữ,
Nào khi lo gìn giữ hương thê.
Chừ sao bướm cũ lia huê,
Vườn thu vắng khách, ủ ê canh tàn.

185

Nào khi tựa bên màn canh lụn,
Nào khi ngồi ngó bóng Hằng Nga.
Chừ sao để lụn canh gà,
Vắng hoe gỏi phụng, nguyệt tà hoa thưa.

189

Nào khi đổ mây mưa đánh giáp,
Nào khi lo ẩm áp cung thêm.
Chừ sao vắng dạng tàn đêm,
Gia cư rách cửa, ven thêm cỏ chen.

193

Nào khi ước giữ niêm sơn sắt,
Nào thê non nắm chặt dải đồng.
Chừ sao đổi dạ thay lòng,
Hẹn xưa bỏ chảy theo dòng Tương giang.

197

Nào khi đứng giữa đàng trông ngọc,
 Nào khi ngồi dưới bệ trong châu.
 Chừ sao phụ nghĩa sơ giao,
 Phòng toan ném gánh tâm đầu sông Ngân.

201

Nào khi đến cầu Lam chưởng ngọc,
 Nào khi lo già thuốc trường sanh.
 Chừ sao bỏ nghĩa én anh,
 Tham lê bỏ lựu, phụ tình trước mai.

205

Nào khi cửa then gài mấy lớp,
 Cấm vườn xuân nướm nượp én anh.
 Chừ hoang cây cỏ xử mành,
 Gần cây chim lánh, đến cành gió day.

209

Nào khi sắc so tài đẹp dạ,
 Nào khi nhen hương hỏa ba sinh.
 Chừ toan bút mảnh tơ tình,
 Trà ngâu chê nhớ, rượu quỳnh chối thương.

213

Nào khi hỏi thăm hang Từ Thức,
 Nào khi dò mấy bực cầu ô.
 Chừ sao kẻ Hồn người Hồ,
 Để cho phòng hạnh ra mô quạt duyên.

217

Nào là lúc giữa nghiêng đêm quạnh,
Nào là khi thức tỉnh đêm khuya.
Chừ sao loan phụng chia lìa,
Con trông vợ nhớ, mắt kẻ góa song.

221

Càng thấy con khờ không đủ trí,
Càng thêm lo huyết khí bên chồng.
Nâng niu lúc ẵm khi bông,
Phụ thân thế phận cho chồng dạy khuyên.

225

Càng sợ hở thung huyền phiền muộn,
Thảm bao nhiêu gắng gượng làm vui.
Tảo tần sớm dưỡng chiều nuôi,
Thế chàng thiếp lãnh vai người hiếu nam.

229

Thấy em dại không ham đèn sách,
Càng để lòng hỏi hạc kinh luân.
Thay chàng thiếp trả nghĩa thân,
Dạy em văn hóa, thiếp làm trưởng huynh.

233

Càng nghĩ đến linh đình phận thiếp,
Càng ngại lo tội nghiệp thân con.
Những ngờ nước thấm đầu non,
Nào hay trăng khuyết hao mòn nhơn duyên.

237

Càng đeo đẳng nỗi phiên nỗi thảm,
 Càng thương thân chích bạn lia đôi.
 Phận sao phận bạc như vôi,
 Nước lưng đầy gáo, hương trôi dòng là.

241

Càng ngắm đến cỏ hoa vật loại,
 Càng thẹn vì vẫn vởi tơ tình.
 Chim kết cánh, cây liền cành,
 Còn thân thiếp chịu một mình đơn cô.

245

Kìa cá giỡn vẫn vờ đáy nước,
 Nọ kết đôi cưu thuốc ven trời.
 Còn thân thiếp chịu cút côi,
 Đèn khuya nhắc thảm, gió mới gheo sầu.

249

Kìa oan ương ấp nhau chẳng hở,
 Nọ én anh rỉ rả kêu thương.
 Còn ta lường những đoạn trường,
 Gối chẵn tê tái, chiếu giường lạnh tanh.

253

Kìa cầm điệu bẻ cành kết ổ,
 Nọ thú trùng moi lỗ làm hang.
 Nầy thân thiếp chịu gian nan,
 Linh đình đất chiếu, trời màn không nơi.

257

Kìa ong kiến tha mỗi dành để,
Còn khốn cùng có thể nuôi thân.
Còn thân thiếp chịu khốn nàn,
Tả tơi nổi mẹ, trường trần nổi con.

261

Thôi đành kiếp nốt non gương sống,
Sống vì con, chẳng sống vì thân.
Đòi phen đổi thảm ra măng,
Nâng niu trẻ dại cho gần đặng cha.

265

Đưa giọt sữa ra hòa giọt lụy,
Trong tình chung huyết khí đúc hình.
Còn con may đặng giữ tình,
Khối chung tình ở nơi mình ấu nhi.

269

Nghe trẻ khóc như chì dầm dạ,
Thấy con đau như đá đập đầu.
Còn con ô thước bắc cầu,
Mất con là cửa vô lầu lãnh cung.

273

Thấy xuân đến vẻ hồng khắp chốn,
Nương con thơ sống rốn cùng xuân.
Ru con giọng hát ngập ngừng,
Xuân ôi! Xuân biết mấy lần đau thương?

277

Ve kêu hạ như đường trêu thâm,
 Mưa sâu tuôn mấy dặm biệt ly.
 Đỗ con lệ ngọc li bì,
 Hạ ôi! Hạ có biết ghì phu thê?

281

Chiều thu nhắc ủ ê cánh hạn,
 Nhấp nhô xem cánh nhận về non.
 Trông thu rầu nhớ thân con,
 Thu ôi! Thu biết hao mòn tấm duyên?

285

Đông lạnh ngắt mảnh mên úm trẻ,
 Ngồi đêm trường quanh quẽ phòng không.
 Nhớ chồng thấy trẻ nảo nông,
 Đông ôi! Đông biết tấm lòng kiên trinh?

289

Vắng mặt chồng, cân hình của trẻ,
 Ngó thấy con đặng vẽ tượng chồng.
 Cân thương trẻ ấy mà đong,
 Thì trong thương ấy, của chồng tám phân.

293

Kìa máu huyết, cành xuân nhụy nở,
 Khối ái ân đành ở nơi con.
 Dầu cho biển cạn non mòn,
 Tơ duyên khẩn khít chỉ còn bấy nhiêu.

297

Trẻ nhỏ dại lắm điều học hỏi,
Thường kiếm cha mong mới thấy nhau.
Đỡ con chỉ bóng giải sầu,
Rằng khuya đèn thấp cha hầu về thăm.

301

Hơi mảnh áo còn cầm đặng ngửi,
Gối loan gìn từ buổi kết duyên.
Ba sanh dầu toại thừa nguyên,
Họa trong giấc mộng giải phiền giao hoan.

305

Càng bạc phúc càng than con dại,
Lo tảo tần mảy may dưỡng nuôi.
Còn cha con tở như côi,
Chít chiu trẻ khó, bồi hồi mẹ đờn.

309

Nhịn ăn mặc ngựa cơn thiếu thốn,
Làm lụng nhiều nuôi dưỡng sắp con.
Nại chi xác yếu thịt mòn,
Gia tư miễn đặng vương tròn giữ duyên.

313

Lớn một tuổi, mẹ thêm một khổ,
Hiếu một điều, mẹ hổ cho thân.
Trí con lần mở nẻo gần,
Hỏi cha sao phụ, tổ trăn làm răng?

317

Chẳng lẽ nói cho chàng đen bạc,
 Chẳng lẽ cho cỡi hạc quên nhà.
 Không đành nói thác ra ma.
 Không đành nói ngụ nơi nhà lầu xanh.

321

Không lẽ nói mển anh quên én,
 Không lẽ rằng trộm nén hương thừa.
 Nói chi tìm vợ dâng dưa,
 Lẽ nào nói rượt theo vừa Hằng Nga.

325

Không lẽ nói đi qua Đông Độ,
 Không lẽ rằng vô số chinh phu.
 Lẽ nào nói bị tội tù,
 Lẽ nào nói trấn Tây Âu làm hoàng.

329

Còn nói thiệt rằng chàng phụ thiếp,
 Cũng vì mê theo kiếp làng chơi.
 E con đến lớn nên người,
 Gương cha để thẹn những lời bợm hoang.

333

Riêng chịu thảm không than với trẻ,
 Đỗ lụy rơi theo khóe miệng cười.
 Vui là gắng gượng làm vui,
 Cái vui cùng trẻ là hồi ai bi.

337

Ngàn dâu ngô ngày chầy thăm thăm,
Bạn lòng con lại vấn nô y.
 Xem chùng coi mảnh anh nhi,
Co tay đếm tuổi bấy chầy không cha.

341

Hột cơm tẻ nhai ra như cát,
Gan còn nguyên như nát bao chừ.
 Nuôi con từ lúc đào thú,
Bao nhiêu máu thịt công chờ bấy nhiêu.

345

Chàng đâu rõ khúc khiu cực nhọc,
Lớn khôn ngoan biết học biết hành.
 Biết ơn nuôi dưỡng sanh thành,
Tìm cha lại bỏ một mình thiếp cô.

349

Càng thấy lớn, mắng rồi lại sợ,
Mắng nên hình, còn sợ theo cha.
 Dường như con vệt mẹ gà,
Trẻ thơ vội phản, mẹ già kinh tâm.

353

Làm lụng té bao lăm của cải,
Để cho con làm ngãi cùng con.
 Nỗi lo đôi lúa vuông tròn,
Còn lo gia thất vĩnh tồn hậu lai.

357

Định hương hỏa, hằng bày quý tế,
 Lập pháp gia, tự kế phụng thờ.
 Con chàng thiếp trả khi thờ,
 Dòng chàng thiếp dạy phụng thờ tổ tông.

361

Lựa cho học các công các nghệ,
 Tính cho hay mọi vẻ văn tài.
 Sĩ, Nông, Công, Cổ sanh nhai,
 Ngư, Tiều, Canh, Mục làm bài bảo thân.

365

Hễ phải mặt văn nhân tài tử,
 Dạy con nên vẹn giữ nhưn luân.
 Văn là thượng sĩ danh thân,
 Võ thì bạt tụy siêu quần quân trung.

369

Quan thì phải tận trung vì chúa,
 Dân thì hay tập búa Lỗ Ban.
 Sang thì giữ vững ngai vàng,
 Hèn thì trừ đảng bạo tàn hại dân.

373

Trọng thì lấy đai cân làm lệnh,
 Khinh thì lo trừ nghịch làm duyên.
 Nước non để tuổi cùng tên,
 Quốc gia khinh trọng bỏ bên nơi dân.

377

Con thương mẹ dẫu vâng lệnh dạy,
Thương quê hương trọng ngãi quân thân.
Ngọn rau tấc đất là ân,
Một dòng một giống lo cần ích chung.

381

Nếu đề đặng tinh trung hai chữ,
Vạch lưng con viết thử để dành.
Rủi cơn loạn quốc khuynh thành,
Tám gan liệt sĩ cũng đành độ dân.

385

Dầu rủi phận nợ thân chẳng vẹn,
Đạo Cần Vương nêu tiếng thanh cao.
Trung thành giữ cõi Nam trào,
Hùng anh trước đặng Ngụy Tào khiếp oai.

389

Trước quốc chánh chia hai tộc chủng,
Núi Hoành sơn định phòng biên cương.
Bắc Nam hiệp Tổ Hùng Vương,
Xúm nhau nâng nổi miếu đường Việt Nam.

393

Giang san bốn ngàn năm tổ nghiệp,
Văn hóa so cũng kịp tha bang.
Xa thơ nay gầy giữa đảng,
Con tua giữ dạ cứu nàn giúp nguy.

397

Nào quốc thể, người khi kẻ thị,
 Nào dân đen, phép qui hợp hôn.
 Nấu sôi cái máu anh phong,
 An bang tế thể một lòng lo âu.

401

Đấng nam tử đâu đâu cũng nợ,
 Khắp năm châu khai mở qui mô.
 Châu lưu tứ hải ngũ hồ,
 Thơ hương đặc vận cậy nhờ dân sanh.

405

Vùng Nam Hải uy linh nhứt quốc,
 Cỏ rễ hai chia đất rấp ranh.
 Trời còn roi nước hùng anh,
 Giang sơn là đấy, còn mình ở đâu?

409

Con cũng đứng mày râu dưới thế,
 Nếu kém phương thiếu thế vận trù.
 Dầu khôn, mẹ cũng cho ngu,
 Tài chi trong kiếp tội tù dã man.

413

Con phải nhớ da vàng máu đỏ,
 Cõi Nam Châu rõ rõ quốc triều.
 Con Hồng cháu Lạc bao nhiêu,
 Thiếu tài khiếm đức, định triều an bang.

417

Mẹ dẫu phải suốt vàng nhắm mắt,
Vui thấy con đáng mặt làm trai.
Nhục con, con chịu chó nài,
Nhục cho quốc thể ra tài hy sinh.

421

Thất xã tắc, dân mình nghịch chủng,
Quen nghề tham, lại những quan gian.
Sâu dân một nước bạo tàn,
Mua quan bán chức nhộn nhàng cân đai.

425

Đem chơn chánh phô bày trừ mị,
Nâng niu cho dân khí lấy lừng.
Dân thì biết phận làm dân,
Chúa cho đáng chúa, đĩnh thần đáng quan.

429

Trừ đảng dữ tham gian bạo ngược,
Diệt những phường mưu chước cầu vinh.
Xem đường cuông khấu biên đình,
Cung dẫu tên cỏ, nước mình chấn hưng.

433

Xem lịch sử vĩ nhân mấy mặt,
Đại trượng phu trước giặc vong thân.
Nên danh khai quốc công thân,
Nêu tên hậu thế xa gần tặng phong.

437

Muốn hiển tổ vinh tông báo hiếu,
 Học cho hay trọng yếu miếu đường.
 Tầng quen cõi ngựa cầm cương,
 Trận trung quyết thắng chiến trường đoạt binh.

441

Lựa những mặt tài tình thọ giáo,
 Học cho thông mối đạo quân thần.
 Trương Lương dâng dếp ba lần,
 Chút công ấy định Hồn Tần nên hư.

445

Trọng Ni nhận vi sư Hạng Thác,
 Học tinh thần khai phát Nho tông.
 Gẫm coi tổn bấy nhiêu công,
 Làm cho thiên hạ đại đồng trí tri.

449

Tôn kính thầy cũng bì cha trẻ,
 Mới đặc truyền mọi lẽ cao sâu.
 Học hay kế nhiệm mưu mầu,
 Học nên tài đặng giải sầu quốc gia.

453

Học đặng định chánh tà giả thiệt,
 Học cho thông đặc biệt hư nên.
 Học gan sắt đá cứng bền,
 Học cho đủ chúc xây nền Nam phong.

457

Học cho rộng giao thông tứ xứ,
Học cho cùng xử sự ngoại lân.
Học cho đúng bậc tài thần,
Ưu quân ái quốc vua cần dân nghinh.

461

Học cho thấu máy linh cơ tạo,
Học cho toàn trí xảo văn minh.
Thâu tài hay nhập nước mình,
Làm cho dân hưởng thái bình giàu sang.

465

Công dạy dỗ muôn ngàn khó nhọc,
Ồn của thầy con học nên người.
Tài hay tom góp một đời,
Cho con chẳng kể vốn lời hơn thua.

469

Thầy lao lực tùy vừa trí trẻ,
Dạy cho thông mọi lẽ gần xa.
Tuổi xanh con dựng trí già,
Còn thơ con học hóa ra lão thành.

473

Con nhờ thầy công danh mới toại,
Như nhờ cha mới giỏi hình dung.
Hai ơn ấy găm so đồng,
Nghĩa kia như hiếu, mặn nồng cả hai.

477

Xưa ruộng Thuấn voi cày chim cấy,
 Vì hiếu thân nổi dậy tuổi tên.

Đế Nghiêu tìm hiếu truyền hiền,
 Nương nơi gương ấy vẫn bền đạo con.

481

Mẫu Tử Khiên tích còn roi dẫu,
 Dấy xe cha áo xấu mặt dơ.

Sợ đàn em đại u ô,
 Khổ thà cam khổ cũng thờ dưỡng nghi.

485

Con ví biết trọng nghi phụ tử,
 Hiển tông môn khá giữ nơi lòng.

Đừng làm nhục tổ hồ tông,
 Lập thân trả hiếu nối dòng truyền hương.

489

Nhìn thung đường đến ơn cúc dục,
 Nhớ công sanh giữ chút hình hài.

Dưỡng nuôi lao khổ đắng cay,
 Lửa hương chín ước có ngày nổi xa.

493

Còn em út trong nhà thơ bé,
 Trai dạy khuyên, gái để khép khuôn.

Con đừng quen tánh lòng tuông,
 Các em hư nết, gieo buồn song thân.

497

Một cục máu chia phân mấy mảnh,
Hình hài em tượng ảnh thân con.
Chữ rằng huyết mạch đồng môn,
Riêng chung thân thể, tâm hồn cũng con.

501

Ngoài gia tộc, nước non vầy bạn,
Lựa tài danh giao cận tâm tình.
Đời như trận giặc đua tranh,
Dầu tài một ngựa một mình khó nên.

505

Coi gương trước Thánh Hiền ghi lại,
Kết bạn nhau đạo ngãi làm sao.
Tuy là khác thừa đồng bào,
Mà trong sanh tử một màu sắt son.

509

Lưu Quan Trương giữ còn nghiệp Hồn,
Gìn trọn thể chết sống có nhau.
Dầu cơn độc mã đờn đao,
Tâm trung nghĩa khí, Ngô, Tào cũng kiêu.

513

Sài Triệu Trịnh cũng nguyên như thế,
Mà nên mưu đủ kế đồ vương.
Tổng thâm thiên hạ Đại Đường,
Cũng do bởi học nơi trường hữu giao.

517

Trong vũ trụ hiệp hào là mạnh,
 Phận đồ thơ phải gánh non sông.
 Anh em bạn tác vầy đông,
 Xô thành cũng ngã, lấp sông cũng bằng.

521

Trai nam tử gió trăng là phận,
 Đạp nước non đặng tấn khí hùng.
 Đi con đường thế gai chông,
 Lớn gan hieu quạnh thì lòng cũng nao.

525

Tình phu phụ biết bao nghĩa trọng,
 Đạo nhưn luân gây sống của đời.
 Dầu cho non nước đổi dời,
 Còn niềm chồng vợ, còn người còn ta.

529

Bạn trăm tuổi thân hòa làm một,
 Dầu sanh hèn xấu tốt cũng duyên.
 Cùng nhau giữ vẹn hương nguyên,
 Cái duyên kinh bố là duyên Châu Trần.

533

Con đừng thấy phụ nhân nan hóa,
 Cầm hôn hoa vầy vãi thân hoa.
 Vợ con thay phận mẹ già,
 Nuôi con mẹ cậy bóng ngà nữ dung.

537

Khi tối sớm lạnh nông có kẻ,
Thân mật con đặng để giữ con.
Mẹ lo trong lúc còn non,
Vợ con lo lúc thân mòn gối run.

541

Nếu khổ cực chung cùng chia sót,
Dầu sang vinh đặng bớt tình nông.
Hễ là vào đạo vợ chồng,
Hư nên đều có của ông công bà.

545

Con chó ý mình là nam tử,
Chiếm chủ gia hẹp xử thê nhi.
Đừng xem ra phận tiện tỳ,
Quyền trong nội trợ cũng bì đồng nhau.

549

Ai nâng đỡ khi đau lúc ốm,
Ai dù tròn nắng sớm mưa mờ.
Tình chung bền giữ một đời,
Chia cơm cắn muối không đời lòng thương.

553

Áo trâu đắp đông sương lạnh lẽo,
Cửa hấp gà mở nẻo tiền phu.
Lập thân đừng để danh lưu,
Cũng như Bá Lý Hề âu bạc tình.

557

Chém vợ để cầu vinh thuở trước,
 Ngô Khởi còn gian ngược chi danh.
 Con đừng mượn nét khuynh thành,
 Lợi thân mà hại đến mình hồng nhan.

561

Đừng sang trọng phụ phàng nghèo khó,
 Gặp hầu xinh vội bỏ thê hèn.
 Cá kia chung chậu hơi quen,
 Ái ân đậm thắm bởi bên nghĩa nhân.

565

Gương đẹp để Mãi Thần thuở trước,
 Trọng nhưn luân sau phúc nên quan.
 Hiền danh ghi tạc giang san,
 Nghĩa trung đi cặp con đàn trượng phu.

569

Tống Hoằng chí trượng phu không đổi,
 Giữ nhưn luân sợ lỗi đạo hằng.
 Từ duyên công chúa giao thân,
 Đút cơm vợ quáng ân cần dưỡng nuôi.

573

Biết tình nghĩa biết mùi ân ái,
 Chia đau thương cột dải đồng tâm.
 Kia ai đã gọi ân thâm,
 Hơn niềm chồng vợ âm thâm giúp nhau.

577

Đừng đến lúc ốm đau chẳng ngó,
Hương sắc xinh lại bỏ hoa tàn.
Những là anh én nhọn nhàng,
Buôn duyên bán nợ như hàng chợ đông.

581

Có chi trọng đàn ong xóm bướm,
Nơi phồn ba đậm nhuộm màu gian.
Đừng quen kết lữ vầy đoàn,
Cửa thanh lâu những rộn ràng gió trăng.

585

Giấc phong nguyệt xem bằng túy mộng,
Vợ cùng hầu so sóng đồng thương.
Nhỏ thì trọng, lớn thì nhường,
Nơi cân quân tử ra trường đánh ghen.

589

Coi thân vợ như em nhỏ dại,
Dem lòng yêu phận gái đơn cô.
Đặng chồng dường thể đặng mỗ,
Chôn thầy cửa lạ, cậy nhờ ở ai?

593

Phải tôn kính cảnh mai đương nở,
Đừng xa hoa làm mớ hàng chơi.
Sánh mình mỏng mảnh thương người,
Rủi sanh phận gái khó cười với thân.

597

Gái mẹ dạy ân cần cho lắm,
 Đùng để mình lụy đến sông Tương.
 Bông dầu đẹp, khá gìn hương,
 Quý chi liễu ngô hoa tường trao duyên.

601

Đóng chặt cửa giữ nguyên trinh tiết,
 Trọng thân danh bền nét đào yêu.
 Phụng lâu gác quyển chờ tiêu,
 Gieo cầu cho đáng, nhiều điều gói gương.

605

Đùng đứng dựa sông Tương nhắn khách,
 Đùng trông trăng hỏi ngạch Cung Thiềm.
 Đùng đề thi lá thơ chim,
 Cầu hôn để phụng đến tìm cung loan.

609

Con khá nhớ hồng nhan phận mỏng,
 Đùng làm cho thẹn bóng trăng xuân.
 Hồng quần tài sắc đa truân,
 Vào vòng bạc phận, chi mong trọn nguyên.

613

Hoà phong nhụy cung Tiên cũng mến,
 Gấm lót đường trọng tiếng cũng nhớ.
 Nhà vàng phận quý khi thơ,
 Gót sen dầu lịch cũng nhờ về xuân.

617

Đừng cho nhiễm lấm thân thực nữ,
Chốn phòng the cứ xử rèm là.
Vườn thu giấu dạng Hằng Nga,
Hải đường nở muôn mặt mà ái phong.

621

Phàm phận gái đứng hàng khuê các,
Phải trau tría tướng hạc hình mai.
Chín tầng cửa đóng then gài,
Ra ngoài nghiêm nghị, trong bày đoan trang.

625

Đối với khách đồng bàn đồng tuổi,
Nhớ cho hay lời nói giọng cười.
Ngôn từ ngọt dịu thanh tươi,
Tiếng tiêu khải phụng phục người mới ngoan.

629

Gặp cơn rảnh nhà lan vắng khách,
Công chỉ kim, đèn sách học hay.
Trăm nghề dầu chẳng đủ tài,
Dệt văn Tô Huệ gỡ đày chinh phu.

633

Sửa từ nét ngày thêu tập tánh,
Trăm hạnh hay bởi tránh điều thô.
Xấu xa rách rưới lỏa lồ,
Đoan nghiêm tánh đức cũng cho gái lành.

637

Còn đương thuở tuổi xanh thơ bé,
 Rán theo cha học lễ học văn.
 Phép xưa tòng phụ đã rằng,
 Dựa thân cội tử đợi hàng trượng phu.

641

Thánh xưa dạy từ câu nói hiếu,
 Đạo thờ thân chăm khúu nên kinh.
 Tích xưa nhắc đến Đề Oanh,
 Thương cha nên phải bán mình kêu oan.

645

Bến nước gái mơ màng trong đục,
 Đếm mười hai họa phúc khó lừa.
 Xem cha cư xử mà ngừa,
 Phòng sau cho khỏi đổ thừa lỗ duyên.

649

Cao niên biết tuyển hiền đáng mặt,
 Khỏi lắm mưu kẻ giặc phong tình.
 Sự đời thấu rõ dạng hình,
 Trá ngôn lánh chước gia đình pháp nghiêm.

653

Đợi nơi cửa khách tìm thức ngọc,
 Dừng đỗ đường rời bốc đóa hoa.
 Trông người so sánh với ta,
 Lường tài cần sắc hiệp hòa mới nên.

657

Ai nam tử giữ bền tơ tóc,
Nhiều người hay lừa lọc câu thề.
Trước khen sau ắt có chê,
Ghi tâm tánh đức, kiếm bề phụ nhau.

661

Rủi để khách tóm râu tiết hạnh,
Tránh không qua nhẹ tánh nghi ngờ.
So mình nắm để tóc tơ,
Ngoài ra còn lắm hăng hồ lừa đời.

665

Nét xuân sắc mấy hồi là trọng,
Xuân lỡ rồi khó mộng xuân nguyên.
Thà cho đáng mặt thuyền quỳên,
Đừng làm cầm sắt ra duyên bỉ bàng.

669

Khi gặp đặng phải trang tài mạo,
Hoặc trao trâm đắp áo làm tin.
Thì toan giữ vẹn chung tình,
Đưa thoi đừng để lỗi mình nữ trung.

673

Đến lúc đã chung phòng hòa hiệp,
Phải từng phu là phép xưa nay.
Mạnh Quang tích trước ghi tài,
Tề mi vẹn đạo chẳng nài khổ thân.

677

Vợ Châu Công đình thần mạng phụ,
Ở thôn quê lam lũ làm ăn.

Chồng thì triều nội cao sang,
Vợ lo canh cử cơ hàn tấm thân.

681

Giúp chồng trọn ân cần nhiếp chánh,
Mối nên trang chúa thánh tôi hiền.

Vợ không tham những kim tiền,
Chồng lo trọn đạo nắm quyền chấn dân.

685

Phạm trọng Yêm mấy lần xa vợ,
Nợ quân vương nhiều thuở truân chuyên.

May duyên gặp đặng vợ hiền,
Thanh liêm chánh trực giữ bền lòng son.

689

Phải cần nợ cách non cũng gặp,
Lỡ trái duyên vôi gặp ra hư.

Con xem từ trước đến chừ,
Đáng anh hùng gặp anh thư mấy người?

693

Dầu đẹp xấu để đời luận biện,
Vui duyên con, thân miễn an vui.

Đừng chê chồng phận thiệt thời,
Đáng danh quân tử phải người lang quân.

697

Chữ hằng dạy thanh xuân bất tái,
Vợ người rồi danh gái hết kêu.
Nơi gương đức tánh Nhị Kiều,
Dở dang Du Sách, giữ điều tiết trinh.

701

Hễ thất nghĩa rẽ khinh kim cải,
Khó tưới hoa trở lại thanh tươi.
Hư nên cũng có một đời,
Hay chi thay đổi nhành mai sái mùa.

705

Tri âm ví đáng dây cầm nguyệt,
Đừng đem tình chí thiết giao hoan.
Căn duyên dầu có phụ phàng,
Cũng do tiết giá mở đàng ngại lo.

709

Trai bậy thiệp cũng cho chẳng hại,
Gái lộn chồng đã hoại tánh danh.
Con coi phận mẹ mỏng mảnh,
Chánh thê nay lại sánh mình thú thê.

713

Muốn còn phước dựa kê quân tử,
Phải hạ mình đặng xử vuông tròn.
Chia chồng vì dạ sắt son,
Nhịn chồng bởi chút sắp con cái nhà.

717

May tiểu thiệp biết hòa biết thuận,
 An thân chồng đẹp xứng nợ duyên.
 Rủi ro gặp gái bán thuyền,
 Loạn gia phải chịu thảm phiền lắm cơn.

721

Thà thấy dạng còn hơn hiu quạnh,
 Nên cần rặng nhin nhín tình thương.
 Ai đời thất dạ mà lường,
 Bưởi bòng bụng gái vẫn thường giống nhau.

725

Cội thung thấy càng cao tuổi hạc,
 Nhớ liễu mai chéch mác mà đau.
 Trường đình giục thảm canh trâu,
 Gối còn nửa nguyệt đỡ đầu phòng thu.

729

Con quốc quốc chưa âu đổi bạn,
 Máu đỏ quyên đời mãi kiếp sanh.
 Trượng phu hà hải đã đành,
 Nữ nào dầy thiệp một mình tương tư.

733

Chiêu Quân chịu già từ đất Hôn,
 Thân cống Hồ ngắt ngưỡng tha bang.
 Thiếp nay cũng giống như nàng,
 Thân Hồ tâm Hôn đôi đàng khó nguyên.

737

Còn Tinh Vệ lấp phiên biển ái,
Đòi trả chồng hà hải sóng chôn.
Thiếp thân như ốc mượn hồn,
Sống không biết sống, chết còn ngậm đau.

741

Nơi Phiên quốc xôn xao lượng thảm,
Hạnh Ngươn xưa đã dám hy sinh.
Cũng như thiếp nặng khối tình,
Gãy trâm Lương Ngọc, bể bình Lý Uyên.

745

Dầu chàng có vui riêng quên thiếp,
Thiếp cũng lo tội nghiệp thân chàng.
Đậm hương cho toại hồng nhan,
Gẫm thân có lúc khốn nàn ốm o.

749

Thương chi thật con đồ đưa khách,
Nghĩa chi nông những cách bán duyên.
Còn thân còn mển còn quyền,
Hết ưa hết chuộng thì duyên hết nông.

753

Đây còn nổi bể bông thêm trẻ,
Hễ giao tình chẳng lẽ không con.
Hai vai gánh nặng thân mòn,
Cơn đau thất nghĩa, hầu hờn giảm thương.

757

Chẳng như thiếp nhớ ơn giải cấu,
 Mến từ khi mở nọ đào yêu,
 Trăm cay ngàn đắng cũng chiều,
 Quý thân quân tử, dám liều với thân.

761

Rẻ rúng bấy, hể cân cũng trọng,
 Quý bao nhiêu, hờ hững cũng khinh.
 Chàng thì nhẹ thể vì tình,
 Thiếp thì lo sợ lụy mình trượng phu.

765

Niềm âu yếm ai đâu rõ giá,
 Vui trăng hoa đối trá là thường.
 Ắn nhờ, ở tạm, mua thương,
 Tiếc chi những thói hoa tường buồn ong.

769

Trông tin nhận về đông mòn mới,
 Thả lá hồng biết hỏi nơi ai?
 Khỏi sâu càng chất càng dày,
 Chờ năm, năm lụn, đợi ngày, ngày qua.

773

Soi kính cũ mặt hoa đã nhú,
 Tóc hoa râm mà liễu ướm sương.
 Mùi chê dưới mắt chán chường,
 Còn duyên chi mộng đến đường tái hôn.

777

Thôi đành gởi tâm hồn gió tuyết,
Theo nương con cho hết tam tùng.
Hoặc là tròn nghĩa thủy chung,
Hoặc là chia dạ não nùng với con.

781

Ngắm đường thế đã mòn vinh nhục,
Đổi thay duyên đặng phúc hạnh gì.
Lánh buồn lại lạc lối bi,
Rẻ duyên kim cái, đem bì phấn hương.

785

Liếc mắt ngó vào trường phong nguyệt,
Mua trận cười nào tiếc ngàn vàng.
Chùng cơn phấn lạt hương tàn,
Núm mồ bạc mệnh bên đàng cỏ chôn.

789

Nào những khách đoạ trường kim cổ,
Bởi trái duyên nên lỗ gót trần.
Bán xuân khi đắt giá xuân,
Thu qua để thẹn hồng quần biết bao.

793

Hỏi đến khách sớm đào tối mặn,
Đon những trang ngọc cận hương thân.
Tặng nghe giá tuyết trong ngân,
Cớ sao bị nhiễm phong trần bởi đâu?

797

Bởi thuyền bá sóng xao biển ái,
 Bởi non thê sương trải lạnh lòng.
 Bởi chàng phụ tấm tình chung,
 Bởi tơ duyên cũ, tơ hồng hết xe.

801

Bởi nhan sắc không khoe không mận,
 Bởi hơi đồng không thẳng không kêu.
 Bởi quen mùi vị phòng tiêu,
 Bởi ong kiếm dựa vườn điều đổi hương.

805

Bởi hoa chạ bên đường dễ hái,
 Bởi buồn hương nặng ngãi nhiều hơn.
 Đờn hay vắn lăm trọc lờn,
 Bởi hơi cầm sắt ra trường ca xang.

809

Bởi vào trướng ra màn hết vị,
 Bởi ngôi lơn lên kỷ hết nông.
 Nên ưa mèo mả gà đồng,
 Bởi hình loan phụng dựa lồng chim xanh.

813

Bởi mến cảnh đôi cành dài liễu,
 Bởi ưa hoa bện bện dài hoa.
 Bởi ham nguyệt rạng lánh nhà,
 Bởi chong buồn bực lập lòe rèm thu.

817

Bởi quen mặt đào châu bót đẹp,
Bởi nhìn thường hoa ép liễu này.
Chê vành xuân hết bịu mai.
Kiếm đường hỏi liễu Chương đài bao mươi.

821

Bởi cửa tía bóng trời nồng nực,
Bởi hiên thu gió chạt đường ong.
Cánh hồng quen với cuông phong,
Nước non thế giới vẫy vùng tinh trắng.

825

Bởi cung Quảng bóng Hằng nhấp nhóa,
Bởi đèn Ngô nghe gã Tây Thi.
Bởi ham bóng sắc hơn chì,
Mỹ nhân thấy dạng kể gì đến duyên.

829

Quen xa mã chê thuyền là chậm,
Đã mùi chàm gọi thắm là hơn.
Ca hay quên hẳn giọng đồn,
Một đêm túy mộng sánh hơn gập vàng.

833

Nơi tửu điểm nhà lang khác hẳn,
Vợ chồng thường ít sẵn chiều thương.
Trà mi kém sắc hơn hường,
Tiếng cười Bao Ty hơn hờn Phan Vương.

837

Thiếp biết phận cánh bướm dưới gió,
 Đã khổ đời chịu khổ cùng đời.
 Thuyền nan sợ sóng dòng khơi,
 Khúc quanh eo hẹp, chiều thời khúc quanh.

841

Soi bóng nước đặng nhìn thấy dạng,
 Thấy nghi dung hết mặt nét ngài.
 Chẳng còn yếu điệu hình mai,
 Da môi tóc đã ướm thay nửa vàng.

845

Mảng gương vui cùng đàn cháu dại,
 Chỉ lời hay sự phải khuyên răn.
 Tóc xanh là bạn mày nhẵn,
 Nên ba dạy cháu biết bằng năm mười.

849

Khóc của mẹ pha cười của trẻ,
 Chậm của già đổi lệ của tơ.
 Ngắm coi cái nhỏ bây giờ,
 Nhớ trong cái lớn mịt mờ chiêm bao.

853

Nường con gậy ra vào lùm cụm,
 Lưng gối dùn lưng thừng bước đi.
 Thôi gần hết kiếp còn gì,
 Co tay đếm tuổi quá kỳ tri Thiên.

857

Bỗng tiếng sấm gân bên tai nổ,
Nghe tin chàng mệnh số du Tiên.
Ôi thôi trời động đất nghiêng!
Chết chàng hồn thiếp chơi miền Âm cung.

861

Khi tỉnh giấc còn trong vòng tục,
Mới biết thân ít phúc hơn chàng.
Giá chi một mảnh xương tàn,
Đày cho thiếp nối đoạn tràng tử ly.

865

Một thân góa tang y lại mặc,
Chống gậy lê nhúc nhắc đưa linh.
Đầu sương chất trắng khối tình,
Bao nhiêu ân ái trong mình tử thi.

869

Ngó vạ vật cũng kỳ lẽ chết,
Nghe non sông như hết khí sinh.
Hỏi ta có sống thật tình,
Hay là giấc mộng Diêm đình đưa nhau.

873

Xem cây cỏ như màu thảm đạm,
Ngó thú cầm dường cảm đau thương.
Đất nhà cảnh vật ruộng vườn,
Hình chàng như gấn nẻo đường vô ra.

877

Kìa đào lý tàn già đã cõi,
 Nhắc tượng chàng dựa cội trông hoa.
 Nào là trời lặn bóng tà,
 Đêm khuya chờ lụng canh gà thăm em.

881

Kìa cụm liễu gió đêm xao xác,
 Đám chim chiều tìm mát nghỉ ngơi.
 Ấy là nơi thiệp trao lời,
 Trăm năm khi hứa nửa đời buổi nay.

885

Kìa đầu rừng chòm mai đua nở,
 Trước xem màu hớn hở như nay,
 Có sao như ủ như vầy,
 Hay là nhắc thiệp những ngày trao tơ.

889

Kìa lũ én dật dờ cánh liệng,
 Dựa chơn mây kêu tiếng nỉ non.
 Có sao người cũng vẫn còn,
 Chông ta thân mất hình chôn có nào?

893

Bây hồng nhận lao xao vịnh liễu,
 Đám cò ngà bận bịu gành khơi.
 Là nơi lúc đứng khi ngồi,
 Trông trăng hẹn biển, ngó trời thề non.

897

Kìa đường cũ bước mòn lãng tử,
Đám thú nhà dụ dụ bước chiều.
Ấy là nẻo thiệp đến kêu,
Chàng vào kéo trẽ quá chiều bữa cơm.

901

Kìa bến nước dập dồn sóng dợn,
Chỗ đôi ta vui giỡn khi thơ.
Cũng cây, cũng bãi, cũng bờ,
Mà sao buổi ấy bây giờ khác nhau?

905

Kìa nhịp cầu bên đầu khe nhỏ,
Đông chòm cây, Tây có triền bưng.
Ấy nơi đôi lứa gặp mừng,
Mà nay như nhắc mấy từng tường tử.

909

Kìa chùa cũ nóc hư muốn sập,
Nơi đôi ta lên gặp gỡ nhau.
Cớ sao cảnh tịnh ủa xào,
Hay là thấy thiệp mà sâu lẻ loi.

913

Bóng hải đường ta ngôi buổi nọ,
Bồng con thơ tìm ngõ nhà thầy.
Còn am tự, còn chùa mây,
Mà chàng đâu vắng, chốn này lạng trang.

917

Kìa cuối xóm mấy hàng trước tử,
 Nọ đầu làng chày lữ phơi sương.
 Ấy là nơi thiệp đến thường,
 Thăm chàng đang học nơi trường sân ngô.

921

Kìa xóm rẫy năm mô lỗ xố,
 Nơi đôi ta tảo mộ đập thanh.
 Gò đâu phút nổi thình linh,
 Nào dè chàng cũng đến giành một nơi.

925

Để thân thiệp mình ngòi hiu quạnh,
 Còn thân chàng tuyết lạnh nắng nồng.
 Đã đành bẻ gãy chữ đồng,
 Chia đôi thiệp xóm chàng đồng không hay.

929

Tiếng oan ường bên tai dan dúi,
 Gió đẩy đưa bờ liễu lao xao.
 Lạ nghe lời vật thế nào,
 Mà ra như tiếng chàng chào buổi xưa.

933

Nhành dâu khuất, bóng đưa mờ mịch,
 Cội tà dương như hết reo chiều.
 Hương tàn, gió tối hiu hiu,
 Dở chơn hỏi nợ buổi chiều nghĩ đâu?

937

*Ai sau gót giây lâu như nói,
Xin người thương tha lỗi khi xưa.
Giận đem đổi nhớ cũng vừa,
Trách mình nào có đổ thừa phụ duyên.*

941

*Phải buổi trước đừng phiên đừng oán,
Để nguyên tình uống cạn chén tình.
Làm chi rẽ nợ ba sinh,
Mà nay phải chịu một mình riêng thương.*

945

*Tội chàng trước tiêu đường tuyết giá,
Còn thiếp mang trọn cả lỗi chàng.
Lời phiên đổi lại tiếng than,
Thương kia bao nả lại càng thêm thương.*

949

*Đời vẫn ngủn huỳnh lương in giấc,
Kiếp phù sinh đặng thất nơi thân.
Còn thân sống chịu phong trần,
Dứt hơi dầu muốn trọn gân cũng xa.*

953

*Nếu thiếp trước biết hòa biết thuận,
Nhẫn ghen tương nhịn lẫn ân tình.
Chia thương ơn ấy đã đành,
Thứ thê chánh thiếp giữ giành chi duyên.*

957

Giọt lệ thiếp vì phiến mà chảy,
 Gẫm thương người chia dải đồng tâm.
 Ta than lỗi bậc cung cầm,
 Nàng sầu lạc nhận ngư trăm biển mê.

961

Vắng mặt chàng thiếp về kiếm kẻ,
 Chia tương tư đặng để nên tình.
 Vì chàng thiếp kết bố kinh,
 Giữ câu hải thệ sơn minh với nàng.

965

Mảng sầu muộn ngọn ngang trăm mối,
 Chùa thu không bóng tối mịt mờ.
 Oanh về tổ, đế reo tổ,
 Đường về vắng bước như tờ canh khuya.

969

Tiếng U Minh tí lia gọi thăm,
 Giọng kinh khua cửa Phạm dập dồn.
 Câu kinh tiếng kệ gọi hồn,
 Kêu thương khách tục, giải lòng người nhân.

973

Rón để bước đến gần điện Thánh,
 Nhìn tượng thờ lại ngảnh thân mình.
 Sao đó hiển, sao đó linh,
 Phải chăng trước cũng lụy tình như ta?

977

Đau đón thế nắn ra tượng Phật,
Lánh khổ nên vụng tắt cửa không.
Biết chẳng cái thâm mất chồng,
Xin cho thiệp dựa nơi lòng từ bi.

981

Hay sợ khổ sanh ly tử biệt,
Nên tìm phương dứt tuyệt nợ đời.
Biết chẳng tình ái của người,
Xin cho thiệp hiểu ít lời chơn ngôn.

985

Hay đã sợ thân mòn gối mỏi,
Mến ngày xuân mà tuổi không chờ.
Linh đình bể khổ dật dờ,
Xin cho thiệp gửi thân nhờ cửa không.

989

Hay đã sợ nắng nóng tuyết lạnh,
Cảnh đau thương khó lánh thân phạm.
Thuyền tình chịu sóng không kham,
Xin cho phận thiệp biển làm ni cô.

993

Buồn tình lóng nam-mô câu tụng,
Nhìn tượng cây rồi khủng cho thân.
Thân còn nương giữa phong trần,
Khổ kia còn đếm mấy lần mới thôi.

997

Rón rén trước Phật ngồi cúi gập,
 Máy lạy trình máy nấc tương tư.
 Mảnh thân xin gửi bấy chừ,
 Nường theo thuyền huệ vào bờ Tương giang.

1001

Lui chân kiếm con đường nhà nội,
 Lửa đốt nhen dẫn lối thâm trang.
 Mắt xem cái cảnh điêu tàn,
 Lòng thương dường đổ dẫy tràn khắp nơi.

1005

Tiếng dế giống như lời chia thảm,
 Ngọn đèn khuya nhấp nhoáng mùi thương.
 Thương vì trong kiếp đoạn trường,
 Cùng căn là chết ấy đường xưa nay.

1009

Một ngày sống là bày bước chết,
 Sợ chết nên không tiếc sống thừa.
 Đời không mển, thế không ưa,
 Lòng thương nảy nở cho vừa tốt tươi.

1013

Vì sợ chết mà người kiếm sống,
 Trong căn oan lại mộng tâm duyên.
 Già hay sợ, thế nên hiền,
 Khuyên đau giải thảm cõi phiên của ai?

1017

Một vật nhỏ cũng mài cũng gọt,
Của dầu hèn cũng mót cũng cần.
Giá kia nào kể nên chăng,
Tay chân chàng để cũng bằng báu châu.

1021

Thấy ai thăm lòng đau ái ngại,
Nghe kẻ sầu như cháy lòng thương.
Lau giọt lệ, giải tai ương,
Chia cơm nhịn muối đỡ đường khó khăn.

1025

Thấy ai thăm lòng vàng xót xáy,
Nghe kẻ sầu như cháy tâm can.
Lau giọt thảm, giúp tai nạn,
Nâng hình quân tử với hàng lụy chung.

1029

Khi ghen ghét không cùng hiệp mặt,
Nay thấy nhau mà bất động tình.
Hơn chi giành én giết anh,
Thuốc cứu khuấy bóng dựa cảnh chung nhau.

1033

Xem nét thảm, nàng đau như thiếp,
Trông tình chung mòn kiếp hồng nhan.
Phăng tâm dòm mảnh đoạn tràng,
Thì trong mấy khúc của nàng như ta.

1037

Sâu đã cháy mặt hoa ủ dột,
 Thảm đã tràn hình cốt héo don.
 Xuân mai ba bảy đã mòn,
 Cội thu thêm nảy mấy hoàn anh nhi.

1041

Tay bông con, tay thì diu trẻ,
 Cảnh gia đình quạnh quẽ không ai.
 Hương thê để trước vị bài,
 Châm đề thấy rõ những ngày biệt phu.

1045

Cặp liễn tang còn câu long ám,
 Hạc qui hồi lãnh đạm trần ai.
 Quả như chàng có chốn này,
 Tưởng khi đổ lụy châu mày với duyên.

1049

Hỏi đơn thử lời nguyên buổi trước,
 Gẫm thân nàng bạc phước như ta.
 Oán hình liễu, ghét mày hoa,
 Kiếp tu mỏng mảnh mới là nữ nhi.

1053

Giọt lụy đổ không chi ngăn nổi,
 Thương thân nàng chung với thân mình.
 Thương chàng đầy dẫy mộng mênh,
 Khối thương khó lấy gáo tình đem đong.

1057

Đôi mặt cách mà lòng vẫn một,
Khác tông môn hài cốt hòa chung.
Thề nhau trọn kết dải đồng,
Cám ơn chàng giúp mặn nồng nghĩa nhân.

1061

Chia gia nghiệp trong cơn khốn khó,
Hiệp đôi nhà con nhỏ làm chung.
Nầy là vẹn giống trọn dòng,
Nàng sanh thiếp dưỡng cũng đồng như nhau.

1065

Lập gia thất làm giàu con trẻ,
Định lúa đôi đủ thế cùng đời.
Nàng thì an phận an nơi,
Con thì đáng mặt đáng người với ai.

1069

Khi thông thả đặt bài trẻ học,
Lấy gương già gọi chọc sắp con.
Nhìn non chỉ nước làm hơn,
Mượn bầu tuế nguyệt giải hờn căn sanh.

1073

Cỏ huyên cắm kênh kênh đầu tuyết,
Con gậy lê mòn khuyết nửa cây.
Mắt mờ thêm nổi lảng tai,
Thất tuần đã quá từ ngày ấu xuân.

1077

Dò đơn hỏi bước rừng thiên cũ,
 Rằng Phật còn ngụ ở Lôi Âm.
 Tính niên rồi lại tử thâm,
 Con đường Cực Lạc biết tâm sao ra.

1081

Những vợ vẫn vào ra bến khổ,
 Trước mặt xem những chỗ sâu than.
 Đây là hình ảnh của chàng,
 Đây là tiếng khóc của đàn trẻ con.

1085

Này là chỗ thiếp còn niên thiếu,
 Đây là nơi chàng núu thiếp trì.
 Đây là buổi hiệp hôn ly,
 Đây là khi khóc khi thì cười mơn.

1089

Này là chỗ lời hơn tiếng thiệt,
 Đây là nơi cách biệt sanh ly.
 Đây là chỗ thiếp chẳng vì,
 Đây nơi chàng giận ra đi bỏ nhà.

1093

Này là chỗ đôi ta tái hiệp,
 Đây là nơi vừa kịp hòa vui.
 Đây là chỗ thiếp đương ngồi,
 Tin nghe chàng đã qui hồi Tiên bang.

1097

Các chỗ ấy đầy tràn thảm tìn,
Càng ở gần khó nhìn sâu than.
Cam tâm nín nấp gia đàn,
Vì con chưa giữ vững vàng qui mô.

1101

Nay tuyết đóng song hồ động lãnh,
Đành cửa không gởi mảnh tâm hôn.
Tiếng chuông thức giấc huỳnh lương,
Toan nương thuyền huệ vào đường vĩnh sanh.

1105

Bước cảnh tịnh đã đành để cảnh,
Tóc qui y nửa trắng nửa vàng.
Phồn hoa xa mã rộn ràng,
Vinh vinh nhục nhục đầy tràn kiếp căn.

1109

Ngắm thế cuộc chẳng bằng một giấc,
Kiếp phù sinh đặng thất là bao.
Nhặng là đeo thảm chác sâu,
Tóc xanh cho tôi bạc đầu cũng in.

1113

Nào là phép giựt giành quyền lợi,
Nào là phương chuộng quới cầu vinh.
Thử đem sánh khổ kiếp sanh,
Chưa ai thấy đặng phúc giành nhiều hơn.

1117

Nào vui gương do cơn khóc lỡ,
 Nào là khi chịu tở làm thầy.
 Quyền là chi? Lợi là chi?
 Dứt hơi ba tấc có gì gọi hay.

1121

Nào là lúc ăn cay uống đắng,
 Nào là khen rồi mắng bao phen.
 Tuồng đời trọng trọng hèn hèn,
 Chẳng qua bướm tối mẩn đèn xông xao.

1125

Nào chữa để biết bao khổ nhọc,
 Nào hơn thua theo học sách đời.
 Tang thương lúc biến khi dời,
 Trăm năm e cũng một đời thế thôi.

1129

Nào tranh đấu thắng rồi lại thất,
 Của phù du chứa chất gọi giàu.
 Thân còn đã quý là bao,
 Dứt hơi của cải thế nào không hay.

1133

Thiệt thì bỏ, giả vay nên nợ,
 Mãn căn sanh chưa mở dây oan.
 Kia là vua, nợ là quan,
 Cũng như bọn hát hý tràng bán vui.

1137

Sống thấy chết, miệng cười mắt khóc,
Nịnh lừa trung, lưỡi thọc tay đâm.
Cũng như ác thú nhốt hãm,
Ăn nhau cho đã nào cần mệnh nhau.

1141

Muốn lấy đao làm đao hại thế,
Toan dùng vãn gọi kẻ sanh nhai.
Đường hung ác, nẻo chông gai,
Lấn chen vào chốn nghiệt đài gọi ngoan.

1145

Mạnh hiệp yếu lấy gan hung bạo,
Dữ lấn hiền gươm giáo là hơn.
Nhặng lo chác oán mua hờn,
Hại nhau chẳng biết nghĩa hơn thế nào.

1149

Thấy cảnh thế mà đau với thế,
Biết thương đời mấy kẻ vì đời.
Ngán thay cái kiếp con người,
Thôi đành bến Phạm kiếm lời Phật răn.

1153

Thay đao phục bước xãng lánh thế,
Mời thì kinh, tối kệ giải lòng.
Từ bi hứng giọt lành dương,
Lau thanh trái chủ, lấp đường nghiệt căn.

1157

Đoạn tình ái đem quăng bể khổ,
 Bút hồng duyên tính bỏ non thê.
 Nầy bờ tục, nọ bến mê,
 Từ đây không trở lộn về thấy người.

1161

Vì thấy đó phải cười lộn khóc,
 Sách của người chẳng học mà say.
 Cửa người cửa đọa cửa đày,
 Ghét người ta dứt từ ngày buổi ni.

1165

Lần chuỗi hột từ bi cứu khổ,
 Nường gió thanh trăng tỏ là nhà.
 Nước non để bước ta-bà,
 Sô xiêm đem nhuộm màu dà gọi duyên.

1169

Trương thẳng cánh con thuyền Bát Nhã,
 Cối đau thương giải quả trừ khiên.
 Lấy thân rửa thâm lau phiền,
 Đem công chuộc khách thuyền quyền lụy tình.

1173

Túi gió trăng thình thình rộng mở,
 Vui hạc cầm hay dở thú riêng.
 Khi động Thánh, lúc non Tiên,
 Sớm thì Hải đảo, tối miền Thiên Thai.

1177

Đạp giày cỏ nương cây gậy bá,
Mặc áo tơ nón lá che thân.
Trừ trần cấu, xử phát trần,
Quen bờ biển trí, dựa gân non nhân.

1181

Đến phen hoa thân gân tục lự,
Chơi lâu hồng hỏi thử trái căn.
Chuỗi bỏ trừ nghiệt gió trăng,
Linh đờn cứu kẻ khổ phần liễu hoa.

1185

Gót nhân ái đến nhà kẻ bệnh,
Giọng từ bi thức tỉnh hung tâm.
Giữa cơn náo loạn trời cầm,
Lấy hơi hòa nhã dẹp lần bỉ thô.

1189

Giúp những kẻ ôm mờ thủ hiếu,
Dỗ những trang bận bịu khối tình.
Dọn đường phước giúp may xanh,
Đưa con thuyền hạc đến gành thiên lương.

1193

Tươi hoa chạ bên đường vô chủ,
Đầy giậu thưa cúc xử mai xào.
Bó lòng thâm, dệt tâm đau,
Nâu sống cây phép đổi màu anh hoa.

1197

Câu tư dục biến ra bác ái,
 Nghiệp oan khiên đổi lại hồng ân.
 Khi kinh Thánh, lúc kệ Thần,
 Đoạn trường diệt dứt nợ nần nữ lưu.

1201

Lầu xanh giảm màu tu trở vẻ,
 Cửa không môn mở hé chơn hồng.
 Thu phòng học chúc thu không,
 Đốt hương cho ấm cho nồng phòng tiêu.

1205

Đưa tuổi hạc quen chiều non nước,
 Mượn bút nghiên làm chúc chề đời.
 Nâng bầu nhứt nguyệt lưng vơi,
 Dành gương liệt nữ để lời trinh phu.

1209

Nắm huệ kiếm định trâu trâu chủ,
 Mặc đạo y sạch giữ phồn hoa.
 Nơi bến khổ để bước già,
 Xuân xanh noi dấu xây tòa anh phong.

1213

Cột thân ái cậy lòng đạo đức,
 Gãy từ tâm gắng sức ôn nhu.
 Nung trang trí thức nữ lưu,
 Biết thân giữ mặt hảo cừu giai nhân.

1217

Giỏi trí thức tinh thần đẹp dễ,
Trau tài ba vẹn vẻ anh thư.
Vinh thì chuộng, nhục thì từ,
Cân cao tính thấp đặng trừ thiệt hơn.

1221

Nước Ma-Há rửa hờn nhi nữ,
Chuỗi bồ đề gìn giữ hồng nhan.
Cây trăm thuốc đổi hương tàn,
Treo y bá nạp làm màn phòng the.

1225

Để chuông mõ dựa kê son phấn,
Chất nhờn tình chồng cận kê kinh.
Tâm ẩn ái giúp Chí Linh,
Biển mê chèo chiếc thuyền tình độ nhân.

1229

Lấy tâm chánh làm cân đong thế,
Cây lòng lành làm kế diu đời.
Chông gai vạch bước thành thời,
Cầm phương cứu khổ độ người trăm luân.

1233

Vẹn nhờn đạo, đi lần nẻo chánh,
Đến vô ưu đặng lánh nhờn luân.
Thuyền con mệch mệch như rừng,
Đon đường Thánh đức, hỏi chừng Như Lai.

1237

Am tị đóng chặt gài bước tục,
 Nước Cam lồ cho phúc tiêu diêu.
 Oan trái dứt, nghiệp chướng tiêu,
 Cảnh vui Cực Lạc mỹ miều về tâm.

1241

Lánh bợn tục tình thâm cũng tránh,
 Trốn đau thương xa cảnh trần gian.
 Biến thân hạc nội mây ngàn,
 Năm phan Tiếp Dẫn, mở đàng Lô Âm.

1245

Nơi cảnh tịnh âm thâm vui thú,
 Đem tấm tình để ngụ đài sen.
 Thông dong quạt gió trăng đèn,
 Nhà dương làm bạn, sách hiền gọi quen.

1249

Bế ngũ quan, không kiêng tục tánh,
 Diệt lục trần, xa lánh phạm tâm.
 Mệnh Thiên giữ vững tay cầm,
 Đoạt phương tị diệt giải phần hữu sanh.

1253

Linh linh, hiển hiển, khinh khinh khứ,
 Sắc sắc, không không, sự sự tiêu.
 Chơn linh đẹp đẽ mỹ miều,
 Xuất dương sớm đã đến triều Ngọc Hư.

1257

Ngũ khí thanh diệt trừ quả kiếp,
Linh quang đầy đặn tiếp hồng ân.
Xác tại thế, đã nên Thân,
Ba mươi sáu cội đặng gần Linh Thiên.

1261

Hiệp Tạo hóa cầm quyền chuyển thế,
Dạy vạn linh dụng thế từ bi.
Sanh ấy ký, tử là qui.
Diệu huyền cơ tạo chẳng gì gọi hơn.

1265

Chữ mới rõ nguồn cơn kiếp sống,
Tắc thầy phạm rất mỏng số căn.
Ham phương cứu thế độ nhân,
Giải mê khách tục, cội trần lánh xa.

1269

Lấy bác ái làm hòa vạn vật,
Đem thiện duyên xây nấc thang hồng.
Đoạn căn đóng chặt Âm cung,
Tòa sen chín phẩm để cùng Phật tâm.

1273

Trăm tuổi sống chẳng làm tuổi sống,
Một kiếp sanh chưa trọng kiếp sanh.
Thay thân Tạo hóa là mình,
Nâng niu sanh chúng mới đành chữ hơn.

1277

Ngồi mà lóng tiếng đờn vô cực,
 Phước siêu thăng đặng thất nơi ta.
 Biết coi thế giới như nhà,
 Sống nên Chí Thánh, thác là Thân Tiên.

1281

Thiếp nhờ Đạo giải phiền diệt khổ,
 Biết may duyên lựa chỗ gởi tâm.
 Tìm đâu đặng kẻ tri âm,
 Ôm thương đem gởi cảnh Thân cửa Không.

1285

Càng ngó trái lại miền thế tục.
 Lụy nhỏ dầm đòi khúc lòng đau.
 Ái ân, ân ái là sao?
 Đày thân lắm khách má đào gian truân.

1289

Chịu mòn mỏi mảnh thân nhi nữ,
 Cũng toan lo gìn giữ khối tình.
 Trăm năm dầu sống mảnh hình,
 Thì trong tâm lý đã đành tiêu tan.

1293

Nào những mộng nợ chàng duyên thiếp,
 Nào những mơ ý hiệp tâm đầu.
 Duyên là đâu, nợ là đâu?
 Chẳng qua biển khổ bắc cầu sông mê.

1297

Khối thâm chất tràn trề bể hên,
Giọt đau thương quá chén hiệp phu.
Hễ là trí, ấy là ngu,
Càng say âu yếm càng sâu nhớ thương.

1301

Khách má phấn môi son đậm sắc,
Đặng đem mỗi trêu mặt ác phong.
Đâu chữ tiết gọi là đồng,
Lời than tiếng thiết để lòng trăm năm.

1305

Chẳng qua khách ăn nằm quán tục,
Vẫn một ngày, lâu chút trọn đời.
Hỏi ai thỏa chí ai ơi?
Tra phòng hiệp cận, bao hồi khóc riêng.

1309

Một câu mển gieo phiến muôn tiếng,
Đôi lời phân ngàn miệng xa xôi.
Hỏi ai trộm đứng lên ngồi,
Những cay những đắng cái mùi ra sao?

1313

Tính để viết khuyển rào tiết ngọc,
Thì sợ e gheo chọc si tình.
Còn không để trọn lời lành,
Lại e cho gái nhẹ mình nữ trung.

1317

Toan để bút ngăn vòng chồng vợ,
 Thì lại e nghịch nợ tiền khiên.
 Còn không lưu lại lời hiền,
 Mưu chi gỡ nổi thâm phiền đạo thê.

1321

Thấy trẻ gái dâm dề lụy đổ,
 E cho sau chịu số như già.
 Muốn khuyên đâu Phật xuất gia,
 Lại e để hại nước nhà khuyết dân.

1325

Thấy nhi nữ kiếp căn mỏng mảnh,
 Muốn binh lời làm mạnh đỡ nâng.
 Lại e lỗi đạo nhưn luân,
 Dở dang gia pháp, vương thần loạn ngôi.

1329

Gẫm thân gái trọn đời cực nhọc,
 Tính buông câu gọi chút nghỉ ngơi.
 Lại e sai thế lỗ thời,
 Giúp nam nhân chẳng có người trọn tâm.

1333

Nghĩ phận vợ ngàn trăm đau đớn,
 Sanh để còn nuôi dưỡng nhọc nhằn.
 Muốn khuyên giảm bớt ái ân,
 Lại e giục kẻ Tấn Tần chia phôi.

1337

Nên ngậm thắm đặng ngời nuốt thắm,
Toan buông lời, chẳng dám hở môi.
Lén xem sự thế ngậm ngùi,
Nguyễn trông chỉ đợi phép Trời dạy khuyên.

1341

Tay lịch sự tự nhiên chê sự,
Lòng đa tình vẫn cứ vị tình.
Biết từng quyền hiểu chấp kinh,
Tìm phương hay gửi lấy mình cửa tu.

1345

Những thảng mảng thảng thâu năm lụn,
Sớm công phu, tối tụng vãng sanh.
Đã quen cảnh Phạm lánh mình,
Nên phương nhờ bởi đoạn tình ái yêu.

1349

Nghe một sự, hiểu điều khác nghĩ,
Trong thất tình tiêu hủy không không.
Hết ham danh, chẳng mến công,
Xem hình lẫn lộ, bụi nong thế gian.

1353

Cây trăm thuốc bắc thang bến khổ,
Hoa bốn mùa thơm chỗ nhóp nhơ.
Vui đọc truyện, buồn ngâm thơ,
Non Vu lấp nẻo, đàn tơ dỏ mùi.

1357

Đếm thử tuổi tám mươi đã quá,
Giác Nam Kha giục già tỉnh mê.
Tâm thần mỗi mệt ủ ê,
Khởi sanh khi đã gần kề dứt hơi.

1361

Khổ bệnh thấy trên người đã quá,
Buổi vãng sanh giục già kêu hôn.
Tỉnh say trong kiếp dương môn,
Nửa thì thấy cảnh hoàng hôn mộng hình.

1365

Muốn gặp mặt thâm tình gửi trời,
Nhưng lỡ bề vì buổi đoạn từ.
Khôn nhận tín, khó hồng thư,
Viết quơ chẳng nổi, giấy như tránh đề.

1369

Muốn nhắm mắt một bề cho khỏe,
Những tình hình mọi vẻ trên người.
Khi thì khóc, lúc thì cười,
Bao nhiêu tình nghĩa một đời thoáng qua.

1373

Tám chục năm lâu xa cách mấy,
Trong giấc mê xem thấy ngắn thay!
Ba vạn sáu ngàn ngày,
Cõi dương gian với tuyền đài gần nhau.

1377

Nhớ con cháu còn lâu kiếp sống,
Dầu gặp hình như bóng sá chi.
Dở hồn phách, yếu thân thi,
Dậy ngồi chẳng nổi, bước đi không rời.

1381

Gắng cầm viết nín hơi sống rớt,
Đề năm vẫn khắc cốt nữ lưu.
Dứt tình ái, giải sầu ưu,
Hễ thương thì cũng lo mưu giữ mình.

❧ Thi ❧

1385

Giữ mình dầu vẹn tấm tình chung,
 Danh tiết nữ lưu ở phụ tùng.
 Mặt biển khổ đời dào ái thủy,
 Đầu non thể hủy hoại hương hồng.

1389

Mây xanh khá nhớ cơn đầu bạc,
 Ngọc trắng đừng cho nhiễm bợn bùn.
 Khí tượng anh thư gìn lẫn giá,
 Giúp đoàn nhi nữ mở non sông.

1393

Rán quá sức cần phong thí nhận,
 Đường say mê lơ lảng tinh thần.
 Sấn tay thêm một chữ: Thân,
 Để dành gỡ khổ đoạn tràng hồng nhan.

1397

Buông ngọn viết vào làn mây trắng,
 Hễ có thương nhớ dạng là hơn.
 Cảnh Thiên gợi tấc hương hồn,
 Đề câu tiết nghĩa vĩnh tồn hậu lai.

1401

Đời đời danh chói CAO-ĐÀI! ■

NỮ TRUNG TÙNG PHẬN

ĐOÀN THỊ ĐIỂM

Giới Thiệu & Chú Thích

ĐỨC NGUYỄN

GIỚI THIỆU TÁC PHẨM NỮ TRUNG TÙNG PHẬN

NỮ TRUNG TÙNG PHẬN LÀ MỘT TÁC PHẨM ĐỘC NHẤT VÔ NHỊ TRONG KHO TÀNG VĂN CHƯƠNG VIỆT Nam, vì nó không do một con người bằng xương bằng thịt nơi cõi phàm trần sáng tác, mà do một Đấng Nữ Tiên nơi Thượng giới dùng huyền diệu Tiên gia trong Đạo Cao Đài giảng cơ viết ra.

- ▣ Đấng Nữ Tiên đó là Nữ sĩ Đoàn Thị Điểm mà Chơn linh là một Tiên Nương nơi Diêu Trì Cung của Đức Phật Mẫu.
- ▣ Đây là một tác phẩm giáo dục, dạy Nữ phái về Nhơn đạo và Thiên đạo. Nhơn đạo gồm Tứ Đức và Tam Tùng. Khi Nhơn đạo xong thì người phụ nữ cần tiến lên tu Thiên đạo, cầu sự giải thoát khỏi luân hồi.
- ▣ Trong thời Hạ nguơn Mạt kiếp, khoa học tiến bộ vượt bực, làm cho nền văn minh vật chất lấn át cả tinh thần, đưa nhơn loại xu hướng vào đường vật dục hơn là đạo đức tinh thần, làm cho nền tảng đạo lý suy đồi, luân thường diên đảo.
- ▣ May mắn cho nhơn loại, Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế giảng trần mở Đạo Cao Đài để cứu vớt nhơn sanh, lập nên 5 nấc thang tiến hóa cho nhơn loại, mà khởi đầu là Nhơn đạo, tiến lên kế trên là Thần đạo, rồi Thánh đạo, Tiên đạo và nấc thang thứ năm là Phật đạo.
- ▣ Trong phần Nhơn đạo, Đức Chí Tôn chủ trương “*Nho Tông Chuyển Thế*”, nghĩa là lấy tinh hoa của

giáo lý Nho giáo làm căn bản để giáo hóa nhơn sanh, chỉnh đốn kỷ cương xã hội, khiến cho đời dần dần trở nên thuần lương đạo đức, đưa xã hội loài người tiến đến hòa bình Đại đồng Huynh đệ.

- ▣ Trong chiều hướng đó, nhiều Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật, giáng cơ giáng dạy về Nhơn đạo, trong đó có Tiên Nương Đoàn Thị Điểm giáng cơ viết nên tác phẩm **Nữ Trung Tùng Phận** có mục đích giáo hóa Nữ phái, lấy Nhơn đạo làm nền tảng. Người phụ nữ cần phải trau dồi Tứ Đức, thực hành Tam Tùng, giúp chồng làm nên sự nghiệp, dạy dỗ con cái thành nhơn chi mỹ, hữu ích cho xã hội. Khi đã xong phần Nhơn đạo thì nương theo bóng Đức Chí Tôn tìm lên những nấc thang tiến hóa cao hơn là Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo và Phật đạo, mà vượt qua bể khổ, thoát đọa luân hồi.
- ▣ **Nữ Trung Tùng Phận** là một áng văn chương tuyệt tác siêu phàm, được Đoàn Tiên Nương giáng cơ viết ra gồm 1401 câu thơ song thất lục bát, cùng một thể thơ với tác phẩm Chinh Phụ Ngâm. Đó là một lối thơ Việt Nam rất sở trường của Bà.
- ▣ Tiên Nương Đoàn Thị Điểm viết **Nữ Trung Tùng Phận** với tất cả kinh nghiệm sống của Bà trong suốt kiếp sanh nơi cõi trần: Làm con trong gia đình phụng dưỡng cha mẹ già, làm em giúp đỡ lo lắng cho anh chị và các cháu, rồi làm vợ, làm mẹ (mẹ nuôi), cộng với sự thông huệ của một bậc Thiên Tiên nơi cõi thiêng liêng, nên tác phẩm **Nữ Trung Tùng Phận** xuất sắc hơn nhiều so với Chinh Phụ Ngâm về phương diện nhẹ nhàng thanh thoát, đầy lòng bác ái vị tha.

- Tiên Nương Đoàn Thị Điểm giảng cơ viết **Nữ Trung Tùng Phận**, khởi đầu vào đêm 26-2-Quý Dậu (dl 21-3-1933) tại Giáo Tông Đường Tòa Thánh Tây Ninh, sau đó Bà yêu cầu hai vị Phò loan là Đức Phạm Hộ Pháp và Ngài Tiếp Thế Lê thế Vĩnh tiếp tục phò loan mỗi đêm để Bà tiếp tục viết cho xong tác phẩm.
- Xin chép ra sau đây bài giảng cơ đầu tiên:
- **Giáo Tông Đường, đêm 26-2- Quý Dậu (dl 21-3-1933).**
- Phò loan: Hộ Pháp – Tiếp Thế
- Hầu đàn: Đức Q. Giáo Tông, Giáo Sư Ngọc Trọng Thanh, Giáo Hữu Thượng Trí Thanh.
- Hầu bút: Sĩ Tài Võ thành Quốc.

ĐOÀN THỊ ĐIỂM TIỀN TRÀO NỮ SĨ

- Đức Quyền Giáo Tông hỏi: *Có phải Bà viết ra quyển Chinh Phụ Ngâm chăng?*
- *Phải. Tùng Thất Nương.*
- Đức Quyền Giáo Tông hỏi tiếp: *Sao trong quyển Quốc Văn Trích Điểm ghi Bà họ Nguyễn?*
- *Chánh tông Đoàn, cải tông Nguyễn.*
- Đức Quyền Giáo Tông nói: *Anh em tôi rất mừng Bà và sẵn đây xin Bà cho thi đăng dạy Nữ phái.*
- Xin nghe: **Nữ Trung Tùng Phận.**

*Dụng văn hóa trau tria nữ phách,
Lấy kinh luân thúc thách quần hồng.
Gươm thư giúp sức gươm hùng,
Điểm tô nghiệp cả con Rồng cháu Tiên.
Bồi rẻ rúng thuyên quyên thiếu học,
Dầu chí thân tơ tóc cũng khi.*

*Tinh thần cao thấp nhờ thi,
Dục tài nữ sĩ sánh bì cùng nam.
Chinh phụ trước treo nên giá quý,
Áng văn làm nhuệ khí cầu vinh.
Thêm duyên chước quý giao tình,
Mỹ ngôn nương ý gia đình an vui.
Nấu kinh sử ra mùi son phấn,
Cầm bút nghiên đặng thắm má đào.
Quần xoa đỡ ngọn binh đao,
Xây hình thực nữ giặm màu nước non.*

- Xin phò loan kỳ sau tiếp, Thăng.
 - Qua nhiều lần phò loan cho Bà viết tác phẩm Nữ Trung Tùng Phận, khi thì phò loan ở Giáo Tông Đường, khi thì ở Hộ Pháp Đường, Bà viết được khoảng 1000 câu thơ thì cơ không viết được nữa. Đức Phạm Hộ Pháp biết rằng Bà đã viết xong phần Đồi (Thế), bắt đầu viết sang phần Đạo, cần phải có một vị Thời Quân chi Đạo phò loan thì Bà mới viết được. Do đó, Đức Phạm Hộ Pháp hỏi Bà để đánh điện tín qua Nam Vang gọi Ngài Cao Tiếp Đạo về Tòa Thánh phò loan cho Bà viết tiếp, thì Bà trả lời là khỏi cần đánh điện tín, ngày mai Tiếp Đạo sẽ về tới Tòa Thánh.
 - Quả thật, chiều hôm sau, Ngài Cao Tiếp Đạo về tới Tòa Thánh, và ngay tối hôm đó, Ngài Cao Tiếp Đạo phò loan với Đức Phạm Hộ Pháp, thì Bà viết tiếp Nữ Trung Tùng Phận cho đến hết, gồm tất cả 1401 câu thơ, hoàn thành tác phẩm vô cùng giá trị này.

- ▣ Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo ngày 26-10-Tân Mão (dl 24-11-1951) có nói về Bà Đoàn Thị Điểm như sau:
- ▣ *Khi Bà Đoàn Thị Điểm qui vị, bị ngôi nơi Thanh Tịnh Đại Hải Chúng, nhờ Cô Thất Nương xuống độ Bà về Lô Âm Tự, rồi nhờ Bà viết ra một cuốn Nữ Trung Tùng Phận, Bà mới siêu thoát được.”*
- ▣ Như vậy, dù nguyên căn là một vị Nữ Tiên nơi Diêu Trì Cung, Bà Đoàn Thị Điểm vì thiếu công quả cứu độ chúng sanh, nên khi qui liễu, Bà không được trở về ngôi vị cũ nơi cõi thiêng liêng.
- ▣ Bà phải chờ đợi 178 năm sau, đến khi Đức Chí Tôn mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ vào năm Bính Dần (1926), mở ra thời kỳ Đại Ân Xá, rồi Bà phải chờ đợi thêm 7 năm nữa, tức đến năm 1933, Bà mới có dịp lập công quả bằng cách giảng cơ viết ra tác phẩm Nữ Trung Tùng Phận để giáo hóa và cứu độ các tín đồ Nữ phái, nhờ đó, Bà mới được trở về ngôi vị cũ là một Nữ Tiên nơi Diêu Trì Cung. (Bà Đoàn Thị Điểm mất năm Đinh Mão (1748), tính đến năm Khai Đạo Bính Dần (1926) là 178 năm. Xem phần Tiểu sử).
- ▣ Sau đó, vào năm Ất Hợi (1935), Tiên Nương Đoàn Thị Điểm được lệnh Ở Trên giảng cơ ban cho Đạo Cao Đài 8 Bài Kinh Thế đạo dùng để tụng trong tang lễ, kể ra sau đây:
 1. *Kinh tụng khi Vua thăng hà.*
 2. *Kinh Tụng khi thầy qui vị.*
 3. *Kinh cầu Tổ Phụ đã qui liễu.*
 4. *Kinh tụng Cha Mẹ đã qui liễu.*
 5. *Kinh cầu Bà con Thân bằng Cố hữu đã qui liễu.*
 6. *Kinh tụng Huỳnh đệ mãn phần.*

7. *Kinh tụng khi chồng qui vị.*

8. *Kinh tụng khi vợ qui liễu.*

- Trong tác phẩm Nữ Trung Tùng Phận, Bà Đoàn Thị Điểm xác nhận trong kiếp sanh của Bà, Bà đã viết ra tác phẩm Chinh Phụ Ngâm qua 4 câu thơ trong phần mở đầu từ Câu 9 đến Câu 12:

Chinh phụ trước treo nên giá quý,

Ấng văn làm nhuệ khí cầu vinh.

Thêm duyên chước quý giao tình,

Mỹ ngôn nương ý gia đình an vui.

- Chúng ta còn nhận thấy rằng, trong Nữ Trung Tùng Phận có một vài câu thơ với những từ ngữ có ý nghĩa rất giống với các câu thơ trong Chinh Phụ Ngâm:
 - Nữ Trung Tùng Phận:
 - Câu 224: *Phụ thân thế phận cho chàng dạy khuyên.*
 - Câu 228: *Thế chàng thiệp lãnh vai người hiếu nam.*
 - Chinh Phụ Ngâm:
 - Câu 159: *Ngọt bùi thiệp đã hiếu nam.*
 - Câu 160: *Dạy con đèn sách thiệp làm phụ thân.*
- Tác phẩm Chinh Phụ Ngâm chỉ có 412 câu thơ song thất lục bát, so với tác phẩm Nữ Trung Tùng Phận 1401 câu thơ, cũng song thất lục bát, thì Nữ Trung Tùng Phận vĩ đại hơn nhiều.
 - Chinh Phụ Ngâm đã đưa Bà Đoàn Thị Điểm lên địa vị thứ nhứt trong các Nữ sĩ của văn đàn Việt Nam, đứng trên Bà Huyện Thanh Quan, Hồ Xuân Hương, Sương Nguyệt Anh, vv...
 - Do đó, trước khi đi vào nội dung tác phẩm Nữ Trung Tùng Phận, chúng ta tìm hiểu cuộc đời và sự nghiệp,

tài năng văn chương và tâm trạng của Bà khi diễn Nôm tác phẩm Chinh Phụ Ngâm.

▫ Thi:

*Nữ Trung Tùng Phận của Đoàn Nương,
Giáng bút đề thi mấy tháng trường.
Giáo hóa hồng nhan, giới bá hạnh,
Luyện rèn tâm tánh trở thiên lương.
Nho Tông Chuyển Thế tùng Nghiêu Thuấn,
Đại Đạo Tam Kỳ kiến Phật Vương.
Công quả đủ đầy qui cựu vị,
Hồng Hà¹ Tiên Nữ trước làm gương.*

Đức Nguyên

1 Hồng Hà: Bút hiệu của Bà Đoàn Thị Điểm

TIỂU SỬ BÀ ĐOÀN THỊ ĐIỂM (1705-1748)

- Thân thế.
- Sự nghiệp văn chương.
- Tâm trạng của Bà Đoàn khi diễn Nôm Chinh Phụ Ngâm.
- Những giai thoại văn chương.

▣ THÂN THẾ

BÀ ĐOÀN THỊ ĐIỂM, HIỆU LÀ HỒNG HÀ NỮ SĨ, BIỆT HIỆU LÀ BAN TANG, QUÊ QUÁN Ở LÀNG HIẾN PHẠM (còn gọi là Giai Phạm, tên nôm là làng Giữa), huyện Văn Giang, tỉnh Bắc Ninh, nay là huyện Châu Giang tỉnh Hải Hưng. Bà chính họ là Đoàn, nhưng vì Bà lấy chồng họ Nguyễn (Ông Nguyễn Kiều), nên có sách chép Bà là Nguyễn Thị Điểm. Đây là một sai lầm đáng tiếc. Bà sanh năm Ất Dậu (1705), thời nhà Lê Trung Hưng, đời vua Lê Hy Tông, Chúa Trịnh là Định Vương Trịnh Căn và Chúa Nguyễn ở phương Nam là Nguyễn Phúc Chu.

- ▣ Theo gia phả họ Đoàn, Tằng tổ của Bà Điểm là Ông Lê Công Nắm, làm quan võ tới chức Thái Thường Thị Thiếu Khanh, được tước phong Thiêm Hào Tử; Nội tổ là Ông Lê Doãn Vi (có bản viết là Lê Công Vi), người có tài văn học, làm quan đến chức Xã quan; Thân phụ là Ông Lê Doãn Nghi, từng theo học với các vị Tiến Sĩ như Nguyễn Hanh (ở Hoa Cầu, huyện Văn Giang), Đoàn Tuấn Hòa (ở Cự Đồng huyện Siêu Loại), đậu Hương Cống (Cử Nhân) năm 21 tuổi, nhưng rớt kỳ thi Hội ở Thăng Long, bèn kiếm

chỗ dạy học ở kinh kỳ để đổi mài kinh sử thêm nữa chờ khóa thi sau.

- ▣ Ông Lê Doãn Nghi nằm mộng thấy một vị Thần linh bảo Ông đổi sang họ Đoàn thì mới hiển đạt. Do đó, từ đây, Ông đổi qua họ Đoàn, gọi là Đoàn Doãn Nghi.
- ▣ Hiện nay ở huyện Châu Giang tỉnh Hải Hưng còn có ngôi thờ nhà họ Đoàn. Năm 1944, Trúc Khê Ngô Văn Triện (người ở ngoại thành Hà Nội) có tới thăm ngôi thờ này và có ghi được đôi câu đối:
*Vũ liệt văn khôi quang thế phá,
Lê tiền Đoàn hậu ký Thần ngôn.*

Tạm dịch:

*Võ giỏi văn tài ngợi phá họ,
Lê xưa Đoàn mới nhớ lời Thần.*

- Năm Ông Đoàn Doãn Nghi được 20 tuổi, ở tại quê nhà, Ông có lấy một người vợ họ Nguyễn, sanh được một người con trai tên Đoàn Doãn Sỹ, sau Đoàn Doãn Sỹ cũng thi đậu Hương Cống và làm Tri Huyện tại Châu Hoan (Nghệ An).
- ▣ Khi Đoàn Doãn Nghi dạy học ở Thăng Long, Ông có lấy thêm một bà vợ nữa là con gái của quan Thái Lĩnh Bá họ Vũ, nhà ở phường Hà Khẩu, gần Hồ Hoàn Kiếm. Nguyên vào một buổi tối rằm Trung Thu, Ông Hương Cống họ Đoàn cùng mấy người bạn đi xem bày cỗ triển lãm Trung Thu ở kinh thành, thấy nơi đây có một cô gái xinh đẹp rất có duyên thì đâm ra mê mẩn, liền cậy người mối lái đến hỏi cưới.
- ▣ Năm 1703, người vợ họ Vũ này sanh được một con

trai đầu lòng, đặt tên là Đoàn Doãn Luân; qua 2 năm sau, năm 1705, sanh thêm một đứa con gái đặt tên là Đoàn Thị Điểm.

- ▣ Hai anh em Luân và Điểm, từ bé được nuôi dưỡng ở gia đình Ông Bà ngoại là quan Thái Lĩn Bá. Quê của họ Vũ ở làng Vũ Điện, huyện Nam Sang (còn gọi là Nam Xương), nên ngay từ tấm bé, hai anh em thường được nghe mẹ và bà ngoại kể chuyện Thiếu phụ Nam Xương là nàng Vũ Thị Thiết nổi danh tiết liệt.
- ▣ Cô Điểm, mặc dầu là gái nhưng rất được gia đình nâng niu, ngay từ thuở nhỏ được học chữ nghĩa giống hệt như anh Luân, học đủ Ngũ Kinh và Tứ Thư. Ngoài ra Cô Điểm còn được mẹ dạy nghề Nữ công làm những món khéo léo đặc biệt để tham dự hội Triển Lãm như: Những khúc mía được làm thành lều cao gọi là Đài Chín Tầng, những trái hồng ngâm dùng làm hình các Cô Tiên múa nón trong đêm Hội Long Trì, những vỏ trái bưởi được cắt xếp thành hình hoa quỳnh, v.v...
- ▣ Hai anh em Luân và Điểm lớn lên đều có dáng người đẹp đẽ, tư chất thông minh vượt bậc và có văn tài đặc biệt.
- ▣ Đoàn Doãn Luân được thân phụ dạy cho chữ Hán ngay từ lúc 3 tuổi, đến khi 5 tuổi thì biết ráp thành câu, đến năm 10 tuổi thì học thông Kinh Sử, đến tuổi trưởng thành thì thi đậu Hương cống, nhưng sau đó lại rớt kỳ thi Hội.
- ▣ Đoàn Doãn Nghi hỏi cưới con gái của bạn học cho con trai của mình. Bạn học ấy tên là Lê Hữu Hỷ, có bản chép là Lê Hữu Mưu. Hỷ và Mưu là 2 anh em

ruột. Con gái của Hỷ tên là Lê Thị Vy. Sau lễ Hối ít lâu, chẳng may Cô dâu bị bệnh đậu mùa, cứu sống được nhưng mặt bị rỗ hoa và chân tay lóng cồng. Bên nhà gái thấy vậy cho người sang xin hủy bỏ cuộc hôn nhân nầy vì e rằng không đảm bảo hạnh phúc vợ chồng. Nhưng Đoàn Doãn Luân nhứt quyết giữ hạnh người quân tử, một dạ thủy chung, không đổi ý vì sắc đẹp, làm mọi người đều kính phục.

- ▣ Lê Thị Vy về nhà họ Đoàn, gặp hoàn cảnh nhà chồng mẹ hiền em thảo, hết lòng giúp đỡ mọi việc trong nhà.
- ▣ Năm 1726, vợ Doãn Luân sanh đặng con gái đầu lòng, đặt tên là Đoàn Lệnh Khương, 3 năm sau sanh thêm một trai đặt tên là Đoàn Doãn Y. Ngay từ khi lọt lòng, 2 cháu Khương và Y đều được Cô ruột là Điểm chăm sóc tận tình.
- ▣ Đoàn Thị Điểm là một giai nhân đức độ, có tư cách cao thượng, văn tài càng lúc càng thêm lỗi lạc.
- ▣ Năm 16 tuổi, Cô Điểm nổi tiếng là một tài nữ trẻ tuổi. Quan Thượng Lê Anh Tuấn, vốn đã quen biết nhiều với Đoàn Doãn Nghi, mến tài văn chương và đức hạnh của Cô Điểm nên nhận Cô làm con nuôi. Kể từ đó, Cô Điểm về ở nhà của dưỡng phụ tại phường Bích Câu, kinh thành Thăng Long. Quanh đây toàn là dinh thự của các quan lớn trong triều như dinh quan Tham Tụng Nguyễn công Hãn... Quan lại khắp nơi đều luôn luôn lui tới các nhà quan Đại Thần ở phường Bích Câu để cầu cạnh chúc tước bổng lộc; còn các văn nhân lui tới nơi đây để tìm thầy và tìm bạn luyện tập văn bài, chờ khi ứng thí. Đó là dịp để Cô Điểm quen biết nhiều người có danh vọng, có

khoa bảng, và cũng chính vì vậy mà tiếng tăm về tài ứng đối văn chương và vẽ hoa tay khéo léo của tài nữ họ Đoàn được đồn vang.

- Có một lần quan Tham Tụng Nguyễn Công Hãn sang chơi bên dinh của Thượng Thơ Lê Anh Tuấn, thấy Cô Điểm đang đi một mình bên bờ dậu, ông dừng lại, bảo Cô Điểm làm câu đối lấy đề tài là đi một mình. Chỉ giây lát, Cô Điểm đọc:

*Đàm luận cổ kim tâm phúc hữu,
Truy tùy tả hữu cổ quang thân.*

Dịch nghĩa:

*Bàn chuyện xưa nay, tim bụng là bạn,
Đi theo trái phải, tay chân là bờ tôi.*

- Ông Hãn đã đỗ Tiến Sĩ năm 21 tuổi, thường tự phụ về tài miễn tiếp của mình, nay thấy Cô Điểm chưa đầy 20 tuổi mà làm được như vậy thì Ông vô cùng kinh ngạc, khen ngợi luôn miệng, thưởng cho Cô 10 quan tiền và chúc mừng Lê Anh Tuấn có phúc.
- Trong thời gian ở nhà dưỡng phụ, Cô Điểm có dịp đọc được rất nhiều sách quý báu trong kho sách của quan Thượng Thơ, nhờ vậy mà kiến thức của Cô Điểm trở nên rộng rãi hơn trước nhiều. Dưỡng phụ của Cô muốn cho Cô có dịp đem tài năng thi thố nên tiến cử Cô vô cung Chúa Trịnh để dạy các cung nữ, nhưng Cô nhút nhát từ chối, vì không muốn bị gò bó trong chốn triều đình.
- Cô Điểm có thêu 3 cái túi đựng trâu cau rất đẹp để đeo bên cạnh dây lưng: Chiếc túi thứ nhất thêu hình 3 cây Tùng Trúc Mai, phía dưới có thêu 2 chữ Tam Hữu; chiếc túi thứ nhì thêu hình Bát Quái,

đặc biệt chiếc túi thú ba thêu 2 câu thơ của Lý Bạch đời Đường:

*Đãn sử chủ nhân năng túy khách,
Bất tri hà xứ Thị tha hương.*

Dịch nghĩa:

*Chỉ cốt chủ nhân say nổi khách,
Chẳng hay đâu nữa chốn quê xa.*

- Chiếc túi thêu 2 câu thơ này, Cô Điểm rất quý, luôn luôn đeo bên mình. Có người xin đổi chiếc túi ấy với ngôi nhà bằng gỗ soạn nhưng không được.
- Tài nữ công của Cô Điểm được các Tiểu thư phường Bích Câu rất khâm phục, nên nhiều cô đến xin học tập.
- Thân phụ của Cô Điểm, Ông Đoàn Doãn Nghi được bạn bè khuyên nên nhận một chức quan nhỏ, nhưng Doãn Nghi với tính phóng khoáng, không quen gò bó luồn lụy, nên không chịu nhận, và Ông chọn con đường dạy học. Hơn nữa, Ông thấy con là Doãn Luân đã đỗ Hương Cống rồi, tuy rớt thi Hội, nhưng còn trẻ, chắc sau này có thể đậu được, còn con gái là Cô Điểm thì đã có nơi quyền quý để nương tựa, bề gia thất sau này cũng dễ, nên Đoàn Doãn Nghi chuyển đi dạy học ở thôn Lạc Viên, huyện An Dương, nay thuộc Hải Phòng.
- Dạy học ở Lạc Viên được vài năm, Đoàn Doãn Nghi đau bệnh và mất tại đây, vào năm 1729. Anh em Luân và Điểm đưa xác cha về an táng tại quê nhà. Nhiều học trò của Ông Nghi góp tiền làm một nhà thờ, và dựng mộ bia cho thầy học. Bia dựng năm Kỷ Dậu (1729), thời vua Lê Vĩnh Khánh.

- ▣ Nhân tiện chuyến này, Đoàn Doãn Luân đưa vợ con về ở luôn quê nhà là làng Hiến Phạm, sau đó lại chuyển qua ở làng Vô Ngại gần bên.
- ▣ Lúc này, Đoàn Thị Điểm cũng xin với dưỡng phụ cho phép về quê nhà đặng săn sóc mẹ già, giúp anh và chị dâu quán xuyến công việc gia đình.
- ▣ Đoàn Doãn Luân mở trường dạy học. Chị dâu trước đây là một tiểu thư khuê các, nhưng vì bệnh đậu mùa làm cho gương mặt trở nên xấu xí, tay như có tật, nên Cô Điểm đứng ra thay thế chị dâu lo việc tề gia nội trợ, lại giúp anh trong việc giao thiệp với bên ngoài. Cô Điểm tỏ ra rất đảm đang và lịch thiệp trong mọi công việc. Mỗi khi anh Luân đau ốm, Cô thường thay thế anh Luân giảng sách cho đám học trò.
- ▣ Nhiều giai thoại văn chương rất lý thú xảy ra trong giai đoạn này còn ghi chép trong sách vở. (Xem ở phần sau).
- ▣ Gia đình họ Đoàn đang sống an vui như thế thì Đoàn Doãn Luân bị bạo bệnh đột ngột từ trần, để lại 2 đứa con thơ chưa đầy 10 tuổi với một người vợ gần như tật nguyên, và một mẹ già tóc bạc. Năm đó là năm 1735.
- ▣ Đoàn Thị Điểm đọc một bài văn tế trước quan tài của anh rất lâm ly thống thiết, nhắc lại cảnh gia đình đơn chiếc, ai này đều cảm động không cầm được giọt lệ. Cô Điểm và chị dâu đưa xác anh về an táng nơi quê nhà, kể mộ phần của cha.
- ▣ Gia cảnh bây giờ rất hiu quạnh, chị dâu thì thiếu đảm đang, lại mất sinh kế nuôi sống gia đình. Cô Điểm phải mở tiệm xem mạch và hốt thuốc Bắc

cho dân chúng quanh vùng. Cô có tay phục dợc, nên người đến xem mạch hốt thuốc khá đông, nhờ vậy có đủ tiền nuôi mẹ và lo cho 2 cháu và chị dâu được tươm tất.

- ▣ Đối với mẹ thì Cô Điểm được trọn hiếu, đối với chị dâu thì trọn nghĩa, nuôi dạy 2 cháu Lệnh Khương và Doãn Y khôn lớn nên người.
- ▣ Trong thời gian này, nhiều người đem lễ vật trọng hậu tới cầu hôn, nhưng Cô Điểm nhứt định từ chối. Cô rất kén chồng vì Cô gồm đủ tài sắc và đức hạnh. Cô kén một người chồng có tài đức tương xứng với Cô, chớ không nghĩ đến giàu sang hay chức tước. Cô rất ghét bọn giàu có mà dốt nát. Nhiều người có quyền thế tìm cách bắt ép Cô phải ưng họ, nhưng Cô cương quyết không chấp nhận và tìm cách tránh né. Việc này đã làm Cô bực mình không ít. Một việc đáng ghi nhớ là quan Bính Trung Công Vũ Tất Thận, cậu ruột của Chúa Trịnh Doanh định làm lễ rước dâu bắt cóc Cô Điểm. Ông tổ chức một lễ rước dâu với đầy đủ nghi tiết mà không cho gia đình Cô Điểm biết trước, thành linh đi đến nhà Cô Điểm. Ông sắp đặt sẵn với đám gia nhân, xông đại vào nhà, bắt ép Cô Điểm mặc áo Cô dâu vào, rồi đỡ Cô ra kiệu rước về phủ. Cô Điểm như đã có chuẩn bị trước, liền bình tĩnh đi ra nhà sau, mặc giả dạng là đầy tớ đi mò cua, bùn đất dính đầy quần áo, mặt mày tèm lem, đội nón rách đi thẳng ra cổng rồi lánh mặt sang làng bên. Thế là quan Bính Trung Công bị một phen mắc lõm.
- ▣ Nhân dịp có người tiến cử Cô Điểm vào cung Chúa Trịnh để dạy học, Cô Điểm không từ chối như lần ở

với dưỡng phụ, liền nhận lời để khỏi phải lo đối phó với những kẻ không xứng đáng đến cầu hôn hoài.

- ▣ Trong thời gian làm việc trong cung, Cô luôn luôn liên lạc với gia đình để cung cấp tiền bạc nuôi mẹ già, chị dâu và 2 cháu. Nhưng khi ở trong cung, Cô lại thấy rõ những điều xấu xa bỉ ổi trong đám quan lại, sự thối nát của triều đình, nên Cô chán nản xin trở về quê nhà.
- ▣ Lúc bấy giờ, giặc giã nổi lên đánh phá khắp nơi, Cô Điểm cùng mẹ, chị dâu và 2 cháu phải bỏ làng Vô Ngại, tản cư đến làng Chương Dương bên bờ sông Nhị Hà, gần Hà Nội. Năm ấy là năm 1739, Cô Điểm được 35 tuổi.
- ▣ Cô không muốn làm nghề xem mạch hốt thuốc nữa, vì nó không phải là chí hướng của Cô, mà chí hướng của Cô là mở trường dạy học, mong đem hết sở học bình sanh truyền lại cho thế hệ sau, đào tạo lớp người mới, vừa có kiến thức cao, vừa có đạo đức để giúp dân giúp nước. Cô rũi sanh làm phạm Nữ lưu, nên dù học hành tài giỏi đến bậc nào đi nữa cũng không được phép ra ứng thí để thi thố tài năng, nên việc mở trường dạy học là một lối thoát cho tinh thần của Cô, và Cô cũng nhận thấy, từ trước tới nay chưa có một phụ nữ nào dạy học mà có học trò thành đạt cả. Cô quyết tâm làm nên sự lạ, nên xin mở trường dạy học đào tạo nhân tài. Đúng với lòng mong ước của Cô, trong số học trò, có Ông Đào Duy Doãn ở làng Chương Dương, sau này thi đậu Tiến Sĩ năm 1763 (nhưng rất tiếc Cô Điểm không hưởng được niềm vui này vì Cô đã mất năm 1748).

- ▣ Trong thời gian Cô Điểm dạy học, Ông Nguyễn Kiều nhiều lần đến xin cầu hôn. Năm đó Cô Điểm 37 tuổi.
- ▣ Ông Nguyễn Kiều, hiệu là Hạo Hiên, sanh năm 1695 (lớn hơn Cô Điểm 10 tuổi), tại làng Phú Xã huyện Hoài Đức, 18 tuổi đậu Giải Nguyên, 21 tuổi đậu Tiến Sĩ, là người có tài văn học lỗi lạc.
- ▣ Năm 1717, Nguyễn Kiều được bổ làm quan Đốc Đồng ở Nghệ An, và năm 1736 được thăng chức Thị Lang. Ông là bậc danh nho nổi tiếng từ thời còn trẻ, văn hay chữ tốt, sớm đỗ đại khoa nên tính khí có phần kiêu ngạo. Nhiều nhà quyền quý gọi Nguyễn Kiều đến gả con gái cho. Vợ đầu tiên của Nguyễn Kiều là Cô Lê Thị Hằng, con gái của quan Thượng Thư Lê Anh Tuấn, dưỡng phụ của Cô Điểm. Cô Hằng mất sớm và không có con. Người vợ kế là Cô Đoàn, con gái của quan Tham Tụng Nguyễn Quý Đức. Cô Đoàn sanh được 2 con trai và 1 con gái, rồi cũng qua đời lúc chưa tới 30 tuổi.
- ▣ Sách Đoàn Thị Thực Lục chép việc Ông Nguyễn Kiều cầu hôn Cô Điểm như sau: *“Một hôm Cô đang giảng bài cho học trò thì từ ngoài có một người vén rèm bước vào, theo sau có vài đầy tớ mang cái quả sơn sơn thếp vàng, trong quả có một phong thơ dán kín. Bức thơ này là của quan Thị Lang, người làng Phú Xã, tên là Nguyễn Kiều gửi thơ đến cầu hôn. Cô Điểm chép miệng than rằng: Lúc trẻ ta mong được người này đến cầu hôn. Đã trải qua hơn 20 năm, ta không bao giờ nghĩ tới nữa. Ta từng nhủ lòng, hạng người tài tử giai nhân rất hiếm trên đời này. Tốt hơn ta nên rửa lấy lòng trần, an nhàn nuôi lấy khí tượng thanh bình.”*

- ▣ Cô Điểm còn đang suy nghĩ chưa vội trả lời thì chừng 10 ngày sau, Nguyễn Kiều lại sai một người mang thơ đến nữa. Trong bức thơ kỳ này, lời lẽ rất khẩn thiết chân thành, có đoạn như sau: *“Tôi rất bận việc quan, lại phải lo chuẩn bị lên đường, việc nhà không ai coi sóc và cai quản. Tôi nghĩ rằng Cô cùng nội trợ tôi vốn trước có tình nghĩa chị em, nếu Cô vui lòng đùm bọc cho nội trợ tôi thì thật là may mắn cho cả nhà tôi đó.”*
- ▣ Cô Điểm đọc thơ lần này có vẻ cảm động, nhưng vẫn chưa muốn đem mình vào cuộc hôn nhân muộn màng, gây thêm phiền nhiễu, nhưng mẹ già và cả gia đình đều muốn Cô chấp nhận, cả đám học trò cũng hoan nghinh, nên Cô Điểm chấp nhận kết hôn với Nguyễn Kiều, lúc đó là năm 1743, Cô Điểm được 39 tuổi.
- ▣ Bà Đoàn Thị Điểm về nhà chồng, sống với chồng rất tâm đầu ý hợp, khi rảnh thường hay xướng họa thơ văn. Nhưng chưa đầy một tháng sau thì quan Thị Lang Nguyễn Kiều được lệnh vua làm Chánh Sứ sang triều cống nhà Thanh. Ông phải từ giã Bà để phụng chiếu ra đi. Lệ thường, đi sứ như vậy trong vòng 2 năm thì trở về tới nhà, nhưng lần này, khi sứ bộ trở về tới Quảng Tây, gặp lúc dân chúng vùng này nổi lên chống nhà Thanh nên bị nghẽn đường. Sứ bộ Việt Nam phải lưu lại cả năm trời, chờ cho đến khi yên giặc. Trong thời gian này, Nguyễn Kiều làm nhiều bài thơ, gửi hồn mộng nhớ nhung đến người vợ mới cưới nơi quê nhà, nhứt là trong những ngày Tết tha hương:

Tứ thơ niệm khách bên đèn mộng,

Tiếng pháo hò xe rộn ngõ ngoài.

- Trong lúc Nguyễn Kiều đi sứ Trung Hoa, ở nhà, Bà Đoàn Thị Điểm, khi thì ở bên nhà chồng sẵn sóc 3 đứa con của chồng trong đời vợ trước, khi trở về nhà mẹ ruột thăm hỏi mẹ già, cùng chăm nom 2 đứa cháu kêu bằng Cô ruột.
- Trong khoảng thời gian này, Ông Đặng Trần Côn có gửi đến cho Bà xem thi phẩm của Ông: Chinh Phụ Ngâm viết bằng Hán văn. Bà đọc say mê, vì tác phẩm này hay quá! Bà cảm thấy nỗi lòng của nàng chinh phụ trong tác phẩm giống hết tâm trạng của Bà trong lúc này. Cho nên Bà đem hết sự rung động trong lòng về nỗi cô đơn, nhớ nhung, lo lắng cho chồng mà dịch ra thơ Nôm bản Chinh Phụ Ngâm Hán văn của Đặng Trần Côn. (Xem phần sau: Tâm trạng Bà Đoàn Thị Điểm khi diễn nôm Chinh Phụ Ngâm).
- Chính tác phẩm Chinh Phụ Ngâm diễn Nôm này đưa tên tuổi của Bà Đoàn Thị Điểm lên đỉnh cao trong nền văn học nước nhà.
- Ngày Nguyễn Kiều đi sứ trở về, vợ chồng sum họp sau hơn 3 năm xa cách nhớ nhung, Bà Đoàn trao cho chồng xem bản diễn Nôm Chinh Phụ Ngâm như là bức tâm thư bày tỏ với chồng tất cả nỗi niềm thương nhớ sau hơn 3 năm dài xa cách. Nguyễn Kiều xem xong vô cùng cảm động và kính phục tài năng của vợ.
- Chuyển đi sứ thành công, Nguyễn Kiều được vua khen thưởng và cho thăng quan tiến chức. Ít lâu sau, Ông được bổ làm Tham Thị ở Nghệ An.

- ▣ Thế là Nguyễn Kiều chuẩn bị đi vào Nghệ An nhậm chức. Ý của Bà Đoàn không muốn theo chồng vào Nghệ An, vì ở nhà còn mẹ già và các cháu thiếu người chăm sóc, cũng như linh tính báo cho Bà biết có điều gì không lành trong chuyến đi này xảy đến cho Bà, nhưng Nguyễn Kiều hết lời nài nỉ đem Bà đi theo. Cuối cùng Bà phải chiều chồng, làm bốn phận người vợ tòng phu, xuống thuyền cùng chồng đi vào Nghệ An, với nỗi lòng lo âu buồn bã.
- ▣ Thuyền xuôi dòng sông Nhị Hà, theo cửa bể Thần Phù đổ vào sông Chính Đại. Lúc thuyền đến bến Đền Sòng, nơi thờ Công Chúa Liễu Hạnh, Bà bị cảm rất nặng. Biết mình không thể sống được, Bà trần trối cùng chồng: *“Chàng nên cố gắng lo tròn việc nước để trở về kinh sớm ngày nào tốt ngày đó, chớ nên ở lâu nơi chốn biên thùy này mà dẫn thân vào nơi gió bụi hiểm nguy.”*
- ▣ Trối xong, Bà từ trần, lúc đó là ngày 11 tháng 9 năm Đinh Mão (1748), hưởng được 44 tuổi. Bà chưa có con với Nguyễn Kiều.
- ▣ Nguyễn Kiều vô cùng thương tiếc người vợ tài ba lỗi lạc mà lại vẫn sống. Ông quản quan tài vợ tại Nghệ An đến một tháng sau mới đưa linh cữu trở về quê nhà của Bà an táng.
- ▣ Trong thời gian này, Ông lập đàn cúng tế rất nghiêm bên bờ sông để tế lễ Bà. Ông đọc một bài văn tế rất bi ai thống thiết bằng Hán văn, được Ông Hoàng Xuân Hãn diễn Nôm trong cuốn Chinh Phụ Ngâm Bị Khảo, chép ra sau đây:

*Ô hô! Hỡi nàng! Huê tốt Lan thơm!
Phong tư lộng lẫy, cử chỉ đoan trang,*

Nữ đức trọn vẹn, tài học ngô ngàng.
Giáo mác, ấy bàn luận,
Gấm vóc, ấy văn chương.
Nữ trung, rất hiếm có như nàng.
Sao mà lại,
Gia thất chậm hơn Mạnh Quang,
Con cái hiếm hơn Trang Khương,
Dứt tuổi Từ Phi, vui tài Ban Nương.
Sao hóa cơ khó đoán,
Mà Thiên mệnh phi thường lắm thay!
Xưa nghe được tiếng nàng,
Bèn kết thân hai họ.
Nàng về nhà tôi, vẹn tròn đạo vợ,
Việc bút nghiên tài lạ hằng chuyên,
Nghề kim chỉ tay sành chẳng bỏ.
Thường thường đàm luận cổ thi,
Ngày ngày xướng thơ họa phú.
Ba năm đi sứ Bắc, mảy liễu buồn chau,
Năm Sửu trở về nhà, mặt hoa cười nở.
Lúc rảnh việc, cùng vui thú văn hàn,
Mới có chỉ sai trở vào xứ Nghệ.
Non sông chẳng ngại đường dài,
Tân tảo quyết theo nội trợ.
Đường sông nghìn dặm gian nan,
Doanh liệt ba tuần tới đó.
Một bệnh càng thêm, trăm phương khó chữa,
Đào chưa quả đã vội khô,
Quế đang thơm mà đã rủ!

Rừng sâu bể rộng, nàng hỏi đi đâu?
 Ngọc nát châu chìm, lòng tôi quận nhỏ.
 Những muốn chèo thuyền lan mà sớm phát,
 Đưa giá liễu chóng về,
 Hẹn lại quê nhà an táng.
 Đốc đem ý hậu theo đi.
 Nhưng, nghĩa cùng thời trái việc hẳn lòng tùy,
 Nửa bước khó dời trấn sở.
 Một thân khó vẹn công tư.
 Lối về trên bến, tạm dựng bàn thờ,
 Lệ tiễn hai hàng chan chứa,
 Tình thương một lễ đơn sơ,
 Sóng gió xin đừng kinh sợ,
 Đường đi chớ ngại rũ rờ.
 Hương hôn nàng yên nghỉ,
 Cố ấp tôi hằng mơ.
 Thượng hưởng!

▣ SỰ NGHIỆP VĂN CHƯƠNG

- ▣ 1. Những bài thơ xướng họa:
- ▣ Bà Đoàn Thị Điểm, những khi nhàn hạ lúc thiếu thời, Bà thường ngâm vịnh với phụ thân và với anh trai Đoàn Doãn Luân. Khi có chồng thì ngâm vịnh với chồng.
- ▣ Các bài thi ngâm vịnh này có đến mấy trăm bài, thường viết bằng chữ Hán, hiện nay hầu như thất lạc hết cả.
- ▣ Có vài đoạn còn sót lại, do Ông Bùi Hạnh Căn sưu tầm và dịch ra thơ Nôm:

▫ Hứng Thu

*Thu về gió mát nhẹ mưa bay,
Muôn mảng thơm trong ắp chén đầy.
Trời biển chừng nhiều đàn sáo nổi,
Cuộc đời may có chuyển chơi nay.*

▫ Niềm vui dạo đêm

*Sao nhi! Đêm Xuân đốt đuốc chơi,
Sáng như ngày hứng, quế thơm trời.
Cầu Ngân bến Hán treo cao nhịp,
Phách ngọc đầu thu tỏa ánh ngời.
Đồng nội trước nay nhìn chả khác,
Phồn hoa vua chúa đất xưa thôi.
Hứng về chẳng quản sông hồ lạ,
Một mái chèo thênh chuốc rượu mời.*

▫ **2. Văn phẩm:**

▫ Sau khi thân phụ mất, Bà Đoàn Thị Điểm về quê nhà săn sóc mẹ già, sống chung với anh và chị dâu. Trong thời gian này, Bà có viết tập sách Truyền Kỳ Tân Phả hay Tục Truyền Kỳ bằng Hán văn, viết nối tiếp sách Truyền Kỳ Mạn Lục của Nguyễn Dữ. Tác phẩm này được biên soạn rất công phu, nội dung viết về những người phụ nữ tài giỏi và tiết liệt, được anh của Bà là Đoàn Doãn Luân, hiệu là Tuyết Am, tự là Đạm Như Phủ, viết lời phê bình.

▫ Tác phẩm Tục Truyền Kỳ, gồm có 6 truyện, kể ra:

▫ Bích Câu Kỳ Ngộ, chuyện nàng Tiên trong tranh là Giáng Kiều và chàng hàn sĩ Tú Uyên ở phường Bích Câu. (Chuyện này về sau được viết lại bằng văn Nôm theo thể văn vần, không biết tác giả).

- Hải khẩu Linh Từ (Nữ Thần Chế Thắng).
- Hoành Sơn Tiên Cục (cuộc cờ Tiên trên núi Hoành Sơn).
- Vân Cát Thần Nữ (Công Chúa Liễu Hạnh).
- An Ấp Liệt Nữ (chuyện người vợ của Tiến Sĩ Đinh nho Hoàn).
- Nghĩa khuyến khuất miêu (chó khôn bắt mèo).
- Trong quyển “*Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí*”, Ông Phan Huy Chú ca ngợi tác phẩm Tục Truyền Kỳ như sau: **Lời văn trau chuốt, Ý chuyện dồi dào.**
- Về sau, Bà có chồng là Ông Nguyễn Kiều, trong thời gian Ông Nguyễn Kiều đi sứ sang Tàu và bị kẹt ở bên đó 3 năm, Bà ở nhà diễn Nôm tác phẩm Chinh Phụ Ngâm Hán văn của Đặng Trần Côn. Văn chương trong tác phẩm này rất hay, lời thơ đẹp dễ đầy âm điệu, diễn tả sống động hình ảnh của nàng chinh phụ.
- Khúc ngâm Chinh Phụ này chỉ có 412 câu thơ song thất lục bát, nhưng thể hiện được tài năng xuất chúng của Bà Đoàn Thị Điểm, đưa Bà lên địa vị cao trong nền văn học Việt Nam.

▫ TÂM TRẠNG CỦA BÀ ĐOÀN THỊ ĐIỂM KHI DIỄN NÔM CHINH PHỤ NGÂM

Đoàn Thị Điểm khi còn là thiếu nữ, lúc ở nhà của dưỡng phụ Lê Anh Tuấn tại phường Bích Câu, kinh thành Thăng Long, có dịp gặp Đặng Trần Côn. Côn nhỏ hơn Cô Điểm chừng hai tuổi, con nhà quý tộc, quê ở Kẻ Mực Hạ Đình. Đó là một trang thiếu niên anh tuấn tài hoa, năm 15 tuổi đã đậu Hương Cống. Côn rất quý mến Cô Điểm về nhan

sắc cũng như về tài văn chương, nên có gởi đến Cô Điểm một bài thơ tỏ ý cầu hôn.

- ▣ Cô Điểm không trả lời nhưng có nói đùa với các chị em bạn:
- ▣ Cái Ông Cố Đặng, miệng còn hôi sữa, làm thơ chưa xong mà lại đi nói chuyện vợ chồng.
- ▣ Đặng Trần Côn nghe thuật lại thì tức lắm, nên cố gắng miệt mài đèn sách, cố đậu cho được Tiến Sĩ trong kỳ thi Hội.
- ▣ Đầu niên hiệu Cảnh Hưng nhà Lê Trung Hưng, gặp buổi chiến tranh ly loạn, trai tráng bị bắt đi lính đáng giặc phương xa, gây cảnh biệt ly đau đớn cho nhiều gia đình, Ông Đặng Trần Côn cảm xúc, đem hết sức học bình sanh viết nên tác phẩm Chinh Phụ Ngâm bằng Hán văn theo thể thơ xưa Cổ Nhạc phủ.
- ▣ Khi viết xong, Đặng Trần Côn đưa tác phẩm này cho Ông Ngô Thời Sĩ xem. Ông Sĩ xem xong lấy làm thán phục nói rằng: “*Văn chương tới mức này thì Lão Ngô tôi chỉ còn biết bái phục mà thôi.*”
- ▣ Ông Đặng Trần Côn sau đó gởi tác phẩm này đến cho Bà Đoàn Thị Điểm xem, ngụ ý cho Bà Điểm biết rằng, trước đây Bà xem thường ông là lắm to. Lúc này Bà Điểm đã lấy chồng là Ông Nguyễn Kiều, và Ông Kiều đang đi sứ sang Tàu, bị kẹt ở lại bên đó vì giặc giã cắt đứt đường giao thông, nên chưa trở về Việt Nam được. Bà Điểm xem xong tác phẩm Hán văn của Ông Đặng Trần Côn thì rất phục tài văn chương của họ Đặng, lại thấy tâm sự của nàng Chinh phụ trong tác phẩm giống y hệt tâm sự của Bà lúc đó: Chồng đi sứ sang Tàu giống như đi lính

thú chinh chiến ngoài biên thù, Bà ở nhà lòng nhớ
nhưng lo lắng cho chồng không nguôi, lại còn lo
phụng dưỡng mẹ già, nuôi nấng và dạy dỗ đàn con
thơ của chồng xem như con ruột.

- ▣ Tâm hồn của người Nữ sĩ rung động, và cũng muốn
đáp lại tấm tình cảm của Đặng Trần Côn khi trước,
Bà đem hết sự xúc cảm của tâm hồn, diễn Nôm tác
phẩm Chinh Phụ Ngâm Hán văn của Đặng Trần
Côn, theo lối thơ trữ tình hoàn toàn Việt Nam là
song thất lục bát.
- ▣ Lòng nhớ nhung của Bà đối với chồng khi chồng
phụng mạng đi sứ sang Bắc Kinh, giống hết tâm
trạng của nàng Chinh phụ nhớ mong chồng đang
đánh giặc ngoài quan ải, nên Bà diễn Nôm đoạn
này rất tuyệt diệu:

169

*Thoa cung Hán thuở ngày xuất giá,
Gương lầu Tần dấu đã soi chung.
Cậy ai mà gọi tới cùng,
Để chàng thấu hết tấm lòng tương tư.*

173

*Nhẫn đeo tay mọi khi ngắm nghía,
Ngọc cài đầu thuở bé vui chơi.
Cậy ai mà gọi tới nơi,
Để chàng trân trọng dấu người tương thân.*

.....

233

Mặt biếng tô, miệng càng biếng nói,

Sớm lại chiều dòi dôi nường song.
Nường song luống ngẩn ngơ lòng,
Vắng chàng điếm phấn trang hồng với ai?

.....

253

Ném chua cay, tấm lòng mới tỏ,
Chua cay nầy há có vì ai?
Vì chàng lệ thiệp nhỏ đôi,
Vì chàng thân thiệp lẻ loi một bờ.

257

Thân thiệp chẳng gân kê dưới trướng,
Lệ thiệp nào chút vương bên khăn.
Duy còn hồn mộng được gân,
Đêm đêm thường đến Giang Tân tìm người.

- Trong lúc vắng chồng, Bà ở nhà lo phụng dưỡng mẹ già, nuôi dạy đàn con thơ của chồng, giống y như người Chinh phụ ở nhà nuôi dạy con thơ và săn sóc mẹ già đầu bạc:

153

Tình gia thất nào ai chẳng có,
Kìa lão thân khuê phụ nhớ thương.
Mẹ già phơ phất mái sương,
Con thơ mặng sữa vả đường phù trì.

157

Lòng lão thân buồn khi tựa cửa,
Miệng hài nhi chờ bữa mớm cơm.

*Ngọt bùi thiếp đã hiếu nam,
Dạy con đèn sách, thiếp làm phụ thân.*

161

*Nay một thân nuôi già dạy trẻ,
Nỗi quan hoài mang mẽ biết bao.
Nhớ chàng trải mấy sương sao,
Xuân từng đổi mới, đông nào còn dư.*

- Sau 3 năm, Ông Nguyễn Kiều thành công trong nhiệm vụ sứ thần, trở về triều được vua khen thưởng và được thăng quan tiến chức, thì cũng giống hệt như người Chinh phu đã bình xong giặc nơi biên ải, ca khúc khải hoàn, trở về được vua phong thưởng tước lộc, vinh hiển gia đình:

381

*Bóng kỳ xí già ngoài quan ải,
Tiếng khải ca trở lại thần kinh.
Đình non khắc đá đề danh,
Triều thiên vào trước cung đình dâng công.*

.....

389

*Nền huân tướng đại cân rạng vẻ,
Chữ đồng hưu bia để nghìn đông.
Ôn Trên tử ẩm thê phong,
Phần vinh thiếp cũng đượm chung hương Trời.*

- Rồi chàng trở về sum họp gia đình, viếng thăm mẹ già, nâng niu con cái. Chàng sẽ kể cho nàng nghe

chiến công và nỗi nhớ gia đình, còn nàng thì kể lể
nỗi hiu quạnh nhớ nhung mong đợi:

401

*Giở khăn lệ, chàng trông từng tấm,
Đọc thơ sầu, chàng thẩm từng câu.
Câu vui đối với câu sầu,
Rượu khà cùng kể trước sau mọi lời.*

405

*Sẽ rót voi lần lần từng chén,
Sẽ ca dân ren rén từng thiên.
Liên ngâm đối ẩm đòi phen,
Cùng chàng lại kết mối duyên đến già.*

409

*Cho bỏ lúc sầu xa cách nhớ,
Giữ gìn nhau vui thuở thanh bình.
Ngâm nga mong gửi chữ tình,
Đường này âu hẳn tài lành trượng phu.*

▣ NHỮNG GIAI THOẠI VĂN CHƯƠNG

1. ĐỐI CHỮ SÁCH:

Cô Điểm, khi lên 6 tuổi, đang học Sử Ký Trung Hoa, anh là Đoàn Doãn Luân lấy một câu trong Sử Ký ra câu đối:

▣ **Bạch xà đương đạo, Quý bạt kiểm nhi trảm chi.**

Cô Điểm liền lấy một câu cũng trong Sử Ký đối lại:

▪ **Hoàng long phụ chu, Vũ ngưỡng Thiên nhi thán viết.**

Nghĩa là:

- Rắn trắng giữa đường, Ông Quý (Lưu Bang) tuốt gươm mà chém.
- Rồng vàng đội thuyền, Ông Vũ (Hạ Vũ) ngựa mặt lên Trời mà than.

2. ĐỐI CHỮ BÓNG:

Anh Luân thấy Cô Điểm đang soi gương trang điểm nơi cửa sổ, liền ra câu đối:

- **Đối kính họa mi, nhứt điểm phiên thành lưỡng điểm.**

Cô Điểm liền đối lại:

- **Lâm trì ngoạn nguyệt, chích luân chuyển tác song luân.**

Nghĩa là:

- Trước gương vẽ mày, một điểm hóa thành hai điểm, cũng có nghĩa là một Cô Điểm hóa thành hai Cô Điểm.
- Tới ao xem trăng, một vầng tròn chuyển thành hai vầng, cũng có nghĩa là một anh Luân chuyển thành hai anh Luân.

Sự tài tình ở đây là cảnh rất thực, dùng được tên 2 người đúng với cảnh vẽ mày và ngắm trăng.

3. CÓ LẦN ĐOÀN ĐOẢN LUÂN TỪ NGOÀI ĐI VÀO NHÀ, THẤY EM GÁI ĐANG NGỒI BÊN RỔ KIM CHỈ, LIỀN ĐỌC:

- **Huynh lai đường thượng tâm song nguyệt.**
- Anh trai đến nhà trên tìm 2 mặt trăng.
- Song nguyệt là 2 mặt trăng, mà theo chữ Hán, 2 chữ Nguyệt (月) ghép lại là chữ Bằng (朋): Bè bạn, bằng hữu, nên câu trên còn có nghĩa là: Anh trai đến nhà trên tìm bạn.

Cô Điểm liền đối lại:

- **Muội đảo song tiền tróc bán phong.**
- Em gái đến trước cửa sổ bắt nửa làn gió)
- Bán phong là nửa làn gió, mà cũng có nghĩa là phân nửa chữ Phong (風) tức là chữ Sắt (夙) nghĩa là con rận. Nên câu đối trên có nghĩa là: Em gái đến trước cửa sổ bắt con rận.

4. KHI HAY TIN CHỊ DẬU SANH ĐƯỢC CON GÁI ĐẦU LÒNG TRONG ĐÊM RỘN RỊP VUI MỪNG, CÔ ĐIỂM ĐUA VỚI ANH, ĐỌC RẰNG:

- **Bán dạ sinh hài, Hợi Tý nhị thời vị định.**
- Nửa đêm sanh con, Hợi Tý 2 giờ chưa định.

Đoàn Doãn Luân liền đối lại:

- **Lưỡng tình tương phối, Kỷ Dậu song hợp nãi thành.**
- Hai tình phối hợp, Kỷ Dậu 2 hợp mà thành)
- Với lối chơi chữ, 2 chữ Hợi (亥) và Tý (子) ghép lại thành chữ Hài (孩); chữ Kỷ (己) và chữ Dậu (酉) ghép lại thành chữ Phối (配).

5. VỊNH NƯỚC ĐĂNG BỐN ÔNG HAI VỢ:

Có lần ở Chương Dương, Bà Đoàn đang giảng sách cho học trò, tới đoạn: Đăng là nước nhỏ, lại lọt vào giữa 2 nước lớn là Tề và Sở, nên việc ngoại giao với 2 nước lớn rất khó khăn. Vào lúc ấy, ông hàng xóm có 2 vợ gây lộn om sòm. Bà tức cười, bảo học trò lấy đầu để nước Đăng làm thơ bốn ông hai vợ. Học trò có nhiều đứa làm bài, nhưng bài của Đoàn Lệnh Khương (con của anh Luân) là có ý hay hơn cả, được Bà chỉnh văn lại, ghi ra như sau đây:

Đăng quốc xưa nay vốn nhỏ nhen,

*Lại thêm Tề, Sở ép hai bên.
Quay đầu với Sở, e Tề giận,
Ngánh lại sang Tề, sợ Sở ghen.*

Đó đúng là hoàn cảnh của ông hàng xóm có 2 bà vợ hay ghen.

6. THÁCH ĐỐI KÉN CHÔNG:

Nhiều người khoa bảng thời bấy giờ nghe tiếng Cô Điểm hương sắc vẹn toàn, văn chương lỗi lạc, nên đều có ý muốn đến thử tài và câu hôn, nhưng tất cả đều chịu thua tài Cô Điểm và rút lui.

- **Chuyện thứ nhất** là Ông Vũ Diệm, bạn của Nhữ Đình Toàn, đỗ Hoàng Giáp năm 1739, đến viếng Cô Điểm. Biết được dụng ý của người khách tài hoa này, Cô Điểm liền ra tay trước, bằng cách sai con hầu bưng ra một khai trầu mời khách, rồi Cô sẽ ra sau, nhưng trên khai trầu Cô để sẵn một tờ giấy, trên đó Cô viết một câu đối nhờ khách đối giúp:

Đình tiền thiếu nữ khuyến tân lang.

Câu này có nghĩa đen là: Trước sân gió thoảng phất cây cau. Thiếu nữ là cơn gió nhẹ, tân lang là cây cau; nhưng nghĩa bóng của câu này theo cách đồng âm: Trước sân, người con gái mời chàng rể mới. (Thiếu nữ: Con gái. Tân lang: Chàng rể).

Vũ Diệm thấy câu thách đối khó quá, không thể đối nổi nên đành rút lui, không dám trêu vào giai nhân nữa.

- **Chuyện thứ nhì** được truyền khẩu nhiều trong dân gian là Cô Điểm nhiều lần thách đối với Trạng Quỳnh, vì Trạng Quỳnh dò dè trêu Cô và lần nào Trạng Quỳnh cũng đành chịu thua.

Một hôm, Cô Điểm đang ngồi bên cửa sổ thì Trạng Quỳnh tới, Cô liền đọc một câu thách đối:

- **Song song là hai cửa sổ, hai người ngồi trong cửa sổ song song.**

Trạng Quỳnh đối không được, chịu thua rút lui.

Lần khác, Cô Điểm gặp Trạng Quỳnh đi theo Cô lên phố Mía Sơn Tây, Cô đứng lại chờ Quỳnh tới đọc một câu thách đối:

- **Lên phố Mía gặp cô hàng mật, cầm tay kẹo lại hỏi thăm đường.**

Trạng Quỳnh lại chịu thua nữa, vì câu thách đối ra toàn là mía, đường, mật, kẹo, nên không thể kiếm ra chữ để đối lại.

Lần khác nữa, Trạng Quỳnh lại gần chỗ Cô Điểm tắm, Cô biết vậy liền ra một vế thách đối:

- **Da trắng vỗ bì bạch.**
 - Bì là da, bạch là trắng, bì bạch là da trắng, nhưng hai tiếng này theo nghĩa nôm là để tượng thanh, tiếng vỗ vào da thịt. Trạng Quỳnh cũng đành chịu thua keo nữa.

Lần cuối, nhân buổi Hội Xuân, Cô Điểm thuận tay bẻ một nhánh xương rồng, chợt thấy Quỳnh đi tới, liền đọc:

- **Cây xương rồng trồng đất rắn, long vắn hoàn long.**
 - Long, chữ Hán là rồng, mà tiếng nôm nghĩa là không chặt. Lần này, Quỳnh đối lại được, chữ nghĩa rất chỉnh mà lại biểu lộ tánh ngang ngạnh của mình:
- **Quả dưa chuột tuột thẳng gang, thử chơi thì thử.**
 - Thử là con chuột, nhưng tiếng nôm nghĩa là làm thử, chưa phải làm thiệt.

Tương truyền, sau lần đối này, Trọng Quỳnh và Cô Điểm chia tay, không còn gặp nhau nữa.

7. SỨ TÀU BỊ LỖM:

Thời xưa, mỗi lần có đoàn sứ bộ của nước Tàu sang nước ta, triều đình thường kén chọn những người tài giỏi, lanh lợi, văn hay chữ tốt, thạo việc ứng đối, để giả làm các công việc: Bán hàng, đưa đồ, hoặc làm việc nơi các Công quán, mục đích là để đối đáp với Sứ Tàu làm cho họ kính phục nước Nam ta.

Sứ có chệp, đoàn Sứ Mãn Thanh sang nước ta, 2 vị đứng đầu là: Hàng Địch Lộc và Nhiệm Lan Chi. Trong số những người bán hàng trên đường Sứ Tàu đi qua, có Cô Điểm và chú bé Trần Quang Trạch, con trai của Ông Hoàng Giáp Trần Danh Ninh, mới hơn 10 tuổi mà đã giỏi văn thơ ứng đối. Bộ điều Sứ Tàu hống hách, thấy có cô bán hàng xinh đẹp thì nói đùa một câu:

- **Nam phương nhất thốn thổ, bất tri kỷ nhân canh.**
- Phương Nam có một tấc đất, không biết bao nhiêu người cày.

Cô Điểm đứng đó liền đáp lại rằng:

- **Bắc quốc đại trượng phu, giai do thử đồ xuất.**
- Nước Tàu phương Bắc các bậc đại phu đều bởi đường ấy mà ra.
- Hai câu đối trên, nếu giải nghĩa thanh thì đối nhau rất thanh, giải nghĩa tục thì đối nhau rất tục, ý nghĩa hơn hẳn Sứ Tàu, thật xuất sắc tài tình. Bọn Sứ Tàu tưởng nói bỡn như vậy là bóng gió cao kỳ để hạ nhục Cô bán hàng, nào dè Cô hiểu ý, lanh trí trả lời đích đáng, đem cái nhục trả lại chúng, làm chúng

hổ thẹn rút lui, phục tài gái nước Nam, không còn dám bõn cợt gái nước Nam nữa.

KẾT LUẬN:

- ▣ Bà Đoàn Thị Điểm đứng hàng đệ nhất trong các Nữ sĩ tên tuổi trên văn đàn Việt Nam như: Bà Huyện Thanh Quan, Hồ xuân Hương, Sương Nguyệt Anh,... Bà là một Nữ sĩ có thi tài lỗi lạc, lời thơ tao nhã, đài các, bóng bẩy đầy âm điệu. Bà còn là một phụ nữ mẫu mực Nho phong, đầy đủ hiếu thảo, nghĩa khí, Tứ Đức, Tam Tòng.
- ▣ Tác phẩm Chinh Phụ Ngâm của Bà được các nhà văn trong nhóm Mercure de France của nước Pháp dịch ra tiếng Pháp, xuất bản năm 1939 tại Ba-lê (Paris) nhan đề là: “*Les Plaintes d’une Chinh phụ.*”
- ▣ Bà Đoàn Thị Điểm là một vị Nữ Tiên trên Thượng giới giáng trần. Trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, Bà không đầu kiếp xuống trần, mà chỉ dùng huyền diệu cơ bút, nhờ 2 vị đồng tử trong Đạo Cao Đài phò loan để Bà giảng cơ viết tác phẩm **Nữ Trung Tòng Phận** có mục đích giáo dục Nữ phái Việt Nam trong chủ trương Nho Tông Chuyển Thế của Đạo Cao Đài.
- ▣ Đức Chí Tôn có nói trước rằng: “*Nam phong thử nhứt biến Nhưn phong.*” nghĩa là: Nền Phong hóa của người Việt Nam ngày ấy sẽ trở thành nền Phong hóa của nhưn loại, tức là nhưn loại ngày sau sẽ học tập và làm theo Phong hóa Việt Nam.
- ▣ Do đó, cần phải củng cố và chấn chỉnh nền Phong hóa nước nhà cho tốt đẹp vẹn toàn thì mới làm gương mẫu được.
- ▣ Nền Phong hóa đó phải bắt đầu từ gia đình, mà

người phụ nữ là người đảm nhiệm vai tuồng quan trọng nhất. Cần phải hướng dẫn người phụ nữ trở lại nền nếp tốt đẹp thời xưa với Tứ Đức, Tam Tòng, nhưng chỉ nên giữ lại phần tinh hoa tốt đẹp, bỏ bớt những điều làm giảm nhân cách phụ nữ và bất bình đẳng với Nam phái, cho hợp với trình độ tiến hóa của nhrn sanh ngày nay.

- ▣ **Nữ Trung Tòng Phận** của Tiên Nương Đoàn Thị Điểm nhất định sẽ đóng góp một phần tích cực và quan trọng trong chiều hướng giáo dục này.

MỤC ĐÍCH GIÁO DỤC CỦA NỮ TRUNG TÙNG PHẬN

Nội dung của tác phẩm Nữ Trung Tùng Phận là lời tự thuật của một phụ nữ có sắc đẹp, có tài năng và đức hạnh, kể từ lúc tuổi thanh xuân, rồi có chồng theo về nhà chồng, phục vụ cho chồng và gia đình chồng, sanh con đẻ cái, nuôi dạy con cho khôn lớn, đến lúc tuổi già răng long đầu bạc, qui y lo việc tu hành và thoát xác về Tiên.

165

*Cầm bút ngọc đề thi tự thuật,
Một kiếp sanh của bậc văn tài.*

*Nêu gương tuyệt giá hậu lai,
Gõ trong muôn một những bài sanh ly.*

Tiên Nương Đoàn Thị Điểm mượn lời tự thuật này để giáo dục Nữ phái lúc tuổi trẻ phải lo cho tròn Nhơn đạo, giữ vững Tứ Đức, Tam Tùng, giúp chồng và gia đình nhà chồng, nuôi dạy con cái lớn khôn nên người. Đến lúc trung niên thì xong phần Nhơn Đạo, người phụ nữ cần tiến lên tu phần Thiên Đạo thì mới mong giải thoát khỏi kiếp luân hồi. (Thiên Đạo là đạo tu giải thoát để lên cõi Trời. Đó là Tiên Đạo và Phật Đạo).

Tác phẩm này được Bà giảng cơ bắt đầu viết vào ngày 26-2-Quý Dậu (1933), nên nội dung tác phẩm cũng căn cứ vào hiện tình xã hội của nước Việt Nam ta thời đó. Đó là thời mà miền Nam Việt Nam (Nam Kỳ) là thuộc địa của nước Pháp, Trung Kỳ thì vẫn do vua quan nhà Nguyễn cai trị, nhưng đặt dưới sự bảo hộ của Pháp, xã hội vẫn còn phong kiến như thuở Bà Đoàn Thị Điểm sanh tiền, Nữ chưa được bình quyền cùng Nam.

Mở đầu tác phẩm, Tiên Nương Đoàn Thị Điểm thúc giục Nữ phái phải lo học tập văn hóa trong lúc tuổi còn niên thiếu, vì Bà cho rằng phụ nữ chưa được bình quyền cùng nam là vì dốt nát, nên bị khinh rẻ.

01

*Dụng văn hóa trau tria nữ phách,
Lấy kinh luân thúc thách quần hồng.*

13

*Nấu kinh sử ra mùi son phấn,
Cầm bút nghiên đặng thắm má đào.*

- Tiên Nương còn thúc đẩy Nữ phái học cả võ nghệ nữa để giúp Nam phái bảo vệ non sông tổ quốc:

03

*Gươm thư giúp sức gươm hùng,
Điểm tô nghiệp cả con Rồng cháu Tiên.*

15

*Quần xoa đỡ ngọn binh đao,
Xây hình thực nữ giặm màu nước non.*

- Người phụ nữ thời đó vẫn còn bị phái nam khinh rẻ vì dốt nát thiếu học, nên hoàn toàn lệ thuộc vào người chồng:

05

*Bởi rẻ rúng thuyên duyên thiếu học,
Dầu chí thân tơ tóc cũng khi.*

19

*Vật chơi ở chốn khuê phòng,
Đã cam phận vợ để chồng cầm duyên.*

- Nếu thời niên thiếu không lo học tập thì đến tuổi trưởng thành, có chồng con rồi thì đâu còn thì giờ và tâm trí thanh thoi để học tập.

33

*Mảng lo lắng chữ nhàn nào rõ,
Huống để công đến ngõ Không Trình.
Rừng Nho biển Thánh tinh tinh,
Nữ lưu nào thấu muôn nghìn thi thơ.*

- Trong gia đình, người mẹ gần gũi thân cận với con nhiều hơn cha, nên việc giáo dục của mẹ đối với con lúc con còn thơ bé rất là quan trọng.

Trong phần tiếp theo là lời Mẹ dạy con trai và con gái.

▫ **MẸ DẠY CON TRAI:** (TỪ CÂU 357 ĐẾN 592: 236 CÂU)

- Dạy con trai phải lo thờ cúng Tổ tông:

375

*Định hương hỏa hằng bày quý tế,
Lập pháp gia tự kế phụng thờ.
Con chàng thiếp trả khi thơ,
Dòng chàng thiếp dạy phụng thờ tổ tông.*

- Lựa chọn nghề nghiệp cho con học tập để lớn lên có nghề nghiệp thích hợp bảo đảm cuộc sống gia đình:

361

Lựa chọn học các công các nghệ,

Tính cho hay mọi vẻ văn tài.

*Sĩ, Nông, Công, Cổ sanh nhai,
Ngũ, Tiêu, Canh, Mục làm bài bảo thân.*

- Dạy con đạo Nhơn luân, gồm Ngũ luân: Cách cư xử đối với quốc gia, đối với cha mẹ, đối với vợ, đối với anh em và đối với bạn bè.
- Đối với quốc gia dân tộc, phải có lòng yêu nước và lòng trung thành (**Trung**):

381

*Nếu đề dạng tinh trung hai chữ,
Vạch lưng con viết thử để dành.
Rủ cơn loạn quốc khuyh thành,
Tám gan liệt sĩ cũng đành độ dân.*

397

*Nào quốc thể người khi kẻ thị,
Nào dân đen phép quý hộp hôn.
Nấu sôi cái máu anh phong,
An bang tế thế một lòng lo âu.*

- Dạy con phải có hiếu với cha mẹ (**Hiếu**):

485

*Con ví biết trọng nghì phụ tử,
Hiển tông môn khá giữ nơi lòng.
Đừng làm nhục tổ hổ tông,
Lập thân trả hiếu nối dòng truyền hương.*

- Dạy con phải biết tôn kính thầy (**Kính**):

449

*Tôn kính thầy cũng bì cha trẻ,
Mới đăc truyền mọi lẽ cao sâu.
Học hay kế nhiệm mưu mầu,
Học nên tài đặng giải sâu quốc gia.*

473

*Con nhờ thầy công danh mới toại,
Như nhờ cha mới giỏi hình dung.
Hai ơn ấy găm so đồng,
Nghĩa kia như hiếu, mặn nồng cả hai.*

- Dạy con phải thương yêu dạy dỗ em út trong nhà:

493

*Còn em út trong nhà thơ bé,
Trai dạy khuyển, gái để khếp khuôn.
Con đừng quen tánh luông tuồng,
Các em hư nết gieo buồn song thân.*

- Dạy con phải biết chọn bạn mà chơi:

501

*Ngoài gia tộc nước non vậy bạn,
Lựa tài danh giao cận tâm tình.
Đời như trận giặc đua tranh,
Dầu tài một ngựa một mình khó nên.*

517

*Trong võ trụ hiệp hào là mạnh,
Phận đồ thơ phải gánh non sông.*

*Anh em bạn tác vầy đông,
Xô thành cũng ngã, lấp sông cũng bằng.*

- Dạy con trai khi lớn lên có vợ thì phải biết thương yêu giúp đỡ vợ nhà, ăn ở cho có tình nghĩa thủy chung:

525

*Tình phu phụ biết bao nghĩa trọng,
Đạo nhưn luân gây sống của đời.
Dầu cho non nước đổi dời,
Còn niềm chồng vợ, còn người còn ta.*

529

*Bạn trăm tuổi thân hòa làm một,
Dầu sang hèn xấu tốt cũng duyên.
Cùng nhau giữ vẹn hương nguyên,
Cái duyên kinh bố là duyên Châu Trần.*

- Dạy con phải lo xây dựng nền văn hóa cho dân tộc mình và phát triển nền kinh tế cho văn minh tiến bộ:

393

*Giang sơn bốn nghìn năm tổ nghiệp,
Văn hóa so cũng kịp tha bang.
Xa thơ nay gây giữa đàng,
Con tua giữ dạ cứu nàn giúp nguy.*

461

*Học cho thấu máy linh cơ tạo,
Học cho toàn trí xảo văn minh.
Thâu tài hay nhập nước mình,
Làm cho dân hưởng thái bình giàu sang.*

- Dạy con trai không được đam mê sắc dục, ăn chơi trác táng:

581

*Có chi trọng đàn ong xóm bướm,
Nơi phồn ba đậm nhuộm màu gian.
Đừng quen kết lũ vầy đoàn,
Cửa thanh lâu những nhận nhàng gió trăng.*

▫ **MẸ DẠY CON GÁI:** (TỪ CÂU 593 ĐẾN 712: 120 CÂU)

- Con gái phải lo trau dồi Tứ Đức: Công, Dung, Ngôn, Hạnh, và giữ lấy Tam Tùng: Tùng phụ, Tùng phu, Tùng tử.
- Mẹ dạy con gái về **Dung**:

621

*Phàm phận gái đứng hàng khuê các,
Phải trau tria tướng hạc hình mai.
Chín tầng cửa đóng then gài,
Ra ngoài nghiêm nghị, trong bày đoan trang.*

- Mẹ dạy con gái về **Ngôn**:

625

*Đối với khách đồng bàn đồng tuổi,
Nhớ cho hay lời nói giọng cười.
Ngôn từ ngọt dịu thanh tươi,
Tiếng tiêu khải phụng, phục người mới ngoan.*

- Mẹ dạy con gái về **Công**:

629

Gặp cơn rảnh nhà lan vắng khách,

*Công chỉ kim, đèn sách học hay.
Trăm nghề dầu chẳng đủ tài,
Đệt văn Tô Huệ gỡ đày chinh phu.*

- Dạy con gái về **Hạnh**:

633

*Sửa từ nét ngày râu tập tánh,
Trăm hạnh hay bởi tránh điều thô.
Xấu xa rách rưới lỏa lồ,
Đoan nghiêm tánh đức cũng cho gái lành.*

- Dạy con gái lúc chưa chồng thì ở nhà phải tòng Cha (**Tùng phụ**) và phải hiếu thảo với cha mẹ:

637

*Còn đương thưở tuổi xanh thơ bé,
Rán theo cha học lễ học văn.
Phép xưa tòng phụ đã rằng,
Dựa thân cội tử đợi hàng trượng phu.*

641

*Thánh xưa dạy từ câu nói hiếu,
Đạo thờ thân chăm khíu nên kinh.
Tích xưa nhắc đến Đề Oanh,
Thương cha nên phải bán mình kêu oan.*

- Dạy con gái phải lựa chọn tấm chồng cho xứng đáng với tài sắc của mình:

653

*Đợi nơi cửa khách tìm thức ngọc,
Đừng đổ đường rời bốc đóa hoa.*

*Trông người so sánh với ta,
Lường tài cân sắc hiệp hòa mới nên.*

- Dạy con gái khi có chồng thì phải tòng chồng (**Tùng phu**) và giữ lòng chung thủy với chồng:

673

*Đến lúc đã chung phòng hòa hiệp,
Phải tòng phu là phép xưa nay.
Mạnh Quang tích trước ghi tài,
Tê mi vẹn đạo chẳng nài khổ thân.*

701

*Hễ thất nghĩa rẻ khinh kim cải,
Khó tươi hoa trở lại thanh tươi.
Hư nên cũng có một đời,
Hay chi thay đổi nhành mai sái mùa.*

- Hai đoạn: Mẹ dạy con trai và Mẹ dạy con gái rất quan trọng, tính theo số câu thì chiếm 1/4 tác phẩm.
 - Người Mẹ cần lợi dụng sự thương yêu gần gũi các con để nhỏ to dạy dỗ và khuyên nhủ con. Bởi vì nuôi một đứa con thì dễ, chớ việc dạy một đứa con nên người đạo đức hữu ích cho hơn quần xã hội là một việc muôn vàn khó khăn, đòi hỏi người cha, nhất là người mẹ phải tế nhị, sâu sắc và nhẫn nại.
 - Người phụ nữ, nếu gặp phải số phận bạc bẽo, gầy gánh giữa đường thì điều cao quý nhất vẫn là giữ lòng chung thủy với chồng, ở vậy nuôi con và dạy dỗ con, hy sinh bản thân mình để tạo sự nghiệp cho con, hơn là tái giá, bước thêm bước nữa (**Tùng tử**):

777

*Thôi đành gửi tâm hồn gió tuyết,
Theo nương con cho hết Tam Tùng.
Hoặc là tròn nghĩa thủy chung,
Hoặc là chia dạ nã nùng với con.*

- Khi con đã khôn lớn nên người, người phụ nữ cần nên hướng về đường đạo đức tu hành:

969

*Tiếng U Minh tíu lia gọi thăm,
Giọng kinh khua cửa Phạm đập đồn.
Câu kinh tiếng kệ gọi hồn,
Kêu thương khách tục, giải lòng người nhân.*

997

*Rón rén trước Phật ngôi cúi gập,
Mấy lạy trình mấy nấc tương tư.
Mảnh tâm xin gửi bấy chừ,
Nương theo thuyền huệ vào bờ Tương giang.*

- Nhìn lại cuộc đời đã qua, thấy rõ như là một giấc mộng, có chồng có con, mưu cầu danh lợi chỉ là chuốc thảm đeo sầu.

1109

*Ngẫm thế cuộc chẳng bằng một giấc,
Kiếp phù sinh đặng thất là bao.
Nhặng là đeo thảm chác sầu,
Tóc xanh cho tới bạc đầu cũng in.*

- Người phụ nữ lúc bấy giờ nên xuất gia tu hành, tìm đường Thiên đạo thì mới mong giải khổ và thoát khổ.

1153

*Thay đạo phục bước xăng lánh thế,
Mời thì kinh, tối kệ giải lòng.
Từ bi hứng giọt nhành dương,
Lau thanh trái chủ, lấp đường nghiệt căn.*

1233

*Vẹn Nhơn đạo đi lần nẻo chánh,
Đến vô ưu đặng lánh nhơn luân.
Thuyền con mệch mệch như rừng,
Đon đường Thánh đức hỏi chừng Như Lai.*

- Tu thì nên luyện đạo và sẽ được đắc đạo tại thế:

1249

*Bế ngũ quan, không kiêng tục tánh,
Diệt lục trần xa lánh phàm tâm.
Mệnh Thiên giữ vững tay cầm,
Đoạt phương tự diệt, giải phần hữu sinh.*

1257

*Ngũ khí thanh diệt trừ quả kiếp,
Linh quang đầy đặng tiếp hồng ân.
Xác tại thế đã nên Thần,
Ba mươi sáu côi đặng gần linh Thiên.*

- Rán cầm viết ghi lại những kinh nghiệm sống của đời mình để lưu lại khuyên dạy Nữ phái:

1381

*Gắng cầm viết nín hơi sống tốt,
Đề năm vẫn khắc cốt nữ lưu.*

*Dứt tình ái, giải sầu ưu,
Hễ thương thì cũng lo mưu giữ mình.*

- Nhiệm vụ đã xong, linh hồn thoát xác về Tiên, hưởng hồng ân của Đức Chí Tôn:

1397

*Buông ngọn viết vào làn mây trắng,
Hễ có thương nhớ dạng là hơn.
Cảnh Thiên gọi tấc hương hồn,
Đề câu tiết nghĩa vĩnh tồn hậu lai.*

1401

Đời đời danh chói CAO ĐÀI.

- Tác phẩm Nữ Trung Tùng Phận của Tiên Nương Đoàn Thị Điểm viết ra vào năm 1933, lúc đất nước ta còn phong kiến và Pháp thuộc, nên thích hợp với hoàn cảnh xã hội thời đó, nhưng so với hoàn cảnh của người phụ nữ thời nay có nhiều đổi mới thì tác phẩm có một số chi tiết không còn thích hợp nữa.
- Tuy nhiên, đứng trên mặt tổng quát, đặt nặng phần căn bản mà xem nhẹ chi tiết, thì tác phẩm Nữ Trung Tùng Phận này rất có giá trị về 2 phương diện: văn chương và giáo dục.
- Lời thơ bóng bẩy, đầy âm điệu, ý tứ thanh cao, góp phần làm phong phú nền văn hóa Việt Nam.
- Nội dung giáo dục chủ yếu dành cho Nữ phái, nhưng không phải không có dạy Nam phái, góp phần củng cố nền tảng đạo đức gia đình, đúng theo chủ trương Nho tông Chuyển thế của Đạo Cao Đài, để từ đó xây dựng nền phong hóa Việt Nam càng lúc càng

tốt đẹp, làm gương mẫu cho toàn nhơn loại, đúng theo Thánh ngôn của Đức Chí Tôn:

Nam phong thử nhật biến Nhơn-Phong.”

NHỮNG GIỚI HẠN THỜI GIAN TRONG NỮ TRUNG TÙNG PHẬN

- Tiên Nương Đoàn Thị Điểm giảng cơ viết tác phẩm Nữ Trung Tùng Phận vào 1933, trong một hoàn cảnh lịch sử của đất nước Việt Nam vô cùng rối ren và đen tối.
- Người Pháp đã đặt ách đô hộ hoàn toàn lên Nam Kỳ và Bắc Kỳ (Miền Nam và miền Bắc Việt Nam), còn Trung Kỳ thì người Pháp bảo hộ, họ duy trì chế độ vua quan nhà Nguyễn làm bù nhìn cho chúng, để chúng thẳng tay đàn áp các phong trào Cách mạng hay Cần Vương của các sĩ phu yêu nước.
- Người Pháp đã đem nền văn minh cơ khí tiến bộ của họ và nền văn hóa Thiên Chúa giáo sang khai hóa dân tộc ta, khiến người dân Nam cảm thấy rất xa lạ, thấy nó như các phép thuật của ma quỷ, nên người Việt Nam yêu nước gọi người Pháp là đám Bạch quỷ (quỷ da trắng).

398

Nào dân đen phép quỷ hợp hồn.

- Người Việt Nam phải chịu trong cảnh nô lệ, tù đày:

412

Tài chi trong kiếp tội tù dã man.

- Một số người Việt Nam bị Pháp dụ dỗ bằng miếng mồi danh lợi nên chạy theo ủng hộ Pháp, được Pháp cho làm quan, trở lại đàn áp các phong trào yêu nước chống Pháp, được Pháp dung túng cho bọn họ tham nhũng, bóc lột dân chúng:

421

*Thất xā tắc dân mình nghịch chủng,
Quen nghề tham, lại nhũng, quan gian.
Sâu dân một nước bạo tàn,
Mua quan bán chức nhộn nhàng cân đai.*

- Do đó, Bà Đoàn Thị Điểm đã viết trong phần Mẹ dạy con trai phải tận trung với vua và tham gia phong trào Cần Vương:

369

Quan thì phải tận trung vì chúa.

371

Sang thì giữ vững ngai vàng.

378

*Thương quê hương trọng ngãi quân thân.
Ngọn rau tấc đất là ân.*

380

Ưu quân ái quốc, vua cần dân nghinh.

386

Đạo Cần Vương nêu tiếng thanh cao.

- Đây là điều giới hạn về thời gian của tác phẩm Nữ Trung Tùng Phận, vì thời xưa, dưới chế độ quân chủ, vua cai trị dân một cách độc đoán, còn nay thì đã tiến đến thời tự do dân chủ, dù có vua đi nữa thì vua chỉ để tượng trưng cho nước, giữ phần nghi lễ, chớ không tham dự vào việc cai trị dân, mà quyền cai trị dân nằm trong tay của Chánh Phủ do dân trực tiếp

hay gián tiếp bầu ra, dưới sự giám sát của Quốc Hội, một cơ quan hoàn toàn dân cử.

- ▣ Vào năm 1933, xã hội Việt Nam vẫn còn ảnh hưởng nặng nề tính chất của thời quân chủ, nên quan niệm các vấn đề như:
 - ▣ Trung với vua một cách cứng ngắt, hẹp hòi.
 - ▣ Trọng Nam khinh Nữ, không cho phụ nữ đi học và làm quan.
 - ▣ Duy trì chế độ đa thê, chồng chúa vợ tôi.
 - ▣ Đó là 3 vấn đề mà tác phẩm Nữ Trung Tùng Phận còn bị giới hạn đối với xã hội Việt Nam tiến bộ ngày nay. Chúng ta đi chi tiết từng điểm một:

A) VẤN ĐỀ TRUNG VỚI VUA:

- ▣ Bà Đoàn đã viết như đã trình bày ở phần trên.

B) VẤN ĐỀ TRỌNG NAM KHINH NỮ:

- ▣ Thuở đó, phụ nữ không được đi học và ra làm quan.

05

*Bởi rẽ rúng thuyên quyền thiếu học.
Dầu chí thân tơ tóc cũng khi.*

17

*Cửa Thánh miếu hãy còn thiếu gái.
Chốn quyền môn Nữ lại vẫn không.*

35

*Rừng Nho biển Thánh tinh tinh,
Nữ lưu nào thấu muôn nghìn thi thơ.*

- ▣ Ngày nay, Nam Nữ đã hoàn toàn bình đẳng với nhau, con gái được học hành y như con trai, lại còn có

phần giỏi hơn con trai, số học trò Nữ thường đông hơn Nam. Có nhiều phụ nữ đậu các bằng cấp rất cao như: Thạc Sĩ, Bác Sĩ, Tiến Sĩ.

- Phụ nữ được làm tất cả các công việc, các ngành nghề y như Nam phái, kể cả các ngành Chánh Trị, Kinh Tế, Văn Hóa. Nhiều phụ nữ đã làm Dân Biểu, Nghị Sĩ, Bộ Trưởng, Thủ Tướng, Quản trị kinh doanh, Luật Sư, Bác Sĩ, Dược Sĩ, v.v...

C) VẤN ĐỀ ĐA THÊ, CHỒNG CHÚA VỢ TÔI:

- Trong Nữ Trung Tùng Phận Bà Đoàn Thị Diễm đã viết:
- Người đàn bà bị xem như món đồ chơi:

19

Vật chơi ở chốn khuê phòng.

- Chồng chúa vợ tôi, người vợ không có quyền quyết định các việc trong gia đình:

113

Thân lòn cúi vợ tôi chồng chúa.

119

*Dầu cho lúc đứng khi ngồi,
Chàng là chúa cả, thiếp thời gia nô.*

- Người đàn ông được xã hội cho phép lấy nhiều vợ:

139

*Thung dung quân tử hảo cừ,
Năm thê, bảy thiếp mặc dầu trắng hoa.*

709

Trai bảy thiệp cũng cho chẳng hại.

- Ngày nay, luật pháp nước Việt Nam cấm hẳn đa thê, chỉ cho phép một vợ một chồng. Tân Luật của Đạo Cao Đài cũng không cho phép đa thê.
- Phụ nữ ngày nay được hoàn toàn bình đẳng với Nam phái trong mọi lãnh vực, về quyền lợi cũng như về trách nhiệm, đối với Đời cũng như về mặt Đạo, không còn cảnh chồng chúa vợ tôi, cử án tề mi.
- Trong quan niệm chồng chúa vợ tôi của thời đó, Bà Đoàn Thị Điểm đã xây dựng một mẫu người vợ với đạo Tùng Phu (trong Tam tùng) một cách quá mức đến độ người vợ mất hẳn cá tính, giống như một nữ kịch sĩ chỉ lo diễn xuất cho trọn vẹn vai tuồng làm vợ, chớ không hề có chút gì sống thực với chính bản thân mình:

61

*Dầu khôn mấy giả ngu cho thuận,
Phải bao nhiêu cũng nhận lỗi lầm.*

67

*Chiều vui dưới trướng ngoài màn.
Ép nhớ thương làm điếc làm đui.*

81

*Hiếu thương ghét giả cam phận đại,
Biết nên hư chẳng cãi cho cùng.*

91

Dầu chàng đổi dạ én anh,

*Tê mi vện đạo, giữ gìn phép khuôn.
Nâng khăn trấp giải buồn quân tử,
Hầu tửu trà giấc ngủ không an.
Chàng vui thiếp cũng vui càn,
Chàng buồn thiếp tựa bên màn khóc theo.*

111

*Trăm năm kim cải cũng chồng,
Trái duyên vẫn vện đạo tông mà thôi.*

- Người phụ nữ thời nay, khi đọc những đoạn thơ có nội dung chồng chúa vợ tôi, chắc chắn rất lấy làm bất mãn trước bao nỗi bất công mà người phụ nữ thời xưa phải gánh chịu, và cảm thấy lòng vừa đau đớn vừa thương xót.
- Tuy nhiên chúng ta cũng nhận thấy Bà Đoàn đã thấy rõ những nỗi bất công đó, nên có lúc Bà muốn đứng lên tranh đấu mạnh mẽ cho quyền lợi của phụ nữ:

1325

*Thấy nhi nữ kiếp căn mỏng mảnh,
Muốn binh lời làm mạnh đỡ nâng.*

- Nhưng bà lại sợ, vì luân lý xã hội với truyền thống lâu đời lúc bấy giờ chưa cho phép:

1327

*Lại e lỗi đạo nhưn luân,
Dở dang gia pháp, vương thần loạn ngôi.*

- Bà nhận thấy rằng, nguyên nhân chủ yếu của các bất công đó là do phụ nữ ít học, dốt nát, thiếu tài năng,

nên Bà khuyến khích phụ nữ, việc đầu tiên là phải lo học tập, trau dồi kiến thức:

01

*Dụng văn hóa trau tria nữ phách,
Lấy kinh luân thúc thách quần hồng.*

- Bà cũng muốn đòi hỏi bình quyền giữa vợ và chồng:

85

*Ngoài mặt phép, chàng sao thiệp vậy,
Giữa cửa công, phải quấy đồng thân.*

113

Đạo phu thô như đũa nên đôi.

- Nhưng đứng trước một xã hội còn nặng nề đầu óc quan liêu phong kiến, tiếng nói đòi hỏi của Bà trở thành tiếng than uất ức:

160

Phải chi vợ dám phụ phàng mới sao?

- Và khi Bà viết đoạn Mẹ dạy con trai cách đối xử với vợ, phải thương yêu vợ, đối xử bình đẳng với vợ và giữ lòng chung thủy với vợ, thì chúng ta thấy rõ Bà vốn chủ trương vợ chồng bình đẳng với nhau:

533

*Con đừng thấy phụ nhân nan hóa,
Cầm hôn hoa vầy vã thân hoa.
Vợ con thay phận mẹ già,
Nuôi con mẹ cậy bóng ngà nữ dung.*

537

*Khi sớm tối lạnh nồng có kẻ,
Thân mật con đặng để giữ con.
Mẹ lo trong lúc còn non,
Vợ con lo lúc thân mòn gối rung.*

541

*Nếu khổ cực cùng chung chia sót,
Dầu sang hèn đừng bớt tình nồng.
Hễ là vào đạo vợ chồng,
Hư nên đều có của ông công bà.*

545

*Con chó ý mình là nam tử,
Chiếm chủ gia, hẹp xử thế nhi.
Đừng xem ra phận tiện tỳ,
Quyền trong nội trợ cũng bị đồng nhau.*

- Tóm lại, đứng trên mặt tổng thể của tác phẩm, 3 điểm giới hạn vừa nêu trên chỉ là một phần nhỏ mà thôi. Ngoài những điểm hạn chế nhỏ nầy ra, toàn bộ phần lớn còn lại của tác phẩm Nữ Trung Tùng Phận đều có tánh cách phi thời gian và không gian, tức là có giá trị bất hủ trong mọi trường hợp.
- Do đó, tác phẩm Nữ Trung Tùng Phận vẫn có giá trị giáo dục rất cao. Đương nhiên khi áp dụng vào việc giáo dục phụ nữ thời nay, hay thời sau nầy nữa, dù là sự giáo dục trong cửa Đạo Cao Đài hay là sự giáo dục ngoài xã hội, cần phải bớt đi những phần hạn chế không thích hợp, giữ lại và phát huy tất cả những phần thích hợp. Điều đó là cần thiết vì sự tiến hóa tất nhiên của nhơn sanh.

TỨ ĐỨC & TAM TÙNG ĐỐI VỚI PHỤ NỮ THỜI NAY

- Tứ Đức.
- Tam Tùng.
- Tứ Đức & Tam Tùng của phụ nữ Cao Đài.

KHI MỞ ĐỀ NÓI VỀ TỨ ĐỨC VÀ TAM TÙNG ĐỐI VỚI NGƯỜI PHỤ NỮ THỜI NAY, CÓ MỘT SỐ KHÔNG ÍT chị em khoát tay lia lịa cho rằng cái đó là cổ hủ, lỗi thời rồi. Đời tự do dân chủ, Nam Nữ bình quyền, thời khoa học văn minh tiến bộ, Nữ còn giỏi hơn Nam mà đem chuyện Tứ Đức và Tam Tùng cách đây hơn 25 thế kỷ ra bàn luận áp dụng cho phụ nữ có phải là trật đường rầy chẳng?

- Nhưng xin thưa rằng, trước khi chúng ta nặng lời phê phán, chúng ta cũng nên bình tâm dành chút ít thời gian tìm hiểu trở lại một cách rõ ràng Tứ Đức, Tam Tùng là gì, hay dở ra làm sao, để tránh những điều ngộ nhận sai trái đáng tiếc.

▫ I. TỨ ĐỨC:

- Tứ Đức là 4 đức tốt của người phụ nữ. Tứ Đức gồm: Công, Dung, Ngôn, Hạnh.

1. CÔNG:

- Công là chăm sóc việc nhà cho sạch sẽ, trật tự, vén khéo; thêu thùa may vá, nấu nướng món ăn, nuôi dạy con cái.
- Trong Nữ Trung Tùng Phận, Bà Đoàn Thị Điểm dạy về Công:

629

*Gặp cơn rảnh nhà lan vắng khách,
Công chỉ kim, đèn sách học hay.
Trăm nghề dầu chẳng đủ tài,
Đệt văn Tô Huệ, gỡ đày chinh phu.*

- Trong phần Công, Bà Đoàn còn dạy phụ nữ nên dành thì giờ lo học tập, trau dồi kiến thức.
- Nếu người phụ nữ trong nhà để cho nhà cửa dơ dáy đầy rác bẩn, đồ đạc vứt bỏ lung tung, không biết nấu ăn, áo đứt nút không biết cầm kim kết lại, con cái mặt mày lem luốc, quần áo dơ dáy, thử hỏi người ta sẽ đánh giá trị người phụ nữ ấy ra sao?

2. DUNG:

- Dung là vẻ mặt và dáng dấp bề ngoài. Phụ nữ cần chăm sóc dung nhan cho tươi tắn, tướng đi dịu dàng, cử chỉ từ tốn đoan trang, thân thể sạch sẽ, quần áo thơm tất gọn gàng.
- Trong Nữ Trung Tùng Phận, Bà Đoàn dạy về Dung:

621

*Phàm phận gái đứng hàng khuê các.
Phải trau tria tướng hạc hình mai.
Chín tầng cửa đóng then gài,
Ra ngoài nghiêm nghị, trong bày đoan trang.*

3. NGÔN:

- Ngôn là lời nói phải thành thật, ngay thẳng, dịu dàng, xác đáng, gây được tình cảm tốt đẹp trong mọi người; tránh lời thị phi, đâm thọc, xảo trá lợi mình hại người.

- Trong Nữ Trung Tùng Phận, Bà Đoàn dạy về Ngôn:

625

Đối với khách đồng bàn đồng tuổi,

Nhớ cho hay lời nói giọng cười.

Ngôn từ ngọt dịu thanh tươi,

Tiếng tiêu khải phụng, phục người mới ngoan.

- Nếu người phụ nữ không giữ gìn lời nói, phát ngôn bừa bãi, chua ngoa, gian xảo, nói lời thô tục, người ta sẽ đánh giá trị người phụ nữ ấy như thế nào?

4. HẠNH:

- Hạnh là tánh nết hiền lành, hòa nhã, hiếu thảo, kính trên nhường dưới, khoan dung, đoan chính.
- Trong Nữ Trung Tùng Phận, Bà Đoàn dạy về Hạnh:

633

Sửa từ nết, ngày thâu tập tánh,

Trăm hạnh hay bởi tránh điều thô.

Xấu xa rách rưới lỏa lồ,

Đoan nghiêm tánh đức cũng cho gái lành.

- Nếu người phụ nữ không giữ tánh nết cho hoà nhã đoan chánh, để cho buông lung lăng loàn, hay cãi lẫy bướng bỉnh, ác độc, ích kỷ, thì người ta sẽ đánh giá trị người phụ nữ ấy thế nào?
- Đó là ý nghĩa của Tứ Đức, nó là tiêu chuẩn để định giá trị của phụ nữ. Như thế, chúng ta nhận thấy ai ai trong giới phụ nữ cũng đều đang có Tứ Đức, nhưng có điều là ở mức độ nhiều ít, đầy đủ hay thiếu sót thế thôi.
- Tứ Đức là 4 điều hết sức cần thiết, đến độ xem là tự

nhiên sẵn có của phụ nữ. Nhờ Tứ Đức mà giá trị của phụ nữ được nâng cao. Không cần phải giàu sang quyền quý hay là trí thức mới có đủ Tứ Đức, người nghèo khó, dốt nát, quê mùa cũng vẫn có Tứ Đức. Chính Tứ Đức mới định giá trị thực sự của phụ nữ. Giá trị này không do phấn son, nước hoa hay quần áo đắt tiền đúng kiểu thời trang.

- Chỉ có hạng phụ nữ bị xã hội chê bỏ mới không có Tứ Đức mà thôi.

▫ II. TAM TÙNG:

Tam Tùng hay Tam Tông là 3 điều nên theo của phụ nữ. Tam Tùng gồm: Tùng phụ, Tùng phu, Tùng tử, tức là:

- Tại gia tùng phụ,
- Xuất giá tùng phu,
- Phu tử tùng tử.

1. TẠI GIA TÙNG PHỤ: Ở NHÀ THÌ TÙNG THEO CHA.

- Điều này rất đúng đắn và tự nhiên, bởi vì cha mẹ sanh ra mình, nuôi mình lớn lên, dạy cho biết điều hay lẽ thiệt, thì mình phải vâng lời cha mẹ là lẽ đương nhiên. Tuy nhiên, tùng cha mẹ nhưng phải ý thức là tùng theo lẽ phải và đạo đức, chớ không phải tùng theo một cách mù quáng máy móc.
- Phần cha mẹ thì phải là người hiền lương chơn chất, hết lòng thương con, lo lắng cho con, dạy dỗ con thành người tốt hữu ích cho gia đình và xã hội.
- Trong Nữ Trung Tùng Phận, Bà Đoàn dạy về Tùng Phụ:

637

Còn đương thuở tuổi xanh thơ bé,

Rán theo cha học lễ học văn.

Phép xưa tòng phụ đã rằng,

Dựa thân cội tử đời hàng trượng phu.

- Chỉ không tòng cha khi nào lời dạy bảo của cha không hợp với luân lý đạo đức và trái với lẽ phải. Trong trường hợp này, người con cần phải hết sức khiêm tốn, nhỏ nhẹ nhưng cương quyết, năn nỉ cha xét lại, tranh đấu cho lẽ phải bằng tình thương yêu một cách tế nhị để khuyên lơn cha.

2. XUẤT GIÁ TÙNG PHU: CÓ CHỒNG THÌ TÙNG THEO CHỒNG.

- Trời phú cho người đàn ông một sức khỏe mạnh mẽ, một ý chí cương quyết, nên người chồng đảm nhận trách nhiệm kinh tế, lo làm việc sanh lợi nuôi sống gia đình gồm vợ và các con. Do đó, một cách rất tự nhiên, người vợ nhường cho chồng quyền làm chủ gia đình, làm chỉ huy trưởng, còn vợ thì phụ tá, làm chỉ huy phó. Mọi việc trong gia đình, người vợ cần đóng góp ý kiến cho chồng giải quyết, nhưng dành cho chồng quyền quyết định sau cùng.
- Đó là tòng theo chồng, với điều kiện chồng sáng suốt và tài năng, chớ không phải như thời xưa qui định chồng chúa vợ tôi, chồng xem vợ như kẻ nô tỳ.
- Nữ Trung Tùng Phận:

673

Đến lúc đã chung phòng hòa hợp.

Phải tòng phu là phép xưa nay.

- Sự tùng theo chồng là hình thức phân chia trách nhiệm giữa vợ và chồng trong gia đình.
- Trong công bằng xã hội, Nam Nữ bình quyền, phong tục và tập quán thời nay cũng như Luật pháp chỉ cho phép một vợ một chồng. Người đàn ông chỉ được có một vợ, và người phụ nữ chỉ được có một chồng, và vợ chồng phải sống chung thủy với nhau.

3. PHU TỬ TÙNG TỬ: CHỒNG CHẾT THÌ THEO CON.

- Tùng theo con, không có nghĩa là nghe lời con hay bị con chỉ huy, mà ý nói rằng, khi chồng chết thì người vợ nên ở vậy, thủ tiết với chồng, quên mình mà lo tạo dựng cho con.
- Thật ra, đây không phải là điều bắt buộc, thời xưa cũng như thời nay, mà chỉ là lời khuyên. Nếu người vợ còn trẻ tuổi, luân lý và luật pháp không cấm người vợ tái giá khi mất tang chồng.
- Việc người quả phụ bước thêm bước nữa là việc bình thường, và chúng ta cũng thường thấy như thế. Nhưng nếu người phụ nữ ấy thủ tiết với chồng đã chết, ở vậy thờ chồng nuôi dạy con khôn lớn thì đó mới là điều phi thường, đáng tôn trọng. Cái khó khăn mà người ta không làm được, mình làm được thì mới đáng quý, đáng bậc tiết liệt, vì nó thể hiện lòng cứng cỏi bất khuất, chiến thắng dục vọng tầm thường.
- Không có chiến công vẻ vang nào bằng tự thắng được dục vọng của mình.
- Tôn giáo thì luôn luôn mong muốn người phụ nữ sống cao thượng, cho nên khuyến khích người phụ nữ khi chồng chết thì không nên tái giá, ở vậy thờ

chồng nuôi con và xây dựng cho con. Tuy nhiên, đây chỉ là sự chỉ vẽ đường lối có tánh cách khuyến khích, chứ không bắt buộc. Người phụ nữ tùy ý lựa chọn con đường mình đi, muốn mình sống bình thường như bao nhiêu phụ nữ khác hay muốn trở nên bực phi thường. Người phụ nữ có quyền tự do lựa chọn và định đoạt cuộc đời mình.

- Trong Nữ Trung Tùng Phận, Bà Đoàn viết về Tùng tử:

777

*Thôi đành gửi tâm hôn gió tuyết,
Theo nương con cho hết Tam Tùng.
Hoặc là tròn nghĩa thủy chung,
Hoặc là chia dạ nòng nùng với con.*

▫ **III. TỨ ĐỨC & TAM TÙNG CỦA PHỤ NỮ CAO ĐÀI:**

- **Thể Pháp và Bí Pháp của Nhơn đạo:**
- Phần I (Tứ Đức) và phần II (Tam Tùng) vừa trình bày bên trên là Thể Pháp của Nhơn đạo của người phụ nữ.
- Nếu người phụ nữ nào làm tròn được Thể Pháp này thì được bước vào Thần vị. Riêng người tín nữ Cao Đài cần tiến lên một nấc thang kế tiếp là **Bí Pháp của Nhơn đạo**.
- Đức Cao Thượng Phẩm giảng cơ dạy như sau:
- Tam Tùng, Tứ Đức là về phần Nữ phái:
- **Tùng phụ:** Như người con gái phải giữ trọn tiết trinh, cũng như kẻ tín đồ phải giữ tròn danh Đạo.
- **Tùng phu:** Như bóng với hình, tức nhiên phải ví mình như một trong Thánh thể, tùng Hội Thánh vậy.

- **Tùng tử:** là phải vì đám hậu sanh mà quên mình đặng tạo nên sự nghiệp tương lai cho chúng, tức nhiên là bốn phận của Chúc sắc vậy.
- **Công, Dung, Ngôn, Hạnh:** tức là việc làm cho cho nhơn sanh thoát khổ, lời nói để đưa đường giáo hóa, hành vi cử chỉ để treo gương mặt thế, tức là phải biết nâng cao giá trị của Thánh thể Đức Chí Tôn, nét na dằm thắm, giữ trọn thương yêu, tức nhiên là làm nền móng cho Đại đồng Thế giới.”
- Người nữ tín đồ Cao Đài thực hành trọn vẹn Thể Pháp và Bí Pháp của Nhơn đạo thì đắc Thánh, bước vào Thánh vị.
- **Tam Tùng và Tứ Đức theo Thiên đạo:**
- Khi đã làm trọn được Tam Tùng và Tứ Đức ở Thể Pháp và Bí Pháp của Nhơn đạo, người nữ tín đồ Cao Đài cần tiến lên một nấc thang cuối nữa, cho Tam Tùng và Tứ Đức thăng hoa lên đến tột bậc để bước vào Thiên đạo, thì mới được giải thoát khỏi vòng luân hồi.
- **Tùng phụ:** Tùng Cha, Cha đây là Đấng Cha Trời, là Đại Tử Phụ. Phải tuân theo lời dạy của Đấng Cha Trời, siêng năng tu tiến thì linh hồn mới trở bước lên phẩm vị cao sang.
- Nữ Trung Tùng Phận:

1251

Mệnh Thiên giữ vững tay cầm,

Đoạt phương tự diệt, giải phần hữu sanh.

- **Tùng phụ:** Theo chồng, chồng thuộc Dương, vợ thuộc Âm, vợ chồng hòa hợp thì cũng như sự tu luyện làm cho 2 khí Âm Dương trong cơ thể tương hiệp nhau,

tức là đạt được Ngũ Khí triều ngươn, Tinh Khí Thần hiệp nhứt, đắc đạo tại thế.

- Nữ Trung Tùng Phận:

1257

*Ngũ Khí thanh diệt trừ quả kiếp,
Linh quang đầy đặn tiếp hồng ân.*

Xác tại thế đã nên Thân,

Ba mươi sáu cỗi, đặn gần Linh Thiên.

- **Tùng tử:** Sau khi đắc đạo rồi, còn phải trở lại dùi dắt những đứa con đang dại khờ chìm đắm trong vòng vật dục, để chúng sớm giác ngộ mà quay trở lại con đường Đạo.

- Nữ Trung Tùng Phận:

1261

*Hiệp Tạo Hóa cầm quyền chuyển thế,
Dạy vạn linh dụng thế từ bi.*

Sanh ấy ký, tử là qui,

Diệu huyền cơ tạo chẳng gì gọi hơn.

- **Công:** Từ chỗ chăm làm việc nhà, phát triển lên làm việc cho xã hội, truyền bá kinh sách giáo hóa người đời, phụng sự nhơn sanh, để tạo công đức tu hành mau tinh tấn.

- Nữ Trung Tùng Phận:

1267

Ham phương cứu thế độ nhơn,

Giải mê khách tục, cỗi trần lánh xa.

- **Dung:** Tiến lên bồi đắp sắc đẹp tinh thần, thể hiện

bằng tình thương bao la cứu giúp chúng sanh thoát khổ.

- Nữ Trung Tùng Phận:

1269

*Lấy bác ái làm hòa vạn vật,
Đem thiện duyên xây nấc thang hồng.
Đoạn căn, đóng chặt Âm cung,
Tòa sen chín phẩm để cùng Phật tâm.*

- **Ngôn:** Từ chỗ nói năng đoan chính đem lại hòa ái cho mọi người, tiến lên nói điều đạo đức, thuyết minh giáo lý khai mở tâm tánh cho nhơn sanh thức tỉnh, học đạo tu hành.
- Nữ Trung Tùng Phận:

1185

*Gót nhân ái đến nhà kẻ bệnh,
Giọng từ bi thức tỉnh hung tâm.
Giữa cơn náo loạn trời cầm,
Lấy hơi hòa nhã dẹp lằn bỉ thô.*

- **Hạnh:** Từ đức tánh hiền hòa khiêm tốn, tiến lên đến mức khiêm tốn tối đa để chinh phục người đời, phổ độ người đời vào đường đạo đức, lập hạnh từ bi cứu vớt chúng sanh đồng thoát khổ.
- Nữ Trung Tùng Phận:

1229

*Lấy tâm chánh làm cân đong thế,
Cây lòng lành làm kế diu đời.
Chông gai, vạch bước thành thời,*

Cầm phương cứu khổ độ người trầm luân.

Tóm lại, Tứ Đức và Tam Tùng trong Thiên đạo chỉ là sự thăng hoa đến mức cao tột của Tứ Đức và Tam Tùng trong Nhơn đạo của người phụ nữ Đạo Cao Đài.

GIẢI THÍCH HÌNH BÌA, TÊN SÁCH, KHẢO ĐÍNH

- Giải thích hình bìa.
- Giải nghĩa tên sách.
- Khảo đính một số từ ngữ.

▫ I. GIẢI THÍCH HÌNH BÌA:



BÊN TRÊN LÀ NHỮNG CON CHIM, ĐÓ LÀ NHỮNG CON HẠC ĐẠO. BÊN DƯỚI LÀ CHIẾC THUYỀN TÌNH lướt trên Khổ hải.

- Hình vẽ trên ứng với 2 câu thơ:

1227

*Tâm ân ái giúp Chí Linh,
Biển mê chèo chiếc thuyền tình độ nhân.*

- **Tâm ẩn ái:** Lòng trắc ẩn thương yêu.
 - **Chí Linh:** Rất thiêng liêng, chỉ Đức Chí Tôn.
 - **Biển mê:** Mê là mờ hồ lảm lạc. Trái với Mê là Giác. Mê là còn khổ, còn phiền não, nên là chúng sanh; Giác là hết khổ, an lạc, nên là Phật. Biển mê chính là Biển khổ (Khổ hải). Chúng sanh đang trầm luân trong Biển mê, gây ra lảm oan nghiệt mà không biết nên cứ mãi mãi luân hồi chuyển kiếp nơi cõi trần ai phiền não.
 - **Độ nhân:** Cứu giúp người.
 - **Thuyền tình:** Trong văn chương, Thuyền tình được dùng với ý nghĩa là chiếc thuyền chở tình yêu của đôi Nam Nữ theo câu thơ cổ: “**Nhất phiến tình chu dĩ đáo ngạn.**” nghĩa là: Một chiếc thuyền tình đã đến bờ, ý nói tình yêu của đôi Nam Nữ đến bờ hạnh phúc, kết hôn với nhau thành vợ chồng và sống hạnh phúc bên nhau.
 - Theo nghĩa này, trong Truyện Kiều có câu:
*Thuyền tình vừa ghé tới nơi,
Thì đà trâm gãy, bình rơi bao giờ.*
- Ở đây, Đoàn Tiên Nương dùng chữ Thuyền Tình với ý nghĩa được thặng hoa lên thành chiếc thuyền của tình thương yêu, thuyền bác ái, chiếc thuyền từ bi, mà Đức Quan Âm Bồ Tát chèo trên Biển khổ để cứu độ nhơn sanh đưa qua Bờ giác.
 - Tác phẩm Nữ Trung Tòng Phận này được ví như chiếc Thuyền Tình thương yêu cứu giúp chị em Nữ phái vượt qua Khổ hải đến nơi Bờ giác, đắc đạo, thung dung tự tại như những con Hạc đạo tự do bay liệng trong không trung.

▫ II. GIẢI NGHĨA TÊN SÁCH:

- **Nữ Trung Tòng Phận.** *Nữ:* Đàn bà con gái, phụ nữ. *Trung:* Ở giữa, ở trong. *Nữ trung:* Trong giới phụ nữ, tức là chỉ giới phụ nữ. *Tòng:* Theo. *Phận:* Bốn phận.
- *Nữ Trung Tòng Phận* là những bốn phận mà phụ nữ phải tòng theo. Người phụ nữ muốn được mau tiến hóa về tâm linh, thì phải lo làm tròn các bốn phận của mình trong phần Nhơn đạo. Sách *Nữ Trung Tòng Phận* vẽ đường cho người phụ nữ làm tròn Nhơn đạo. Nhơn đạo xong thì tiến lên Thiên đạo. Thời Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn đại khai Ân Xá, nên không cần phải tu luyện, chỉ cần lo lập công quả phụng sự nhơn sanh. Người phụ nữ lập công quả một thì Đức Phật Mẫu cho hưởng hai, nên phụ nữ nếu chịu lo tu thì mau đắc đạo hơn Nam phái rất nhiều.

▫ III. KHẢO ĐÍNH MỘT SỐ TỪ NGỮ:

- Chúng tôi có 3 bốn *Nữ Trung Tòng Phận* do Hội Thánh xuất bản:
- Bốn năm Nhâm Thìn (1952).
- Bốn năm Bính Ngọ (1966).
- Bốn năm Quý Sửu (1973).
- Chúng tôi so sánh 3 bốn này thì nhận thấy có một số từ ngữ không đồng nhứt với nhau (không kể việc in sai chánh tả). Do đó, chúng tôi nghiên cứu ý nghĩa của câu thơ trong đoạn thơ bốn câu để chọn chữ thích hợp nhứt. Thí dụ: **Câu 11:**
- Bốn Nhâm Thìn (1952): *Thêm duyên chước quý gieo tình.*
- Bốn Bính Ngọ (1966): *Thêm duyên chước quý giao tình.*
- Bốn Quý Sửu (1973): *Thêm duyên chước quý giao tình.*

- Chúng tôi nhận thấy chữ giao tình hợp nghĩa hơn, nên chúng tôi chọn chữ ***giao tình*** thay vì gieo tình. Những chữ chọn được in nét đậm và xiên. Xin ghi ra sau đây những từ ngữ sai biệt đó:

Câu	ẤN BẢN NĂM		
	Nhâm Thìn (1952)	Bính Ngọ (1966)	Quý Sửu (1973)
C.260	<i>truông trần.</i>	trần truông.	trần truông.
C.292	thương thấy.	<i>thương ấy.</i>	<i>thương ấy</i>
C.364	Canh Độc.	<i>Canh Mục.</i>	<i>Canh Mục.</i>
C.381	<i>tình trung.</i>	<i>tình trung.</i>	trình trung.
C.396	chữ dạ.	<i>giữ dạ.</i>	<i>giữ dạ.</i>
C.446	<i>khai phát.</i>	khai thác.	khai thác.
C.525	<i>phu phụ.</i>	phụ tử.	phụ tử.
C.566	<i>sau phước.</i>	sau trước.	sau trước.
C.581	<i>xóm bướm.</i>	cánh bướm.	cánh bướm.
C.588	<i>Nơi cân.</i>	Noi cân.	Noi cân.
C.600	treo duyên.	<i>trao duyên.</i>	<i>trao duyên.</i>
C.613	<i>cũng mển.</i>	cũng nếm.	cũng nếm.
C.652	Trá hôn.	<i>Trá ngôn.</i>	<i>Trá ngôn.</i>
C.699	<i>đức tánh.</i>	đức hạnh.	đức hạnh.
C.700	<i>Dở dang.</i>	<i>Dở dang.</i>	Dang dở.
C.702	<i>trở lại</i>	trở lạ.	trở lạ.
C.728	<i>đỡ đầu.</i>	đối đầu.	đối đầu.
C.740	<i>biết sống.</i>	thiết sống.	thiết sống.
C.748	<i>Gẫm thân.</i>	<i>Gẫm thân.</i>	Gần thân.

Câu	ẤN BẢN NĂM		
	Nhâm Thìn (1952)	Bính Ngọ (1966)	Quý Sửu (1973)
C.825	<i>bóng Hằng.</i>	bóng hồng.	bóng hồng.
C.841	<i>soi bóng.</i>	soi dòng.	soi dòng.
C.989	<i>nắng nông.</i>	<i>nắng nông.</i>	nắng hồng.
C.1016	<i>cổi phiền.</i>	đổi phiền.	đổi phiền.
C.1029	<i>hiệp mặt.</i>	gặp mặt.	gặp mặt.
C.1055	minh mênh.	<i>mông mênh.</i>	<i>mông mênh.</i>
C.1134	<i>căn sanh.</i>	căn xưa.	căn xưa.
C.1152	<i>kiếm lời.</i>	để lời.	để lời.
C.1156	<i>nghiệt căn.</i>	ngiệp căn.	ngiệp căn.
C.1159	sông mê.	<i>bến mê.</i>	<i>bến mê.</i>
C.1192	thiên hương.	<i>thiên lương.</i>	<i>thiên lương.</i>
C.1248	<i>gọi quen.</i>	gọi quen.	gọi quen.
C.1313	<i>tiết ngọc.</i>	thiết ngọc.	thiết ngọc.
C.1362	giục đả.	<i>giục già.</i>	<i>giục già.</i>
C.1388	<i>hương hồng.</i>	hương nông.	hương nông.

Đó là một số các từ ngữ có sai biệt mà chúng tôi cố gắng liệt kê ra để tượng trưng. Ngoài ra, chúng tôi có sửa những lỗi chánh tả theo các quyển Từ Điển Chánh Tả hiện hành.

NỮ TRUNG TÙNG PHẬN

ĐỨC NGUYÊN: Chú thích

01

*Dụng văn hóa trau tria nữ phách,
Lấy kinh luân thúc thách quần hồng.
Gươm thư giúp sức gươm hùng,
Điểm tô nghiệp cả con Rồng cháu Tiên.*

Chú thích:

Văn hóa: Văn là vẻ đẹp, hóa là biến đổi. Nghĩa đen, văn hóa là biến đổi trở nên tốt đẹp. Nghĩa tổng quát, văn hóa là tất cả những công trình vật chất và tinh thần của con người đã sáng tạo ra để làm cho cuộc sống được tốt đẹp hơn. Nghĩa hẹp, văn hóa là văn chương để giáo hóa con người. **Trau tria:** Giới mài cho trở nên tốt đẹp và tài giỏi hơn. **Nữ phách:** Phách là tinh thần, khí phách. Nữ phách là khí phách của người phụ nữ, tinh thần của người phụ nữ. **Kinh luân:** Trong công việc của người thợ dệt, chia các sợi tơ ra gọi là Kinh, so các sợi tơ lại cho bằng đầu thì gọi là Luân. Kinh luân, dùng theo nghĩa bóng là sắp đặt, sửa sang các việc chánh trị trong nước một cách khéo léo tài giỏi như việc kéo tơ dệt lụa. **Thúc thách:** Thúc giục và thách đố. **Quần hồng:** Cái quần màu đỏ, chỉ đàn bà con gái. Thời xưa ở bên Tàu, các nhà giàu thường cho con gái mặc quần màu đỏ. **Gươm thư gươm hùng:** Thường nói là Gươm thư hùng hay Thư hùng kiếm. Gươm thư là cây gươm má, chỉ người vợ; gươm hùng là cây gươm trống, chỉ người chồng. Cặp gươm thư hùng có đủ âm dương, nếu dùng một cây thì tác dụng của nó bình thường, nhưng nếu dùng 2 cây thư và hùng phối hợp thì tác dụng của nó tăng lên gấp bội, vì có đủ âm dương. Gươm thư hùng là chỉ một cặp vợ chồng đồng tâm nhưt trí, vợ tài giỏi giúp chồng làm nên sự nghiệp vẻ vang. **Điểm tô:** Tô điểm, bồi đắp cho tốt đẹp thêm. **Nghiệp cả:** Sự nghiệp lớn. Cả

là lớn. **Con Rồng cháu Tiên:** Đồng nghĩa với con Hồng cháu Lạc, chỉ dân tộc Việt Nam. (*Hồng: Hồng Bàng; Lạc: Lạc Long Quân*).

Theo truyền thuyết trong cổ sử nước ta, vua Đế Minh, cháu 3 đời của vua Thần Nông, đi tuần thú phương Nam, đến núi Ngũ Lĩnh tỉnh Hồ Nam, gặp một nàng Tiên, rồi lấy làm vợ, sanh ra Lộc Tục. Vua Đế Minh có 2 người con: Con lớn là Đế Nghi được cho làm vua ở phương Bắc, còn Lộc Tục được cho làm vua ở phương Nam, lấy hiệu là Kinh Dương Vương. Vua Kinh Dương Vương lấy nàng Long Nữ, con gái của Động Đình Quân, sanh ra Sùng Lãm. Sùng Lãm lên nối ngôi Kinh Dương Vương, lấy hiệu là Lạc Long Quân. Lạc Long Quân lấy nàng Âu Cơ, con của vua Đế Lai, sanh ra một cái bọc 100 trứng, nở ra 100 người con trai. Lạc Long Quân bảo Bà Âu Cơ rằng: “*Ta là dòng dõi Long Quân (vua Rồng), nàng là dòng dõi Thần Tiên, ăn ở với nhau lâu không đặng, nay được 100 đứa con, nàng đem lên núi 50 đứa, còn 50 đứa ta đem xuống miền Nam Hải.*” Lạc Long Quân phong con trưởng làm vua nước Văn Lang, xưng hiệu là Hùng Vương, lập ra họ Hồng bàng, truyền được 18 đời, đều xưng là Hùng Vương, tính cả thấy được 2622 năm. (*Theo Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim*)

Dân tộc Việt Nam là con cháu của Lạc Long Quân (*Vua Rồng*) và Bà Âu Cơ (*Tiên Nữ*), nên thường tự hào là “*con Rồng cháu Tiên.*”

05

Bởi rẽ rúng thuyên duyên thiếu học,

Dầu chí thân tơ tóc cũng khi.

Tinh thần cao thấp nhờ thi,

Dục tài nữ sĩ sánh bì cùng nam.

Chú thích:

Rẽ rúng: Coi thường, coi không có giá trị gì hết. **Thuyên duyên:** Xinh đẹp dịu dàng, chỉ con gái hay đàn bà đẹp. **Thiếu học:** Không được học hành. **Chí thân:** Rất gắn gũi thân thiết. Chí là rất, thân là gắn gũi thương yêu. **Tơ tóc:** Xe tơ kết tóc, ý nói kết thành vợ chồng. **Cũng khi:** Cũng khinh rẻ, cũng coi thường. **Tinh thần:** Phần vô hình sáng suốt tốt đẹp nhất trong con người. Chính cái

tinh thần nẩy làm chủ thể xác và điều khiển các hoạt động của thể xác. **Thi:** Thơ, ý nói văn chương thơ phú. **Dục tài:** Chữ Hán, Dục là nuôi nấng; tài là khả năng làm được việc. Dục tài là nuôi nấng tài năng cho phát triển. **Nữ sĩ:** Người phụ nữ có học thức, có tài viết văn và làm thơ. **Sánh bì:** So sánh để có thể cân bằng được. **Nam:** Đàn ông con trai.

Hai câu 5-6: Theo tục lệ thời xưa, con gái không được phép đi học nên phải chịu phận dốt nát, khiến cho con trai khinh rẻ. Do đó, dẫu là vợ chồng với nhau rất gần gũi thương yêu mà người chồng cũng không tránh khỏi khinh khi vợ.

Hai câu 7-8: Nhờ học văn chương thơ phú mà tinh thần của con người được trỗi cao. Cần phải nuôi dưỡng tài năng của các Nữ sĩ để Nữ phái vươn lên đứng ngang hàng cùng Nam phái.

09

*Chinh phụ trước treo nên giá quý,
 Ấng văn làm nhuệ khí cầu vinh.
 Thêm duyên chước quý giao tình,
 Mỹ ngôn nương ý gia đình an vui.*

Chú thích:

Chinh phụ: Vợ của người lính đi đánh giặc phương xa. Chinh là đánh giặc, phụ là vợ. Trong Câu 9, Chinh phụ là chỉ tác phẩm “Chinh Phụ Ngâm” do Bà Đoàn Thị Điểm diễn nôm viết ra hồi Bà sanh tiền. **Giá quý:** Giá trị cao quý. **Ấng văn:** Một bài văn, một khúc thi văn. **Nhuệ khí:** Cái vẻ mạnh mẽ toát ra ngoài. **Cầu vinh:** Cầu mong sự vẻ vang. Vinh là vẻ vang. **Duyên:** Cái vẻ hài hòa tế nhị đáng yêu tạo cho người con gái một sức hấp dẫn tự nhiên. **Chước quý:** Cách sắp đặt khôn khéo rất hay. **Giao tình:** Tình cảm bạn bè giao tiếp với nhau. **Mỹ ngôn:** Lời nói đẹp. Mỹ ngôn không phải là lời nói văn chương bóng bẩy, mà là lời nói thanh nhã dịu dàng, gây được sự hòa hảo giữa mọi người trong gia đình. **Nương ý:** Dựa theo các ý kiến để dung hòa cho được tốt đẹp giữa mọi người.

Hai câu 9-10: Bà Đoàn Thị Điểm, trong kiếp sanh, đã diễn nôm,

viết nên tác phẩm “Chinh Phụ Ngâm”. Đó là một áng văn chương có giá trị cao quý để lấy đó làm thế mạnh cầu mong đạt đến sự vinh hiển.

Hai câu thơ này, một lần nữa xác nhận chính Bà là người diễn nôm tác phẩm Chinh Phụ Ngâm Hán văn của Đặng Trần Côn, bởi vì học giả Hoàng Xuân Hãn đưa ra thuyết nói rằng: “*Bản diễn nôm này là của Ông Phan Huy Ích, nhưng còn có chỗ hồ nghi.*”

13

*Nấu kinh sử ra mùi son phấn,
Cầm bút nghiên đặng thắm má đào.
Quần xoa đỡ ngọn binh đao,
Xây hình thực nữ giặm màu nước non.*

Chú thích:

Kinh sử: Kinh là sách do các bậc Thánh Hiền viết ra, thí dụ như Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Xuân Thu,...; sử là sách chép lại các việc xảy ra trong nước theo thời gian. **Nấu Kinh sử:** Do thành ngữ “*Nấu sử xôi kinh*”, ý nghĩa là học tập kinh sử một cách nhuần nhuyễn để đi thi. **Bút nghiên:** Cây viết và bình mực. Bút nghiên là chỉ việc văn chương. **Thắm:** Có màu sắc đậm và tươi. **Má đào:** Gò má ửng hồng như màu hoa đào, chỉ con gái đẹp. **Thắm má đào:** là làm cho con gái thêm xinh đẹp. **Quần xoa:** Cái quần và cái trâm cài tóc, chỉ giới phụ nữ. **Xoa tức là Thoa:** Cái trâm cài tóc. **Đỡ:** Chống đỡ. **Ngọn binh đao:** Cái mũi nhọn của khí giới và của cây đao. Đỡ ngọn binh đao là ý nói chống ngăn quân giặc. **Thực nữ:** Người con gái hiền lành, nết na. Thực là đức tánh hiền lành. Kinh Thi: *Yếu điệu thực nữ, Quân tử hảo cừ.* (Người con gái nết na xinh đẹp, xứng đôi cùng người quân tử.) **Giặm:** Kết thêm vô chỗ thiếu sót. **Giặm màu nước non:** Ý nói thêm cái công chống giặc bảo vệ tổ quốc.

Hai câu 13-14: Người con gái sẵn có sắc đẹp, lại được trang bị thêm kiến thức văn chương thì vẻ đẹp càng cao quý hơn nữa.

Hai câu 15-16: Phụ nữ cũng phải biết chống giặc để bảo vệ tổ quốc. Phải xây dựng người phụ nữ hiền lành xinh đẹp có thêm

cái công bảo vệ tổ quốc. “Xây hình thực nữ giặm màu nước non” gợi lên một bức tranh sơn thủy, nếu chỉ có non và nước thì bức tranh có vẻ thiếu sót, nếu giặm thêm vào đó bóng dáng người thực nữ thì bức tranh mới toàn bích.

17

*Cửa Thánh miếu hỡi còn thiếu gái,
Chốn quyền môn nữ lại vẫn không.
Vật chơi ở chốn khuê phòng,
Đã cam phận vợ để chồng cầm duyên.*

Chú thích:

Thánh miếu: Miếu thờ Đức Thánh Khổng Tử và các vị Thánh Hiền của Nho giáo. **Cửa Thánh miếu:** Chỉ giới Nho sĩ thời xưa, tức là giới trí thức khoa bảng. **Hỡi:** Từ ngữ biểu thị ý muốn kêu lên để than thở. **Quyền môn:** Cửa quyền, nơi làm việc của quan lại. **Chốn quyền môn:** Ý nói giới quan lại cầm quyền cai trị dân chúng. **Vật chơi:** Món đồ chơi. **Khuê phòng:** Nơi đàn bà con gái ở. Khuê là cái cửa buồng nhà trong. **Cam:** Đành chịu vậy. **Duyên:** Mỗi dây ràng buộc thành vợ chồng.

Hai câu 17-18: Trong giới trí thức khoa bảng, cũng như trong giới quan lại (thời xưa) vẫn không có phụ nữ góp mặt vào. (Đây là một thiệt thòi rất lớn cho phụ nữ).

Hai câu 19-20: Thời xưa quan niệm trọng Nam khinh Nữ, cho rằng “Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô” (một đứa con trai gọi là có, 10 đứa con gái gọi là không), vì con trai mới được nối dõi tông đường, thờ cúng tổ tiên; lại cho phép đàn ông cưới nhiều vợ, chồng chúa vợ tôi. Do đó: Người phụ nữ chỉ được xem là món đồ chơi nơi khuê phòng, cam đành chấp nhận số phận làm vợ tùy thuộc hoàn toàn vào chồng, và người chồng cầm quyền định đoạt tất cả các công việc trong gia đình.

*Phần nội trợ trăm phiền đeo đẳng,
Đạo phụ cơ đã nặng cho mình.
Duyên may chồng đã nghĩ tình,
Còn cha còn mẹ có đành phận đâu?*

Chú thích:

Nội trợ: Lo liệu sắp đặt các việc sinh hoạt hằng ngày trong gia đình để giúp đỡ người chồng. Nội là bên trong. Trợ là giúp đỡ. **Trăm phiền:** Trăm thứ phiền phức, bực bội. **Đeo đẳng:** Theo đuổi mãi, không dứt bỏ được. **Đạo:** Nguyên tắc, đường lối phải theo trong cuộc sống chung đụng trong xã hội. **Phụ:** Vợ. **Cơ:** Người đàn bà đẹp, vợ nhỏ. **Đạo phụ cơ:** Đường lối mà người vợ trong gia đình phải theo để cư xử cho đúng phép. **Duyên may:** Số phận may mắn dành cho mình. **Nghĩ tình:** Nghĩ đến tình thương yêu mà dành cho sự tốt đẹp. **Đành:** Cam chịu. **Phận:** Bổn phận.

Câu 22: Cái bổn phận làm một người vợ trong gia đình đã là nặng nhọc lắm rồi.

Câu 23–24: Có được cái số phận may mắn là chồng nặng tình thương yêu, nhưng còn có cha mẹ chồng thì làm con dâu đâu đâu có đành lòng mà không lo tròn bổn phận.

*Nỗi em chị bởi đâu chẳng thuận,
Nỗi nhi tôn lẫn bản bên lưng.
Nỗi nhà, nỗi bếp, nỗi lân,
Nỗi trong thân tộc, nỗi gần, nỗi xa.*

Chú thích:

Nỗi: Sự tình, tình cảnh không hay xảy ra ảnh hưởng đến tình cảm con người. **Nỗi em chị:** Tình cảnh giữa chị em. **Nhi tôn:** Con cháu. Nhi là con, tôn là cháu. **Lẫn bản bên lưng:** Quanh quẩn bên mình, không rời ra được. **Nỗi lân:** Tình cảnh cư xử với xóm

giếng. **Thân tộc:** Những người bà con trong dòng họ. **Nỗi gần nỗi xa:** Những tình cảnh xảy ra ở gần bên mình và những tình cảnh xảy ra ở cách xa mình.

29

*Trên lo thảo, giữa hòa, dưới thuận,
Ngoài nên danh, trong vững mỗi giếng.
Nỗi trông hương hỏa giữ bền,
Giúp nên chồng có phẩm quyền cao sang.*

Chú thích:

Thảo: Hiếu thảo, quan tâm săn sóc cha mẹ, ông bà. **Ngoài nên danh:** Bên ngoài tạo được tiếng tăm tốt. **Trong vững mỗi giếng:** Trong nhà thì giữ vững khuôn phép gia đình. Mỗi giếng là chỉ khuôn phép gia đình. **Hương hỏa:** Nhang đèn, chỉ sự thờ cúng tổ tiên. Hương là cây nhang đốt cháy tỏa mùi thơm. Hỏa là lửa, chỉ cây đèn. **Phẩm quyền:** Chức tước và quyền hành. **Cao sang:** Ở bậc cao quý và sang trọng.

Câu 31: Tâm trạng của người vợ là trông mong sanh đặng con trai để nối dõi dòng họ nhà chồng, giữ bền việc thờ cúng tổ tiên.

33

*Mảng lo lắng chữ nhàn nào rõ,
Huống để công đến ngõ Khổng Trình.
Rừng Nho biển Thánh thình thình,
Nữ lưu nào thấu muôn nghìn thi thơ.*

Chú thích:

Mảng: Mải miết. **Mảng lo lắng:** Mải lo lắng. **Huống:** Phương chi, không có cách gì. **Ngõ:** Cái cổng. **Khổng Trình:** Đức Khổng Tử và Ông Trình Di. Đức Khổng Tử là Giáo chủ Nho giáo. Trình Di, hiệu là Y Xuyên, một bậc đại nho vào thời nhà Tống bên Tàu. **Ngõ Khổng Trình:** Ý nghĩa giống như “cửa Khổng sân Trình”, chỉ trường dạy chữ Nho, nơi đào tạo nhân tài trí thức thời xưa.

Rừng Nho biển Thánh: Chũ của Thánh Hiền nhiều như cây trên rừng, sâu rộng như biển. Ý nói việc học không biết đến bao giờ mới biết hết được. **Thinh thinh:** Thên thang. **Nữ lưu:** Nữ phái. Lưu là một ngành, một phái. **Thấu:** Biết rõ. **Thi thơ:** Ý nói kinh sách. Thơ là sách.

Câu 34: Không có cách gì để làm cái công việc là đến trường học văn chương chữ nghĩa.

37

*Kính tổ hiền nổi thờ nổi phụng,
Tế tông đường lo cúng lo đơm.
Kiến thân viếng sớm thăm hôm,
Chua cay rõ miếng cơm ngon cá bùi.*

Chú thích:

Tổ hiền: Tiếng con cháu kính xưng Tổ tiên đã chết. **Thờ:** Tôn kính bằng sự lễ bái. **Phụng:** Phục vụ. **Tế tông đường:** Cúng tế tổ tiên nơi nhà thờ của dòng họ với nghi thức long trọng. **Đơm:** Sắp đặt thức ăn vào đĩa. **Kiến thân:** Thăm viếng cha mẹ. Kiến là gặp gỡ thăm viếng, thân là chỉ cha mẹ. **Chua cay:** Ý nói khổ cực vất vả.

41

*Lười lười miếng nhai cơm lữ trẻ,
Kiêng vật ăn đặng để nuôi con.
Còn con nòi giống chồng còn,
Mảnh thân đành chịu hao mòn với ai?*

Chú thích:

Lười miếng: Chọn lựa miếng ăn. **Kiêng vật ăn:** Tránh không ăn vì sợ có hại sức khỏe. **Xanh mảy:** Mày xanh, chỉ thời thanh xuân tuổi trẻ.

45

Còn gặp thuở xanh mày lịch sắc,
 Dâng hình hoa treo mắt bướm ong.
 Nào là hương đượm lửa nồng,
 Nết khuôn giữ vẹn chữ đồng lương nhân.

Chú thích:

Lịch sắc: Nhan sắc xinh đẹp. Lịch là xinh đẹp. **Hình hoa:** Hình dáng đẹp đẽ của người con gái. Hoa là chỉ người con gái. **Dâng:** Đưa lên. **Treo mắt:** Treo trước mắt để ngắm, ý nói khêu gợi sự ham muốn. **Bướm ong:** Hai loại sinh vật thích hút mật nhụy hoa. Bướm ong gặp hoa thì liền đáp vào để hút mật. Hoa tượng trưng con gái, bướm ong tượng trưng các chàng trai. Trai gặp gái thường hay đến gần chọc ghẹo tỏ tình. **Hương đượm lửa nồng:** Tình yêu thắm thiết sâu đậm giữa vợ chồng. Đượm là thắm sâu. Nồng là đậm đà. Hương lửa là tình yêu thắm thiết giữa vợ chồng. **Nết khuôn:** Nết na và khuôn phép cư xử trong nhà. **Chữ đồng:** Đồng là cùng chung. Hề là vợ chồng thì nghèo chung chịu, giàu chung hưởng, khổ chung lo. Chữ đồng là ý nói sự liên kết mật thiết giữa vợ chồng. **Lương nhân:** Người tốt, người lành. Khi xưa, vợ gọi chồng là Lương nhân. Lương là tốt, nhân là người.

49

Muốn trau chuốt mặt ngân thân dịu,
 Vẽ cho hay mày liễu má đào.
 Thương gìn lúc ốm khi đau,
 Sợ chê xấu phận, cậy màu phấn son.

Chú thích:

Trau chuốt: Sửa sang tô điểm cho đẹp hơn. **Mặt ngân thân dịu:** Gương mặt sáng đẹp, mình mẩy mềm mại dịu dàng. Ngân là sáng bóng, dịu là mềm mại dịu dàng. **Mày liễu:** Cặp chân mày cong và nhỏ như lá liễu. Do câu thơ của Bạch Cư Dị đời Đường: Phù dung như điện, liễu như mi (*Mặt như hoa phù dung, mày như lá liễu*).

Hai câu 51-52: Thương chồng nên lo gìn giữ nhan sắc, lúc ốm đau, nước da xanh tái, sợ chồng chê xấu xí, nên phải nhờ phấn son trang điểm.

53

*Mình mỏng mảnh sức non nớt yếu,
Đỡ nâng chồng vốn thiếu tay co.
Không toan sớm đổi chiều no,
Lựa là tứ hải ngũ hồ giúp nhau.*

Chú thích:

Tay co: Cánh tay đặc lực. Khi nói người này là cánh tay mặt hay cánh tay đặc lực của Giám Đốc, có nghĩa người này là một cộng sự viên thân tín và đặc lực, giúp Giám Đốc giải quyết thành công nhiều việc khó khăn rất hợp ý. **Toan:** Tính toán, lo liệu. **Lựa là:** Lọ là, hưởng chi. **Tứ hải Ngũ hồ:** Bốn biển năm hồ, ý nói khắp thế giới. Như thường nói: *Năm châu bốn biển.*

Câu 54: Giúp đỡ chồng vì chàng vốn thiếu người cộng sự thân tín và đặc lực.

Hai câu 55-56: Lo liệu không hết việc cơm nước sáng chiều, hưởng chi là việc anh em giúp nhau trong khắp năm châu bốn biển.

57

*Cứ tựa cửa phòng đào giấu dạng,
Ngoài nước non nào hẳn với chênh.
Mảng trong thắm nghĩa nặng tình,
Để công bẻ liễu, bản bình trượng phu.*

Chú thích:

Phòng đào: Phòng của người vợ ở. **Giấu dạng:** Giấu kín hình bóng của mình. **Với chênh:** Không đây, nghiêng lệch, chỉ sự đổi thay, lúc thế này lúc thế khác. **Mảng:** Mải miết. **Thắm nghĩa nặng tình:** Tình nghĩa thương yêu sâu nặng. **Bẻ liễu:** Ý nói lấy người con gái làm vợ. Liễu là loại cây mềm yếu tha thướt nên được ví với người

con gái. **Bản bình:** **Điển tích:** Lý Uyên bắn trúng mắt con chim sẻ vẽ trên tấm bình phong, nên được Ông Đậu Nghi gả con gái là Đậu thị cho. Bản bình là ý nói cưới được vợ đẹp. **Trượng phu:** Vợ gọi chồng là Trượng phu.

61

*Dầu khôn mấy giả ngu cho thuận,
Phải bao nhiêu cũng nhận lỗi lầm.
Phòng đào giữ rũi rơi trâm,
Sợ lời hơi sắt, tiếng cằm lạc cung.*

Chú thích:

Dầu khôn mấy: Dù có khôn ngoan cách nào đi nữa. **Giả ngu:** Giả vờ mình ngu dại. **Phải bao nhiêu:** Dù mình có được lẽ phải bao nhiêu đi nữa. **Trâm:** Cái trâm cài tóc của phụ nữ. Nó thường được dùng làm vật đính hôn giữa trai và gái. Nếu cái trâm rũi bị gãy thì nó báo hiệu cuộc tình duyên gặp trở ngại, có khi đổ vỡ. **Giữ rũi rơi trâm:** Giữ gìn không cho cái trâm rơi gãy, ý nói: Giữ cho tình thương yêu giữa vợ chồng được toàn vẹn mãi. **Hơi sắt tiếng cằm:** Tiếng đàn sắt đàn cằm. Sắt cằm là ví đôi vợ chồng, nên thường nói: *Sắc cằm hảo hiệp, loan phụng hòa minh.* **Lời:** Không giữ được chặt chẽ. **Lạc cung:** Cung đàn lạc điệu, ý nói vợ chồng không hòa hợp với nhau.

Hai câu 63–64: Trong nhà, người vợ cố gắng giữ gìn không để xảy ra sơ sót vì sợ ảnh hưởng xấu đến sự hòa hợp giữa vợ chồng.

65

*Thử từ nết khi chung lúc chạ,
Giống từ hơi hòa nhã tơ loan.
Chiều vui dưới trướng ngoài màn,
Nhãng lo ngại nỗi phụ phàng ái ân.*

Chú thích:

Thử từ nết: Người vợ làm một việc nào đó để xem phản ứng của

chồng như thế nào, qua đó biết được tính nết của chồng. **Chung cha:** Sống chung đụng với nhau đến mức không còn phân biệt cái nào là của riêng mình. **Giống từ hơi:** Nghe ngóng từ cái hơi trong giọng nói của chồng để đoán biết ý chồng. **Hòa nhả:** Hòa hợp tốt đẹp. **Tơ loan:** Loan là chất keo làm bằng máu chim loan, để nối dây đàn bằng tơ khi dây đàn đứt. Tơ loan là chỉ dây đàn. **Chiều vui:** Chiều theo ý chồng để chồng vui vẻ. **Trướng:** Bức màn che có thêu hình trang trí cho đẹp. **Những, chỉ:** **Phụ phàng:** Đối xử bạc bẽo.

Câu 66: Nghe ngóng từ giọng nói của chồng để đoán biết ý chồng mà chiều theo cho tình vợ chồng hoà hợp tốt đẹp.

69

*Nghe từ lệnh, cúi vâng từ mạng,
Nhọc lòng chi nào dám đi hơi.
Sợ cơn giông gió tới bời,
Trà mi sơ sẩy hoa rời rã bông.*

Chú thích:

Từ lệnh, Từ mạng: Mạng lệnh của mẹ. Từ là tiếng để chỉ người mẹ. **Đi hơi:** Xi hơi, kêu than cho há hơi. **Trà mi:** Loại hoa đẹp như hoa hồng, chỉ con gái đẹp. **Sơ sẩy:** Không cẩn thận để xảy ra điều đáng tiếc.

Hai câu 71–72: Lo sợ những tai biến xảy đến (giông gió tới bời) không khéo thì làm cho thân gái phải chịu cảnh tan nát đau khổ (hoa rời rã bông).

73

*Che đây kín tường đông ong bướm,
Giấu nhặt nghiêm nhụy tướng hương hình.
Ê khi vách có âm thanh,
Để gương lỗi đạo, lỗi tình phu thê.*

Chú thích:

Tường đông: Bức tường phía đông, chỉ nhà lán giếng phía đông. Thơ của Lý Bạch: *Tự cổ hữu tư sắc, Tây Thi tự đông lân.* (Từ xưa có sắc đẹp, Tây Thi ở nhà lán giếng phía đông). Tường đông chỉ nhà có con gái đẹp. **Ong bướm:** Đám con trai hay chọc ghẹo con gái.

Giấu nhật nghiêm: Giấu kín một cách nghiêm nhặt. **Nhụy tướng hương hình:** Hình dạng và mùi thơm của nhụy hoa, ý nói sắc đẹp và đức hạnh của người con gái. **Gương:** Tắm gương soi, thấy ảnh của mình trong gương, chỉ người phụ nữ vì thường phụ nữ soi gương để trang điểm. **Lỗi đạo:** Sái với đạo lý. **Phu thê:** Chồng vợ.

Câu 73: Che đậy kín đáo chỗ con gái đẹp ở, sợ đám con trai biết mà tới lui chọc ghẹo.

Câu 75: E sợ như vách có lỗ tai nghe được tiếng nói thì lộ chuyện ra hết, không giấu kín được nữa.

77

*Giao thân cú gằn kẻ kẻ thiết,
Ép nhớ thương làm điếc làm đui.
Mặc người cha mẹ dễ duôi,
Ngoại tông nương phận ném mùi trân cam.*

Chú thích:

Giao thân: Giao tiếp thân mật. **Kẻ kẻ thiết:** Người thân. **Làm điếc làm đui:** Làm bộ như điếc điếc để không thấy không nghe. **Cha dễ mẹ duôi:** Cha mẹ dễ tánh, rộng lượng. **Ngoại tông:** Dòng họ nhà chồng, do câu: Nữ sanh ngoại tộc, vì con gái khi lớn lên có chồng thì về ở nhà chồng. **Trân cam:** Ngon và ngọt, chỉ đồ ăn ngon. Làm con hiếu thảo thì phải dành những thức ăn ngon ngọt cho cha mẹ. Trân cam là chỉ sự phụng dưỡng cha mẹ.

81

*Hiếu thương ghét giả cam phận đại,
Biết nên hư chẳng cãi cho cùng.
Nên thì an phận kiếm cung,*

Hư thì khổ vợ tội chồng chung nhau.

Chú thích:

Kiểm cung: Chỉ người đàn ông, người chồng, vì kiểm cung là 2 thứ binh khí mà đàn ông con trai thường luyện tập. **An phận kiểm cung:** An phận sống bên chồng.

Câu 81: Hiểu rõ lẽ thương lẽ ghét và những hậu quả của nó, nên đành giả vờ ngu dại để được người ta thương.

Câu 82: Biết rõ lẽ nên lẽ hư, nên chẳng dám tranh cãi cho tận cùng lý lẽ, vì sợ chạm tự ái, mịch lòng.

85

*Ngoài mặt phép, chàng sao thiếp vậy,
Giữa cửa công, phải quấy đồng thân.
Vinh thì chàng mào thiếp cân,
Hèn thì chàng váy thiếp quần đổi thay.*

Chú thích:

Ngoài mặt phép: Bên ngoài, về mặt pháp luật quốc gia. **Giữa cửa công:** Giữa nơi cơ quan nhà nước. **Phải quấy:** Việc đúng lẽ phải, việc sai trái sai quấy. **Đồng thân:** Cùng đem thân gánh chịu. **Váy:** Cái quần mà không có chia ra 2 ống.

Hai câu 85-86: Đối với luật pháp quốc gia hay trước cơ quan nhà nước, người vợ và người chồng đều bình đẳng, chịu trách nhiệm như nhau.

Câu 87: Khi vinh hiển, chàng làm quan thì mặc áo mào của triều đình, thiếp cũng được đội khăn. Ý nói khi vẻ vang thì vợ chồng cùng hưởng. Cân là cái khăn bịt đầu.

Câu 88: Lúc nghèo nàn không đủ tiền mua quần áo mặc thì vợ chồng mặc quần áo chung, đổi thay với nhau.

89

Lấy khổ cực làm bài thuốc mển,
 Dụng đau thương rù quên thâm tình.
 Dầu chàng đổi dạ én anh,
 Tề mi vện đạo, giữ gìn phép khuôn.

Chú thích:

Mển: Thương yêu. **Bài thuốc mển:** Bài thuốc thương yêu. **Rù quên:** Rù rê dụ dỗ. **Thâm tình:** Tình cảm sâu đậm. **Én anh:** Chim én và chim anh, chỉ việc chơi bởi trăng hoa. **Đổi dạ én anh:** Thay lòng đổi dạ, sanh ra chơi bởi phóng túng. **Tề mi:** Ngang mày. Tề là ngang bằng, mi là lông mày. Do thành ngữ: *Cử án tề mi (nâng mâm cơm lên ngang mày)*, chỉ sự cung kính của vợ đối với chồng, theo điển tích nàng Mạnh Quang. (Xem câu 675). **Vện đạo:** Trợn vện bốn phận của vợ đối với chồng. **Phép khuôn:** Phép tắc trong gia đình.

Câu 89-90: Dùng những nỗi khổ cực đã qua làm bài thuốc thương yêu trị bệnh chia rẽ ghen ghét. Dùng những nỗi đau thương vừa qua để dẫn dụ tình thương yêu thêm sâu đậm.

93

Nâng khăn trấp giải buồn quân tử,
 Hầu tửu trà giác ngủ không an.
 Chàng vui thiệp cũng vui càn,
 Chàng buồn thiệp tựa bên màn khóc theo.

Chú thích:

Nâng khăn trấp: Thành ngữ: Nâng khăn sửa trấp, ý nói vợ chăm sóc chồng. **Quân tử:** Tiếng vợ gọi chồng. **Vui càn:** Vui theo mà không cần biết trong lòng ra sao.

Câu 94: Vợ phải thức khuya dậy sớm để lo phục vụ chồng, rót rượu châm trà cho chồng.

Hai câu 95-96: Người vợ sống hoàn toàn tùy thuộc vào nhịp

sống của chồng, khi chồng vui thì vui theo, khi chồng buồn thì buồn theo.

97

*Dòng Tương chảy thân bèo trôi nổi,
Chẳng ai thương chữa lỗi binh lời.
Chàng thì biển cả vơi vơi,
Thiếp như bóng bọt giữa vời linh đình.*

Chú thích:

Dòng Tương: Dòng nước mắt. **Điển tích:** Vua Thuấn đi tuần thú phương Nam và chết. Hai bà vợ là Nga Hoàng và Nữ Anh đi tìm, đến bờ sông Tương ngồi khóc thảm thiết. **Chữa lỗi:** Bào chữa những lỗi lầm. **Binh lời:** Dùng lời nói binh vực. **Vơi vơi:** Mênh mông, không thấy bến bờ. **Bóng bọt:** Cái bọt bong bóng nước rất mau tan vỡ. **Giữa vời:** Giữa mặt nước mênh mông. **Linh đình:** Lênh đênh.

Câu 97: Người vợ than khóc cho tấm thân của mình như cánh bèo trôi nổi trên mặt nước, không biết đi về đâu.

Câu 99: Chàng thì biển biệt như đi vào biển cả mênh mông, không biết chừng nào trở về.

101

*Nếu gặp phước bố kinh đáng khách,
Biết yêu hoa dưới gạch phòng thu.
Rủi duyên gặp phải thường phu,
Nhành xuân thì trọng, gương thu dở cầm.*

Chú thích:

Bố kinh: do câu chữ Hán: Kinh thoa bố quần, nghĩa là trùm cài tóc bằng cây kinh, quần mặc bằng vải thô, chỉ người vợ hiền đức, theo điển tích nàng Mạnh Quang (Xem câu 675). **Hoa:** Cái hoa, chỉ người con gái. **Phòng thu:** Chỉ người con gái luống tuổi. **Phòng xuân:** là chỉ người con gái trẻ tuổi. **Nhành xuân:** Người con gái

trẻ tuổi. **Gương thu:** Người con gái đã luống tuổi. Gương là chỉ người con gái vì con gái hay soi gương. **Thường phu:** Người đàn ông tầm thường. **Dở cầm:** Nửa muốn cầm, nửa muốn bỏ.

Câu 101: Nếu có phúc thì người con gái hiền đức gặp được người chồng xứng đáng.

Câu 102: Vẫn biết yêu vợ lúc vợ đã luống tuổi.

105

*Khi lịch sắc trao trâm đáng giá,
Cờn tàn hoa, keo rã sơn rời.
Về hồng mắc mả bao mươi,
Đưa cho quân tử trọn đời chủ trương.*

Chú thích:

Lịch sắc: Nhan sắc xinh đẹp. **Trao trâm:** Người con gái lấy cây trâm cài tóc trao cho bạn trai làm vật đính hôn. **Cờn tàn hoa:** Lúc người vợ về già, sắc đẹp phai tàn. **Keo rã sơn rời:** Vợ chồng không còn gắn bó thương yêu nhau nữa. Keo sơn là chỉ sự gắn bó giữa vợ chồng. **Về hồng:** Sắc đẹp tươi thắm của người con gái. **Mắc mả bao mươi:** Dù có đắt giá bao nhiêu đi nữa. **Chủ trương:** Quyết định phương hướng hành động.

Hai câu 107–108: Cái sắc đẹp của người con gái dù có đắt giá bao nhiêu đi nữa, mà đã có chồng thì trao tất cả cho chồng quyết định đến trọn đời.

109

*Nhụy đường nở mùi thơm ngào ngạt,
Dâng hình hoa lo lót con ong.
Trăm năm kim cải cũng chồng,
Trái duyên cũng vẹn đạo tông mà thôi.*

Chú thích:

Kim cải: Cây kim và hột cải, ý nói tình vợ chồng khắn khít nhau như nam châm hút cây kim, hổ phách hút hột cải. **Trái duyên:**

Tình duyên ngang trái, bị chồng phụ bạc. **Đạo tòng:** Bỏ phận Tam tòng của người phụ nữ.

Câu 109: Ý nói: Thời thanh xuân của người con gái.

Câu 109–110: Dành cho chồng tất cả sắc đẹp và cái quý giá nhất của đời con gái để mong được chồng thương yêu.

Hai câu 111–112: Dầu thương yêu khấn khít cũng là chồng, dù phụ bạc cũng là chồng, người vợ suốt đời cũng vẫn gìn giữ trọn vẹn cái đạo Tam Tòng mà thôi.

113

*Thân lòn cúi, vợ tôi chồng chúa,
Đạo phu thê như đũa nên đôi.
Dầu cho lúc đứng khi ngồi,
Chàng là chúa cả, thiếp thời gia nô.*

Chú thích:

Thân lòn cúi: Hạ mình chiều lụy. **Vợ tôi:** Vợ là bề tôi. **Chúa cả:** Ông chủ lớn. **Gia nô:** Đày tớ trong nhà.

Câu 113: Dưới thời quân chủ phong kiến xưa, người chồng có toàn quyền đối với vợ, chồng là chúa, vợ là bề tôi.

Câu 114: Đạo vợ chồng như đũa nên đôi. Hai chiếc đũa thì phải giống nhau và bằng nhau. Nếu thiếu 1 chiếc đũa thì không thể gắp đồ ăn được. Như vậy vợ chồng phải bình đẳng nhau. Câu này có ý đối chọi với 2 câu: 113 và 116.

117

*May quan cả, rũi cho lê thú,
Trong tộc gia cũng cứ phép nhà.
Hèn người sang ấy của ta,
Chê người ta lại cho là đáng khen.*

Chú thích:

Quan cả: Quan lớn. **Lê thú:** Dân đen, dân nghèo. Lê là màu đen,

thứ là đông đảo. Lê thứ đồng nghĩa với Lê dân. **Tộc gia:** Gia tộc, họ hàng trong dòng họ. **Phép nhà:** Gia pháp, phép tắc cư xử trong nhà.

Câu 117: May mắn thì lấy được chồng làm quan lớn, rủi phận thì lấy chồng là dân nghèo.

Câu 119–120: Cái mà người ta cho là hèn (*xấu*), nhưng trong hoàn cảnh của mình, cái ấy là sang (*tốt*) đối với mình. Cái mà người ta chê, thì cái ấy lại là đáng khen đối với mình.

Tại sao vậy? Bởi vì người phụ nữ ấy muốn an phận, cho những cái của mình hiện đang có được là tốt rồi, không cần phải đòi hỏi tiêu chuẩn cao hơn nữa.

121

*Chồng sang đặng, ta hèn chẳng quản,
Chồng đẹp hình, ta mắng lo âu.
É ra nhiều thiếp nhiều hầu,
Rồi tham bẻ lựu, bỏ đào bơ vợ.*

Chú thích:

Chẳng quản: Chẳng ngại. **Mắng:** Mải miết. **Đẹp hình:** Hình dáng đẹp đẽ, đẹp trai. **E ra:** Sợ rằng. **Thiếp:** Vợ nhỏ. **Hầu:** Người con gái có bốn phận hầu hạ, mà cũng là vợ nhỏ. Thuở xưa, nhà giàu có thì người đàn ông, ngoài vợ chánh ra, còn được lấy thêm vợ nhỏ gọi là Thiếp, và bỏ tiền ra mua nàng Hầu để hầu hạ và sai vặt. **Lựu và đào:** Hai thứ trái cây mà trong văn chương dùng để tượng trưng người con gái. Thành ngữ: *Tham lựu bỏ đào*, ý nói có mới nói cũ, ham chuộng cái mới, bỏ bê cái cũ, chỉ người có lòng dạ đổi thay, không chung thủy.

Câu 124: Chồng ham mê vợ bé, bỏ bê vợ lớn bơ vợ.

125

*Hề xấu dạng thì nhờ mặt thiếp,
Còn đẹp hình, nhất kiếp phù dung.
Mình thương người cũng thương cùng,
Còn như chê bỏ, lại dùng vào đâu?*

Chú thích:

Xấu dạng: Hình dạng xấu xí, xấu trai. **Nhờ:** Nhục nhã. **Phù dung:** Tên một thứ hoa đẹp, dùng để ví sắc đẹp của người con gái. Hoa phù dung nở to vào sáng sớm có màu vàng rất đẹp, buổi trưa biến thành màu hồng, buổi chiều thì đổi sang màu đỏ thắm rồi tàn.

Kiếp phù dung: Kiếp sống của người con gái đẹp. **Nhát:** Hay sợ sệt.

Câu 125: Hễ chồng xấu trai thì nhục cho phận thiếp.

Câu 126: Còn chồng có hình dáng đẹp đẽ thì người vợ lo sợ có người con gái khác quyến rũ chồng mình.

129

*Kiểm xứng mặt mày râu dưới thế,
Ê không mưu đủ kế gìn duyên.*

*Còn theo thăm ván bán thuyền,
Trông chi giữ mảnh hương nguyên cùng nhau.*

Chú thích:

Xứng mặt: Người xứng đáng, có đủ tài đức và hình dung tốt đẹp.

Mày râu: Do chữ Hán là Tu mi: Tu là râu, mi là mày, Tu mi là Râu mày, hay Mày râu, chỉ đàn ông con trai. **Dưới thế:** Trong đời. Thế là đời.

Không mưu đủ kế: Không đủ mưu kế. **Duyên:** Sự gắn bó vợ chồng. **Thăm ván bán thuyền:** Mới đi thăm ván định mua để đóng thuyền mới mà đã lo bán thuyền cũ đi. Thành ngữ này có ý chê kẻ chưa có cái mới mà đã coi rẻ cái cũ. **Mảnh:** Một miếng.

Mảnh hương: Một bó hương nhỏ. **Hương nguyên:** Hương là cây nhang đốt lên tỏa mùi thơm, nguyên tức là nguyên, ước muốn, thường nói thể nguyên, nghĩa là ước muốn mà phát ra lời thể. Những đôi trai gái yêu nhau thường đốt nhang khấn vái Trời Đất thể nguyên chung thủy với nhau.

Hai câu 131-132: Còn người chồng nếu theo cái tánh có mới nói cũ, mê theo vợ bé bỏ bê vợ lớn, thì có mong chi giữ được lời thể nguyên chung thủy cùng nhau khi trước.

Chú ý: Bản in Nữ Trung Tùng Phận của Hội Thánh, in là: “Thăm ván bán thuyền”. Chúng tôi nghĩ rằng đây là thành ngữ: *Thăm ván*

bán thuyền, ý nghĩa hợp với câu thơ trong đoạn nầy hơn. Mong được sự góp ý của chư Đồng đạo.

133

*Lỡ lối cũ động đào lạc bước,
Khó cầm duyên đợi ngọc cầu Lam,
Thân Tiên dầu lỗ gót phàm,
Gương xưa lối rập, ai cầm làm chi?*

Chú thích:

Động đào: Động là cái hang núi. Đào là cây đào có hoa đào. Động đào là cái hang núi có cây đào mọc hai bên, và có hoa đào rớt xuống, cảnh rất đẹp mắt. Động đào là chỉ cảnh Tiên theo điển tích sau đây:

Trong bài Đào Hoa Nguyên Ký của Đào Tiềm có kể lại rằng: Một người đánh cá ở huyện Vũ Lăng, bơi thuyền ngược theo dòng suối, hai bên bờ suối có mọc cây đào. Đi mãi, người ấy đến một hang núi, rời thuyền lên bộ, lách mình vào hang thì thấy phía sau hang núi nở rộng và hiện ra một khung cảnh tuyệt đẹp như cảnh Tiên, dân cư sống rất hạnh phúc. Người đánh cá trở về thuật chuyện cho mọi người biết. Sau người đánh cá muốn trở lại nơi đó, lần theo lối cũ là suối hoa đào (*Đào nguyên*), nhưng không tìm được lối vào cửa động.

Văn học thường dùng các từ ngữ: Động đào, Đào nguyên để chỉ cảnh Tiên, căn cứ theo điển tích nầy.

Ngọc cầu Lam: Cái chày bằng ngọc để giã thuốc mà Bùi Hàng dùng làm sính lễ cưới nàng Vân Anh ở tại cầu Lam (*Lam kiều*) theo điển tích sau đây:

Bùi Hàng, người đời Đường, đi thi hỏng, trở về nhà. Trên đường đi, Bùi Hàng gặp nàng Vân Kiều tặng bài thơ:

*Một chén quỳnh tương để cảm tình,
Chày sương giã thuốc gặp Vân Anh.
Lam kiều là chốn Thần Tiên đấy,
Len lỏi làm chi đất ngọc kinh.*

Ý của Vân Kiều là khuyên Bùi Hàng không nên len lỏi vào chốn quan trường ở kinh đô, mà nên đến Lam kiều (*câu Lam*) là chốn Thần Tiên, dùng chày ngọc giã thuốc thì gặp được nàng Tiên Vân Anh.

Bùi Hàng đọc thơ xong thì lòng nghi hoặc, nhưng cũng thuê ngựa đi đến Lam kiều thử coi thế nào. Khi đến đấy thì Bùi Hàng cảm thấy khát nước lắm, phải dừng ngựa lại, rồi vào nhà của một Bà Lão ở bên đường để xin nước uống. Bà Lão biểu cháu gái là Vân Anh bưng nước ra. Bùi Hàng nhìn thấy Vân Anh tuyệt đẹp thì nhớ lại bài thơ của Vân Kiều, liền nghĩ ý cầu hôn. Bà Lão nói: Trước đây, Tiên có cho Lão một thứ thuốc, bảo rằng phải có cái chày bằng ngọc, giã thuốc đủ 100 ngày thì uống được trường thọ. Lão định hễ ai hỏi cưới Vân Anh thì phải có cái chày ngọc làm sính lễ thì Lão mới gả, còn vàng bạc thì Lão đây không cần.

Bùi Hàng xin Bà Lão chờ để chàng lên đường đi tìm chày ngọc. Chàng may mắn tìm mua được chày ngọc, liền đem về Lam kiều dâng lên Bà Lão.

Bà Lão nói: Có được chày ngọc rồi thì ở đây giã thuốc cho Lão đủ 100 ngày mới được thành thân cùng Vân Anh.

Bùi Hàng làm y lời. Thuốc giã xong, Bà Lão uống ngay, rồi tổ chức đám cưới cho Bùi Hàng và Vân Anh.

Gương vỡ lại lành: Điển tích: Lạc Xương Công Chúa là em của Trần Hậu Chủ, vợ của Từ Đức Ngôn. Gặp lúc Trần Hậu Chủ bị Tùy Dượng Đế đánh sắp thua tới nơi, Từ Đức Ngôn lúc đó nghĩ rằng chắc vợ chồng chàng khó được trọn vẹn cùng nhau, nên bảo vợ là Lạc Xương Công Chúa rằng: Công Chúa sắc tài gồm đủ, hễ nước mất ắt bị nhà Tùy chiếm lấy, còn mong gì sum họp nhau lâu dài. Nếu nàng chưa dứt hẳn mối tình với tôi thì đây là tấm gương đã bể làm 2 mảnh, nàng giữ một mảnh, tôi giữ một mảnh,

hẹn rằng về sau, cứ đến rằm tháng giêng mỗi năm thì nàng đem mảnh gương ra bán ở chợ Kinh đô, tôi sẽ tìm đến mà gặp nhau.

Đến khi nhà Trần mất, Lạc Xương Công Chúa lọt vào tay danh tướng nhà Tùy là Dương Tố; còn Từ Đức Ngôn lưu lạc gian nan. Khi yên giấc, chàng lần về kinh đô. Chàng y hẹn, ra chợ kinh đô vào ngày rằm tháng giêng, tìm thấy một người ăn mặc theo dáng đầy tớ, đem ra chợ bán một mảnh gương, nói giá thật cao, ai cũng cho là điên khùng. Từ Đức Ngôn đến mời người ấy ra chỗ vắng, đem mảnh gương của mình ra ghép với mảnh gương kia thì khớp nhau. Chàng hỏi thì biết được Lạc Xương Công Chúa đang ở trong dinh của Dương Tố. Chàng viết bức thư bảo người bán gương đem về cho Công Chúa. Công Chúa nhận thư biết chồng mình còn sống, nên khóc lóc thảm thiết, tỏ hết sự tình cho Dương Tố rõ. Dương Tố là người anh hùng quảng đại, mời Từ Đức Ngôn đến, đem Công Chúa trả lại, còn tặng cho nhiều tiền bạc.

Thành ngữ: Gương vỡ lại lành, ý nói vợ chồng sau thời gian lạc xa nhau vì hoàn cảnh, nay được đoàn viên hạnh phúc.

Gương xưa lỗi ráp: Hai mảnh gương ráp lại không đúng khớp, ý nói tình duyên đổ vỡ không nối lại được.

Bốn câu thơ: 133, 134, 135, 136 đều nói về sự lỡ làng, tan vỡ của cuộc tình duyên vợ chồng.

Câu 133: Lỡ hết rồi, theo lối cũ đến động đào nhưng bị lạc bước. Ý nói không thể tìm lại được cảnh cũ người xưa.

Câu 134: Khó cầm giữ được cái duyên để chờ người đem chày ngọc tới cầu Lam. Ý nói duyên phận lỡ làng.

Câu 135: Tắm thân là một Tiên Nữ cõi Thượng giới là đã lỡ bước xuống cõi phàm trần đầy gió bụi.

Câu 136: Hai mảnh gương ráp không khớp nhau, đành chịu tình duyên tan vỡ.

137

*Nhẹ là bức, nặng chì tình nghĩa,
 Để dùng riêng cho phía nữ lưu.
 Thung dung quân tử hảo cừ,*

Năm. thê bảy thiệp mặc dầu trăng hoa.

Chú thích:

Bức: tức là bắc, ruột của cây điền điển, màu trắng, rất nhẹ, thường nói nhẹ như bắc. **Nặng chì:** Nặng như chì. **Nữ lưu:** Phái Nữ. Lưu là phái, ngành. **Thung dung:** Thong dong nhàn hạ. **Quân tử:** Tiếng vợ gọi chồng. **Hảo cữu:** tức Hảo cẩu, nghĩa là đẹp đôi. **Trăng hoa:** Ngắm trăng xem hoa, chỉ sự lả lơi chơi giỡn không đứng đắn giữa nam và nữ. **Mặc dầu:** Mặc sức làm, không ai ngăn cản.

Câu 139: Người chồng thong dong đi kiếm người con gái khác kết đôi. Ý nói người chồng có vợ bé.

141

*Nào có tưởng vợ nhà đau đớn,
Ôm tình si muôn lượng sầu than.
Máu ghen chần gối dẫy tràn,
Hình mai ủ dột sắc càng héo don.*

Chú thích:

Tình si: Tình yêu đắm đuối đến độ như ngây dại. **Muôn lượng:** Ý nói nhiều lắm. **Máu ghen:** Tánh hay ghen. Ghen là tức giận khi biết người hôn phối của mình ngoại tình. **Chần gối:** Cái mền và cái gối, chỉ sự ân ái của vợ chồng. **Dẫy tràn:** Tràn ra đầy dẫy. **Hình mai:** Hình dáng mỏng mảnh của người vợ. **Ủ dột:** Buồn rầu ảm đạm. **Héo don:** Héo úa như sắp mất hết sự sống.

Hai câu 143-144: Người vợ ghen tuông vì chồng ngoại tình nên hình dáng gầy mòn, mặt mày ủ dột buồn rầu, nhan sắc càng héo úa.

145

*Hẽ càng ngắm hao mòn đóa ngọc,
Càng riêng lo tơ tóc không bên.
Chàng vui cung nguyệt trao duyên,
Thiếp sầu sớ nén hương nguyên bột thơm.*

Chú thích:

Đóa ngọc: Chỉ người đàn bà đẹp quý phái. Đóa là cái hoa, chỉ đàn bà hay con gái; ngọc là đá quý, chỉ sự quý phái. **Tơ tóc:** Xe tơ kết tóc, chỉ sự kết duyên vợ chồng. **Cung nguyệt:** Cung trăng, nơi ở của Hằng Nga. Ở đây, cung nguyệt là chỉ nơi ở của người con gái đẹp. **Trao duyên:** Đưa cái duyên của mình cho người mình yêu, ý nói kết duyên thành vợ chồng. **Nén hương nguyệt:** Đồng nghĩa Mảnh hương nguyệt, nơi câu 132. Nén hương là một bó nhang nhỏ gồm vài ba cây.

Hai câu 147–148: Chàng vui vẻ cùng người con gái khác trao đổi duyên tình với nhau. Còn thiếp thì ở nhà rầu buồn lo sợ cho lời thề nguyệt phai lạt dần, tình nghĩa vợ chồng không còn khấn khít nữa.

149

*Lo ngại rồi ra cơn mất nết,
Vì ghen tương hết biết thân mình.
Dám toan tử tiết với tình,
Còn chi kể đến gia đình hư nên.*

Chú thích:

Mất nết: Mất đi cái tánh hạnh tốt đẹp lúc trước. **Ghen tương:** Biểu lộ sự tức giận khi biết chồng mình ngoại tình, tức là chồng mình đem tình yêu chia sẻ với một cô gái khác. Ghen tương là đặc tính của tình yêu ích kỷ của vợ đối với chồng, mà tình yêu nào lại không ích kỷ? **Tử tiết:** Tự giết chết mình để giữ tròn tiết nghĩa. Tiết nghĩa là lòng cứng cỏi quyết giữ đúng lẽ phải.

153

*Nếu ôm ấp một bên thương nhớ,
Bệnh tương tư khó gỡ cho kham.
Nên toan đập nát cung cầm,
Vô duyên đành phận, sống làm chi đây?*

Chú thích:

Tương tư: Trai gái thương nhớ nhau một cách tha thiết, quên ăn bỏ ngủ đến độ sanh bệnh, gọi là bệnh tương tư. **Gỡ:** Tháo ra cho hết rối. **Kham:** Nổi, chịu đựng nổi. **Cung cầm:** Cầm là cây đàn, cung là thứ bực âm thanh phân ra trên cần đàn. Cung cầm là chỉ về âm nhạc, mà âm nhạc thì phải hòa. Đây là cái kỷ niệm lúc vợ chồng sống hòa hợp hạnh phúc bên nhau, lúc rảnh đem đàn ra ca hát với nhau. **Đập nát cung cầm:** Ý nói phá vỡ tình yêu.

157

*Thương ra giận khó khuây nổi nhớ,
Mối tơ duyên ai gỡ cho đang?
Hỡi người cỡi phụng giữa loan,
Phải chi vợ dám phụ phàng mới sao?*

Chú thích:

Ai gỡ cho đang: Ai tháo ra cho được. **Cỡi phụng giữa loan:** Phụng loan là chỉ vợ chồng, phụng là con chim trống chỉ người chồng, loan là con chim mái chỉ người vợ, giữa là bỏ (từ ngữ xưa). Cỡi phụng giữa loan là cỡi con phụng bay đi, bỏ con chim loan ở lại, ý nói, chồng phụ bạc vợ, bỏ nhà ra đi. **Phụ phàng:** Đối xử tệ bạc không kể gì đến tình nghĩa thương yêu thuở trước.

Câu 160: Đây là tiếng nói uất hận của người vợ bị chồng phụ bạc. Luân lý của xã hội dành cho người chồng nhiều đặc quyền, gây bất bình đẳng giữa vợ chồng, làm người vợ uất ức, muốn nổi dậy tranh đấu cho quyền lợi của phụ nữ, nhưng không thể được, đành ôm hận thở than cho số kiếp.

161

*Tả nổi thảm thêm đau mấy đoạn,
Mượn bút hoa đắp cạn thành sầu.
Tiếng tiêu dẫu lọt phụng lầu,
Hoặc may gỡ đặng dây sầu nữ nhi.*

Chú thích:

Đau mấy đoạn: Đau đớn như ruột bị cắt ra nhiều đoạn. **Bút hoa:** Cây viết nở hoa. Nhà thơ Lý Bạch đời Đường nằm mộng thấy cán bút của mình nở hoa. Từ đó, thơ văn của Lý Bạch viết ra mỗi ngày một xuất sắc, tiếng tăm lung lay. Bút hoa là cây bút viết ra văn chương đẹp như hoa. **Thành sấu:** Mỗi sấu muện lớn lao, chứa cả một thành. **Đắp cạn thành sấu:** Làm cho sự sấu thảm bớt dần. **Tiếng tiêu:** Tiếng sáo thổi, chỉ tiếng nói nhỏ nhẹ của vợ khuyên can chồng. **Phụng lấu:** Cái lấu có con chim phụng đến đậu, ý nói nơi người chồng đến chơi bời. **Dây sấu:** Mỗi dây sấu muện.

Hai câu 161-162: Mượn cây viết để ra mấy vần thi để tả nỗi sấu thảm của mình, lòng đau đớn như cắt ruột ra mấy đoạn, nhưng nhờ vậy mà nỗi sấu thảm vơi đi dần dần.

Hai câu 163-164: Tiếng nói nhỏ nhẹ của người vợ khuyên can chồng, nếu lọt tai chồng làm cho chàng thức tỉnh thì may ra mới tháo gỡ được mối dây sấu muện của người vợ.

165

*Cầm bút ngọc đề thi tự thuật,
 Một kiếp sanh của bậc văn tài.
 Nêu gương tuyết giá hậu lai,
 Gỡ trong muôn một những bài sanh ly.*

Chú thích:

Bút ngọc: Cây viết quý như ngọc. **Đề thi:** Viết ra các câu thơ. **Bậc văn tài:** Người tài giỏi về văn chương. **Tuyết giá:** Chỉ lòng trong sạch sáng đẹp của vợ đối với chồng, sạch như tuyết, trong như giá (nước đá). **Hậu lai:** Thời gian sắp tới. **Sanh ly:** Sống mà xa cách nhau, chỉ cảnh người vợ bị chồng phụ bạc, chồng bỏ nhà đi đến ở với vợ bé.

169

*Khi đầu ấp cùng khi tay gối,
Thân thiết nhau sớm tối quen hơi.
Chừ sao chong ngọn đèn ngồi,
Cô đặng giỡn bóng, gheo người thương tâm.*

Chú thích:

Đầu ấp tay gối: Cảnh vợ chồng thương yêu quấn quít nhau không rời. **Quen hơi:** Vợ chồng chung sống lâu ngày quen mùi nhau, khi vắng thì cảm thấy nhớ nhung da diết. **Chừ sao:** Sao bây giờ lại... Chừ là bây giờ. **Chong ngọn đèn:** Đốt ngọn đèn lên, vắn cho cháy vừa đủ sáng và để vầy suốt đêm. **Cô đặng:** Ngọn đèn cô đơn, chỉ có một ngọn đèn trong phòng. Người cô đơn thấy ngọn đèn cũng cô đơn như mình. **Giỡn bóng:** Ngọn đèn leo lét làm cho bóng người ngồi lung linh chập chờn trên vách. **Thương tâm:** Đau lòng.

173

*Nào là thuở âm thầm đan díu,
Vịn bóng trăng đặng níu hoa đào.
Chừ sao bỏ cảnh úa xào,
Nhụy phai hương lợt, khuôn rào tả tới.*

Chú thích:

Âm thầm đan díu: Yêu nhau một cách thầm lén. **Vịn:** Đặt bàn tay tựa vào. **Níu:** Nắm kéo xuống. **Úa xào:** Cây lá héo úa rủ xuống, sắp chết. **Nhụy phai hương lợt:** Tình trạng hoa tàn, nhụy hoa phai màu, mùi hương bay hết. **Khuôn rào tả tới:** Hàng rào chung quanh nhà tả tới hư nát, vì không người chăm sóc.

Câu 174: Tả cảnh thơ mộng lúc 2 người mới yêu nhau, hẹn hò nhau đi ngắm trăng xem hoa.

Hai câu 175-176: Người vợ trách chồng bạc tình, bỏ vợ ở nhà một mình trong cảnh héo úa, nhan sắc phai tàn, cảnh nhà tới tả.

177

Nào khi đứng lúc ngồi đủ mặt,
 Qua tường đông lóng bạc tơ đồng.
 Chừ sao chẵn chiếu lạnh lòng.
 Phím loan nín bật, tranh tòng đứt dây.

Chú thích:

Tường đông: (Đã giải nơi câu 73), chỉ nơi ở của người con gái đẹp.
Lóng: Lắng nghe. **Tơ đồng:** Dây đàn làm bằng đồng, nhỏ như sợi tơ. **Bạc tơ đồng:** Cung bậc âm thanh do dây đàn phát ra. **Phím loan:** Phím đàn, vì phím đàn được dán dính vào cần đàn bằng keo loan (làm bằng máu chim loan). **Nín bật:** Lặng im một cách đột ngột. **Tranh tòng đứt dây:** Tranh đua nối theo nhau mà đứt dây. Tòng là theo, nối theo.

Câu 178: Người vợ nhớ lại lúc 2 người mới yêu nhau, chàng qua nhà nàng lắng nghe thường thức tiếng đàn của nàng.

Câu 180: Tiếng đàn nín bật vì các dây đàn tranh nhau mà đứt dây. Ý nói: Khi ngồi đàn mà bỗng nhiên đứt dây đàn thì nó báo hiệu cho biết có cảnh biệt ly.

181

Nào khi lén vẽ màỵ thực nữ,
 Nào khi lo gìn giữ hương thê.
 Chừ sao bướm cũ lia huê,
 Vườn thu vắng khách, ủ ê canh tàn.

Chú thích:

Thực nữ: Người con gái nết na hiền lành. **Hương thê:** Cây nhang đốt lên van vái Trời Đất thể nguyện với nhau. **Huê:** Hoa. **Bướm cũ lia huê:** Ý nói người chồng lia xa người vợ. **Vườn thu vắng khách:** Ý nói: Nhà ở của người vợ vắng mặt chồng. Vườn thu, Phòng thu, chỉ nơi ở của người vợ hay của người đàn bà luống tuổi. **Ủ ê:** Buồn rầu âm thầm kéo dài. **Canh tàn:** Đêm tàn. (1 đêm có 5 canh).

185

Nào khi tựa bên màn canh lụn,
Nào khi ngói ngó bóng Hằng Nga.
Chừ sao để lụn canh gà,
Vẳng hoe gối phụng, nguyệt tà hoa thưa.

Chú thích:

Canh lụn: Canh tàn, tức là đêm tàn, gần sáng. **Lụn:** là tàn dần. Một đêm chia làm 5 canh. Canh năm là lúc gà gáy, sắp sáng, nên được gọi là canh gà. **Lụn canh gà:** Canh năm tàn dần sắp hết, trời rạng sáng. **Bóng Hằng Nga:** Ánh sáng mặt trăng. **Vẳng hoe:** Vẳng về im lặng. **Gối phụng:** Gối có thêu chim phụng dành cho chồng nằm, chỉ người chồng. **Nguyệt tà:** Trăng đã chệch qua đầu, trời gần sáng. **Hoa thưa:** Vườn hoa thưa thớt, chỉ cảnh buồn bã vắng vẻ.

189

Nào khi đổ mây mưa đánh giáp,
Nào khi lo ấm áp cung thiềm.
Chừ sao vẳng dạng tàn đêm,
Gia cư rách cửa, ven thêm cỏ chen.

Chú thích:

Đổ mây mưa đánh giáp: Chỉ việc ái ân giữa vợ chồng. **Cung thiềm:** Tương truyền nơi cung trăng có con thiềm thừ (*con cóc*) to lớn, dưới họng có chữ son. Cung thiềm là cung trăng, nơi ở của Hằng Nga. Ở đây, cung thiềm là chỉ nơi ở của người vợ, cũng chỉ người vợ. **Gia cư:** Nhà ở.

Câu 192: Nhà cửa rách nát, thêm nhà cỏ mọc chen vào. Ý nói: Nhà cửa thiếu tay người chồng chăm sóc.

Các đoạn 4 câu thơ trong phần này, thường thì 2 câu đầu nhắc lại những kỷ niệm êm đẹp lúc 2 người mới yêu nhau, rồi cưới nhau và sống hạnh phúc bên nhau. Hai câu lục bát tiếp theo là nói người vợ trách chồng phụ bạc, bỏ nhà đi theo vợ nhỏ.

193

Nào khi ước giữ niềm son sắt,
 Nào thể non nắm chặt dải đồng.
 Chừ sao đổi dạ thay lòng,
 Hẹn xưa bỏ chảy theo dòng Tương giang.

Chú thích:

Ước: Cầu mong điều mà mình biết là khó thực hiện được. **Niềm:** Lòng tưởng nghĩ tới. **Son sắt:** Đỏ như son, cứng như sắt. Ý nói bền vững như sắt, không phai lợt như màu đỏ của son. **Niềm son sắt:** Lòng trung thành không dời đổi, trước sau như một. **Thể non:** Do thành ngữ “*Minh sơn thể hải*”: *Thể non hẹn biển*. Thể non là chỉ núi mà thể, dấu cho biển cạn non mòn, lòng dạ quyết không thay đổi. **Dải đồng:** Dải đồng tâm. Theo Tùy thư, vua Tùy Dương Đế sai lấy lụa ngũ sắc kết thành nút gọi là đồng tâm kết (*dải đồng tâm*) để ban cho quý phi, tỏ lòng yêu đương khẩn khít. Do đó, dải đồng là chỉ sự thương yêu khẩn khít giữa vợ chồng. **Nắm chặt dải đồng:** Ý nói giữ chặt lòng thương yêu khẩn khít giữa vợ chồng. **Chừ sao:** Bây giờ sao lại... Chừ là bây giờ. **Tương giang:** Dòng sông Tương. Đây là dòng sông tượng trưng sự đau khổ, vì khi vua Thuấn đi tuần thú phương Nam và chết ở đó, 2 bà vợ là Nga Hoàng và Nữ Anh đi tìm vua Thuấn, bị dòng sông Tương ngăn lại, 2 bà buồn rầu, ngồi bên bờ sông Tương khóc than thảm thiết, nước mắt của 2 bà vẩy vào các khóm trúc nơi bờ sông, làm cho cây trúc có dấu lốm đốm như đôi mắt.

Câu 196: Lời thể hẹn ngày xưa, chàng đã bỏ trôi hết theo dòng nước.

197

Nào khi đứng giữa đàng trông ngọc,
 Nào khi ngồi dưới bệ trong châu.
 Chừ sao phụ nghĩa sơ giao,
 Phòng toan ném gánh tâm đầu sông Ngân.

Chú thích:

Giữa đàng: Giữa đường. **Trông ngọc:** Ý nói trông ngóng người yêu. Thơ cổ có câu: *Nguyệt di hoa ảnh ngọc nhân lai*, có nghĩa là: Bóng trăng đã xế, người ngọc đến. Người ngọc là người con gái đẹp như ngọc, chỉ người yêu. **Dưới bệch trong dàu:** Chỉ sự hẹn hò tình tự lén lút bất chánh giữa trai và gái. **Điển tích:** Theo Hán thư, con trai và con gái của nước Trịnh và nước Vệ thường hẹn hò nhau ra bãi sông Bệch, núp trong các ruộng dàu để tình tự và làm chuyện dâm ô. (*Sông Bệch là con sông chảy qua 2 nước Trịnh và Vệ*). **Sơ giao:** Bạn bè lúc mới quen biết nhau. **Phụ nghĩa sơ giao:** Phụ bạc cái tình nghĩa lúc mới quen biết nhau. **Phòng toan:** Dự bị toan tính. Phòng là dự bị, phòng hồ. **Gánh:** Mang vật gì ở 2 đầu một cái đòn đặt lên vai. Nghĩa bóng là cái trách nhiệm mang vào thân. **Ném gánh:** Vứt bỏ cái trách nhiệm mà mình đã mang lấy trước đây. **Tâm đầu:** Tâm là lòng dạ, đầu là hợp nhau. Thường nói: *Tâm đầu ý hợp*. Tâm đầu là lòng dạ hòa hợp nhau. **Sông Ngân:** Ngân Hà. Theo truyền thuyết, vợ chồng Ngưu Lang và Chức Nữ mắc tội với Trời, nên bị Trời phạt, mỗi người phải ở một bên sông Ngân Hà, mỗi năm chỉ được gặp nhau một lần vào đêm Thất tịch (*mùng 7 tháng 7 âm lịch*). Sông Ngân là chỉ sự chia cách giữa vợ chồng.

Câu 200: Dự phòng toan tính ném bỏ cái tâm đầu ý hợp của vợ chồng để gây ra cảnh chia ly đôi ngã.

201

Nào khi đến cầu Lam chường ngọc,
 Nào khi lo giã thuốc trường sanh.
 Chừ sao bỏ nghĩa én anh,
 Tham lê bỏ lựu, phụ tình trước mai.

Chú thích:

Cầu Lam: Chử Hán là Lam kiều. **Chường ngọc:** Cầm cái chày bằng ngọc để giã thuốc. **Giã thuốc trường sanh:** Dùng chày đâm nhuyễn các thứ thuốc để bào chế thuốc trường sanh, uống vào được sống hoài không chết. **Én anh:** Từ ngữ này đều có trong

2 câu thơ: 203 và 206, nhưng nghĩa lý khác hẳn nhau. – Trong câu 203: Én anh là chỉ vợ chồng. Nghĩa én anh là tình nghĩa vợ chồng. – Trong câu 206: Én anh là chỉ người đi chơi lũ lượt, tấp nập, như chim én và chim anh bay từng đàn. **Tham lê bỏ lựu:** Ý nói có mới nói cũ. **Trước mai:** Cây trúc và cây mai, ở đây chỉ tình nghĩa vợ chồng khấn khít.

Hai câu 201–202: Lấy theo điển tích Chày ngọc – Cầu Lam (đã có giải nơi Chú Thích câu 134). Hai câu này nhắc lại lúc 2 người mới đính hôn nhau, thật là thơ mộng.

205

*Nào khi cửa then gài mấy lớp,
Cấm vườn xuân nướm nượp én anh.
Chừ hoang cây cỏ xứ mảnh,
Gần cây chim lánh, đến cành gió day.*

Chú thích:

Vườn xuân: Giống chữ Phòng xuân, chỉ người con gái lúc trẻ.
Cấm vườn xuân: Chứa cho ai vào vườn xuân, ý nói con gái mới lớn chưa chồng.
Cây cỏ xứ mảnh: Lá cây và cỏ rủ xuống như bức mảnh.
Én anh: là chỉ người đi chơi lũ lượt, tấp nập, như chim én và chim anh bay từng đàn.
Nướm nượp én anh: Người ta đi lại đông đảo lớp này tiếp đến lớp khác.

Câu 208: Chim bay đến gần cây mà không đáp vào, lại bay lánh đi; gió thổi đến gần cành cây, gió cũng day qua hướng khác. (*Dùng cảnh để nói lên tâm trạng của vợ bị chồng phụ bạc*).

209

*Nào khi sắc so tài đẹp dạ,
Nào khi nhen hương hỏa ba sinh.
Chừ toan bút mảnh tơ tình,
Trà ngâu chê nhớ, rượu quỳnh chối thương.*

Chú thích:

Sắc so tài: Người con gái thì cần nhan sắc, người con trai thì cần tài hay, sắc so tài cân xứng, đẹp đôi vừa lứa. **Đẹp dạ:** Đẹp lòng, rất bằng lòng. **Nhen:** Nhúm, thường nói là nhen nhúm. Ở đây nhen là nhúm lửa để đốt đèn, đốt nhang. **Hương hỏa ba sinh:** Ba sinh là 3 kiếp sống. Hương hỏa là thắp đèn đốt nhang. Hương hỏa ba sinh là thắp đèn và đốt nhang để khẩn nguyện Trời Đất chứng minh lòng chung thủy của đôi trai gái yêu nhau, thể hẹn với nhau nội trong 3 kiếp phải kết làm vợ chồng với nhau. **Bút mảnh tơ tình:** Bút cho đứt sợi dây tơ tình yêu mà bấy lâu đã cột chặt 2 người. **Trà ngâu:** Trà ướp hoa ngâu. Hoa ngâu là loại hoa rất thơm, giống như hoa lái, dùng để ướp trà. **Rượu quỳnh:** Chũ Hán gọi là Quỳnh tương. Quỳnh là loại ngọc màu đỏ, được vua chúa hay các nhà quyền quý mượn thợ gọt đẽo, tạo thành cái chung uống rượu, cái chất ngọc quỳnh làm tăng thêm mùi vị thơm ngon của rượu.

Câu 212: Hối vợ chồng thương yêu sống chung với nhau, thường ngồi uống trà ngâu hay uống rượu quỳnh với nhau, nhưng giờ đây, chàng đã chê trà ngâu, không còn muốn nhớ tới nữa, chê rượu quỳnh, chối bỏ tình thương yêu vợ chồng thuở trước.

213

Nào khi hỏi thăm hang Từ Thúc,
 Nào khi dò mấy bức cầu ô.
 Chừ sao kẻ Hồn người Hồ,
 Để cho phòng hạnh ra mô quạt duyên.

Chú thích:

Từ Thúc: Từ Thúc là người ở Hóa Châu nước ta, làm Tri huyện Tiên Du, đời nhà Trần. Gần huyện có một ngôi chùa nổi tiếng đẹp, trồng nhiều hoa mẫu đơn. Hằng năm du khách đến xem đông như ngày hội. Năm Quang Thái thứ 9 (1396), trong số du khách có một thiếu nữ vô ý làm gãy một cành mẫu đơn. Nhà chùa bắt đền. Nàng không có sẵn tiền, lại không có người quen nên không biết tính sao. May lúc ấy có quan huyện Từ Thúc đi

đến, thấy vậy động lòng, liền cởi áo thế cho nhà chùa, cô gái mới được buông tha ra về.

Từ Thức có tâm hồn phóng dật, không thích gò bó trong chốn quan trường, nên xin treo ấn từ quan, đi ngao du sơn thủy, với bầu rượu túi thơ. Một hôm Từ Thức bơi thuyền dạo chơi cửa biển, chợt thấy một hòn núi nổi lên giữa biển có phong cảnh rất kỳ vĩ, liền bơi đến nơi, trèo lên xem, gặp một hang núi nhỏ liền đi vào, đường dốc lằn lằn lên tới đỉnh núi, gặp một khung cảnh hoàn toàn khác lạ, đẹp đẽ vô cùng.

Từ Thức gặp một người con gái, nhìn kỹ thì đúng là nàng đã làm gãy cành mẫu đơn ngày nọ. Cô gái liền chào hỏi và xưng tên là Giáng Hương. Nàng cho biết nàng là Tiên Nữ và đây là cảnh Tiên. Nàng lại nói việc Từ Thức giúp nàng hôm nọ, khiến cho Từ Thức có duyên phận với nàng, nên xui khiến chàng lên đây gặp nàng. Từ Thức ở lại đó và kết hôn với Giáng Hương.

Thời gian thấm thoát được một năm, Từ Thức quá nhớ nhà, nên đòi về thăm. Giáng Hương hết sức ngăn cản, nhưng không được, đành viết một phong thư niêm kín, dặn chàng chừng nào về tới quê nhà mới mở ra xem, rồi đưa chàng xuống núi từ biệt. Đây là bức thư vĩnh biệt, vì Giáng Hương biết rằng Từ Thức không có căn Tiên, nên mới xảy ra việc nhớ nhà đòi về, khiến chàng trở lại trần gian, không thể lên cõi Tiên được nữa.

Từ Thức về tới làng cũ thấy cảnh vật đổi khác rất nhiều, vì đã qua 60 năm nơi cõi trần. Các người cùng thời với chàng đã chết hết, nhà Trần đã mất, đổi sang nhà Lê. Từ Thức bùi ngùi thương cảm. Con cháu đều không nhìn ra nữa.

Từ Thức trở lại đường cũ, đi tìm Giáng Hương, nhưng không thấy hòn núi. Chàng quá thất vọng, đi vào núi Hoành Sơn và mất tích luôn trong đó.

Câu ô: Ô là con quạ, cũng gọi là chim ô thước. **Điển tích:** Theo sách Kinh Sở Tuế Thời Ký, Chúc Nữ là cô gái dệt vải, là cháu của Ông Trời, rất siêng năng dệt vải. Trời đem gả cho Ngư Lang là chàng chăn trâu nơi Thượng giới. Hai vợ chồng quá âu yếm nhau mà bê trễ bổn phận. Trời phạt đày mỗi người ở một bên sông Ngân Hà, chỉ cho gặp nhau một lần vào đêm Thất tịch (*mùng 7 tháng 7*

âm lịch). Đêm đó, các con chim ô thước đội đá bắc cầu qua sông Ngân Hà, để cho Ngưu Lang đi qua sông gặp vợ. Khi gặp nhau, vợ chồng than khóc kể lể cảnh ly biệt, nước mắt rơi xuống trần gian tạo thành các đám mưa, gọi là mưa ngâu.

Kẻ Hón người Hồ: Kẻ Hón là người Trung Hoa ở Trung nguyên, người Hồ là rợ Hồ hay rợ Hung Nô ở phía Bắc Trung nguyên. Vào thời nhà Tống, vua Hung Nô đem quân đánh vào Trung nguyên, buộc vua Tống phải đem nàng Chiêu Quân là ái phi của vua Tống, nạp cho vua Hung Nô. Vua Tống nhu nhược, đánh thua quân Hồ nên phải ép lòng đưa Chiêu Quân đi cống Hồ. Từ ấy, vua và nàng Chiêu Quân xa cách nhau, kẻ Bắc người Nam, đau khổ vô cùng.

Phòng hạnh: Hạnh là trái mơ, cùng loại với trái đào. Phòng hạnh đồng nghĩa với Phòng đào, chỉ nơi ở của người đàn bà. Ở đây, phòng hạnh là chỉ người vợ.

Ra mồ quạt duyên: Quạt cái mỏ còn ướt của chồng cho mau khô đừng đi tìm duyên mới. **Điển tích:** Trang Tử là vị Tiên đắc đạo tại thế. Một hôm ông đi chơi ở mé chân núi, gặp một thiếu phụ còn trẻ đang mặc đồ tang, tay cầm cái quạt lớn, đứng quạt vào một nắm mồ mới đắp đất. Trang Tử thấy lạ đến gần hỏi thử cho biết nguyên do. Thiếu phụ đáp: Chồng tôi chết vừa mới chôn cất xong. Lúc hấp hối, chàng có trở lại dặn rằng, chùng nào nắm mồ của chàng mồ khô cỏ ráo thì nàng mới được đi lấy chồng khác. Nay tôi thấy nắm mồ còn ướt mãi nên tôi lấy quạt ra đây quạt cho mau khô.

Trang Tử ngẫm nghĩ một lát rồi nói với chị ta là để ông giúp cho chị ta quạt mồ mau khô. Nói rồi, Trang Tử làm phép trên cái quạt, trao trả cho chị ta, và chị ta quạt mấy cái thì mồ khô cỏ ráo liền.

Chị ta vui mừng không xiết, cảm tạ Trang Tử, và tặng Trang Tử cái quạt làm kỷ niệm.

Câu 213: Người vợ nhắc lại lúc vợ chồng còn trẻ, dẫn nhau đi du sơn, hỏi thăm nơi nào là cái hang mà Từ Thức đi vào gặp Tiên.

Câu 214: Nào những khi 2 vợ chồng ngắm xem trăng sao giữa Trời, tìm đâu là sao Chúc Nữ, sao Ngưu Lang, đâu là mấy bụi cầu ô thước.

Câu 215: Ý nói: Sao bây giờ, vợ chồng chia ly kẻ Bắc người Nam?

Câu 216: Ý nói: Để cho người vợ chịu cảnh chồng chết mà đi tìm duyên mới.

217

Nào là lúc ngựa nghiêng đêm quạnh,
 Nào là khi thức tỉnh đêm khuya.
 Chừ sao loan phụng chia lìa,
 Con trông vợ nhớ, mắt kẻ ngõ song.

Chú thích:

Ngựa nghiêng: Lúc nằm ngựa, lúc nằm nghiêng, ý nói trần trở thao thức không ngủ được. **Đêm quạnh:** Đêm vắng vẻ im lặng, gây cảm giác trống trải buồn bã. **Loan phụng:** Loài chim phượng luôn luôn sống từng cặp, con mái gọi là loan, con trống gọi là phụng. Loan phụng là chỉ đôi vợ chồng khấn khít. Trong đám cưới thường chúc: *Loan phụng hòa minh, sắt cầm hảo hiệp* (2 con chim loan phụng hòa tiếng hát, 2 cây đàn cầm sắt hòa hợp tốt đẹp). **Mắt kẻ ngõ song:** Mắt kẻ sát vào cửa sổ ngõ mong ra ngoài, trông đợi người chồng đi chưa về. Song là cái cửa sổ.

221

Càng thấy con khờ không đủ trí,
 Càng thêm lo huyết khí bên chồng.
 Nâng niu lúc ẵm khi bồng,
 Phụ thân thế phận cho chồng dạy khuyên.

Chú thích:

Khờ không đủ trí: Khờ khạo không đủ trí khôn. **Huyết khí:** Huyết là máu, khí là chất tinh túy do máu tạo thành để lưu truyền nòi giống. Huyết khí là chỉ dòng giống nhà chồng. **Phụ thân:** Cha ruột. **Thế phận:** Thay thế bốn phận.

Câu 224: Chồng ra đi không về, người vợ ở nhà thay thế chồng làm bốn phận người cha dạy khuyên con trẻ. Câu này có ý nghĩa

rất giống câu thơ bên Chinh Phụ Ngâm Câu 160: *Dạy con đèn sách, thiếp làm phụ thân.*

225

*Càng sợ hở thung huyền phiền muộn,
Thắm bao nhiêu gắng gượng làm vui.
Tảo tần sớm dưỡng chiều nuôi,
Thế chàng thiếp lãnh vai người hiếu nam.*

Chú thích:

Càng sợ hở: Càng sợ không kín chuyện, tin tức lọt ra ngoài. Hở là không kín. **Phiền muộn:** Buồn rầu. **Thung huyền:** Cây thung, cũng gọi là cây xuân, chỉ cha; cỏ huyền chỉ mẹ. Thung hay xuân là loại cây, sống rất lâu năm, cứ 8000 năm mới tới mùa xuân của nó, 8000 năm nữa mới tới mùa thu của nó. Dùng cây xuân để chỉ người cha vì con muốn cha sống lâu như cây xuân. Huyền là loại cỏ sống lâu năm, ăn cỏ huyền thì hết buồn phiền, nên cỏ huyền còn được gọi là Vong ưu thảo. Dùng cỏ huyền chỉ người mẹ, vì con muốn mẹ không buồn phiền, vui vẻ mãi. **Tảo tần:** Trong Kinh Thi, bài Thái tần có câu: Vu dĩ thái tần, nam giản vu chi tân, vu dĩ thái tảo, vu bỉ hàng lạo. Nghĩa là: Đi hái rau tần, bên bờ khe phía nam, đi hái rau tảo bên lạch nước kia. Cho nên dùng chữ Tảo tần để chỉ người vợ hiền hiếu thảo cần kiệm, đi hái rau tần rau tảo về làm cỗ cúng tổ tiên. **Hiếu nam:** Con trai có hiếu với cha mẹ.

Câu 228: có ý nghĩa giống câu 159 của Chinh Phụ Ngâm: *Ngọt bùi thiếp đã hiếu nam.*

229

*Thấy em đại không ham đèn sách,
Càng để lòng hời hạch kinh luân.
Thay chàng thiếp trả nghĩa thâm,
Dạy em văn hóa, thiếp làm trưởng huynh.*

Chú thích:

Kinh luân: Tổ chức, xếp đặt việc chánh trị trong nước. (Xem lại *Chú thích 2 câu: 1 và 2*). **Nghĩa thâm:** Nghĩa sâu. **Trưởng huynh:** Anh cả.

233

Càng nghĩ đến linh đình phận thiếp,
Càng ngại lo tội nghiệp thân con.
Những ngờ nước thấm đầu non,
Nào hay trăng khuyết hao mòn nhơn duyên.

Chú thích:

Linh đình: Lên đền, trôi nổi nay đây mai đó, như cánh bèo, không nơi nhứt định. **Tội nghiệp:** Đáng thương vì gặp cảnh ngộ không may. **Nước thấm đầu non:** Mưa rơi đỉnh núi, nước chảy tuột xuống hết, chỉ thấm được một ít trên đầu núi mà thôi. Nhưng nếu mưa nhiều lần nhiều ngày, mỗi ngày thấm một ít thì lần lần cũng thấm ướt đầu núi. Ý nói: Lời khuyên nhủ, mỗi ngày mỗi khuyên thì lâu ngày cũng lọt lỗ tai mà nghe theo. **Những ngờ:** Cứ tưởng rằng mà không chắc lắm. **Nhơn duyên:** Mối ràng buộc giữa người nầy với người khác, ở đây chỉ sự ràng buộc vợ chồng.

237

Càng đeo đẳng nỗi phiến nỗi thâm,
Càng thương thân chích bạn lia đôi.
Phận sao phận bạc như vôi,
Nước lưng đày gáo, hương trôi dòng là.

Chú thích:

Thương thân: Thương hại cho tấm thân của mình. **Chích bạn lia đôi:** Ý nói: Lẻ loi một mình. Chích là lẻ loi, chích bạn là lẻ bạn. Lia đôi là 2 người chia lia nhau. **Nước lưng đày gáo:** Nước trong gáo 10 phần, lưng tới đầy hết 7 phần, còn 3 phần, ý nói: người phụ nữ đã luống tuổi. **Dòng là:** Dòng sông ban đêm trăng sáng, trông

giống như dải lụa trắng uốn khúc. **Là:** Lụa là. **Dòng là:** Dòng sông. **Hương trôi dòng là:** Hương sắc bỏ trôi theo dòng nước, ý nói nhan sắc của người vợ phai tàn dần.

241

*Càng ngắm đến cỏ hoa vật loại,
Càng thẹn vì vắn vỏi tơ tình.
Chim kết cánh, cây liền cành,
Còn thân thiếp chịu một mình đơn cô.*

Chú thích:

Vắn vỏi: Ngắn ngủi, thời gian quá ít. **Tơ tình:** Tình yêu vương vẩn như tơ. **Vắn vỏi tơ tình:** Tình yêu vợ chồng chỉ được một thời gian ngắn. **Đơn cô:** Cô đơn.

Chim kết cánh, cây liền cành: Ý nói vợ chồng gắn bó không rời nhau. **Điển tích:** Theo sách Sơn Hải Kinh của Đông Phương Sóc, có loài chim, chỉ có 1 bên cánh và 1 con mắt, nên lúc nào con trống và con mái phải kết cánh lại thì mới bay được, gọi là Tỵ dục điểu. (Tỵ dục là kết cánh lại).

Hàn Bằng làm quan Đại phu nước Tống đời Chiến quốc, có vợ là Hà thị rất đẹp. Vua Khang Vương thấy vậy liền cướp Hà thị về làm vợ và cầm tù Hàn Bằng. Bằng tự sát chết. Hà thị cự tuyệt Khang Vương và tự tử theo, để lại bức thơ xin được chôn cùng mộ với chồng là Hàn Bằng. Khang Vương căm giận, đem chôn riêng. Qua một đêm, bỗng nhiên người ta thấy có 2 cây tử mọc lên ở vách 2 ngôi mộ, thân cây và cành cây quấn vào nhau.

Trong bài Trường Hận Ca của Bạch Cư Dị, đoạn nói vua Đường Minh Hoàng thể thốt với Dương Quý Phi, có 2 câu: Tại thiên nguyện tác tỵ dục điểu, Tại địa nguyện vi liên lý chi. (Trên trời xin làm chim kết cánh, dưới đất xin làm cây liền cành.)

245

Kìa cá giỡn vẫn vợ đáy nước,
 Nọ kết đôi cưu thuốc ven trời.
 Còn thân thiếp chịu cút côi,
 Đền khuya nhắc thăm, gió mới gheo sâu.

Chú thích:

Vẫn vợ: Nhờn nhớ qua lại một cách thông thả tự nhiên. **Cưu thuốc:** Cũng gọi là chim thư cưu, luôn luôn sống từng đôi. **Cút côi:** Lê loi không nơi nương tựa.

Câu 248: Lòng buồn nên thấy ngọn đèn khuya hay gió ban mai, như khêu gợi hay trêu gheo nỗi buồn.

249

Kìa oan ương ấp nhau chẳng hở,
 Nọ én anh rỉ rả kêu thương.
 Còn ta lống những đoạn trường,
 Gối chần tê tái, chiếu giường lạnh tanh.

Chú thích:

Oan ương: Chim uyên ương, con trống là uyên, con mái là ương, sống từng đôi, nếu một con chết thì con kia nhìn đôi chết theo. Uyên ương được ví đôi vợ chồng chung thủy. **Én anh:** Chỉ vợ chồng. (Xem lại Chú thích câu 203). **Rỉ rả kêu thương:** Nói chuyện yêu thương rỉ rả với nhau. **Đoạn trường:** Đứt ruột, chỉ sự đau khổ dữ dội. Đoạn trường có nghĩa bóng là sự đau đớn phủ phàng của người phụ nữ bạc mệnh trong tình trường. **Tê tái:** Đau khổ đến mức không còn cảm giác. **Lạnh tanh:** Rất lạnh lẽo, không một chút hơi ấm.

253

*Kìa cầm điểu bẻ cành kết ổ,
Nọ thú trùng moi lỗ làm hang.
Nầy thân thiếp chịu gian nan,
Linh đình đất chiếu, trời màn không nơi.*

Chú thích:

Cầm điểu: Chỉ chung loài chim. Cầm là loài chim. **Thú trùng:** Thú vật và côn trùng. **Gian nan:** Khó khăn vất vả. **Linh đình:** Lênh đênh, trôi nổi trên mặt nước không biết đi về đâu, hay nương tựa vào đâu. **Đất chiếu trời màn:** Chỉ kẻ sống nghèo khổ, lang thang không nhà cửa, không tiền mua mùng, chiếu, dùng mặt đất làm chiếu (*tức là nằm dưới đất*), dùng bầu trời làm mùng (*tức là không giăng mùng*).

257

*Kìa ông kiến tha môi dành để,
Còn khốn cùng có thể nuôi thân.
Còn thân thiếp chịu khốn nàn,
Tả tôi nỗi mẹ, truông trần nỗi con.*

Chú thích:

Khốn cùng: Nghèo túng khổ cực tột độ. **Khốn nàn:** Khốn khổ nghèo nàn. **Tả tôi nỗi mẹ:** Tình cảnh của mẹ thì rách rưới tả tôi. **Truông trần nỗi con:** Tình cảnh của con thì ở trần ở truồng, không quần áo mặc.

261

*Thôi đành kiếp nót non gượng sống,
Sống vì con, chẳng sống vì thân.
Đòi phen đổi thảm ra mừng,
Nâng niu trẻ dại cho gần đặng cha.*

Chú thích:

Kiếp nốt non: Kiếp sống non nốt yếu đuối của người phụ nữ.
Gượng sống: Sống một cách miễn cưỡng. **Đòi phen:** Nhiều lần.
Mừng: Mừng.

265

*Đưa giọt sữa ra hòa giọt lụy,
 Trong tình chung huyết khí đúc hình.
 Còn con may dựng giữ tình,
 Khối chung tình ở nơi mình ấu nhi.*

Chú thích:

Giọt lụy: Giọt nước mắt. **Huyết khí đúc hình:** Huyết là máu của mẹ, Khí là tinh khí của cha. Tinh cha huyết mẹ hiệp lại tạo nên hình hài đứa con trong bụng mẹ. Đúc hình là nắn đúc nên hình thể đứa bé. **Khối chung tình:** Khối tình thương yêu giữa vợ chồng. **Ấu nhi:** Đứa con bé bỏng non nốt. Ấu là bé nhỏ non nốt, nhi là đứa con.

269

*Nghe trẻ khóc như chì dầm dạ,
 Thấy con đau như đá đập đầu.
 Còn con ô thước bắc cầu,
 Mất con là cửa vô lầu lãnh cung.*

Chú thích:

Chì dầm dạ: Đau đớn như có cục chì đập tan nát cõi lòng. Dầm là đập liên tiếp nhiều lần cho mềm ra. **Đá đập đầu:** Đau đớn như có cục đá đập lên đầu. **Ô thước bắc cầu:** Chim ô thước đội đá bắc cầu nối liền 2 bờ sông Ngân Hà cho Ngưu Lang qua gặp Chức Nữ. (Xem Điển tích nơi câu 214). **Lãnh cung:** Cung lạnh, nơi giam giữ các bà vợ có tội của vua.

Hai câu 271–272: Còn đứa con thì như còn cây cầu ô thước để vợ

chồng tái hợp với nhau; mất đứa con thì duyên vợ chồng chấm dứt, như vợ vua bị đày vào lãnh cung.

273

*Thấy xuân đến vẻ hồng khắp chốn,
Nường con thơ sống rộn cùng xuân.
Ru con giọng hát ngập ngừng,
Xuân ôi! Xuân biết mấy lần đau thương?*

Chú thích:

Sống rộn cùng xuân: Rán sống cho hết những ngày xuân. **Rộn:** Có kéo dài thêm một ít thời gian nữa.

Câu 275: Vừa ru con vừa khóc nên giọng ru đứt đoạn.

277

*Vẻ kêu hạ như dường trêu thảm,
Mưa sầu tuôn mấy dặm biệt ly.
Đổ con lệ ngọc li bì,
Hạ ôi! Hạ có biết nghi phu thê?*

Chú thích:

Lệ ngọc: Giọt nước mắt long lanh như hạt ngọc. **Li bì:** Liên tục không dứt. **Nghi phu thê:** Tình nghĩa vợ chồng.

281

*Chiều thu nhắc ử ê cảnh hạn,
Nhấp nhô xem cánh nhận về non.
Trông thu rầu nhớ thân con,
Thu ôi! Thu biết hao mòn tấm duyên?*

Chú thích:

Ử ê: Buồn rầu âm thầm và kéo dài. **Cảnh hạn:** Cảnh là hoàn cảnh, hạn là điều không may lớn hay tai nạn gặp phải do số phận đã

định sẵn. Cảnh hạn là hoàn cảnh không may. **Nhấp nhô**: Khi lên cao khi xuống thấp. **Tấm duyên**: Cái tình thương yêu ràng buộc vợ chồng.

Câu 282: Xem cảnh trời chiều gần tối, đàn chim nhận bay nhấp nhô trở về núi (*tức bay về tổ*), gọi nhớ cảnh sum họp buổi tối trong gia đình gồm đủ mặt vợ chồng con cái.

285

*Đông lạnh ngắt mảnh mền úm trẻ,
Ngồi đêm trường quạnh quẽ phòng không.
Nhớ chồng thấy trẻ nảo nông,
Đông ôi! Đông biết tấm lòng kiên trinh?*

Chú thích:

Lạnh ngắt: Lạnh lẽo như không còn chút hơi ấm. **Mảnh mền**: Cái mền rách chỉ còn có một mảnh. **Đêm trường**: Đêm dài. **Quạnh quẽ**: Vắng vẻ im lặng đến mức gây cảm giác cô đơn buồn bã. **Phòng không**: Cái phòng không có người nào ở khác hơn là mình, thường nói Phòng không chiếc bóng. **Nảo nông**: Nảo nùng, buồn rầu sâu đậm. **Kiên trinh**: Kiên là lòng cứng rắn vững chắc, trinh là lòng trong sạch của vợ đối với chồng. Kiên trinh là lòng trong sạch bền vững của vợ đối với chồng.

289

*Vắng mặt chồng, cân hình của trẻ,
Ngó thấy con đặng vẽ tượng chồng.
Cân thương trẻ ấy mà đong,
Thì trong thương ấy, của chồng tám phân.*

Chú thích:

Cân hình của trẻ: Đem đứa trẻ đặt lên bàn cân mà cân. **Tượng chồng**: Hình ảnh của chồng. **Tám phân**: Ý nói phân nửa. 1 cân có 16 lượng, 8 phân tức là 8 lượng, bằng nửa cân.

Câu 290: Đứa con sanh ra giống chồng như đúc, nên ngó thấy con thì vẽ được hình ảnh của chồng.

Hai câu 291–292: Vợ chồng thương yêu nhau, kết quả là sanh được đứa con. Người vợ thương chồng mà cũng thương con. Tình thương ấy thể hiện bằng sức nặng của đứa con. Nếu đem cân so sánh, thương chồng 8 phân thì thương con cũng 8 phân, 2 tình thương ấy đồng đều như nhau.

293

Kìa máu huyết, cànхuân nhụy nở,

Khối ái ân đành ở nơi con.

Dầu cho biển cạn non mòn,

Tơ duyên khẩn khít chỉ còn bấy nhiêu.

Chú thích:

Máu huyết: Chỉ đứa con, vì máu thịt của con là do máu huyết của mẹ tạo nên. **Cànхuân nhụy nở:** Cànхuân là chỉ người con gái trẻ tuổi, nhụy nở là ý nói sanh ra được đứa con. Cànхuân nhụy nở là người con gái trẻ tuổi sanh ra được đứa con. **Biển cạn non mòn:** Ý nói thời gian lâu dài, sự đời nhiều thay đổi.

Câu 296: Tình thương yêu khẩn khít của vợ chồng ngày nay chỉ còn có đứa con mà thôi.

297

Trẻ nhỏ dại lắm điều học hỏi,

Thường kiếm cha mong mỗi thấy nhau.

Đỡ con chỉ bóng giải sầu,

Rằng khuya đèn thấp cha hầu về thăm.

Chú thích:

Chỉ bóng: Người mẹ chỉ cái bóng của mình hiện lên vách khi thấp đèn lên. **Giải sầu:** Cởi bỏ sự buồn rầu. **Cha hầu về thăm:** Cha sắp về thăm. Hầu là sắp sửa.

Hai câu 299–300: Nói theo sự tích Thiều phụ Nam Xương.

Thiếu phụ Nam Xương là nàng Vũ Thị Thiết, ở quận Nam Xương, tỉnh Hà Nam nước ta. Nàng Vũ Thị Thiết có tánh tình thùy mị đoan trang, dung nhan xinh đẹp. Chàng Trương Sinh mến mộ, xin mẹ đem trầu cau và lễ vật cưới nàng Thiết về. Trương Sinh có tánh hay ghen, đối với vợ phòng ngừa nhiều điều thái quá. Cuộc sống chung chẳng đặng bao lâu thì nước ta có chiến tranh với nước Chiêm Thành, chàng Trương Sinh phải sung vào quân ngũ. Chàng lạy mẹ từ giã và dặn dò nàng Thiết rồi lên đường, lúc đó nàng Thiết đã có thai gần ngày sanh nở.

Sau khi chồng ra đi chừng mười ngày thì nàng Thiết sanh đặng một đứa con trai, đặt tên là Đản. Bà mẹ vì thương nhớ con trai mà đau ốm luôn. Nàng dâu hết sức thuốc thang nuôi mẹ, hằng đêm cầu khẩn Trời Phật cho mẹ qua cơn bệnh. Nhưng số Trời đã định, bà mẹ mất. Nàng Thiết thương xót vô cùng, lo liệu đầy đủ tang lễ cho mẹ.

Hơn một năm sau, quân Chiêm Thành bị đánh bại, quân ta kéo quân trở về ca khúc khải hoàn. Trương Sinh sau đó được rời quân ngũ, trở về quê nhà, mới hay mẹ đã mất, và con mới vừa biết nói.

Chàng hỏi vợ mỗ của mẹ ở đâu rồi ẵm đứa con đi ra thăm mộ của mẹ. Ra đến đồng, thằng bé quấy khóc.

Trương Sinh dỗ dành con: *Con nín đi đừng khóc. Cha về thì bà nội mất, lòng cha buồn khổ lắm!*

Thằng Đản ngây thơ nói: *Ô! Ông là cha sao lại biết nói? Chớ không như cha Đản trước kia cứ nín thin thít.*

Chàng Trương Sinh ngạc nhiên, gạn hỏi đứa con thì đứa con nói: *Khi đêm thì cha Đản hiện đến, đi theo mẹ Đản, mẹ đi thì cha đi, mẹ ngồi thì cha ngồi, nhưng chẳng bao giờ nói hay bông Đản cả.*

Vốn tính hay ghen, Trương Sinh nghe con nói vậy thì vội tin chắc là vợ hư, ngoại tình với kẻ khác, máu ghen nổi lên, lật đật về nhà la mắng vợ dữ dội, không ai can ngăn được.

Nàng Thiết khóc lóc nói rằng: *Thiếp vốn nhà nghèo, được vào làm vợ chàng, sum họp chưa thỏa tình chồng vợ, lại bị chia phôi vì việc đao binh. Cách biệt đã gần 3 năm, thiếp giữ gìn một tiết, ở nhà thờ mẹ nuôi con, chờ chàng trở về, nào biết việc gì khác*

bên ngoài, đâu có sự mất nét hư thân như lời chàng nói. Xin chàng đừng nghi oan cho thiếp.

Trương Sinh vẫn không tin lời vợ. Nàng hỏi chuyện đó do ai nói với chàng thì Trương Sinh giấu biệt, không kể lại lời nói của thằng Đản, mà chỉ nhiech mắng nàng nặng lời và đánh đuổi nàng đi. Họ hàng lối xóm đều bênh vực và biện bạch cho nàng Thiết nhưng chẳng làm Trương Sinh thôi mắng vợ.

Nàng Thiết quá tuyệt vọng, chỉ còn biết lấy cái chết mà bày tỏ lòng trinh liệt của mình. Nàng liền tắm gội sạch sẽ, chạy ra bên bờ sông Hoàng giang của huyện Nam Xương, ngửa mặt lên Trời vái rằng: *Kẻ bạc mệnh này, duyên phận hẩm hiu, bị chồng ruồng bỏ, tai bay họa gởi, chịu tiếng nhục nhơ, Thân sông có linh, xin Ngài chứng giám. Nếu thiếp đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc Mỹ Nương, xuống đất xin làm cỏ Ngu Mỹ, nhục bằng lòng chim dạ cá, lừa dối phản bội chồng, dưới nước xin làm mồi cho tôm cá, trên bờ xin làm mồi cho điều quạ, và chịu cho mọi người phỉ nhổ.*

(- *Mỹ Nương là vợ của Trọng Thủy, con gái của Thục An Dương Vương, vì chồng mà thác oan, hóa thành ngọc trai dưới biển.*

- *Ngu Mỹ là Ngu Mỹ nhưn, tức là nàng Ngu Cơ, vợ của Sở Vương Hạng Võ. Khi Hàn Tín đánh đuổi Hạng Võ chạy vào thành Cai Hạ, Ngu Cơ rút gươm tự tử để Hạng Võ rảnh tay đối phó với Hàn Tín, nhưng sau đó Hạng Võ thất thủ thành Cai Hạ, chạy đến bến sông Ô Giang, tự cắt đầu tự tử chết. Tục truyền hồn Ngu Cơ không tan, hóa thành 2 khóm cỏ quăn quít nhau trên mộ nàng, gọi là cỏ Ngu Mỹ).*

Vái xong, nàng Thiết nhày xuống sông Hoàng giang mà chết. Trương Sinh thấy vợ tự tử cũng động lòng thương, tìm kiếm vớt xác nàng, nhưng chẳng thấy đâu cả.

Đêm đến, phòng không vắng vẻ, Trương Sinh ngồi buồn, đốt ngọn đèn lên. Chợt đứa con là thằng Đản nói: *Ô! Cha Đản đã về.*

Trương Sinh liền hỏi: *Đâu?*

Thằng Đản chỉ cái bóng của chàng trên vách và nói: *Đây này.*

Thì ra, khi chàng đi tòng quân, nàng ở nhà thường đùa với con, chỉ cái bóng của nàng trên vách mà bảo rằng đó là cha của

Đàn. Bây giờ, Trương Sinh tỉnh ngộ, biết mình ghen bậy, gây ra cái chết oan uổng của vợ, hối hận vô cùng.

Ở dưới sông Hoàng giang huyện Nam Xương, có một tòa cung điện gọi là Qui động của Bà Linh Phi, vợ của Nam Hải Long Vương. Bà Linh Phi biết nàng Vũ thị Thiết có lòng trinh liệt nên rất thương tình, nên khi nàng gieo mình xuống sông thì Bà Linh Phi rẽ nước rước nàng về Qui động.

Tại bến sông Hoàng giang có một Đâu mục tên là Phan Lang, khi trước có ơn cứu sống Linh Phi, nay bị chìm tàu chết đuối, Bà Linh Phi biết được nên cứu sống đem về Qui động. Phan Lang gặp nàng Thiết thì biết là người cùng làng, liền hỏi: *Nường tử, từ khi lạc đến thủy cung thấm thoát đã một năm, há không nhớ tưởng quê hương ư?*

Nàng Thiết liền đáp: *Tôi bị chồng ruồng rẫy, thà chết ở thủy cung chớ không còn mặt mũi nào về gặp chồng.*

Hôm sau, Bà Linh Phi lấy một túi lụa, bỏ vào 10 hạt minh châu, trao tặng Phan Lang, rồi sai sứ giả đưa Phan Lang lên khỏi mặt nước. Nàng Thiết bèn gởi một chiếc hoa vàng trao lại cho chàng Trương và nhờ nói hộ với chàng Trương: *“Nếu còn nhớ chút tình xưa thì lập đàn nơi bờ sông giải oan cho nàng, đốt một cây đèn lớn cho ánh sáng chiếu xuống mặt nước thì sẽ thấy nàng hiện về.”*

Phan Lang được đưa lên khỏi mặt nước liền trở về nhà.

Phan Lang kể chuyện gặp nàng Thiết nơi thủy cung cho Trương Sinh nghe. Ban đầu Trương Sinh không tin, nhưng khi nhận được chiếc hoa vàng của nàng Thiết thì kinh sợ nói: *Đây quả thật là vật dùng của vợ tôi.*

Trương Sinh liền lập đàn tràng nơi bến sông Hoàng giang, cúng tế nàng Thiết trong 3 ngày đêm, đốt một cây đèn sáng đúng theo lời nàng Thiết dặn, quả nhiên trong đêm tối, thấy nàng Thiết ngồi trên chiếc kiệu hoa hiện ra giữa dòng sông, theo sau có hơn 50 chiếc nữa, cờ tán rực rỡ, lúc ẩn lúc hiện. Trương Sinh cất tiếng gọi thì nàng Thiết đáp vọng vào: *Thiếp cảm ơn đức của Linh Phi nên không trở lại như gian nữa. Đa tạ chàng đã giải oan cho thiếp.*

Rồi trong chốc lát, nàng Thiết và cả xe cộ biến mất.

301

Hơi mảnh áo còn cầm đặng ngửi,
Gối loan gìn từ buổi kết duyên.
Ba sanh dầu toại thừa nguyên,
Họa trong giấc mộng giải phiền giao hoan.

Chú thích:

Hơi mảnh áo: Cái mùi trong cái áo. Hơi là mùi. **Gối loan:** Cái gối có thêu hình chim loan, dành cho người vợ nằm; cái gối dành cho chồng thì thêu hình chim phụng. Đây là cặp gối cưới. **Ba sanh:** Ba kiếp sống, ý nói cái duyên vợ chồng đã tiền định do sự thể nguyên với nhau từ kiếp trước. **Thừa nguyên:** Cái ước muốn ấy. **Họa:** May ra. **Giải phiền:** Cởi bỏ sự buồn rầu. **Giao hoan:** Vợ chồng ân ái với nhau.

305

Càng bạc phước càng than con dại,
Lo tảo tần mảy mảy dưỡng nuôi.
Còn cha con tở như côi,
Chít chiu trẻ khó, bồi hồi mẹ đờn.

Chú thích:

Bạc phước: Phước mỏng, ít phước. **Tảo tần:** (Đã giải ở câu 227), chỉ sự cần kiệm và chịu cực khổ của người vợ. **Mảy mảy:** Một chút nhỏ. **Tở:** Ví như. **Chít chiu:** Chiu chít, tiếng chim con kêu đòi chim mẹ dứt mỗi cho ăn. **Chít chiu trẻ khó:** Ý nói con đòi ăn. **Bồi hồi:** Bồn chồn xao xuyến. **Mẹ đờn:** Người mẹ cô đơn.

309

Nhịn ăn mặc giữa cơn thiếu thốn,
Làm lụng nhiều nuôi dưỡng sắp con.
Nại chi xác yếu thịt mòn,
Gia tư miễn đặng vương tròn giữ duyên.

Chú thích:

Sấp con: Đàn con. **Nại chi:** Có nề hà chi. **Gia tư:** Cửa cái trong nhà. Tư là cửa cái. **Miễn đặng:** Chỉ cần được. **Giữ duyên:** Gìn giữ cái duyên vợ chồng.

313

*Lớn một tuổi, mẹ thêm một khổ,
Hiểu một điều, mẹ hổ cho thân.
Trí con lần mở nẻo gần,
Hỏi cha sao phụ, tố trần làm răng?*

Chú thích:

Hổ: Hổ thẹn, xấu hổ. **Trí non:** Sự hiểu biết non kém. **Cha phụ:** Cha phụ bạc mẹ, đối xử bạc bẽo với mẹ. **Tố trần:** Tố là nói cho biết rõ, trần là bày tỏ. Tố trần là bày tỏ cho mọi người biết rõ. **Làm răng:** Làm thế nào?

Câu 314: Tại sao đứa con hiểu một điều mà làm cho mẹ xấu hổ? Bởi vì nó muốn hiểu cha nó làm gì? Ở đâu? Tại sao cha phụ bạc mẹ? Những điều đó làm mẹ nó khó trả lời và cảm thấy xấu hổ vì những việc làm không tốt của cha nó.

Câu 315: Sự hiểu biết non nớt của đứa con từ từ mở ra, từ việc gần rồi đến việc xa, từ việc dễ đến việc khó.

Câu 316: Đứa con hỏi tại sao cha phụ bạc mẹ, thì phải tỏ bày với nó thế nào đây?

317

*Chẳng lẽ nói cho chàng đen bạc,
Chẳng lẽ cho cỡi hạc quên nhà.
Không đành nói thác ra ma.
Không đành nói ngụ nơi nhà lầu xanh.*

Chú thích:

Đen bạc: Phụ bạc, không thủy chung. **Cỡi hạc quên nhà:** Ý nói đi chơi xa, quên nhà quên cửa. Hạc là loại chim chân cao cổ dài, lông

trắng, bay cao và xa, sống đến ngàn năm. Cối hạc còn có ý nói là cối hạc du Tiên, nghĩa là chết, linh hồn cối chim hạc lên chơi cối Tiên. **Thác ra ma:** Chết thành ma. Thác là chết. **Lầu xanh:** Chũ Hán là Thanh lâu, chỉ nhà chứa gái điếm, gái làng chơi.

321

*Không lẽ nói mến anh quên én,
Không lẽ rằng trộm nén hương thừa.
Nói chi tìm vợ dâng dưa,
Lẽ nào nói rượt theo vừa Hằng Nga.*

Chú thích:

Mến anh quên én: Đồng nghĩa với các thành ngữ: *Tham lựu bỏ đào*, Tham lê bỏ lựu, Có mới nới cũ,... **Trộm nén hương thừa:** Ý nói yêu đương vụng trộm với một người con gái thuộc loại không ra gì. (*Thừa là vô ích*). **Trộm nén hương:** Ý nói việc trai gái yêu nhau vụng trộm. **Điển tích:** Theo Thế Thuyết Tân Ngũ, Hàn Thộ đang làm thư lại cho quan đại thần Giả Sung, dưới triều nhà Tần. Hàn Thộ đẹp trai, nên con gái của Giả Sung phải lòng và tư thông nhau. Giả Sung có thứ hương liệu quý do vua Tần ban thưởng, bị con gái đánh cắp đem cho Hàn Thộ. Khi lộ chuyện ra, Giả Sung buộc lòng phải gả con gái cho Hàn Thộ.

Tìm vợ dâng dưa: Đội dưa xuống dâng cho Diêm Vương để tìm vợ. **Điển tích:** Vua Đường Thái Tôn du Địa phủ, khi từ giả Thập Điện Diêm Vương, vua Thái Tôn nói: Tôi trở về dương thế, chẳng có gì biếu Thập Điện, chỉ xin dâng mấy quả dưa kính tạ.

Hồn vua Thái Tôn được sứ giả đưa về thế gian nhập xác sống lại, uống thuốc bổ an dưỡng vài ngày thì khỏe mạnh như trước, liền ra Bàng chiêu hiền, để chọn người đi dâng dưa cho Thập Điện.

Lúc đó có một hiền giả đến gõ bảng tình nguyện đi dâng dưa. Người này tên là Lưu Toàn, quê ở Quận Châu, nhà giàu có. Vợ là Lý Thúy Liên rút kim thoa đem cúng nhà sư ngoài cổng. Lưu Toàn trông thấy liền mắng vợ là không biết giữ nề. Lý thị tức giận chống bèn treo cổ tự tử, bỏ lại 2 đứa con thơ kêu khóc.

Lưu Toàn buồn rầu, gởi gắm con cái ở lại, quyết xuống Âm phủ tìm vợ nên liều chết lãnh nhiệm vụ đi dâng dưa cho Thập Điện.

Vua Đường hạ chỉ cho Lưu Toàn đến Kim Đình quán, đầu đội một quả dưa to, túi đựng tiền vàng, miệng ngậm thuốc độc. Giây lát, Lưu Toàn chết, linh hồn đội dưa xuống Âm phủ, được Quỷ sứ dẫn vào điện Sum La, tâu lên Thập Điện: Tôi vâng chỉ vua Đường, từ cõi dương gian, đội dưa dâng hiến Thập Điện Diêm Vương để báo đáp ân nghĩa của Thập Điện đã tha thứ vua Đường.

Diêm Vương cả mừng nói: Tốt lắm, Đường Thái Tôn thật có tín nghĩa.

Diêm Vương thâu dưa, rồi hỏi tên họ và quê quán của Lưu Toàn, Lưu Toàn đáp: Tiểu nhân họ Lưu tên Toàn, quê ở Quận Châu, vì vợ là Lý Thúy Liên tự tử, bỏ lại 2 đứa con không người trông nom, tiểu nhân tình nguyện bỏ nhà lìa con, trước là liều chết để báo ơn vua, đi dâng dưa lên 10 Vua, sau là tìm vợ.

Thập Điện nghe nói vậy thì sai Quỷ sứ dắt hồn Thúy Liên đến cho gặp mặt chồng. Hai vợ chồng gặp nhau, giải bày chuyện cũ và tạ ơn 10 Vua. Diêm Vương cho tra xét Sổ Sinh Tử, thấy 2 vợ chồng Lưu Toàn có số thọ và được lên Tiên, vội sai Quỷ sứ dẫn 2 hồn trở về dương thế nhập xác. Quỷ sứ tâu: Lý Thúy Liên về cõi Âm khá lâu nên thi thể đã thối nát thì hồn nhập xác sao được?

Diêm Vương nói: Em gái vua Đường là Công Chúa Lý Ngọc Anh nay bị chết tươi, nhà người mượn xác ấy cho Thúy Liên nhập đỡ.

Quỷ sứ vâng lệnh dẫn 2 hồn Lưu Toàn và Thúy Liên ra khỏi Âm phủ, trở về dương thế. Hồn Lưu Toàn được dẫn đến Kim Đình quán và cho nhập vào xác sống lại, còn hồn Lý Thúy Liên được dẫn vào Hoàng cung, thấy Công Chúa Lý Ngọc Anh đi dạo, Quỷ sứ đẩy mạnh làm Ngọc Anh té xuống, Quỷ sứ bắt hồn Ngọc Anh dẫn đi và xô hồn Thúy Liên vào nhập xác Công Chúa.

Xác Công Chúa sống lại nhưng là hồn của Lý Thúy Liên, nên không nhận mình là Công Chúa làm cho Hoàng gia bối rối. Vua Đường Thái Tôn đã được Thập Điện báo trước em gái vua sẽ bị bắt đặc kỳ tử, nên vua không ngạc nhiên, xác nhận việc đó

và cho vợ chồng Lưu Toàn tái hợp mà vợ là Thúy Liên trong xác Công Chúa, và ban thưởng rất hậu.

Hằng Nga: Theo Thần Tiên Truyện, Hằng Nga là vợ của Hậu Nghệ. Hậu Nghệ có tài bắn cung. Tương truyền, thời xưa bỗng nhiên có 10 Mặt Trời mọc lên một lượt làm cho nắng nóng cháy cây chết vật. Hậu Nghệ giương cung, lần lượt bắn rớt 9 Mặt Trời, làm khí hậu trở lại mát mẻ. Dân chúng vui lòng tôn lên làm vua. Hậu Nghệ được Đức Bà Tây Vương Mẫu ban cho thuốc trường sanh. Về sau, Hậu Nghệ làm nhiều điều tàn ác, Hằng Nga khuyên can không được nên lén lấy thuốc trường sanh của Hậu Nghệ uống vào, thì nhẹ mình bay lên ở trên Cung Trăng. Hậu Nghệ mất thuốc Tiên, nên không thể bay lên Mặt Trăng để bắt Hằng Nga trị tội.

Câu 321: Chẳng lẽ nói cha con là người đen bạc, mê theo vợ bé, bỏ bê vợ lớn ở nhà.

Câu 322: Chẳng lẽ nói cha con lén lút vụng trộm với những người đàn bà mất nết, không ra gì.

Câu 323: Nói chi đến chuyện chung tình như chàng Lưu Toàn liêu chết đi dâng dưa cho Thập Điện Diêm Vương để tìm vợ nơi cõi Âm phủ.

Câu 324: Chẳng lẽ nói cha con như chàng Hậu Nghệ rượt theo đuổi bắt Hằng Nga.

325

Không lẽ nói đi qua Đông Độ,

Không lẽ rằng vô số chinh phu.

Lẽ nào nói bị tội tù,

Lẽ nào nói trấn Tây Âu làm hoàng.

Chú thích:

Đông Độ: Danh từ của Phật giáo, chỉ nước Tàu. Đông độ tức là Đông thổ, là đất ở phía Đông của nước Ấn Độ. Xưa, Đạt Ma Tổ Sư, từ Ấn Độ đi thuyền qua nước Tàu để truyền bá Phật giáo tại đó, nên gọi nước Tàu là Đông độ.

Câu 325: Không lẽ nói chàng đi qua nước Tàu.

Câu 326: Không lẽ nói chàng đi chinh chiến phương xa.

Câu 327: Không lẽ nói chàng bị tội ở tù.

Câu 328: Không lẽ nói chàng được bổ trấn nhậm Tây Âu và làm vua nơi đó.

329

*Còn nói thiệt rằng chàng phụ thiếp,
Cũng vì mê theo kiếp làng chơi.
E con đến lớn nên người,
Gương cha để thẹn những lời bợm hoang.*

Chú thích:

Kiếp làng chơi: Đời sống của những người chỉ biết chơi bời, tìm hưởng thú vui xác thịt. **Bợm hoang:** Bợm là tay ăn chơi sành sỏi, có nhiều mảnh khóe xảo quyệt lừa gạt người. Hoang là rong chơi đàng điếm, không có độ lượng.

333

*Riêng chịu thảm không than với trẻ,
Đổ lụy rơi theo khóe miệng cười.
Vui là gắng gượng làm vui,
Cái vui cùng trẻ là hồi ai bi.*

Chú thích:

Đổ lụy: Rớt nước mắt. **Gắng gượng:** Cố gắng làm một cách gượng gạo. **Trẻ:** Chỉ đứa con còn nhỏ dại. **Ai bi:** Bi ai, buồn rầu thương xót.

337

*Ngàn dâu ngó ngày chầy thăm thăm,
Bạn lòng con lại vấn nô y.
Xem chùng coi mảnh anh nhi,
Co tay đếm tuổi bấy chầy không cha.*

Chú thích:

Ngàn dâu: Rừng cây dâu. Ngàn là rừng. Chữ Hán có thành ngữ: *Tang điền biến vi thương hải*, nghĩa là: Ruộng dâu biến thành biển xanh. Ngàn dâu là ý nói cuộc đời nhiều biến đổi. **Ngày chầy:** Ngày dài. **Thâm thẳm:** Xa lắm. **Vấn:** Quán chung quanh. **Nô y:** Nghĩa đen là cái áo của đày tớ. Nô là đày tớ, y là cái áo. Ở đây, Nô y có nghĩa là cái áo choàng vào bên ngoài để làm các công việc trong bếp. **Anh nhi:** Đứa con bé nhỏ. Anh là bé con, nhi là con. **Co tay đếm tuổi:** Xòe bàn tay trái ra, co ngón tay cái để làm dấu đếm trên các lóng tay, tính tuổi con theo năm âm lịch: Tý, Sửu, Dần, Mẹo,... **Bấy chầy:** Bấy lâu.

341

*Hột cơm tẻ nhai ra như cát,
Gan còn nguyên như nát bao chừ.
Nuôi con từ lúc đào thư,
Bao nhiêu máu thịt công chờ bấy nhiêu.*

Chú thích:

Cơm tẻ: Cơm nấu từ gạo thường. Tẻ có nghĩa là ít nhựa. Nói cơm tẻ để phân biệt với cơm nếp, mềm có nhựa. **Đào thư:** Đào là cây đào chỉ người con gái, thư tức là thơ, trẻ tuổi. Đào thư hay Đào thơ là người con gái trẻ tuổi. Đào thơ cũng là Đào non, chữ Hán là Đào yêu. Trong Kinh Thi có nói: Con gái về nhà chồng gặp lúc đào non lá xanh mướt. Do đó, chữ Đào yêu là chỉ con gái mới về nhà chồng.

Câu 344: Bao nhiêu máu thịt của đứa con thì cái công chờ đợi chồng trở về cũng bằng bấy nhiêu (vì người chồng đã bỏ nhà ra đi theo vợ nhỏ từ lúc vợ lớn mới sanh đứa con).

345

*Chàng đâu rõ khúc khiu cực nhọc,
Lớn khôn ngoan biết học biết hành.
Biết ơn nuôi dưỡng sanh thành,*

Tìm cha lại bỏ mình thiếp côì.

Chú thích:

Khúc kieu: Những nỗi khó khăn vất vả. **Sanh thànhh:** Sanh ra, nuôi nấng và dạy dỗ thành người.

Câu 348: Người vợ sợ đứa con khi lớn đi tìm cha, bỏ mẹ ở lại một mình cô đơn.

349

*Càng thấy lớn, càng rồi lại sợ,
Mãng nên hình, còn sợ theo cha.
Dường như con vịt mẹ gà,
Trẻ thơ vội phản, mẹ già kinh tâm.*

Chú thích:

Mãng: Mừng. **Con vịt mẹ gà:** Ý nói con nuôi, không phải con ruột. **Kinh tâm:** Lòng rất sợ sệt.

Câu 351: Dường như là con nuôi, chớ không phải con ruột (nên người mẹ lo sợ khi con lớn nó đi theo cha, bỏ mẹ).

353

*Làm lụng té bao lăm của cải,
Để cho con làm ngãi cùng con.
Nỗi lo đôi lứa vương tròn,
Còn lo gia thất vĩnh tồn hậu lai.*

Chú thích:

Té: Sanh lợi ra, dư ra. **Bao lăm:** Có đáng bao nhiêu. **Làm ngãi:** Làm nghĩa. Ngãi là ơn nghĩa. **Gia thất:** Gia là chỉ người chồng, thất là chỉ người vợ. Gia thất là vợ chồng. Có câu: Nữ tử sinh nhi nguyệt vi chi hữu gia và Tam thập viết tráng hữu thất. Nghĩa là: Con gái sanh ra mong cho nó có chồng. Ba mươi tuổi gọi là tráng niên có vợ. **Vĩnh tồn:** Tồn tại lâu dài. **Hậu lai:** Thời gian về sau.

357

Định hương hỏa, hằng bày quý tế,
Lập pháp gia, tự kế phụng thờ.
Con chàng thiệp trả khi thơ,
Dòng chàng thiệp dạy phụng thờ tổ tông.

Chú thích:

Bắt đầu từ câu 357 đến câu 592 là phần: Mẹ dạy con trai.

Định: Sắp đặt. **Hằng:** Thường thường. **Hương hỏa:** Nhang đèn, chỉ sự thờ cúng tổ tiên. **Quý tế:** Quý là thời gian 3 tháng, tương ứng với một mùa. Tế là cúng và dâng lễ phẩm theo nghi thức long trọng. Quý tế là cúng tế vào mỗi quý hay mỗi mùa (3 tháng) **Pháp gia:** Gia pháp, phép tắc cư xử trong nhà. **Tự kế:** Tự là nối dõi, con cháu nối dõi; kế là nối theo. Tự kế là nối dòng. **Phụng thờ:** Phụng sự việc thờ cúng. **Tổ tông:** Tổ tiên của dòng họ.

361

Lựa cho học các công các nghệ,
Tính cho hay mọi vẻ văn tài.
Sĩ, Nông, Công, Cổ sanh nhai,
Ngư, Tiều, Canh, Mục làm bài bảo thân.

Chú thích:

Công nghệ: Các nghề làm thợ chế tạo vật dụng. **Văn tài:** Có tài về văn chương. **Sĩ:** Nghề học văn chương, thi đậu ra làm quan. **Nông:** Nghề làm ruộng. **Công:** Nghề làm thợ. **Cổ:** Buôn bán. **Ngư:** Nghề đánh cá. **Tiều:** Nghề đốt củi. **Canh:** Nghề cày ruộng. **Mục:** Nghề chăn nuôi súc vật. **Sanh nhai:** Làm ăn sinh sống. **Bảo thân:** Bảo vệ thân thể. Ý nói: Nuôi dưỡng và gìn giữ thân thể cho khỏe mạnh.

365

Hễ phải mặt văn nhân tài tử,
 Dạy con nên vẹn giữ nhưn luân.
 Văn là thượng sĩ danh thân,
 Võ thì bạt tụy siêu quần quân trung.

Chú thích:

Văn nhân: Người học thức có tài làm văn làm thơ. **Tài tử:** Người tài giỏi. Tử là người. **Nhơn luân:** Nhơn là người, luân là phép tắc ở đời đúng theo đạo lý. Nhơn luân là phép tắc đối xử mà con người phải tuân theo để giữ phẩm giá của mình cho được cao trọng. **Thượng sĩ:** Người trí thức bậc trên, tức là đại trí thức. **Danh thân:** Vị quan lớn có tiếng tăm tốt. **Bạt tụy:** Tài giỏi hơn người. Bạt là vượt lên trên, tụy là gom nhóm lại. **Siêu quần:** Đồng nghĩa với Bạt tụy. Siêu là vượt lên trên, quần là nhiều người. **Quần trung:** Trong quần đội. Trung là ở trong.

369

Quan thì phải tận trung vì chúa,
 Dân thì hay tập búa Lỗ Ban.
 Sang thì giữ vững ngai vàng,
 Hèn thì trừ đảng bạo tàn hại dân.

Chú thích:

Tận trung: Hết lòng trung thành. Tận là hết. **Lỗ Ban:** Người thợ mộc nổi tiếng tài giỏi của nước Lỗ thời Xuân Thu. Lỗ Ban sử dụng cái búa đẽo gỗ thật tài tình, không ai sánh kịp. **Tập búa Lỗ Ban:** Tập tành nghề thợ mộc. **Ngai vàng:** Cái ngai bằng vàng để vua ngồi khi họp triều đình. Đây là cái ngai vua tượng trưng cho nước. **Câu 371:** Nếu tài giỏi thì đem tài ra giữ vững đất nước. **Câu 372:** Nếu không tài giỏi thì cũng phải ra sức trừ diệt các đảng cướp giựt tàn bạo hại dân.

373

*Trọng thì lấy đai cân làm lệnh,
Khinh thì lo trừ nghịch làm duyên.
Nước non để tuổi cùng tên,
Quốc gia khinh trọng bỏ bền nơi dân.*

Chú thích:

Trọng: Coi nặng, quan trọng. **Khinh:** Xem nhẹ. **Đai cân:** Áo mào, phẩm phục của các quan nơi triều đình. **Trừ nghịch:** Diệt trừ kẻ phản nghịch, hại dân hại nước. **Làm duyên:** Làm điều tốt đẹp gây sự chú ý của cấp trên. **Bỏ bền:** Bỏ là để hư hỏng tan vỡ; bền là vững bền.

Câu 373: Việc quan trọng thì do nơi lệnh của các quan.

Câu 374: Việc không quan trọng thì lo diệt trừ kẻ phản nghịch để gây sự chú ý của cấp trên.

Câu 376: Việc nước, quan trọng hay không quan trọng, bền vững hay không bền vững, đều do nơi dân. Thuận lòng dân thì bền vững, nghịch lòng dân thì không bền vững.

377

*Con thương mẹ dẫu vàng lệnh dạy,
Thương quê hương trọng ngãi quân thân.
Ngọn rau tấc đất là ân,
Một dòng một giống lo cần ích chung.*

Chú thích:

Trọng ngãi: Trọng nghĩa, xem nặng việc đối xử đúng theo lẽ phải và đạo lý. **Ngãi quân thân:** Cách đối xử đúng theo đạo lý giữa vua và bề tôi.

Câu 379: Chế độ quân chủ thời xưa quan niệm rằng, đất nước này là của vua, ngọn rau cũng là của vua, nên người dân ở trên đất của vua, ăn ngọn rau của vua thì phải biết ơn vua.

Câu 380: Dân tộc Việt Nam là dòng giống Rồng Tiên, nên phải

xem nhau như anh em một nhà, giúp đỡ và lo lắng các công việc cần ích chung.

381

*Nếu đề đặng tinh trung hai chữ,
Vạch lưng con viết thử để dành.
Rủi cơn loạn quốc khuynh thành,
Tấm gan liệt sĩ cũng đành độ dân.*

Chú thích:

Tinh trung: Tinh là tốt đẹp nhất, trung là hết lòng với vua. Tinh trung là lòng ngay thẳng tốt đẹp trung thành với vua. **Loạn quốc:** Nước loạn, có giặc giã nổi lên. **Khuynh thành:** Thành trì nghiêng đổ vì giặc giã. **Tấm gan:** Chỉ cái ý chí mạnh mẽ của con người. **Liệt sĩ:** Người hy sinh tánh mạng của mình để phụng sự quốc gia. **Độ dân:** Cứu giúp dân chúng.

Bốn câu thơ trên lấy theo sự tích Nhạc Phi một danh tướng trung liệt thời nhà Tống bên Tàu.

Nhạc Phi: Hiệu là Bàn Cử, sanh ở huyện Thang Âm. Nhạc Phi sớm mồ côi cha lúc 3 tuổi, mẹ ở vậy thủ tiết nuôi con. Năm Nhạc Phi lên 8 tuổi, gặp nạn giặc Kim từ phương Bắc đánh xuống Trung nguyên, mẹ con Nhạc Phi phải chạy lánh nạn xuống phương Nam. Mẹ Nhạc Phi biết con trai mình sẽ là người phi thường, nên Bà lấy kim châm vào lưng con 4 chữ: “*Tận trung báo quốc*”, mà mãi đến khi Nhạc Phi lớn lên cho đến khi chết, bốn chữ này vẫn in sâu vào da thịt không phai.

Khi Nhạc Phi lớn lên, ông rất ham học, thích nhất là bộ sách Xuân Thu của Đức Khổng Tử. Ông đau lòng trước nạn giặc Kim xâm lăng, nên không học khoa cử, mà chuyên luyện tập võ nghệ và học binh thơ.

Đời Tống Cao Tông, Nhạc Phi đi thi đậu Võ Trạng, được bổ cầm binh đi đánh giặc Kim. Nhạc Phi có tài chinh chiến, đánh thắng quân Kim nhiều trận, lập được công to, một lòng trung trực vì vua vì nước, được vua ban thưởng một lá cờ thêu 4 chữ “*Tinh trung Nhạc Phi*”.

Vua nước Kim đánh không lại Nhạc Phi nên dùng kế ly gián vua tôi trong triều đình nhà Tống, cho người liên kết và mua chuộc Tể Tướng Tần Cối, cho rằng sau này Nhạc Phi lập được nhiều công lớn, sẽ chiếm địa vị của Tần Cối. Tần Cối tâu vua Tống giảng hòa với nước Kim, triệu Nguyên soái Nhạc Phi trở về triều để tìm cách hãm hại.

Lúc đó Nhạc Phi đang chỉ huy mặt trận, liên tiếp thắng lớn quân Kim, nên Nhạc Phi không chịu lui quân giảng hoà với quân Kim. Vua Tống Cao Tông hôn ám, để cho gian thần Tần Cối lộng quyền, giả lệnh của vua, phát ra liên tiếp 12 đạo kim bài buộc Nhạc Phi rút binh trở về triều. Nhạc Phi buộc phải án binh và đơn thân độc mã trở về triều để tâu bày cùng vua Tống. Khi Nhạc Phi vừa về tới cửa ngõ kinh thành, liền bị Tần Cối cho phục binh đón bắt giam vào ngục mà vua Cao Tông không hay biết.

Vua nước Kim lại thúc giục Tần Cối giết chết Nhạc Phi, cho rằng Nhạc Phi còn sống thì không thể giảng hòa với nhà Tống. Tần Cối vu cáo Nhạc Phi mưu phản, sai bọn ngục lại giết chết Nhạc Phi vào đêm 30 Tết tại Phong Ba Đình, cùng với người con cả là Nhạc Vân và đứa con nuôi là Trương Hiến. Năm đó Nhạc Phi được 39 tuổi.

Mọi người đều thương tiếc Nhạc Phi, và vô cùng oán giận gian thần Tần Cối.

Vua Tống Cao Tông truyền ngôi cho vua Hiếu Tông. Gian thần Tần Cối bị lột mặt nạ và bị giết chết ba họ.

Câu chuyện đối đáp giữa vua Cao Tông và Nhạc Phi:

Vua Cao Tông hỏi: Lúc nào thiên hạ thái bình?

Nhạc Phi đáp: Văn thần bất ái tiền, võ thần bất tích tử, thiên hạ thái bình hỷ. *(Quan văn không ham tiền, quan võ chẳng tiếc chết, lúc đó thiên hạ thái bình).*

385

Dầu rui phận nợ thân chẳng ven,

Đạo Cần Vương nêu tiếng thanh cao.

Trung thành giữ cõi Nam trào,

*Hùng anh trước đặng Ngụy Tào khiếp oai.***Chú thích:**

Nợ thân: Món nợ đối với song thân, tức là món nợ về công ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ. **Đạo:** Đường lối phép tắc phải giữ gìn và tuân theo.

Cần Vương: Cần là lo lắng giúp đỡ. Cần Vương là hết lòng lo lắng cứu giúp vua khi vua gặp nguy hiểm.

Trong lịch sử cận đại của nước ta, vào tháng 4 năm Ất Dậu (1885), vua Hàm Nghi đang ở tại triều đình Huế, không chịu nổi sự áp bức của Khâm Sứ Pháp là Thống Tướng De Courcy, vua Hàm Nghi cùng Tôn Thất Thuyết nổ súng chống quân Pháp, nhưng đánh không lại, phải rút lui đi lánh nạn ở Quảng Trị, sau đó lên Tân Sở thuộc Quảng Bình để lo việc khôi phục. Tôn Thất Thuyết ra lệnh Cần Vương gọi đi các nơi, các sĩ phu và dân chúng hưởng ứng nổi lên chống quân Pháp.

Nam Trào: Triều đình của vua nước Việt Nam. **Cõi Nam trào:** là nước Việt Nam. **Hùng anh:** Anh hùng. **Ngụy Tào:** Ngụy là nhà Ngụy, Tào là họ Tào gồm Tào Tháo, Tào Phi, Tào Sảng,... Đầu tiên là Tào Tháo, dưới thời vua Hán Hiến Đế, làm Thừa Tướng chuyên quyền, xưng là Ngụy Vương. Sau đó, con của Tào Tháo là Tào Phi, phế vua Hán, tự mình lên ngôi vua, xưng là Ngụy Văn Đế, lập ra nhà Ngụy, truyền ngôi được 2 đời thì bị Tư Mã Viêm, con của Tư Mã Chiêu, cháu nội của Tư Mã Ý diệt, lập ra nhà Tấn. Ngụy Tào là chỉ nước Tàu. Từ ngữ Ngụy Tào dùng có ngầm ý khinh miệt, theo cách hiểu đồng âm: Ngụy Tào, tức là giặc Tàu.

389

*Trước quốc chánh chia hai tộc chủng,
Núi Hoành sơn định phông biên cương.
Bắc Nam hiệp Tổ Hùng Vương,
Xúm nhau nâng nổi miếu đường Việt Nam.*

Chú thích:

Quốc chánh: Chánh trị của quốc gia. **Tộc chủng:** Chủng tộc,

nòi giống. **Định phòng:** Định chừng gần đúng. **Hoành Sơn:** Núi Hoành Sơn là núi ở đèo Ngang thuộc Trung phần VN. **Biên cương:** Bờ cõi, ranh giới giữa 2 nước. **Miếu đường:** Nhà thờ tổ tiên của nhà vua. Miếu đường được cất trong Hoàng thành, kế bên triều đình, nên Miếu đường chỉ triều đình. Nghĩa bóng: Miếu đường là Hồn nước.

Hai câu 389-390: Thời trước, nền chánh trị của nước ta chia chủng tộc làm hai, lấy núi Hoành sơn làm biên giới. Hai câu này nhắc lại thời Trịnh Nguyễn phân tranh: Chúa Trịnh ở miền Bắc, Chúa Nguyễn ở phương Nam, đôi bên lấy Hoành Sơn làm ranh giới.

393

*Giang san bốn ngàn năm tổ nghiệp,
Văn hóa so cũng kịp tha bang.
Xa thơ nay gãy giữa đàng,
Con tua giữ dạ cứu nàn giúp nguy.*

Chú thích:

Tha bang: Nước khác. Tha là khác, bang là nước. **Xa thơ:** Nền văn hóa của một nước. Xa là xe, thơ là sách. **Tua:** Phải, nên. **Giữ dạ:** Giữ lòng. **Cứu nàn giúp nguy:** Cứu giúp tai nạn nguy hiểm.

Câu 395: Ý nói nền văn hóa của dân tộc Việt Nam bị sụp đổ giữa đường. Tác giả viết câu này vì lúc bấy giờ, nước Việt Nam đang bị nước Pháp đô hộ. Người Pháp đem nền văn minh cơ khí và Thiên Chúa giáo truyền sang nước ta, làm cho nền văn hóa vốn theo Tam giáo của nước ta bị sụp đổ.

397

*Nào quốc thể, người khi kẻ thị,
Nào dân đen, phép quý hớp hồn.
Nấu sôi cái máu anh phong,
An bang tế thế một lòng lo âu.*

Chú thích:

Quốc thể: Thể diện của một nước. **Khi:** Coi rẻ. **Khi thị:** Xem rẻ, coi thường. **Dân đen:** Dân nghèo. **Phép quý hớp hồn:** Phép thuật của bọn quý bắt hồn người để sai khiến. Người Pháp đem vào Việt Nam những kỹ thuật khoa học tân tiến, khiến người Việt Nam rất kinh ngạc, xem đó như những phép thuật lạ lùng của ma quỷ. Vì vậy, người Việt Nam lúc đó gọi người Pháp là bọn bạch quỷ (*quỉ trắng*). **Anh phong:** Tánh cách cao quý tốt đẹp đã có từ lâu đời. Anh là phần đẹp và quý nhất, phong là thói quen lâu đời. **An bang:** Làm cho nước yên ổn. **Tế thế:** Giúp đời.

Câu 399: Thúc đẩy cái truyền thống anh hùng tốt đẹp đã có từ lâu đời.

401

*Đấng nam tử đâu đâu cũng nợ,
Khắp năm châu khai mở qui mô.
Châu lưu tứ hải ngũ hồ,
Thơ hương đặc vận cây nhờ dân sanh.*

Chú thích:

Nam tử: Con trai. **Khắp năm châu:** Khắp thế giới. **Qui mô:** Độ rộng lớn về mặt tổ chức thực hiện. Qui là cây thước tròn của thợ mộc, mô là cái khuôn. **Châu lưu:** Đi vòng quanh khắp nơi. **Tứ hải ngũ hồ:** Bốn biển năm hồ, khắp thế giới. **Thơ hương:** Mùi thơm của sách, chỉ người học thức cao, rất tài giỏi. **Đặc vận:** Được thời vận tốt.

Câu 404: Người có học thức tài giỏi khi đặc thời thì dân chúng nhờ cậy được.

405

*Vùng Nam Hải uy linh nhứt quốc,
Cỏ rễ hai chia đất rấp ranh.
Trời còn roi nước hùng anh,
Giang sơn là đấy, còn mình ở đâu?*

Chú thích:

Nam Hải: Biển chạy dọc theo nước Việt Nam, chỉ nước Việt Nam.

Vùng Nam Hải: Vùng đất mà khi xưa, Lạc Long Quân đem 50 đứa con xuống lập nghiệp, ngày nay là nước Việt Nam. **Uy linh:** Cái oai quyền thiêng liêng đáng nể sợ. **Roi:** Lưu lại. **Hùng anh:** Anh hùng.

Hai câu 405–406: Vùng Nam Hải có một nước uy linh, tại đường ranh giới phân chia hai nước, cỏ mọc rẽ ra hai bên. Ý nói vùng Nam Hải do Trời định dành cho nước Việt Nam.

*“Nam quốc sơn hà Nam đế cư,
Tiệt nhiên định phận tại Thiên thu.
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.”*

(Lý Thường Kiệt)

Nghĩa là:

Núi sông nước Nam vua Nam ở,
Rõ ràng như thế, sách Trời đã định như vậy.
Làm sao quân giặc lại kéo tới xâm phạm,
Bọn bây rồi coi sẽ nắm lấy phần thất bại.

Câu 408: Non sông Việt Nam uy linh anh hùng là thế đấy, còn mình bây giờ đang ở đâu, làm gì?

409

*Con cũng đứng mày râu dưới thế,
Nếu kém phương thiếu thế vận trù.
Dầu khôn, mẹ cũng cho ngu,
Tài chi trong kiếp tội tù đã man.*

Chú thích:

Mày râu: do chữ Tu mi, chỉ đàn ông con trai. **Kém phương thiếu thế:** Thiếu kém phương thế. **Vận trù:** Tính toán trù liệu để hành động đạt kết quả.

413

*Con phải nhớ da vàng máu đỏ,
Cõi Nam Châu rõ rõ quốc triều.
Con Hồng cháu Lạc bao nhiêu,
Thiếu tài khiếm đức, định triều an bang.*

Chú thích:

Nam Châu: Chỉ nước Việt Nam. Khi nước Tàu đô hộ nước ta, họ sáp nhập Việt Nam thành một Quận hay một Châu của nước Tàu, gọi là Giao Chỉ Quận, Giao Chỉ Bộ hay Giao Châu, sau đổi lại là An Nam Đô Hộ Phủ. Đến đời nhà Nguyễn, vua Gia Long mới đặt tên nước là Việt Nam. **Rõ rõ:** Rực rỡ. **Quốc triều:** Triều đình của một nước. **Con Hồng cháu Lạc:** Con cháu của họ Hồng Bàng và Lạc Long Quân. (Xem Chú thích câu 4). **Khiếm đức:** Thiếu đức. **Định triều an bang:** Sắp đặt triều đình làm cho nước nhà được yên ổn.

417

*Mẹ dẫu phải tuổi vàng nhắm mắt,
Vui thấy con đáng mặt làm trai.
Nhục con, con chịu chớ nài,
Nhục cho quốc thể ra tài hy sinh.*

Chú thích:

Suối vàng: do chữ Huỳnh tuyền, chỉ cõi Âm phủ. Thời Xuân Thu, Trịnh Trang Công có chuyện ác cảm với mẹ nên thề rằng: “*Bất cập hoàng tuyền vô tương kiến giả*” (Chưa đến suối vàng thì không cùng gặp mặt). Sau nhờ Đinh Khảo Thúc là người bề tôi hiền, bày mưu để giải lời thề bằng cách khuyên Trịnh Trang Công đào một đường hầm vô sâu trong lòng đất, bày cảnh như cõi Âm phủ, đưa bà mẹ vào đó rồi Trang Công xuống gặp mẹ. Tình mẹ con khấn khít trở lại.

Câu 417: Mẹ dẫu cho chết, linh hồn đi xuống Âm phủ.

Câu 420: Khi quốc thể bị ô nhục, con phải đem tài sức ra tranh đấu, dù phải hy sinh tánh mạng.

421

*Thất xã tắc, dân mình nghịch chủng,
Quen nghề tham, lại những quan gian.
Sâu dân một nước bạo tàn,
Mua quan bán chức nhộn nhàng cân đai.*

Chú thích:

Xã tắc: Một nước. Xã là nơi tế Thần Đất, Tắc là nơi tế Thần Nông.
Thất xã tắc: Mất nước. **Nghịch chủng:** Phản nghịch lại chủng tộc.
Lại những quan gian: Quan lại tham nhũng, gian dối. **Sâu dân một nước:** Chỉ những quan lại tham ô, chuyên đục khoét của dân để làm lợi riêng. Con sâu và con mọt là 2 loại côn trùng chuyên đục khoét phá hại cây cối. **Nhộn nhàng:** Rộn rịp đông đảo. **Cân đai:** Cái mao và cái đai áo rộng, chỉ phẩm phục của các quan nơi triều đình.

425

*Đem chơn chánh phô bày trừ mị,
Nâng niu cho dân khí lẫm lừng.
Dân thì biết phận làm dân,
Chúa cho đáng chúa, đình thần đáng quan.*

Chú thích:

Phô bày: Phô trương và bày ra. **Trừ mị:** Diệt trừ tà mị. Mị là phỉnh nịnh để lừa gạt. **Nâng niu:** Chăm chút với tình yêu mến trân trọng. **Dân khí:** Cái tinh thần của một dân tộc. **Lẫm lừng:** Bốc lên cao một cách mạnh mẽ. **Đình thần:** Các quan trong triều đình.
Hai câu 427–428: Đây là áp dụng theo thuyết Chính danh Định phận của Đức Khổng Tử. Luận Ngữ viết: *Quân quân, thần thần, phu phu, tử tử.* Nghĩa là: Vua ra vua, bề tôi ra bề tôi, cha ra cha,

con ra con. Giữ cái trật tự cho rõ ràng, danh phận cho chính đáng, tức là giữ căn bản cho việc chánh trị trong nước.

429

*Trừ đảng dữ tham gian bạo ngược,
Diệt những phường mưu chước cầu vinh.
Xem đường cuồng khấu biên đình,
Cung dâu tên cỏ, nước mình chấn hưng.*

Chú thích:

Đảng dữ: Bè đảng hung dữ. **Tham gian:** Tham lam gian trá. **Bạo ngược:** Hung bạo ngang ngược. **Phường:** Đám, bọn. **Cầu vinh:** Mưu cầu vinh hiển. **Cuồng khấu:** Giặc cướp tàn ác dữ dội. **Biên đình:** Miền biên thùy xa xôi. **Cung dâu tên cỏ:** Do thành ngữ chữ Hán: “Tang bồng hồ thi.” nghĩa là: Cung bằng gỗ dâu, tên bằng cỏ bồng. Theo Kinh Lễ, khi Hoàng Hậu sanh đặng Hoàng nam, quan coi việc lấy cây cung bằng gỗ dâu và cây tên bằng cỏ bồng bắn ra bốn phía Đông, Tây, Nam, Bắc, rồi bắn một phát lên trời, một phát xuống đất. Ngụ ý nói rằng: Người làm trai chí ở bốn phương, tung hoành giữa Trời Đất, ôm hoài bão giúp dân giúp nước. **Chấn hưng:** Làm cho trở nên hưng thịnh.

433

*Xem lịch sử vĩ nhân mấy mặt,
Đại trượng phu trước giặc vong thân.
Nên danh khai quốc công thần,
Nêu tên hậu thế xa gần tặng phong.*

Chú thích:

Vĩ nhân: Người có tài đức và sự nghiệp to lớn. **Đại trượng phu:** Người đàn ông tài giỏi xuất chúng, đáng được mọi người kính trọng. **Vong thân:** Quên mình. **Nên danh:** Tạo nên được cái tiếng tăm tốt. **Khai quốc công thần:** Người bề tôi có công lớn trong việc

mở ra một triều đại mới cho đất nước. **Hậu thế:** Đời sau. **Tặng phong:** Khen tặng phong tước.

437

*Muốn hiển tở vinh tông báo hiếu,
Học cho hay trọng yếu miếu đường.
Tặng quen cõi ngựa cầm cương,
Trận trung quyết thắng chiến trường đoạt binh.*

Chú thích:

Hiển tở vinh tông: Vinh hiển tở tiên của dòng họ. **Trọng yếu:** Rất quan trọng. **Miếu đường:** Hồn nước. **Trận trung:** Giữa trận chiến. Trung là giữa. **Đoạt binh:** Thắng trận bắt được quân địch. **Câu 439:** Đã từng xông pha nơi chiến trận.

441

*Lựa những mặt tài tình thọ giáo,
Học cho thông mối đạo quân thần.
Trương Lương dâng dế ba lần,
Chút công ấy định Hồn Tần nên hư.*

Chú thích:

Tài tình: Tài giỏi khéo léo đáng kính phục. **Thọ giáo:** Nhận chịu sự dạy dỗ, theo học. **Đạo quân thần:** Bốn phận phép tắc cư xử đúng theo đạo lý giữa vua và bề tôi. Vua thì phải sáng suốt và chăm lo cho dân, bề tôi thì phải hết lòng giúp vua lo việc nước.

Hai câu 443-444: Nói về sự tích Trương Lương.

Trương Lương: Người nước Hàn. Nước Hàn bị vua Tần Thủy Hoàng tiêu diệt. Trương Lương muốn báo thù cho nước Hàn nên tìm cách giết Tần Thủy Hoàng. Trương Lương tìm được một dưng sĩ, bày kế cho dưng sĩ cầm cái chùy nặng núp ở bãi cát Bác Lăng, đợi xe của vua Tần đi ngang thì nhào ra đánh, nhưng lại đánh lầm xe tùy tùng nên dưng sĩ bị giết chết ngay. Trương Lương bị vua Tần truy nã nên phải thay tên đổi họ trốn lánh ở Hạ Bì.

Có lần Trương Lương dạo chơi trên cầu Hạ Bì, thấy một cụ già đi đến cầu gần chỗ mình, chăm chăm nhìn Trương Lương rất lâu, rồi cụ làm rơi một chiếc dép xuống dưới cầu, bảo Trương Lương xuống lượm lên cho cụ.

Lương để ý thấy việc này hơi lạ, nhưng vẫn nghe lời cụ già, trèo xuống lượm dép cho cụ. Cụ mang dép vào, rồi bật bật thế nào để dép rơi lần nữa. Cụ lại bảo Trương Lương xuống nhặt dép cho cụ. Lương lại chiều ý cụ già, lội xuống cầu lượm dép đem lên cho cụ, cẩn thận xỏ vào chân cụ.

Ông cụ đi tới đi lui loay quay thế nào làm rơi chiếc dép lần nữa, rồi cụ cũng không ngại ngừng gì cả, thản nhiên bảo Trương Lương xuống cầu lượm dép cho cụ. Đây là lần thứ 3, Trương Lương rất bực mình, nhưng đã trót giúp cụ thì rán giúp luôn để xem cụ già này thế nào. Cụ già xỏ dép vào chân, cười rồi bỏ đi, chẳng một tiếng cảm ơn. Đi được một đỗi, cụ quay lại bảo Lương: Thằng bé này dạy được, 5 ngày sau, vào lúc tinh mơ, mày đến đây gặp ta.

Y hẹn, Trương Lương đến thì đã thấy ông cụ ở đây rồi. Cụ trách Lương sao đến muộn để cụ phải chờ. Cụ lại hẹn 5 ngày sau nữa, Lương hãy đến nơi đây gặp cụ lúc sáng tinh mơ. Kỳ này, đúng ngày, Lương thức dậy thật sớm, đi đến chỗ hẹn với cụ già, nhưng khi đến thì đã thấy cụ ở đó ngồi chờ. Cụ giận trách Lương sao đến trễ. Cụ lại hẹn 5 ngày sau nữa, hãy ra đây cho sớm.

Năm ngày sau, Lương đến chỗ hẹn vào lúc nửa đêm để chờ cụ. lát sau, cụ già đến, thấy Lương đã có mặt thì rất hài lòng, liền trao cho Lương quyển sách “*Thái Công Binh Pháp*” rồi nói: Con học hết quyển sách này thì làm thầy bậc vương giả. Mười năm nữa sẽ ứng nghiệm. Mười ba năm sau, con đến gặp ta, hòn đá màu vàng dưới chân núi Cốc Thành phía Bắc sông Tế là ta đó.

Sau đó, Trương Lương theo phò Hớn Lưu Bang, được cử làm Quân Sư, bày mưu cho Hớn đánh lấy nhà Tần, tiêu diệt Sở Bá Vương Hạng Võ, thống nhất nước Tàu, lập ra nhà Hán, Lưu Bang lên làm vua, xưng hiệu là Hớn Cao Tổ. Trương Lương không ham phú quý vinh hoa, xin vua cho lui về núi tìm Tiên Ông Huỳnh Thạch Công (*Huỳnh Thạch là hòn đá vàng*) học đạo tu Tiên.

Do 3 lần dâng dép mà Trương Lương được Tiên Ông trao

bộ sách quý, nhờ đó giúp Lưu Bang diệt nhà Tần, trừ Hạng Võ, mở ra nhà Hán.

445

*Trọng Ni nhận vi sư Hạng Thác,
Học tinh thần khai phát Nho tông.
Gẫm coi tổn bấy nhiêu công,
Làm cho thiên hạ đại đồng trí tri.*

Chú thích:

Trọng Ni: Tên tự của Đức Khổng Tử. **Vi sư:** Là thầy. **Khai phát:** Mở ra và phát triển. **Gẫm coi:** Suy nghĩ xem. **Thiên hạ:** Dưới Trời, chỉ nơnh loại. **Đại đồng:** Cùng chung một qui mô lớn lao, cùng làm việc và cùng vui hưởng. **Trí tri:** Đạt được cái hiểu biết đến tận cùng. Trí là tới cùng, tri là sự hiểu biết.

Câu 445: Đức Khổng Tử nhận Hạng Thác là bực thầy.

Đức Khổng Tử cùng một số môn đệ đi qua nước Trần, trên đường gặp cậu bé Hạng Thác đang cặm cụi đắp chơi một cái thành bằng cát giữa đường. Xe của Đức Khổng Tử đến gần, bảo: Sao cậu không tránh cho xe của tôi đi?

Cậu bé thản nhiên đáp: Xưa nay, xe tránh thành chớ thành nào có tránh xe.

Ngài thấy cậu bé rất lạ, liền xuống xe nói chuyện, thấy cậu rất thông minh, hỏi cậu nhiều điều rất khó khăn mà cậu giải đáp rất lưu loát làm Ngài kính phục. Sau, cậu bé hỏi lại Ngài vài điều làm Ngài rất khó trả lời, đành chịu thua, nhận Hạng Thác là thầy. “Đức Khổng Tử khi còn nhập thế, chưa xuất thế, ở Nhon đạo, chưa học Thiên Đạo. Ngài học văn chương, dạy cang thường luân lý, sau Ngài học Lễ với Lão Tử, cũng giáo huấn môn đồ về Nhon đạo. Ngài có vợ có con, thịt ăn rượu uống. Vậy nên có câu rằng: Khổng Tử Thiên sanh chơn kỳ trí, Tánh mạng công phu bất minh. Nghĩa là: Khổng Tử, Trời sanh người trí lạ, Tánh mạng phép công phu chưa rõ đặng. Sau Ngài qua nước Trần, gặp Hạng Thác, chùng đó mới học qua Thiên đạo, mới cấm răn rượu thịt, dâm dục, y theo

qui giới mà tu Thiên đạo, nên có câu: Trai mình thanh phục, yết dục dưỡng tinh.” (Trích Hội Lý Xiển Chơn Luận Nguyễn Văn Kinh).

449

*Tôn kính thầy cũng bì cha trẻ,
Mới đặc truyền mọi lẽ cao sâu.
Học hay kế nhiệm mưu mầu,
Học nên tài đặng giải sầu quốc gia.*

Chú thích:

Tôn kính: Kính trọng. **Cũng bì:** Cũng so sánh bằng. **Đặc truyền:** Được truyền lại cho. **Kế nhiệm mưu mầu:** Mưu kế mầu nhiệm.

Câu 449: Con phải kính trọng thầy cũng bằng kính trọng cha của con vậy, bởi vì cái công giáo hóa sánh bằng công sanh thành dưỡng dục.

Câu 452: Học cho thật giỏi đặng cõi ách nô lệ cho nước ta, dân chúng hết sầu khổ.

453

*Học đặng định chánh tà giả thiệt,
Học cho thông đặc biệt hư nên.
Học gan sắt đá cứng bền,
Học cho đủ chước xây nền Nam phong.*

Chú thích:

Chánh tà: Chánh là ngay thẳng, tà là cong queo xảo trá. Nhờ có tà mà cái chánh mới trở lên cao. Chánh tà là 2 điều cần thiết để con người trau dồi đức tánh mà tiến hóa. **Giả thiệt:** Cái giả thuộc về tà, thiệt thuộc về chánh. **Đủ chước:** Đầy đủ mưu chước kế hoạch. **Nam phong:** Nền phong hóa của dân tộc Việt Nam. Phong hóa là phong tục, tập quán và nếp sống của một dân tộc. Đức Chí Tôn nói rằng: “*Nam phong thử nhật biến nhưn phong.*” nghĩa là: Nền phong hóa của dân tộc Việt Nam ngày sau sẽ trở thành nền phong hoá của nhưn loại.

Câu 455: Học để cho cái chí khí cứng như đá, bền như sắt. (*Gan là biểu tượng của tinh thần và ý chí*).

457

*Học cho rộng giao thông tứ xứ,
Học cho cùng xử sự ngoại lân.
Học cho đúng bậc tài thần,
Ưu quân ái quốc vua cần dân nghinh.*

Chú thích:

Tứ xứ: Bốn nước ở chung quanh, ý nói toàn cả các nước trên thế giới. **Xử sự:** Giải quyết thỏa đáng công việc. **Ngoại lân:** Các ngoại quốc láng giềng với nước mình. **Tài thần:** Tài là tài năng làm nên việc, thần là kẻ bề tôi của vua. Tài thần là người bề tôi tài giỏi. **Ưu quân:** Lo lắng cho vua, ý nói lo lắng cho nước. **Ái quốc:** Lòng yêu nước thương nòi. **Dân nghinh:** Dân chúng hoan nghinh.

461

*Học cho thấu máy linh cơ tạo,
Học cho toàn trí xảo văn minh.
Thâu tài hay nhập nước mình,
Làm cho dân hưởng thái bình giàu sang.*

Chú thích:

Học cho thấu: Học cho biết rõ. Thấu là biết rõ. **Máy linh cơ tạo:** Linh là thiêng liêng, cơ là bộ máy, tạo là làm ra, cơ tạo là bộ máy của Đấng Tạo hóa. Máy linh cơ tạo là bộ máy thiêng liêng của Đấng Tạo hóa, tức là bộ máy thiêng liêng của Ông Trời. **Trí xảo:** Sự hiểu biết khéo léo. Trí là sự hiểu biết, xảo là khéo léo. **Văn minh:** Văn là vẻ đẹp, minh là vẻ sáng. Văn minh là cái mức sinh hoạt sáng đẹp của một xã hội tiến bộ.

Câu 463: Thâu tài hay nhập nước mình, ý nói phải đi du học ở các nước tiến bộ, có nền văn minh cao hơn mình, để đem những cái hay của họ về áp dụng cho đất nước mình.

465

*Công dạy dỗ muôn ngàn khó nhọc,
 Ôn của thầy con học nên người.
 Tài hay tom góp một đời,
 Cho con chẳng kể vốn lời hơn thua.*

Chú thích:

Hai câu 467-468: Thầy dạy chữ có một tinh thần khác hơn ông thầy dạy võ hay dạy nghề, vì ông thầy dạy chữ thâm thiệp được bao nhiêu hiểu biết đều đem dạy hết cho trò, chớ không giấu nghề giữ miếng như thầy dạy võ hay dạy nghề.

469

*Thầy lao lực tùy vừa trí trẻ,
 Dạy cho thông mọi lẽ gần xa.
 Tuổi xanh con đặng trí già,
 Còn thơ con học hóa ra lão thành.*

Chú thích:

Lao lực: Mệt nhọc vì đem sức lực ra làm việc. **Thông:** Hiểu rõ.
Tuổi xanh: Tuổi trẻ.

Câu 471: Con còn trẻ mà có được sự hiểu biết của người già, bởi vì ông thầy già đã đem hết các kiến thức thâm thiệp được của cả đời ông truyền lại cho con.

473

*Con nhờ thầy công danh mới toại,
 Như nhờ cha mới giỏi hình dung.
 Hai ơn ấy găm so đồng,
 Nghĩa kia như hiếu, mặn nồng cả hai.*

Chú thích:

Công danh: Ý nói việc ra làm quan để có danh tiếng và sự nghiệp

vẻ vang với đời. **Toại:** Thỏa lòng. **Giới hình dung:** Hình dáng tốt đẹp. **Gấm:** Ngẫm nghĩ. **Mặn nồng:** Đậm đà thấm thiết.

Hai câu 475-476: Ôn thầy và ơn cha suy nghĩ kỹ thì đồng đều như nhau. Đối với thầy là nghĩa, đối với cha là hiếu, phải giữ cho đậm đà thấm thiết cả hai.

477

Xưa ruộng Thuấn voi cày chim cấy,

Vì hiếu thân nổi dậy tuổi tên.

Đế Nghiêu tìm hiếu truyền hiền,

Nương nơi gương ấy vẫn bền đạo con.

Chú thích:

Hiếu thân: Có hiếu với cha mẹ. Thân là chỉ cha mẹ. **Truyền hiền:** Tìm người có đức hạnh và tài giỏi để truyền ngôi vua. Trước thời vua Hạ Võ nước Tàu, ngôi vua được truyền hiền, sau thời đó thì bắt đầu truyền tử. (*Tử là con*).

Bốn câu thơ trên nhắc lại sự tích vua Thuấn, gương hiếu thảo thứ nhất trong Nhị Thập Tứ Hiếu.

Ông Thuấn họ Ngu, cha là Cổ Tẩu, mẹ mất sớm, ở với mẹ ghẻ và em khác mẹ là Tượng. Cổ Tẩu thường nghe lời vợ kế, bỏ bê và đày đọa Thuấn. Còn mẹ ghẻ thì muốn trừ khử Thuấn, xúi Cổ Tẩu sai Thuấn đi cày ở đất Lịch Sơn, là nơi có nhiều cọp dữ để cọp ra bắt Thuấn ăn thịt. Thuấn vẫn nghe lời cha mẹ, không chút than van, đến cày ruộng ở Lịch Sơn. Lòng hiếu thảo cảm động Trời cao, khiến cọp dữ không dám đến gần, voi ra cày đất, chim bay đến nhặt cỏ.

Thấy không hại được Thuấn cách này, bà mẹ ghẻ lại xúi Cổ Tẩu sai Thuấn đi đánh cá ở đầm Lôì Trạch, là nơi thường có giông to gió lớn nhận chìm ghe thuyền. Thuấn vẫn nghe lời cha mẹ, đến đó đánh cá. Khi Thuấn đến thì gió lặng sóng êm, như ngầm giúp người con hiếu thảo.

Dù bị hãm hại nhiều lần, nhưng Thuấn vẫn một lòng hiếu thảo cha mẹ, vui thuận cùng em Tượng, sau cùng làm mẹ ghẻ cảm

động, đổi tánh trở lại hiền lương thương yêu Thuấn. Vua Nghiêu nghe tiếng, biết Thuấn là kẻ hiền tài, đủ tánh đức trị dân. Ngài gả 2 con gái Nga Hoàng và Nữ Anh cho Thuấn, và truyền ngôi cho Thuấn nối tiếp trị vì thiên hạ.

481

*Mẫn Tử Khiên tích còn roi dẫu,
Đẩy xe cha áo xấu mặt dơ.
Sợ đàn em đại u ơ,
Khổ thà cam khổ cũng thờ dưỡng nghi.*

Chú thích:

Roi dẫu: Lưu lại dẫu tích. Roi là lưu lại. **Đẩy xe cha:** Đẩy cho xe của cha cất lên đi tới. **Em đại u ơ:** Em còn nhỏ dại, mới biết nói u ơ. **Dưỡng nghi:** Mẹ nuôi. Dưỡng là nuôi, nghi là khuôn mẫu, chỉ người mẹ. Dưỡng nghi đồng nghĩa Dưỡng mẫu.

Bốn câu thơ trên nhắc lại sự tích Mẫn Tử Khiên, gương hiếu thảo thứ tư trong Nhị Thập Tứ Hiếu.

Mẫn Tử Khiên: Tên thật là Tổn, người nước Lỗ, sanh vào thời Xuân Thu, học trò của Đức Khổng Tử. Mẹ mất sớm, cha cưới vợ kế sanh được 2 con. Cảnh mẹ ghẻ con chồng thật là khắc nghiệt, nhưng Mẫn Tử Khiên giữ một lòng hiếu thảo với cha và mẹ ghẻ, hòa nhã thương yêu 2 em.

Mùa đông giá rét, hai con của mẹ ghẻ được mặc áo bông ấm áp, còn Tử Khiên thì phải mặc áo lót bông lau không đủ ấm, lại còn phải đẩy xe cho cha đi dạo chơi. Vì quá rét, tay của Tử Khiên bị cồng, phải rời xe ra. Người cha thấy vậy mới nghĩ lại biết là kế mẫu quá hà khắc với Mẫn Tử Khiên, liền trở về nhà định đuổi bà đi. Mẫn Tử Khiên khóc lóc xin cha nghĩ lại, vì nếu kế mẫu còn thì chỉ có một mình con chịu rét, còn nếu kế mẫu bị đuổi đi thì thêm 2 em con cũng bị rét mướt khổ sở nữa.

Người cha nghe theo, về nhà thuật lại cho bà vợ kế nghe lời nói của Mẫn Tử Khiên. Bà cảm động hồi tâm, thay đổi cách sống và từ đó trở đi, bà trở thành một hiền mẫu.

485

*Con ví biết trọng nghi phụ tử,
Hiển tông môn khá giữ nơi lòng.
Đừng làm nhục tổ hổ tông,
Lập thân trả hiếu nối dòng truyền hương.*

Chú thích:

Trọng nghi: Tôn trọng cái nghĩa. **Phụ tử:** Cha con. **Hiển tông môn:** Làm cho vẻ vang dòng họ. **Nhục tổ hổ tông:** Làm nhục nhà tổ tiên của dòng họ. **Lập thân:** Tạo dựng sự nghiệp cho bản thân mình. **Nối dòng:** Nối tiếp dòng họ truyền kế lâu dài. **Truyền hương:** Ý nói: Truyền kế lửa hương, nghĩa là nối tiếp sự thờ cúng tổ tiên.

489

*Nhìn thung đường đến ơn cúc dục,
Nhớ công sanh giữ chút hình hài.
Dưỡng nuôi lao khổ đắng cay,
Lửa hương chín ước có ngày nối xa.*

Chú thích:

Thung đường: Nhà thung, chỉ người cha. Thung là cây thung, cũng gọi là cây xuân. Theo sách Trang Tử, thời xưa có cây xuân, sống rất lâu, mùa xuân của nó kéo dài đến 8000 năm. Do đó người ta dùng chữ Xuân hay Thung để chỉ người cha vì con muốn cha sống lâu. **Cúc dục:** Cúc là nuôi dưỡng, dục là nuôi nấng. Cúc dục là chỉ công ơn nuôi dưỡng con cái của cha mẹ. **Công sanh:** Công lao sanh thành. **Hình hài:** Thân thể của con người. **Lao khổ:** Mệt nhọc cực khổ. **Đắng cay:** Đau khổ xót xa. **Lửa hương:** Chỉ sự thờ cúng tổ tiên. **Chín ước:** Chỉ mong. Chín là chỉ, vốn, vẫn. **Nối xa:** Nói tiếp mãi mãi về sau.

493

Còn em út trong nhà thơ bé,
 Trai dạy khuyên, gái để khép khuôn.
 Con đừng quen tánh luông tuông,
 Các em hư nết, gieo buồn song thân.

Chú thích:

Khép khuôn: Đặt vào khuôn phép của gia đình. **Luông tuông:** Tự do bừa bãi, không giữ được mực thước trong cách sống. **Hư nết:** Hư hỏng tánh nết. **Gieo buồn:** Đem lại sự buồn rầu. **Song thân:** Cha mẹ.

Hai câu 495-496: Con là anh cả trong nhà, cần phải làm gương cho các em, đừng có quen tánh luông tuông, làm các em bắt chước mà hư hỏng tánh nết, gây ra buồn phiền cho cha mẹ.

497

Một cục máu chia phân mấy mảnh,
 Hình hài em tượng ảnh thân con.
 Chũ rắng huyết mạch đồng môn,
 Riêng chung thân thể, tâm hồn cũng con.

Chú thích:

Chũ rắng: Sách có câu rằng. **Huyết mạch:** Dòng máu. **Đồng môn:** Cùng một cửa. **Huyết mạch đồng môn:** Ý nói anh em ruột với nhau vì cùng một dòng máu, cùng một cửa sanh ra. **Chung:** Tại, ở tại. **Riêng chung thân thể:** Riêng nhau là ở nơi thân thể. **Tâm hồn:** Ý nghĩ và tình cảm làm thành đời sống bên trong của con người.

Câu 497: Ý nói một mẹ mà sanh ra mấy đứa con.

Câu 498: Hình hài của em con chính là hình ảnh của con, vì các anh em con đều là ruột thịt với nhau.

501

*Ngoài gia tộc, nước non vây bạn,
Lựa tài danh giao cận tâm tình.
Đời như trận giặc đua tranh,
Dấu tài một ngựa một mình khó nên.*

Chú thích:

Ngoài gia tộc: Những người ở ngoài dòng họ của mình, tức là những người không bà con với mình. **Vây bạn:** Hiệp bạn, kết bạn với nhau. **Tài danh:** Người tài giỏi nổi tiếng. **Giao cận tâm tình:** Ý nói bạn tâm giao, hiểu biết lòng dạ của nhau, đối đãi hết lòng hết dạ với nhau. **Một ngựa một mình:** do thành ngữ chữ Hán: Đơn thân độc mã, ý nói chiến đấu lẻ loi, không ai giúp sức.

Câu 501: Ngoài những người trong gia tộc, con nên kết bạn rộng rãi khắp nơi.

505

*Coi gương trước Thánh Hiền ghi lại,
Kết bạn nhau đạo ngãi làm sao.
Tuy là khác thừa đồng bào,
Mà trong sanh tử một màu sắt son.*

Chú thích:

Đạo ngãi: Đạo nghĩa. Đường lối mà con người phải tuân theo trong việc đối xử được công bằng và hợp lẽ phải. **Thừa:** Dịch chữ “kỳ” của Hán văn, là tiếng đại từ thế cho người hay vật, nghĩa là: Người ấy, cái ấy. **Đồng bào:** Cùng một bào thai, chỉ dân tộc Việt Nam. Người Việt Nam thường hay gọi nhau là đồng bào. (Xem lại Chú thích câu 4). **Sắt son:** Bền vững như sắt, không phai màu như son.

Hai câu 507–508: Bạn bè, tuy là người khác nhau nhưng là đồng bào với nhau, nên có thể sống chết cùng nhau, một lòng một dạ với nhau, bền vững không thay đổi.

509

*Lưu Quan Trương giữ còn nghiệp Hôn,
Gìn trọn thể chết sống có nhau.*

*Dầu cơn độc mã đơn đao,
Tâm trung nghĩa khí, Ngô, Tào cũng kiêu.*

Chú thích:

Lưu Quan Trương: Lưu Bị, Quan Võ, Trương Phi là 3 anh em kết nghĩa với nhau. **Giữ còn nghiệp Hôn:** Giữ cho sự nghiệp của nhà Hán được tồn tại. **Độc mã đơn đao:** Một ngựa một đao. Một ngựa là chỉ một con ngựa Xích thố, một đao là một cây Thanh long đao. **Tâm trung:** Tấm lòng trung thành. **Nghĩa khí:** Có tinh thần cao cả, quên mình vì việc nghĩa. **Kiêu:** Nể sợ. **Ngô:** Ngô Tôn Quyền, làm vua nước Ngô ở phía Đông. **Tào:** Tào Tháo, được xem là Chúa nước Ngụy ở phía Bắc. Còn Lưu Bị là vua nước Thục ở phía Tây. Nước Tào chia làm 3 nước, gọi là thời Tam Quốc.

Hai câu 509–510: Vào cuối đời nhà Hán, 3 người: Lưu Bị, Quan Võ, Trương Phi, có chí hướng hợp nhau, nên sắm lễ vật đặt tại Vườn Đào (*Đào viên*) đốt nhang khấn vái Trời Đất thể nguyện kết nghĩa anh em với nhau, thể sống thác cùng nhau. Ba vị Lưu, Quan, Trương giữ đúng lời nguyện, thương nhau như anh em ruột thịt, sang cùng hưởng, khổ đồng chịu, không một mảy may xích mích nhau, để lại cho đời sau một tấm gương sáng chói về anh em kết nghĩa.

Hai câu 511–512: Nói về Quan Võ, một mình một ngựa một đao, phò Nhị tẩu (2 bà vợ của Lưu Bị) từ dinh của Tào Tháo, vượt qua 5 ải, chém chết 6 tướng trấn ải ngăn đường, qua sông Hoàng Hà, đến Cổ Thành để tìm gặp Lưu Bị. Với tài võ dũng trác tuyệt, với tâm trung nghĩa khí sáng ngời làm cho Ngô Tôn Quyền và Tào Tháo phải nể sợ.

513

*Sài Triệu Trịnh cũng nguyên như thế,
Mà nên mưu đủ kế đồ vương.
Tống thâu thiên hạ Đại Đường,
Cũng do bởi học nơi trường hữu giao.*

Chú thích:

Sài Triệu Trịnh: Sài Vinh, Triệu Khuôn Dẫn, Trịnh Ân, 3 người đồng thể nguyên kết nghĩa anh em với nhau tại Huỳnh Thổ Ba. Sài Vinh lớn tuổi nhất làm đại ca, kế là họ Triệu làm Nhị ca, tam đệ là Trịnh Ân. Vào cuối nhà Đường, 3 anh em đồng phò tá Quách Ngạn Oai lên làm vua, ấy là vua Thái Tổ nhà Hậu Chu. Quách Ngạn Oai không con, truyền ngôi lại cho cháu là Sài Vinh. Triệu Khuôn Dẫn và Trịnh Ân phò tá Sài Vinh. Sau, Sài Vinh chết, quân Khiết Đan rất mạnh, đem quân vào đánh Trung nguyên, Triệu Khuôn Dẫn đại phá quân địch, được các tướng đồng tôn Triệu Khuôn Dẫn lên làm vua, mở ra nhà Tống, lấy hiệu là Tống Thái Tổ. **Đồ vương:** Mưu tính sắp đặt kế hoạch để làm vua. **Tống:** Nhà Tống. **Thâu:** Gom góp lại. **Thiên hạ:** Ý nói dân chúng. **Đại Đường:** là nhà Đường, nói tôn lên, cũng như nhà Tống thì gọi là Đại Tống. **Hữu giao:** Hữu là bạn, giao là qua lại với nhau. Hữu giao là bè bạn giao tiếp với nhau.

Câu 515: Nhà Tống tóm thâu dân chúng của nhà Đường. Theo Trung Quốc sử, vào cuối nhà Đường, triều đình suy nhược, các chư hầu không phục, tách ra tự lập làm vua một cõi riêng, tạo thành 5 nước: Đường, Lương, Tấn, Hán, Chu, gọi là đời Ngũ Đại (907–960). Sau Triệu Khuôn Dẫn đem quân đánh các nước, thâu về một mối, thống nhất nước Tàu, lập ra nhà Tống.

517

*Trong vũ trụ hiệp hào là mạnh,
Phận đồ thơ phải gánh non sông.
Anh em bạn tác vậy đông,*

*Xô thành cũng ngã, lấp sông cũng bằng.***Chú thích:**

Vũ trụ: Vũ là khoảng không gian gồm 4 phương và trên dưới, trụ là thời gian xưa nay qua lại. Vũ trụ là khắp không gian và thời gian suốt xưa nay. Nghĩa hẹp, vũ trụ là thế giới loài người. **Hiệp hào:** Hợp lại thì tạo được sức mạnh hơn người. Hiệp là hợp lại, hào là tài sức hơn người. **Đồ thơ:** Bản đồ và sách, chỉ người có học thức và có tài an bang tế thế. **Bạn tác:** Bạn cùng tuổi với nhau. **Vầy đông:** Hợp lại nhiều người. Vầy là hợp lại.

Hai câu 519–520: Anh em bè bạn kết hợp đông đảo tạo nên sức mạnh vĩ đại, có thể làm những việc phi thường như xô thành cũng ngã, lấp sông cũng đầy.

521

*Trai nam tử gió trăng là phận,
Đạp nước non đặng tấn khí hùng.
Đi con đường thế gai chông,
Lớn gan hieu quạnh thì lòng cũng nao.*

Chú thích:

Gió trăng: Những nỗi xông pha vất vả, lấy gió làm quạt, lấy trăng làm đèn. **Đạp nước non:** Ý nói lội suối trèo non. **Tấn:** Tiến lên. **Khí hùng:** Cái chí khí anh hùng. **Gai chông:** Những khó khăn trở ngại nguy hiểm. **Lớn gan:** Ý nói lòng can đảm to lớn. **Hieu quạnh:** Cô đơn, chỉ có một mình. **Nao:** Nao núng.

Câu 524: Dù có can đảm hơn người nhưng trong việc đấu tranh mà chỉ có một mình cô đơn thì lòng cũng cảm thấy lung lay, lo ngại.

525

*Tình phu phụ biết bao nghĩa trọng,
Đạo nhưn luân gây sống của đời.
Dầu cho non nước đổi dời,
Còn niềm chồng vợ, còn người còn ta.*

Chú thích:

Tình phu phụ: Tình nghĩa vợ chồng. **Đạo nhơn luân:** Đường lối cư xử theo đạo lý giữa con người với nhau trong xã hội. Ở đây, Đạo nhơn luân là chỉ đạo vợ chồng. (Xem *Chú thích câu 366*). **Gây sống của đời:** Tạo ra cuộc sống cho xã hội. **Niềm:** Tâm trạng hay tình cảm.

Câu 526: Đạo vợ chồng sản xuất ra những con người mới, tạo dựng cuộc sống cho xã hội được nối tiếp trường tồn.

529

*Bạn trăm tuổi thân hòa làm một,
Dầu sanh hèn xấu tốt cũng duyên.
Cùng nhau giữ vẹn hương nguyên,
Cái duyên kinh bố là duyên Châu Trần.*

Chú thích:

Bạn trăm tuổi: Chỉ người vợ hoặc người chồng. **Hương nguyên:** Cây nhang đốt lên để khấn vái Trời Đất thể nguyện chung sống với nhau nhau đến trọn đời. **Kinh bố:** Chỉ người vợ cần kiệm biết lo cho gia đình. (Xem *Chú thích câu 101*).

Châu Trần: Thơ của Bạch Cư Dị:

Từ Châu cổ Phong huyện, hữu thôn viết Châu Trần.

Nhất thôn duy lưỡng tính, thế thế vi hôn nhân.

Nghĩa là:

Đất Từ Châu xưa có huyện Phong, có một thôn gọi là Châu Trần.

Một thôn chỉ có 2 họ, đời đời gả cưới con cái cho nhau.

Duyên Châu Trần: Việc kết hôn với nhau xứng đôi đẹp lứa.

533

*Con đừng thấy phụ nhân nan hóa,
Cầm hồn hoa vẫy vẫy thân hoa.
Vợ con thay phận mẹ già,*

Nuôi con mẹ cấy bóng ngà nữ dung.

Chú thích:

Phụ nhân: Người đàn bà. **Nan hóa:** Khó làm cho thay đổi, tức là khó dạy dỗ.

Cầm hôn hoa: Hoa chỉ người con gái. Người con gái có chồng thì giao trọn đời mình cho chồng định đoạt, cũng giống như người chồng cầm giữ hôn phách của vợ. Cho nên trong Bài Kinh Tụng khi chồng qui vị, Tiên Nương Đoàn Thị Điểm viết:

Gởi hôn phách cho chàng định số,

Gởi kiếp căn chàng mở dây oan.

Vây vã thân hoa: Đối xử thô bạo với vợ. **Vây vã:** Ý nói chà đạp, đối xử thô bạo. **Bóng ngà:** Đồng nghĩa Bóng ngọc, chỉ người con gái. **Nữ dung:** Vẻ mặt của người con gái. **Bóng ngà nữ dung:** Chỉ người vợ vì nàng vốn là người con gái đẹp.

537

Khi tối sớm lạnh nồng có kẻ,

Thân mật con đặng dễ giữ con.

Mẹ lo trong lúc còn non,

Vợ con lo lúc thân mòn gối run.

Chú thích:

Lạnh nồng: do chữ Hàn ôn, hàn là lạnh, ôn là ấm. Lạnh nồng ý nói: Hỏi thăm nhau, săn sóc nhau về sức khỏe. **Còn non:** Còn trẻ. **Thân mòn gối run:** Chỉ lúc tuổi già sức yếu, tay run gối mỏi.

Hai câu 539-540: Mẹ lo cho con trong lúc con còn trẻ tuổi, vợ của con sẽ lo cho con lúc con trở về già.

541

Nếu khổ cực chung cùng chia sớt,

Dầu sang vinh đùng bớt tình nồng.

Hễ là vào đạo vợ chồng,

Hư nên đều có của ông công bà.

Chú thích:

Sang vinh: Sang giàu và vinh hiển. **Tình nồng:** Tình yêu nồng nàn giữa vợ chồng. **Của ông công bà:** Của chồng công vợ, chồng làm ra của cải, vợ có công gìn giữ, hai công ấy bằng nhau.

545

*Con chó ý mình là nam tử,
Chiếm chủ gia hạp xử thê nhi.
Đừng xem ra phận tiện tỳ,
Quyền trong nội trợ cũng bì đồng nhau.*

Chú thích:

Nam tử: Đàn ông con trai. **Chủ gia:** Chủ nhà. **Hạp xử thê nhi:** Cư xử hạp hòa với vợ con. **Tiện tỳ:** Đày tớ gái hèn mọn. Tiện là hèn, tỳ là tớ gái.

Câu 548: Quyền của người vợ là lo nội trợ gia đình, quyền của người chồng là lo công việc bên ngoài, hai quyền ấy có giá trị đồng đều như nhau. (*Vợ chồng phải bình đẳng*).

549

*Ai nâng đỡ khi đau lúc ốm,
Ai dù tròn nắng sớm mưa mơi.
Tình chung bền giữ một đời,
Chia cơm cắn muối không đời lòng thương.*

Chú thích:

Dù tròn: Cây dù giương lên có hình tròn, dùng che mưa nắng. **Ai dù tròn:** Ai che mưa nắng cho. **Tình chung:** Tình yêu chung thủy. **Chia cơm cắn muối:** Ý nói lúc vợ chồng còn trong cảnh nghèo nàn. **Câu 552:** Lúc vợ chồng nghèo nàn thì không bao giờ thay đổi tình thương. (*Đời là thay đổi*.)

553

Áo trâu đắp đông sương lạnh lẽo,
 Cửa hấp gà mở nẻo tiền phu.
 Lập thân đừng để danh lưu,
 Cũng như Bá Lý Hề âu bạc tình.

Chú thích:

Áo trâu: Cái áo làm bằng da trâu để mặc cho ấm. **Đông sương:** Sương tuyết mùa đông lạnh lẽo. **Cửa hấp gà:** Lấy cánh cửa bằng gỗ chẻ ra làm củi để hấp chín con gà làm bữa tiệc tiền chồng đi lập công danh. **Tiền phu:** Đưa tiền chồng lên đường. **Lập thân:** Tạo dựng sự nghiệp cho bản thân mình. **Danh lưu:** Tiếng tăm lưu lại về sau. **Âu:** Có lẽ nào. **Bạc tình:** Ăn ở bạc bẽo không tình nghĩa thủy chung.

Bốn câu thơ trên nói về sự tích Bá Lý Hề.

Bá Lý Hề: Người nước Ngu, tự là Tỉnh Bá, ba mươi ngoài tuổi mới lấy Đỗ thị làm vợ, sanh đặng một trai đặt tên Mạnh Minh. Bá Lý Hề có tài an bang tế thế nhưng chưa gặp thời, nhà lại nghèo, lại không người tiến cử, ý muốn đi châu lưu thiên hạ để lập công danh, ngặt nỗi vợ con không nơi nương tựa, nên còn dưng dăng.

Đỗ thị là người hiền đức, khuyên chồng cứ đi lo lập thân danh, chớ nên bận bịu vợ con. Nói rồi, Đỗ thị liền bắt con gà duy nhất còn lại trong nhà, lại không củi nên lấy cánh cửa chẻ làm củi, nấu một bữa cơm gà, tiền chồng lên đường.

Bá Lý Hề đi qua nước Tề, muốn vào ra mắt Tề Tương Công, mà không ai tiến dẫn, trong túi lại không tiền, nên phải tạm ăn xin tại đất Chất. Lúc đó, Bá Lý Hề được 40 tuổi.

Ở đất Chất có người hiền tên Kiến Thúc, thấy Bá Lý Hề có tướng mạo rất tốt, nhưng lỡ vận phải ra ăn mày, liền mời về nhà đãi cơm nước, kết làm anh em. Bá Lý Hề làm em.

Bá Lý Hề, đêm thì ngủ tại nhà Kiến Thúc, ban ngày thì đi chăn trâu muốn để lấy tiền độ nhật, chớ Kiến Thúc cũng nghèo, nuôi nhau hoài không đủ.

Khi nghe tin Công Tử Vô Tri giết Tề Tương Công, lên làm

vua, dâng bảng cầu hiền, Bá Lý Hề muốn đến đầu Vô Tri. Kiến Thúc không cho, nói rằng Vô Tri tiếm ngôi thì có bền lâu gì. Sau nghe bên Châu có Vương Tử Đồi, tánh ưa trâu, kẻ ở nuôi trâu mau lớn cho Đồi đều được trọng thưởng. Bá Lý Hề từ già Kiến Thúc, qua xin chăn trâu cho Đồi. Khi tiễn nhau, Kiến Thúc dặn rằng: *“Hề là đại trượng phu thì không nên xem nhẹ mình mà đầu người. Đầu lỗ mà sau bỏ đi thì bất nghĩa, còn cứ theo hoài mà bị nạn thì bất trí. Em phải thận trọng. Anh liệu việc nhà xong thì sẽ qua Châu tìm em.”*

Kiến Thúc sau đó qua Châu, đàm đạo với Vương Tử Đồi. Kiến Thúc kêu Bá Lý Hề ra ngoài khẻ nói: *“Đồi có chí lớn mà tài sơ, kẻ tay chân đều là quân sàm nịnh, chi bằng anh em ta đi trước thì hơn.”*

Bá Lý Hề xa nhà đã lâu, ý muốn trở về nước Ngu để thăm vợ và con. Kiến Thúc nói: *“Ở nước Ngu, anh có bạn thân là Cung Chi Kỳ. Em về Ngu thì anh đi theo cho có bạn và sẵn dịp ghé thăm Cung Chi Kỳ.”*

Bá Lý Hề về đến Ngu, ghé nhà thăm vợ con thì mới hay Đỗ Thị đã ẵm con ra đi tìm phương sanh sống, giờ không biết ở đâu. Kiến Thúc vào thăm Cung Chi Kỳ, và nhờ tiến cử Bá Lý Hề với Ngu Công. Ngu Công nạp dụng, phong Bá Lý Hề làm chức Trung Đại Phu.

Kiến Thúc nói: *“Ngu Công thấy biết rất hẹp, không phải là Chúa đáng phò, nhưng em đã quá cùng khốn, tạm nương thân nơi đây. Sau này, em muốn tìm anh thì qua nước Tống, làng Minh Lộc.”*

Ngu Công không nghe lời can gián của Cung Chi Kỳ, cho Tấn Hiến Công mượn đường đánh nước Quắc. Thắng Quắc rồi, Tấn chiếm luôn Ngu, thế là Ngu Công mất nước.

Bá Lý Hề tự nói: *“Ta chẳng trí, lẽ nào chẳng trung.”*

Bởi vậy, khi Tấn Hiến Công bắt Ngu Công đem về Tấn thì Bá Lý Hề theo sát bên Ngu Công mà hầu hạ.

Chu Chi Kiều, trước làm quan Đại Phu ở nước Quắc, sau Quắc bị Tấn chiếm thì đầu Tấn, được Tấn cho làm Đại Phu. Chu Chi Kiều dụ Bá Lý Hề đầu Tấn nhưng Bá Lý Hề khảng khái đáp: *“Minh đã để nước nghịch thắng mình thì chân mình còn không*

muốn để bước đến xứ đó, hướng chi nói chuyện đầu với theo.” Kiều hổ thẹn, rồi có ý oán Bá Lý Hề.

Khi Tấn Hiến Công gả công chúa về Tấn, muốn có người theo đưa dâu, Chu Chi Kiều liền tâu: *“Bá Lý Hề không muốn đầu Tấn, chi bằng thừa dịp này sai va đi đưa dâu.”* Tấn Công bằng lòng. Bá Lý Hề than: *“Ta ôm tài an bang tế thế mà không gặp Minh Chúa, nay già rồi lại còn làm kẻ đưa dâu thì hổ thẹn quá.”* Do đó, khi đưa dâu được nửa đường, Bá Lý Hề lén trốn sang nước Sở. Trốn đến Uyển Thành thì bị bọn thợ săn bắt đem về cho nuôi trâu. Bá Lý Hề có tài nuôi trâu, nuôi chẳng bao lâu trâu mập ra, lại sanh sản thêm nhiều. Sở Vương biết được nên đòi Bá Lý Hề về nuôi ngựa cho Sở Vương.

Tần Mục Công xem danh sách, không thấy Bá Lý Hề đưa dâu, thì hỏi Công tử Chấp. Chấp đáp: *“Bá Lý Hề là người hiền, biết Ngu Công chẳng chịu nghe lời can nên không can, ấy là trí; theo Ngu Công qua Tấn mà không đầu Tấn, ấy là trung. Bá Lý Hề hiền nay nghe như ở Sở, xin Chúa Công cho người qua Sở dò coi.”*

Tần Mục Công sai người qua Sở dò la thì biết Bá Lý Hề đang nuôi ngựa cho vua Sở. Tần Mục Công khiến Công Tôn Chi đem lễ vật qua Sở rước Bá Lý Hề. Tôn Chi can: *“Sở bắt Hề nuôi ngựa vì không biết Hề là người hiền. Nay ta đem lễ trọng mà rước thì không khác nào ta nói Hề là người hiền, thì đời nào vua Sở cho Hề đi. Chi bằng, Chúa Công lấy cớ bắt tội Hề trốn đưa dâu, dùng vật mọn là 5 tấm da dê mà chuộc thì mới đem Bá Lý Hề về Tấn được.”* Quả nhiên nhờ kế đó mà rước được Bá Lý Hề về Tấn.

Tần Mục Công thấy Bá Lý Hề đầu đã bạc trắng thì than rằng: *“Già rồi còn chi, Quả nhân rất tiếc!”*

Bá Lý Hề đáp: *“Như Chúa Công khiến hạ thân đi bắt chim hay giết thú thì hạ thân già thiệt, còn như khiến hạ thân ngồi lo việc nước thì hạ thân biết sức còn trẻ lắm vậy.”*

Khi Bá Lý Hề bàn việc nước thì rất hợp ý Tần Mục Công, nên Mục Công dùng Bá Lý Hề vào chức Thừa Tướng. Kể từ đó, Bá Lý Hề lo sửa sang việc nước làm cho nước Tấn càng ngày càng hưng thịnh.

Nói về vợ của Bá Lý Hề là Đỗ Thị, khi chồng đi rồi thì ở nhà

may vá không đủ tiền nuôi con, nên phải bỏ xứ trôi nổi đến nước Tần, làm nghề may mướn. Khi Đỗ thị dò la biết rõ Bá Lý Hề lúc nầy được vua Tần trọng dụng, làm quan đến chức Thừa Tướng đầu triều. Thừa dịp trong phủ Thừa Tướng cần người may áo, Đỗ thị liền xin vào làm. Tới ngày kia, nhân trong phủ có việc đờn ca, Đỗ Thị liền xin ra ca một bài.

Đỗ Thị cất tiếng hát: “*Bá Lý Hề 5 bộ da dê, nhớ ngày nào, ly biệt cùng nhau, mỡ con gà mái, chẻ cánh cửa củi, thổi cơm gạo vàng. Chớ thương thì thương! Ngày nay giàu sang, quên ta hay sao? Bá Lý Hề 5 bộ da dê, cha ăn thịt cá, con đói khóc dài, chồng mặc áo gấm, vợ giặt thuê hoài. Chớ thương thì thương! Ngày nay giàu sang, quên ta hay sao?*”

Bá Lý Hề nghe ca thì sững sốt, lật đật kêu lại mà hỏi, quả là vợ của mình, liền ôm nhau khóc rống, rồi rước vợ và con về phủ. Vợ chồng con cái sum họp vô cùng vui vẻ.

Tần Mục Công hay tin vợ chồng Bá Lý Hề đoàn tụ gia đình, nên cho đem bạc vàng gấm lụa đến ban thưởng.

Hôm sau, Bá Lý Hề dẫn con vào triều bái tạ. Kể từ đó, 2 cha con Bá Lý Hề đồng phò Tần Mục Công lo việc nước.

557

*Chém vợ để cầu vinh thuở trước,
Ngô Khởi còn gian ngược chi danh.
Con đừng mượn nét khuynh thành,
Lợi thân mà hại đến mình hồng nhan.*

Chú thích:

Cầu vinh: Cầu mong có được sự vinh hiển. **Gian ngược chi danh:** Cái tiếng tầm gian xảo ngang ngược. **Lợi thân:** Có lợi cho bản thân mình. **Hồng nhan:** Má hồng, chỉ người phụ nữ đẹp, ở đây chỉ người vợ. Nhan là dáng mặt, gương mặt.

Khuynh thành: Khuynh là nghiêng đổ, thành là thành trì. Khuynh thành là làm cho thành trì nghiêng đổ, mất thành. Thường nói: Khuynh quốc khuynh thành, dịch là: Thành nghiêng nước đổ, để

chỉ sắc đẹp tuyệt vời của người đàn bà, có thể khiến cho tướng giữ thành đắm say, không lo giữ gìn thành trì; có thể khiến cho ông vua một nước mê mết bỏ cả việc nước làm cho mất nước. Đó là sắc đẹp của: Tây Thi, Bao Tự, Đắc Kỷ, Dương Quý Phi,... Kinh Thi có câu: Triết phu thành thành, triết phụ khuynh thành. Nghĩa là: Đàn ông giỏi dựng nên thành trì, đàn bà đẹp làm nghiêng đổ thành trì.

Lý Diên Niên đời nhà Hán có làm bài thơ:

*Bắc phương hữu giai nhân,
Tuyệt thế nhi độc lập.
Nhất cố khuynh nhân thành,
Tái cố khuynh nhân quốc.
Ninh bất tri,
Khuynh thành dữ khuynh quốc,
Giai nhân nan tái đắc.*

Phương Bắc có người đẹp,
Đẹp hơn hết mà đứng một mình.
Một lần nhìn làm thành người nghiêng,
Nhìn một lần nữa làm nước người đổ.
Há không biết,
Thành nghiêng với nước đổ,
Người đẹp khó trở lại được.

Hai câu 557-558: Nói về sự tích Ngô Khởi (*Ngô Khi*) giết vợ để lập công danh.

Ngô Khởi: Người nước Vệ, lúc nhỏ từ già mẹ đi tìm thầy học, thế rằng chừng nào lập được công danh mới trở về thăm mẹ. Nhưng sau đó, khi mẹ mất, Khởi không chịu về để tang mẹ. Tăng Sâm là thầy học của Khởi, thấy Khởi bất hiếu như thế, liền đuổi học ngay.

Ngô Khởi dùng 3 tactic lười thuyết vua Tề, vua Tề nghe theo, dùng Khởi và gả công chúa cho.

Về sau, Khởi không ở nước Tề nữa, dời qua ở nước Lỗ. Khi

Lỗ Hầu muốn đánh Tề, Tề Tướng Công Nghi Hựu tiến cử Ngô Khởi cầm quân đánh Tề. Lỗ Hầu không dám dùng Khởi vì vợ của Khởi là công chúa nước Tề. Ngô Khởi biết vậy, liền giết vợ, đem đầu vợ dâng lên Lỗ Hầu, để chứng tỏ mình đã dứt khoát với Tề.

Lỗ Hầu phong Khởi làm Đại Tướng, đem quân đánh tan quân Tề. Khởi biết Lỗ Hầu dùng mình nhưng không ưa mình, nên qua đầu Ngụy vì nghe Ngụy Hầu đang cầu người hiền. Ngụy Hầu cử Khởi cầm binh, đánh thắng được quân Tần nhiều trận lớn. Ngụy Hầu chết, Ngô Khởi bị Công Thúc gièm. Ngô Khởi thấy nguy, liền bỏ Ngụy qua đầu Sở.

Vua Sở trọng dụng, cho Khởi cầm binh, Ngô Khởi có tài chinh chiến, đánh Đông dẹp Bắc đều đại thắng.

Sau, nước Sở có loạn, Ngô Khởi cùng chịu chết một chỗ với vua Sở.

Ngô Khởi là vị tướng rất có tài cầm quân thời Đông Châu Liệt Quốc, nhưng Ngô Khởi là người vô đạo đức, trong nhà thì bất hiếu với mẹ, bất nghĩa với vợ, không trung thành với một vị vua nào hết, chỉ biết chạy theo công danh phú quý, để lại tiếng xấu muôn đời trong lịch sử.

Hai câu 559-560: Mẹ khuyên dạy con trai: Đừng lợi dụng sắc đẹp của vợ mình mà làm lợi cho mình, để hại cho tấm thân của vợ mình.

561

Đừng sang trọng phụ phàng nghèo khó,

Gặp hầu xinh vội bỏ thê hèn.

Cá kia chung chậu hơi quen,

Ái ân đắm thắm bởi bên nghĩa nhân.

Chú thích:

Hầu xinh: Vợ nhỏ xinh đẹp. **Thê hèn:** Người vợ hèn mọn. **Hơi quen:** Quen mùi. Hơi là mùi.

Câu 563: Lấy ý theo câu ca dao: *Chim quyen ăn trái nhãn lồng, Thìa thìa quen chậu, vợ chồng quen hơi.*

565

*Gương đẹp đẽ Mãi Thần thuở trước,
 Trọng nhơn luân sau phước nên quan.
 Hiền danh ghi tạc giang san,
 Nghĩa trung đi cặp con đàng trượng phu.*

Chú thích:

Sau phước nên quan: Về sau nhờ có phước đức nên được làm quan. **Hiền danh:** Tiếng tăm tài giỏi và có đạo đức.

Châu Mãi Thần: Người đời Hớn Võ Đế, nhà rất nghèo nhưng quyết chí học tập, thường đi đốn củi đem bán lấy tiền độ nhật. Khi gánh củi thì treo sách trên đầu gánh, vừa đi vừa học. Vợ của Mãi Thần không chịu nổi cảnh nghèo túng đòi bỏ ông. Mãi Thần khuyên vợ cố gắng chịu đựng nghèo khổ chừng một năm nữa, sang năm ông 50 tuổi, nhứt định sẽ hiển đạt. Người vợ không tin nói: Như cung cách của ông thì chỉ có chết đói thôi, sao dám mong giàu sang được.

Người vợ bỏ ông, đi lấy một người làm ruộng khá giả cùng làng. Qua năm sau, Châu Mãi Thần được Nghiêm Trợ tiến cử lên Hớn Võ Đế, được vua thân dụng, ban chức Trung Đại Phu. Lần lần Mãi Thần lập được công nên vua thăng lên làm Thái Thú Cối Kê. Cối Kê là quê hương của Mãi Thần.

Khi Mãi Thần đến Cối Kê nhậm chức, người vợ cũ ra đón trước đầu ngựa, xin chàng bỏ qua lỗi xưa, cho nàng được trở lại làm vợ chàng. Mãi Thần đổ một bát nước đầy trước đầu ngựa, bảo nàng hốt nước cho đầy bát lại như trước thì chàng cho nàng trở lại làm vợ như xưa. Người vợ cũ xấu hổ bỏ đi, về nhà treo cổ tự tử.

569

*Tổng Hoảng chí trượng phu không đổi,
 Giữ nhơn luân sợ lỗi đạo hằng.
 Từ duyên công chúa giao thân,
 Đút cơm vợ quáng ân cần dưỡng nuôi.*

Chú thích:

Chí trượng phu: Chí khí của bậc trượng phu. Trượng phu là người đàn ông tài giỏi, có nhân cách hơn người. **Đạo hằng:** Đạo thường, gồm Ngũ Thường: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín. **Từ duyên:** Từ chối kết duyên. **Giao thân:** Giao tiếp thân mật với nhau. **Vợ quáng:** Người vợ mù lòa.

Bốn câu thơ trên là nói về sự tích Tống Hoàng.

Tống Hoàng: Làm quan Đại Phu dưới thời vua Quang Võ nhà Hậu Hán, tính rất chính trực, lại có tình nghĩa.

Vua Quang Võ có người chị là Hồ Dương Công chúa, sớm góa chồng. Công chúa rất ái mộ Tống Hoàng, muốn được Tống Hoàng cưới làm vợ. Hán Quang Võ biết vậy nên gọi riêng Tống Hoàng đến để thử ướm lời, hỏi rằng: “Ngạn vân: *Quý dịch giao, phú dịch thê, hữu chu?*” (Ngạn ngữ nói rằng: *Sang đổi bạn, giàu đổi vợ, có chăng?*)

Tống Hoàng trả lời: “*Thần văn: Bản tiện chi giao mạc khả vong, tao khang chi thê bất khả hạ đường.*” (Thần nghe: *Bạn bè lúc nghèo hèn chớ nên quên, người vợ tấm cám chớ để ở nhà sau.*)

Hán Quang Võ và Hồ Dương Công chúa nghe Tống Hoàng nói thế thì biết Tống Hoàng là người trung nghĩa, càng kính phục Tống Hoàng.

Tống Hoàng có vợ bị bệnh trở nên mù lòa. Hằng ngày, ngoài giờ lo việc quan, Tống Hoàng săn sóc vợ, đút cơm cho vợ ăn. Dù vợ bị mù lòa, Tống Hoàng vẫn một lòng thương yêu chung thủy. Trên đời ít có được người như thế.

573

*Biết tình nghĩa biết mùi ân ái,
Chia đau thương cột dải đồng tâm.*

*Kìa ai đã gọi ân thâm,
Hơn niềm chồng vợ âm thầm giúp nhau.*

Chú thích:

Chia đau thương: Chia sẻ sự đau đớn. **Dải đồng tâm:** Chỉ sự thương yêu khẩn khít giữa vợ chồng. (Xem *Chú thích Câu 194*).

577

Đừng đến lúc ốm đau chẳng ngó,
 Hương sắc xinh lại bỏ hoa tàn.
 Những là anh én nhọn nhàng,
 Buôn duyên bán nợ như hàng chợ đồng.

Chú thích:

Hương sắc: Người con gái đang lúc xuân thì được ví như đóa hoa mới nở đầy đủ hương sắc; khi trở về già thì ví như đóa hoa tàn.
Anh én: Chỉ đám thanh niên nam nữ tới lui tấp nập.
Câu 580: Đem cái duyên của người con gái ra buôn bán giữa buổi chợ đồng người.

581

Có chi trọng đàn ông xóm bướm,
 Nơi thôn ba đậm nhuộm màu gian.
 Đừng quen kết lũ vầy đoàn,
 Cửa thanh lâu những rộn ràng gió trăng.

Chú thích:

Đàn ông xóm bướm: Chỉ đám đàn ông con trai ăn chơi trụy lạc.
Thôn ba: Nơi dân cư đông đúc, tranh đua danh lợi. **Đậm nhuộm màu gian:** Đây tánh chất gian dối xảo trá. **Kết lũ vầy đoàn:** Tự tập thành một đám nhiều đứa kéo đi ăn chơi hay phá phách xóm làng. **Thanh lâu:** Lầu xanh, nhà chứa gái điếm. **Gió trăng:** Chũ Hán là Phong nguyệt, có nhiều nghĩa, ở đây chỉ sự lã lơi chung chạ không đúng đắn giữa trai gái.

585

*Giác phong nguyệt xem bằng túy mộng,
Vợ cùng hầu so sóng đồng thương.
Nhỏ thì trọng, lớn thì nhường,
Nơi cân quân tử ra trường đánh ghen.*

Chú thích:

Phong nguyệt: Gió trăng, có nhiều nghĩa, ở đây chỉ sự lả lơi chung chạ không đứng đắn giữa trai gái. **Giác phong nguyệt:** Giác ngủ có sự chung chạ giữa trai gái. **Túy mộng:** Túy là uống rượu say, mộng là giấc chiêm bao. Túy mộng là uống rượu say nằm ngủ chiêm bao. **Hầu:** Vợ nhỏ. **So sóng:** Đặt sóng đôi để so sánh. **Quân tử:** Tiếng vợ gọi chồng.

Câu 586: Thuở xưa, còn ở thời quân chủ, đàn ông được quyền có nhiều vợ: Vợ chánh và nhiều vợ thứ. Câu này khuyên người chồng phải thương yêu vợ chánh và vợ thứ đồng đều như nhau.

Câu 587: Vợ nhỏ thì tôn trọng vợ lớn, vợ lớn thì nhường nhịn vợ nhỏ (*thì mới êm đẹp trong nhà*).

Câu 588: Do nơi sự đo lường nặng nhẹ của chồng, ý nói do nơi sự thương nhiều hay thương ít của chồng, mà có thể gây ra sự đánh ghen giữa vợ lớn và vợ nhỏ.

589

*Coi thân vợ như em nhỏ dại,
Đem lòng yêu phận gái đơn cô.
Đặng chồng dường thể đặng mỡ,
Chôn thân cửa lạ, cậy nhờ ở ai?*

Chú thích:

Đơn cô: Cô đơn, chỉ có một mình. **Cửa lạ:** Chỉ nhà chồng, vì chồng là người đứng khác họ. **Cậy nhờ ở ai?:** Ý nói chỉ cậy nhờ nơi chồng.

Hai câu 591–592: Có chồng thì chỉ biết cậy nhờ nơi chồng, khi

chết được chôn cất bên đất của họ nhà chồng, được gia đình nhà chồng làm cho mồ mả.

593

*Phải tôn kính cảnh mai đường nở,
Đừng xa hoa làm mở hàng chơi.
Sánh mình mỏng mảnh thương người,
Rủi sanh phận gái khó cười với thân.*

Chú thích:

Bắt đầu từ câu 593 đến câu 712 là phần: Mẹ dạy con gái.

Cảnh mai đường nở: Ý nói người con gái mới lớn lên đang độ xuân thì. **Xa hoa:** Phung phí chường diện lòe loẹt. **Mở hàng chơi:** Món đồ chơi không có giá trị gì cả.

597

*Gái mẹ dạy ân cần cho lắm,
Đừng để mình lụy đến sông Tương.
Bông dầu đẹp, khá gìn hương,
Quý chi liễu nõ hoa tường trao duyên.*

Chú thích:

Sông Tương: Chỉ sự thương nhớ giữa trai và gái hay sự ly biệt của đôi lứa. **Điển tích:** Theo Tình sử, đời nhà Châu, nàng Lương Ý yêu chàng Lý Sinh, sau phải xa nhau, nên có làm bài thơ Tương giang (Sông Tương):

*Nhân đạo Tương giang thâm,
Vị để tương tư bạn.
Giang thâm chung hữu để,
Tương tư vô biên ngạn.
Quân tại Tương giang đầu,
Thiếp tại Tương giang vĩ.*

*Tương tư bất tương kiến,
Đồng âm Tương giang thủy.
Người bảo sông Tương sâu,
Chứa bằng lòng tương tư.
Sông sâu còn có đáy,
Tương tư không bến bờ.
Chàng ở đầu sông Tương,
Thiếp ở cuối sông Tương.
Nhớ nhau mà chẳng thấy,
Cùng uống nước sông Tương.*

Luy: Là làm cho khốn đốn khổ sở. **Liễu ngô hoa tường:** Cây liễu ngoài ngõ, hay cái hoa bên tường, ai muốn bẻ muốn hái cũng được, ý nói những người con gái không có giá trị, hoặc là gái lầu xanh.

Câu 598: Mẹ dạy con gái đừng yêu ai trước để khỏi phải khổ thân vì thương nhớ.

601

*Đóng chặt cửa giữ nguyên trinh tiết,
Trọng thân danh bền nét đào yêu.
Phụng lều gác quyển chờ tiêu,
Gieo cầu cho đáng, nhiều điều gói gương.*

Chú thích:

Trinh tiết: Sự trong trắng của người con gái. **Thân danh:** Cái danh giá của con người mình. **Đào yêu:** Đào là cây đào, yêu là non. Kinh Thi: “Đào chi yêu yêu, kỳ diệp trăn trăn, chi tử vu quy, nghi kỳ gia nhân.” nghĩa là cây đào đương non, cành lá rườm rà, gái về nhà chồng, hòa thuận trong nhà. Cho nên, Đào yêu là chỉ người con gái mới lớn, đến tuổi lấy chồng. **Gieo cầu:** Ném xuống quả tú cầu để chọn chồng. Quả tú cầu được làm bằng vải kết lại nhiều màu rất đẹp. **Diễn tích:** Vua Hán Võ Đế mỗi khi kén chọn Phò mã (*rể của vua*) thì cất một cái đài cao, cho công chúa lên ngồi trên đó,

cầm sẵn trái tú cầu trong tay, các vương tôn công tử hay khách anh hùng muốn làm chồng Công chúa thì tụ tập dưới đài. Công chúa thấy người trai nào vừa ý thì ném trái tú cầu cho người ấy để người ấy bắt được, đem vào trình vua thì được vua nhận làm chồng Công chúa. Cho nên, Gieo cầu là ý nói kén chồng, chọn lựa người chồng cho xứng đáng. **Nhiều điều góí gương:** Nhiều là loại tơ lụa quý giá thời xưa, điều là màu đỏ, gương là tấm kính soi mặt chỉ người con gái. **Nhiều điều góí gương là ý nói:** Người con gái đẹp sẽ kén được người chồng quyền quý.

Câu 603: Nói về sự tích chàng Tiêu Sứ và nàng Lộng Ngọc.

Nàng Lộng Ngọc là con gái của vua Tần Mục Công, được vua cha cho ở trên gác phụng (*Phụng lầu*), nàng có tài thổi ống áo (*ống quyển*). Nàng nằm mơ thấy ở phía Tây Nam núi Thiên sơn có một chàng trai, diện mạo đẹp đẽ, cỡi chim phụng ngũ sắc bay đến phụng lầu, nơi nàng đang ở, nói rằng: Tôi là người coi giữ Thái Hoa sơn, Ngọc Hoàng cho tôi được kết duyên với nàng, đến tiết Trung Thu nầy gặp gỡ.

Nói xong, chàng rút ra một ống tiêu bằng hồng ngọc, đưa lên miệng thổi, âm điệu phát ra réo rất thanh tao, càng nghe càng say mê.

Hôm sau, Lộng Ngọc đem chuyện chiêm bao kể lại cho vua cha nghe. Tần Mục Công bèn cho người đến Thái Hoa sơn dò xét thử. Quan quân tìm được một chàng trai tuấn tú, có tài thổi ống tiêu, tên là Tiêu Sứ, đang ở trên núi. Quan quân rước chàng về triều. Vua bảo Tiêu Sứ thổi một khúc tiêu nghe thử. Nàng Lộng Ngọc đứng núp trong màn nhìn ra, thấy Tiêu Sứ đúng là người mà nàng thấy trong mộng, và tiếng tiêu phát ra réo rất y như vậy, thì biết chàng trai nầy đúng là lương duyên của nàng. Hôm đó cũng đúng là ngày Trung Thu trăng tròn, vua Tần Mục Công làm lễ cho Tiêu Sứ thành hôn cùng Lộng Ngọc. Tiêu Sứ dạy Lộng Ngọc thổi tiêu. Khi ở trên Phụng lầu, hai người thổi lên thì chim phụng hoàng bay đến trước sân nhảy múa.

Ở Phụng lầu được ít lâu, bỗng một hôm có một con rồng đỏ và một con chim phụng từ trên Trời đáp xuống trước thềm. Tiêu Sứ nói với Lộng Ngọc: Ta là Thần Tiên ở Thượng giới, có duyên

nợ với nàng nên phải xuống trần để kết duyên, nay đến kỳ chúng ta phải trở về Tiên. Chàng liền bước tới cõi rồng, nàng Long Ngọc thì cõi phụng, cùng bay lên Trời đi mất.

Trong các đám hỏi hay đám cưới, người ta làm đôi đèn Long Phụng để chỉ duyên vợ chồng là do điển tích này.

Câu 603: Ý nói con gái nên ở trong nhà giữ gìn hạnh nết, chờ con trai tài giỏi đến hỏi cưới.

605

*Đừng đứng dựa sông Tương nhắn khách,
Đừng trông trăng hỏi ngọc Cung Thiềm.
Đừng để thi lá thơ chim,
Cầu hôn để phụng đến tìm cung loan.*

Chú thích:

Sông Tương: (Xem Chú thích câu 598). **Nhắn khách:** Nhắn gọi người yêu. **Cung Thiềm:** Cung trăng, vì nơi cung trăng có con thiềm thừ, huyệt có chữ son, sống rất lâu năm.

Đề thi lá: Viết thơ trên chiếc lá cây. **Điển tích:** Nàng Hàn Thúc Tồn, một cung nữ đời Đường, ở trong thâm cung buồn bực, bèn đề thơ trên chiếc lá đỏ, thả xuống dòng nước từ trong cung chảy ra ngoài. Thơ của Hàn Thị đề rằng:

*Nước chảy sao mà vội,
Cung sâu cả buổi nhàn.
Ấn cần nhờ lá thắm,
Mau đến chốn nhơn gian.*

Vu Hựu là môn khách của Hàn Vinh, nhân đi chơi, bắt được chiếc lá có bài thơ đó, rồi cũng bắt chước cách ấy, lấy một chiếc lá khác đề thơ, rồi chờ cho dòng nước chảy trở vào cung thì thả lá xuống. Bài thơ của Vu Hựu:

*Nghe oanh thấy liễu chạnh lòng thương,
Thương kẻ trong cung lúc đoạn trường.
Chiếc lá đề thơ trôi mặt nước,
Gởi cho ai đó nói không tường.*

Cách ít lâu sau, vua Đường hạ chiếu thả cung nữ hơn 3000 người cho trở về nhà lấy chồng làm ăn, trong đó có Hàn Thị. Nàng đến ngụ nơi nhà của người bà con là Hàn Vinh. Hàn Vinh làm mai gả Hàn Thị cho Vu Hựu. Vu Hựu thấy trong rương của vợ có chiếc lá đề thi của chàng, rồi Vu Hựu cũng lấy chiếc lá đề thơ của Hàn Thị ra khoe. Cả hai vợ chồng đều rất mừng rỡ cho là có duyên tiền định. Hàn Vinh mở tiệc chúc mừng. Hàn Thị làm một bài thơ tạ ơn Lá Thắm làm mai:

*Câu thơ tuyệt diệu theo dòng nước,
Ôm hận mười năm ngỏ với ai?
Nay được vui vầy loan phượng sánh,
Khen thay Lá Thắm khéo làm mai!*

Thơ chim: Viết thơ rồi buộc vào chân chim cho nó mang đi. **Điển tích:** Nàng Túy Tiêu là vợ của Dương nhuận Chi, bị quan Trụ Quốc thấy đẹp, sai quân bắt về làm thiếp. Nhuận Chi sợ thế lực của quan Trụ Quốc nên không dám thưa kiện, chỉ biết ôm hận trong lòng. Nàng Túy Tiêu và Nhuận Chi chỉ còn biết viết thơ qua lại và nhờ chim yến mang đi. **Phụng đến tìm cung loan:** Đòi chim loan phụng được ví với một cặp vợ chồng. Phụng là con chim trống ví người chồng, loan là con chim mái ví người vợ. Phụng đến tìm loan là ý nói để cho con trai tìm đến cầu hôn con gái.

Câu 605: Đùng yêu ai trước, rồi thương nhớ, nhắn gởi.

Câu 606: Đùng mơ mộng lãng mạn như xem trăng rồi hỏi con thiềm thừ ở chỗ nào.

Câu 607: Đùng để thi lá thơ chim, ý nói con gái đùng có tánh lãng mạn, để thơ trên lá gởi theo dòng nước, hay viết thơ buộc vào chân chim gởi đi mông lung.

609

Con khá nhớ hồng nhan phận mỏng,
Đừng làm cho thẹn bóng trăng xuân.
Hồng quần tài sắc đa truân,
Vào vòng bạc phận, chi mong trọn nguyên.

Chú thích:

Hồng nhan: Má hồng, chỉ con gái. **Phận mỏng:** Bạc phận. **Bóng trăng xuân:** Ánh trăng mùa xuân rất đẹp, chỉ sự trong sáng tốt đẹp. **Đa truân:** Nhiều nỗi truân chuyên.

Câu 610: Đừng làm điều gì như nhớp mà phải hổ thẹn với sự trong sáng của ánh trăng xuân.

613

Hoa phong nhụy cung Tiên cũng mẫn,
Gấm lót đường trọng tiếng cũng nhờ.
Nhà vàng phận quý khi thơ,
Gót sen dầu lịch cũng nhờ vẻ xuân.

Chú thích:

Hoa phong nhụy: Cái hoa còn đóng kín nhụy hoa, chưa có con ong con bướm nào đến hút mật (*Phong là gói kín*), ý nói: Con gái mới lớn, còn trinh nguyên. **Gấm lót đường:** Ý nói nhà giàu nhiều của cải. **Trọng tiếng:** Tiếng tăm nặng nề (*Trọng là nặng*), ý nói: tiếng tăm không tốt. **Nhờ:** Dơ, nhờ nhờ. **Nhà vàng:** Chử Hán là Kim ốc: Nhà làm bằng vàng, ý nói quý báu lắm. **Điển tích:** Hán Võ Đế, lúc còn là Thái Tử, Trưởng Công chúa muốn đem con gái là A Kiều gả cho Thái Tử, nên kêu Thái Tử đến hỏi. Thái Tử rất bằng lòng nên đáp: “*Nếu cưới được A Kiều thì con sẽ cất một cái nhà bằng vàng cho A Kiều ở.*” Do đó, dùng chữ Nhà vàng để chỉ người con gái quý phái, có phẩm giá cao. **Gót sen:** Chỉ người con gái đẹp quý phái. **Điển tích:** Vào thời Nam Bắc Triều, vua Nam Tề là Đông Hôn Hầu có người vợ yêu là nàng Phan Phi. Vua cho lót hoa sen bằng vàng trên nền gạch trong cung của Phan Phi, để

khi Phan phi đi, mỗi bước chân như có nở bông sen dưới đất. **Dấu lịch:** Dấu có lịch sự, đẹp đẽ. **Vẻ xuân:** Vẻ đẹp trẻ trung.

Câu 613: Con gái còn trinh nguyên, các vị Tiên đều thương mến. (Túc nhiên con gái phải giữ gìn tiết trinh của mình).

Câu 614: Nhà giàu có mà con gái trong nhà có tiếng tăm không tốt thì cũng như danh.

Câu 616: Người con gái quý phái, dấu có sắc đẹp, nhưng cũng phải nhờ đến vẻ tươi đẹp trẻ trung.

617

*Đừng cho nhiễm lấm thân thực nữ,
Chốn phòng the cứ xử rèm là.
Vườn thu giấu dạng Hằng Nga,
Hải đường nở muôn mặt mà ái phong.*

Chú thích:

Nhiễm lấm: Nhiễm là nhuộm vào, lấm là dính chất dơ. **Thực nữ:** Người con gái hiền hậu nết na. **Phòng the:** Phòng dành riêng cho phụ nữ. **Xử:** Buồng xuống. **Rèm là:** Tấm rèm bằng lụa. **Là:** Lụa, thường nói lụa là. **Vườn thu:** Chỉ người phụ nữ đã luống tuổi. **Giấu dạng:** Giấu kín hình bóng của mình. **Hằng Nga:** Nàng Tiên ở Cung trăng, ở đây ý nói người con gái có sắc đẹp. **Hải đường:** Tên một loài hoa đẹp, chỉ con gái đẹp. **Ái phong:** Cái dáng điệu dễ thương. Ái là thương yêu, phong là dáng dấp, phong cách.

Câu 619: Dù người con gái đẹp đã lớn tuổi rồi, nhưng cũng phải giấu kín hình bóng của mình.

621

*Phàm phận gái đứng hàng khuê các,
Phải trau tria tướng hạc hình mai.
Chín tầng cửa đóng then gài,
Ra ngoài nghiêm nghị, trong bày đoan trang.*

Chú thích:

Bốn câu 621–624: Mẹ dạy con gái về Dung.

Phàm: Hễ là (ý nhấn mạnh). **Khuê các:** Buồng và gác, chỉ nơi ở của con gái quý phái. **Trau tria:** Sửa sang tô điểm cho tốt đẹp hơn.

Tướng hạc hình mai: Đồng nghĩa: Mình hạc xương mai, ý nói hình dáng mảnh khảnh thanh nhã của con gái đẹp.

Câu 623: Phải giữ gìn con gái thật cẩn thận chắc chắn.

Câu 624: Đi ra bên ngoài thì phải nghiêm nghị, không được cười giỡn, bên trong nhà thì giữ tánh nết đoan trang.

625

Đối với khách đồng bàn đồng tuổi,
Nhớ cho hay lời nói giọng cười.
Ngôn từ ngọt dịu thanh tươi,
Tiếng tiêu khải phụng phục người mới ngoan.

Chú thích:

Bốn câu 625–628: Mẹ dạy con gái về Ngôn.

Ngôn từ: Lời nói. **Thanh tươi:** Thanh nhã vui tươi. **Tiếng tiêu khải phụng:** Tiếng tiêu thổi lên rất hay, có mãnh lực khiến cho chim phụng bay đến nhảy múa và hát theo (giống như tiếng tiêu của Tiêu Sử và Lộng Ngọc). Ý nói: Lời nói phải có sức thuyết phục để người nghe vâng theo lời mình. **Phục người:** Làm cho người ta phục và nghe theo mình.

629

Gặp cơn rảnh nhà lan vắng khách,
Công chỉ kim, đèn sách học hay.
Trăm nghề dầu chẳng đủ tài,
Đệt văn Tô Huệ gỡ đày chinh phu.

Chú thích:

Bốn câu 629–632: Mẹ dạy con gái về Công.

Nhà lan: chữ Hán là Lan thất, nghĩa là nhà có mùi thơm của hoa lan. Ý nói nhà có đạo đức. **Dệt vải Tô Huệ:** Tức là Tô Huệ chúc cảm hỏi văn: Tô Huệ dệt bài thơ lộn quanh trên gấm. **Tô Huệ:** có tài về nghề dệt, có chồng là Đậu Thao. Đậu Thao phải đi lính chinh chiến phương xa. Nàng Tô Huệ quá nhớ chồng, đặt ra bài thơ tả nỗi lòng mình, rồi xin vua tha cho chồng trở về sum họp với nàng. Nàng dệt bài thơ lộn quanh trên bức gấm (gọi là *Chức cảm hỏi văn*), dâng lên vua. Vua đọc bài thơ, lòng cảm động, lại thương tài dệt của nàng, nên tha cho Đậu Thao trở về sum họp cùng nàng. **Gỡ đày:** Gỡ ra khỏi nạn lưu đày. **Chinh phu:** Người lính đánh giặc ở phương xa.

633

*Sửa từ nét ngày thâu tập tánh,
Trăm hạnh hay bởi tránh điều thô.
Xấu xa rách rưới lỏa lồ,
Đoan nghiêm tánh đức cũng cho gái lành.*

Chú thích:

Bốn câu 633–636: Mẹ dạy con gái về Hạnh.

Ngày thâu: Suốt ngày. **Điều thô:** Điều vụng về, không lịch sự.

Rách rưới lỏa lồ: Nghèo nàn mặc quần áo rách rưới để hở cả da thịt. **Đoan nghiêm:** Đoan trang nghiêm nghị. **Gái lành:** Con gái nhà lương thiện đạo đức.

Hai câu 635–636: Dẫu cho không đẹp, lại nghèo nàn, nhưng giữ đức hạnh cho đoan trang nghiêm nghị thì cũng được khen là con gái nhà lương thiện đạo đức.

637

*Còn đương thuở tuổi xanh thơ bé,
Rán theo cha học lễ học văn.
Phép xưa từng phụ đã rằng,
Dựa thân cội tử đời hàng trượng phu.*

Chú thích:

Bốn câu 637–640: Mẹ dạy con gái Tùng phu.

Học lễ học văn: Do câu: *Tiên học lễ, hậu học văn*. Trước hết là học về lễ nghĩa phép tắc xử thế, sau đó mới học văn chương thơ phú.

Tùng phu: Theo cha. Con gái lúc còn nhỏ, chưa chồng, ở nhà thì tùng cha, nghĩa là phải nghe lời cha mẹ. **Cội tử:** Cội cây thị. Kinh

Thi: *Duy tang dữ tử, tất cung kính chi*. Nghĩa là: Nơi có cây dâu và cây tử, tất phải cung kính. Bởi vì cây dâu và cây thị nảy do cha mẹ trồng, nay cha mẹ mất rồi, thấy nó thì tưởng nhớ đến cha mẹ. **Dựa**

thân cội tử: Sống dựa vào cha mẹ. **Trượng phu:** Người đàn ông tài giỏi đáng kính trọng. Trượng phu cũng là tiếng vợ gọi chồng.

641

Thánh xưa dạy từ câu nói hiếu,

Đạo thờ thân chăm khịu nên kính.

Tích xưa nhắc đến Đề Oanh,

Thương cha nên phải bán mình kêu oan.

Chú thích:

Bốn câu 641–644: Mẹ dạy con gái về chữ Hiếu.

Đạo thờ thân: Bốn phận của con đối với cha mẹ: Phải nghe lời dạy của cha mẹ, phải phụng dưỡng cha mẹ lúc tuổi già, phải thờ kính cha mẹ lúc cha mẹ mất. **Chăm khịu:** Vá vúi lại cho lành.

Hai câu 641–642: Thánh Hiền xưa dạy về chữ Hiếu, tức là dạy về bốn phận làm con đối với cha mẹ, tạo thành sách gọi là Hiếu Kinh.

Hai câu 643–644: Nhắc sự tích nàng Đề Oanh rất có hiếu với cha.

Đề Oanh: Theo Liệt Nữ truyện, Đề Oanh là con gái út của Thuần Vu Ý đời nhà Hán. Thuần Vu Ý không con trai, chỉ có 5 con gái. Vu Ý phạm tội, bị vua xử chết chém. Vu Ý than rằng: Vì không có con trai, nên trong lúc nguy cấp không biết trông cậy vào đâu được.

Nàng Đề Oanh nghe cha than thở thì theo cha vào kinh đô, rồi dâng sớ lên vua, trong đó có câu: “*Kẻ thác rồi không sống lại được, vậy xin Bệ hạ cho tiện nữ vào hậu cung, nguyện làm tôi mọi trọn đời để chuộc tội cho cha.*”

Vua Hán Văn Đế cảm động trước sự hiếu thảo của nàng Đê Oanh, nên xuống chiếu tha tội chết cho Thuần Vu Ý.

Sự tích nàng Đê Oanh là đề tượng trưng con gái có hiếu thảo với cha mẹ. Con gái hay con trai, con nào hiếu thảo với cha mẹ thì giúp được cha mẹ nhiều việc quan trọng.

645

*Bến nước gái mơ màng trong đục,
Đếm mười hai họa phúc khó lường.
Xem cha cư xử mà ngừa,
Phòng sau cho khỏi đổ thừa lỗi duyên.*

Chú thích:

Mười hai bến nước: Tục ngữ có câu: 12 bến nước, trong nhờ đục chịu. Trong Truyện Lục Vân Tiên có câu:

*Lênh đênh một chiếc thuyền tình,
Mười hai bến nước biết mình về đâu?*

Thời xưa, các cụ ví thân con gái như chiếc thuyền, xã hội như biển mênh mông, các hạng người trong xã hội như 12 bến nước. Thuyền sẽ chọn một bến nước để ghé vào đậu thuyền. Nếu gặp bến nước trong thì hưởng sự tốt đẹp, nếu gặp bến nước đục thì phải chịu lắm khổ cực nhọc nhằn.

Thường người ta cho rằng, 12 bến nước là chỉ 12 hạng người trong xã hội, có thể kể ra: Sĩ, Nông, Công, Thương, Ngụ, Tiều, Canh, Mục, Nho, Y, Lý, Bốc (hoặc là Công, Hầu, Khanh, Tướng). Nho là người có học thức Nho văn. Y là thầy thuốc, Lý là thầy địa lý, Bốc là coi bói. Thật ra thì Nho, Y, Lý, Bốc cũng nằm trong chữ Sĩ. Cũng có người cho rằng 12 bến nước là 12 tuổi: Tý, Sửu, Dần, ..., Tuất, Hợi.

Kể 12 hạng người như trên thì không ổn lắm vì còn nhiều hạng người nữa. Chúng ta nên nghĩ rằng, người xưa dùng số 12 là để chỉ một số nhiều và cho đẹp lời. Hơn nữa, trong dân gian thường có sự giải thích theo kiểu liên tưởng từ ngữ “Thập nhị

nhân duyên” của nhà Phật là 12 cái nhân duyên của người con gái, từ đó nảy sinh từ ngũ 12 bến nước.

Khó lừa: Khó lừa lọc, khó lựa chọn. Lừa là lựa chọn. **Đổ thừa:** Đổ lỗi cho người khác để tránh trách nhiệm. **Lỡ duyên:** Lỡ làng duyên phận.

649

*Cao niên biết tuyển hiền đáng mặt,
Khỏi lắm mưu kẻ giặc phong tình.
Sự đời thấu rõ dạng hình,
Trá ngôn lánh chước gia đình pháp nghiêm.*

Chú thích:

Cao niên: Người lớn tuổi có nhiều kinh nghiệm sống. **Tuyển hiền:** Tuyển lựa người tài giỏi có đạo đức. **Đáng mặt:** Người xứng đáng. **Phong tình:** Lăng lơ tình tứ, không đứng đắn trong giao tiếp giữa nam và nữ. **Kẻ giặc phong tình:** Kẻ phong tình được xem như là giặc phá hoại luân lý đạo đức. **Trá ngôn:** Lời nói giả dối. **Lánh chước:** Xa lánh phương cách đó. **Trá ngôn lánh chước:** Xa lánh phương cách dùng lời nói giả dối. **Gia đình pháp nghiêm:** Phép tắc nghiêm khắc trong gia đình.

653

*Đợi nơi cửa khách tìm thức ngọc,
Đừng đỗ đường rời bốc đóa hoa.
Trông người so sánh với ta,
Lường tài cân sắc hiệp hòa mới nên.*

Chú thích:

Thức ngọc: Thức là thứ, món. Ngọc là loại đá quý. Thức ngọc là chỉ người con gái đẹp. **Đỗ đường:** Dừng lại giữa đường. **Lường tài cân sắc:** Đo lường cái tài năng của người trai có cân xứng với cái sắc đẹp của mình không.

Câu 654: Dừng đi ra ngoài đường mà đem cái duyên của mình trao cho người trai.

Hai câu 655–656: Xem xét chàng trai để so sánh với mình, cái tài của chàng trai và cái sắc đẹp của mình phải cân xứng nhau thì mới hoà hiệp nên việc vợ chồng.

657

*Ai nam tử giữ bền tơ tóc,
Nhiều người hay lừa lọc câu thề.
Trước khen sau ắt có chê,
Ghi tâm tánh đức, kiếm bề phụ nhau.*

Chú thích:

Nam tử: Đàn ông con trai. **Giữ bền tơ tóc:** Giữ gìn cho lâu bền cái duyên vợ chồng. **Lừa lọc:** Không có nghĩa là chọn lọc cẩn thận, mà ở đây, trong trường hợp này, lừa lọc có nghĩa là lừa gạt người bằng mảnh khoe xảo trá. **Lừa lọc câu thề:** Con trai thề thốt dối trá để lường gạt con gái nhẹ dạ dễ tin. **Ghi tâm:** Ghi khắc vào lòng. **Tánh đức:** Đức tánh, tánh tốt. **Kiểm bề:** Tìm cách. **Phụ nhau:** Đối xử tệ bạc với nhau.

Hai câu 659–660: Người con trai giả dối, trước mặt con gái thì khen nào là đẹp, nào là có duyên, nhưng khi người con gái đi khuất rồi thì lại chê; bên ngoài thì giả bộ ghi tâm tánh đức, nhưng trong lòng thì kiếm cách bỏ nhau.

661

*Rủi để khách tóm râu tiết hạnh,
Tránh không qua nhẹ tánh nghi ngờ.
So mình nắm dễ tóc tơ,
Ngoài ra còn lắm hăng hồ lừa đời.*

Chú thích:

Tiết hạnh: Ý nói cái trinh tiết của người con gái. **Nhẹ tánh:** Có tánh dễ tin người nên thường bị lừa gạt. **Hăng hồ:** Hồ hững, lạnh

nhật trong quan hệ tình cảm, không chút chăm nom hay lưu ý đến. **Lúa đôi:** Vợ chồng.

Câu 662: Tránh không khỏi cái tánh nhẹ dạ dễ tin người mà đâm ra nghi ngờ chuyện nọ chuyện kia.

Hai câu 663–664: Con gái mà để con trai tóm thâu tiết hạnh dễ dàng rồi thì nó sẽ hững hờ trong việc tiến tới hôn nhân.

665

*Nét xuân sắc mấy hồi là trọng,
Xuân lỡ rồi khó mộng xuân nguyên.
Thà cho đáng mặt thuyền duyên,
Đừng làm cầm sắt ra duyên bĩ bàng.*

Chú thích:

Xuân sắc: Vẻ đẹp trẻ trung của con gái. Chữ Xuân thường được dùng để chỉ tuổi trẻ. **Thuyền duyên:** Người con gái xinh đẹp dịu dàng. **Cầm sắt:** Cây đàn cầm và cây đàn sắt, hai thứ đàn này hòa âm thì nghe rất hay, nên cầm sắt được ví đôi vợ chồng hòa hợp. **Bĩ bàng:** Bĩ là bế tắc, bàng là tiếng đệm. **Duyên bĩ bàng:** Cảnh 2 người yêu nhau đến hồi tan rã.

Câu 666: Tuổi xuân đã lỡ qua rồi thì khó mà mơ ước tuổi xuân nguyên vẹn trở lại. (*Tuổi trẻ qua rồi thì không trở lại.*)

669

*Khi gặp đặng phải trang tài mạo,
Hoặc trao trâm đắp áo làm tin.
Thì toan giữ vẹn chung tình,
Đưa thoi đừng để lỗi mình nữ trung.*

Chú thích:

Trang: Tiếng gọi với ý kính trọng người có tài đức. **Trang tài mạo:** Người tài giỏi và có hình dáng đẹp đẽ. **Đưa thoi:** Do câu: *Nhật nguyệt như thoa*, nghĩa là ngày tháng qua mau như cái thoi dệt vải, đưa qua đưa lại rất mau. **Nữ trung:** Trong giới phụ nữ.

Câu 670: Người con gái yêu người con trai, nàng có thể lấy cây trâm cài tóc hoặc chiếc áo trao cho chàng để làm vật đính ước hôn nhân.

Hai câu 671–672: Đã đính ước cùng nhau thì phải lo gìn giữ chữ thủy chung, dầu ngày tháng qua mau nhưng phận gái đừng để cho lỗi ước.

673

*Đến lúc đã chung phòng hòa hiệp,
Phải tòng phu là phép xưa nay.
Mạnh Quang tích trước ghi tài,
Tề mi vện đạo chẳng nài khổ thân.*

Chú thích:

Bốn câu 673–676: Mẹ dạy con gái xuất giá Tòng phu.

Tòng phu: Khi có chồng phải tòng theo chồng. Đây là một trong Tam Tòng của người phụ nữ. Điều này rất tự nhiên, vì người chồng làm chủ gia đình, lo làm lụng nuôi sống vợ con, nên người vợ giữ vai trò phụ tá chồng, tòng theo chồng. **Tề mi:** Do câu: *Cử án tề mi*, nghĩa là nâng mâm cơm lên ngang mày, dâng cho chồng ăn, tỏ ý kính phục chồng. **Vện đạo:** Trộn vện đạo làm vợ. **Chẳng nài:** Không nề hà.

Mạnh Quang: Thời Đông Hán, ở huyện Bình Lăng có một thư sinh tên là Lương Hồng, học trong nhà Thái Học, có học lực uyên bác, nhưng nhà nghèo, phải đi chăn heo mượn kiếm sống qua ngày, đặng lo học tập, bụng vẫn nuôi chí lớn.

Ở cùng huyện có người con gái họ Mạnh tên Quang, tuy không có sắc đẹp như nhưng có đủ tứ đức. Nhiều người trọng đức khinh sắc hỏi cưới nàng, nhưng nàng không chịu. Đến năm 30 tuổi, cha mẹ nàng buồn rầu thấy con gái chưa chịu lấy chồng, thì nàng nói: *Con có lấy chồng thì chồng phải có đức hạnh và khí tiết như Lương Hồng mới chịu.*

Lương Hồng nghe được chuyện đó, biết nàng Mạnh Quang là tri kỷ của mình, nên đến hỏi cưới nàng làm vợ.

Khi làm lễ thành hôn, nàng Mạnh Quang mặc quần áo lộng lẫy, trang sức vàng ngọc quý giá, cốt làm tăng vẻ đẹp để vừa ý chồng. Lương Hồng thấy vợ như thế thì không bằng lòng, nhưng không nói gì.

Đám cưới đã qua 7 ngày đêm mà chàng chưa chịu giao bồi hợp cẩn. Mạnh Thị dò xét mới biết được ý chồng, liền bỏ hết lụa gấm, trang sức quý giá, mặc quần áo vải thô, dùng cây gai làm thoa giắt tóc (*Kinh thoa bố quần*). Lương Hồng thấy vậy vui mừng nói: *Như vậy mới đúng là vợ của Lương Hồng. Hồng này không màng danh lợi, không ham tiền của bạc vàng, chỉ muốn sống thanh bản giữ tròn khí tiết và đức hạnh, cùng với vợ tương kính thương yêu.*

Lúc bấy giờ triều chính thối nát, quan lại nhũng nhiễu, vợ chồng Lương Hồng vào ở ẩn tại Bá Lăng, tỉnh Thiểm Tây, là nơi thâm sơn cùng cốc, chồng cày cấy, vợ dệt vải, lúc rảnh rang thì cùng đọc sách, đánh đàn, ngâm thơ, vợ chồng kính ái lẫn nhau, đời sống thật vui vẻ hạnh phúc.

Sau đó, vợ chồng Lương Hồng lại đến cư ngụ ở Lạc Dương. Lương Hồng thấy triều đình quá hủ bại, mới làm bài ca nhan đề “Ngũ Y.” Có người xấu bụng đem bài ca này tâu với vua, vua truyền lệnh bắt Lương Hồng. Chàng phải trốn đi, thay tên đổi họ, chạy sang đất Ngô, tạm làm nghề giã gạo thuê cho một nhà giàu để tạm sống qua ngày.

Mỗi lần chàng giã gạo thuê xong, trở về nhà, thì nàng Mạnh Quang sửa soạn cơm nước xong xuôi, dọn lên một cái mâm, nâng mâm lên ngang mày, dâng lên cho chồng ăn cơm.

Người nhà giàu tình cờ trông thấy được, nghĩ rằng: *Người giã gạo thuê này được vợ kính trọng như thế ắt không phải là kẻ tầm thường.* Do đó, người nhà giàu mời vợ chồng Lương Hồng đến ở luôn trong nhà và trọng đãi.

Nàng Mạnh Quang để lại cho đời một tấm gương sáng về đạo tòng phu. Nhưng nàng Mạnh Quang sống vào thời quân chủ, trọng nam khinh nữ, nên cách thức “*Cử án tề mi*” của nàng đối với thời dân chủ ngày nay, nam nữ bình quyền thì không còn phù hợp nữa.

677

*Vợ Châu Công đình thần mạng phụ,
Ở thôn quê lam lũ làm ăn.*

*Chồng thì triều nội cao sang,
Vợ lo canh cấy cơ hàn tấm thân.*

Chú thích:

Tám câu thơ 677-684: Nói về sự tích của Vợ Ông Châu Công Đán, đời nhà Châu.

Đình thần: Bể tội của vua nơi triều đình, tức là quan lớn trong triều. **Mạng phụ:** Vợ của quan được vua phong tước. **Lam lũ làm ăn:** Làm ăn vất vả cực nhọc. **Triều nội cao sang:** Quan lớn cao sang trong triều đình. **Canh cấy:** Nghề dệt vải thủ công. **Cơ hàn:** Đói lạnh.

681

*Giúp chồng trọn ân cần nhiếp chánh,
Mối nên trang chúa thánh tôi hiền.*

*Vợ không tham những kim tiền,
Chồng lo trọn đạo nắm quyền chặn dân.*

Chú thích:

Ân cần: Quan tâm săn sóc chu đáo. **Nhiếp chánh:** Nhiếp là kiêm nhiệm, thay thế; chánh là việc chánh trị sắp đặt trị an trong nước. Nhiếp chánh là thay thế vua (vì vua còn nhỏ tuổi chưa đủ sức nắm quyền trị nước) giữ việc chánh trị trong nước. **Chúa thánh tôi hiền:** Vua thì có đức độ và sáng suốt như bậc Thánh, bề tôi thì tài giỏi và có đạo đức. **Tham những:** Lợi dụng quyền hành của một vị quan để hoạn hại dân đòi tiền hối lộ. **Kim tiền:** Vàng và tiền bạc. **Trọn đạo:** Làn tròn bổn phận của mình. **Chặn dân:** do chữ Hán là Mực dân, vì người xưa cho rằng, vua quan cai trị dân chúng giống như mực đồng chặn gia súc. Chặn dân là từ ngữ xưa, chỉ việc cai trị dân chúng.

*Phạm trọng Yêm mấy lần xa vợ,
Nợ quân vương nhiều thuở truân chuyên.
May duyên gặp đặng vợ hiền,
Thanh liêm chánh trực giữ bền lòng son.*

Chú thích:

Nợ quân vương: Món nợ đối với vua vì hưởng lộc vua. Quân là vua, vương cũng là vua, quân vương là chỉ ông vua. **Truân chuyên:** Nhiều nỗi gian nan vất vả. **Thanh liêm:** Trong sạch và không tham lam. **Chánh trực:** Ngay thẳng. **Lòng son:** Chũ Hán là Đan tâm, nghĩa là lòng ngay thẳng trung thành trước sau như một.

Bốn câu thơ 685–688: Nói về sự tích của Phạm Trọng Yêm.

Phạm Trọng Yêm: Tự là Hy Văn, người xứ Tô Châu, tánh tình cương trực nhưng ôn hòa. Ngay từ lúc thi đậu Tú Tài, họ Phạm đã nghĩ rằng chuyện chánh trị quốc gia là trách nhiệm của ông. Ông thường nói: “*Lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ.*” Câu nói này được truyền rộng rãi từ đời Tống đến nay. Sau đó ông thi đậu Tiến Sĩ, làm quan dưới triều Tống Nhân Tông đến chức Lại Bộ Viên Ngoại Lang, từng giữ chức Tri Châu ở Hàng Châu. Ông có tánh trọng nghĩa khinh tài, đối xử với bà con rất có hậu. Ông mua vài trăm mẫu ruộng dùng làm nghĩa địa cho dòng họ và lấy huê lợi châu cấp cho bà con khi đau ốm hay ma chay.

Ông có người con tên Nhân Đức, tánh cũng háo nghĩa như ông. Lúc ông làm quan ở Khai Phong, để dành được 500 thùng lúa, sai con chở về quê. Nhân Đức đến Đan Dương, gặp bạn cũ của cha là Thạch Man Kha, đang lúc cùng quẫn, lại chẳng may bị 3 cái tang cùng lúc. Nhân Đức liền lấy 500 thùng lúa cho Man Kha lo việc ma chay và lại cho luôn chiếc ghe bán lấy tiền gả 2 đứa con gái.

Chừng Nhân Đức trở về nhà thuật lại việc làm của mình cho cha nghe thì ông không rầy la mà lại khen con: Vậy mới phải là con của ta.

689

Phải cần nợ cách non cũng gấp,
 Lỡ trái duyên vội gấp ra hư.
 Con xem từ trước đến chừ,
 Đấng anh hùng gặp anh thư mấy người?

Chú thích:

Cần nợ: Món nợ có gốc rễ từ kiếp trước, tức là món nợ đã thiếu từ kiếp trước, nay kiếp này phải trả. **Cách non:** Cách xa một cái núi, ý nói xa xôi cách trở núi sông. **Trái duyên:** Tình duyên ngang trái, đổ vỡ gây đau khổ. **Lỡ trái duyên:** Khi lỡ gặp cảnh tình duyên ngang trái. **Vội gấp:** Vội vã gấp rút. **Đến chừ:** Đến bây giờ. **Anh hùng:** Người tài giỏi có chí lớn, lập được nhiều công trạng phi thường đối với quốc gia. **Anh thư:** Người phụ nữ tài giỏi nổi bậc hơn người.

693

Dầu đẹp xấu để đời luận biện,
 Vui duyên con, thân miễn an vui.
 Đừng chê chồng phận thiệt thòi,
 Đáng danh quân tử phải người lang quân.

Chú thích:

Luận biện: Đưa ra nhiều lý lẽ để bàn cãi đúng sai. **Quân tử:** Người có tài đức hơn người, sẵn sàng đem tài sức ra giúp đời. Người quân tử là mẫu người lý tưởng mà Nho giáo nêu lên để giáo dục thanh niên. **Lang quân:** Tiếng vợ gọi chồng.

Câu 694: Mẹ khuyên con gái nên an phận, vui vẻ với cuộc sống gia đình mà mình đang có.

Hai câu 695–696: Đừng nên chê chồng là kẻ bất tài, chịu phận thiệt thòi, cũng đừng nên nghĩ rằng, đáng mặt là người quân tử thì mới phải là chồng của mình.

697

*Chữ hằng dạy thanh xuân bất tái,
Vợ người rồi danh gái hết kêu.
Nơi gương đức tánh Nhị Kiều,
Dở dang Du Sách, giữ điều tiết trinh.*

Chú thích:

Chữ hằng dạy: Sách thường dạy. **Thanh xuân bất tái:** Tuổi trẻ không trở lại. Thanh xuân là tuổi trẻ, tái là lập lại. **Nhị Kiều:** Hai nàng Kiều đẹp nhất của đất Giang Đông nước Đông Ngô. Chị là Đại kiều, gả cho Tôn Sách, vua nước Đông Ngô; em là Tiểu Kiều, gả cho Châu Du, Đại Đô Đốc Thủy Quân của Đông Ngô. Tôn Sách và Châu Du đều chết sớm, hai nàng Kiều ở vậy thờ chồng, thủ tiết nuôi con. **Dở dang:** Tình duyên dang dở vì chồng chết sớm. **Du Sách:** Châu Du và Tôn Sách.

701

*Hễ thất nghĩa rẻ khinh kim cải,
Khó tươi hoa trở lại thanh tươi.
Hư nên cũng có một đời,
Hay chi thay đổi nhành mai sái mùa.*

Chú thích:

Thất nghĩa: Mất cái tình nghĩa. **Rẻ khinh:** Coi thường. **Kim cải:** Chỉ tình nghĩa vợ chồng. (Xem *Chú thích câu 111*) Thanh tươi: Xanh tươi. Thanh là xanh. **Nhành mai sái mùa:** Cành mai chỉ có giá trị trong mấy ngày Tết, ai cũng quý trọng, đem đặt nơi thật trang trọng để cầu sự may mắn đến với gia đình trong năm mới. Nếu cành mai nở sái mùa, không đúng vào dịp Tết, thì giá trị của nó chẳng đáng bao nhiêu. Cành mai sái mùa là ý nói người con gái lỡ thời, đã qua thời xuân sắc tươi trẻ.

Hai câu 701-702: Khi tình nghĩa vợ chồng đã mất rồi thì khó mà hàn gắn lại được như lúc đầu.

705

*Tri âm ví đáng dây cầm nguyệt,
Đừng đem tình chí thiết giao hoan.
Căn duyên dầu có phụ phàng,
Cũng do tiết giá mở đàng ngại lo.*

Chú thích:

Tri âm: Hiểu biết tiếng đàn, chỉ đôi bạn hiểu thấu lòng nhau, theo điển tích Bá Nha–Tử Kỳ. **Cầm nguyệt:** Cầm là cây đàn, nguyệt là mặt trăng. Cầm nguyệt là cây đàn mà thùng đàn hình tròn như mặt trăng. **Tình chí thiết:** Tình yêu rất tha thiết. **Giao hoan:** Chỉ sự ân ái giữa nam nữ hay vợ chồng. **Căn duyên:** Duyên vợ chồng có gốc rễ từ kiếp trước. **Phụ phàng:** Đối xử tệ bạc, không nghĩ đến tình nghĩa thuở trước. **Tiết giá:** Lòng trong sạch ngay thẳng đối với chồng.

Câu 705: Đôi bạn hiểu biết nhau sâu sắc xứng đáng là bạn tri âm.

709

*Trai bảy thiếp cũng cho chẳng hại,
Gái lộn chồng đã hoại tánh danh.
Con coi phận mẹ mỏng mảnh,
Chánh thê nay lại sánh mình thứ thê.*

Chú thích:

Gái lộn chồng: Gái bỏ chồng này đi lấy chồng khác, chỉ hạng gái hư thân mất nết. **Hoại tánh danh:** Hư hỏng họ tên. **Mỏng mảnh:** Yếu ớt không đủ sức chịu đựng. **Chánh thê:** Vợ chánh. **Thứ thê:** Vợ thứ, tức là vợ bé.

Hai câu 709–710: Lấy ý theo câu ca dao: *Trai năm thê bảy thiếp, gái chính chuyên một chồng.* (Chính chuyên là đứng đắn trung thành). Thời xưa cho phép đàn ông có nhiều vợ (chế độ đa thê), nhưng đàn bà chỉ được có một chồng. Gái nhiều chồng thì bị người ta chê cười là gái lộn chồng.

713

*Muốn còn phước dựa kê quân tử,
Phải hạ mình đặng xử vuông tròn.
Chia chồng vì dạ sắt son,
Nhịn chồng bởi chút sấp con cái nhà.*

Chú thích:

Dựa kê quân tử: Gắn gũi kể bên chồng. **Hạ mình:** Tự đặt mình xuống địa vị thấp để mưu cầu việc gì. **Xử vuông tròn:** Sắp đặt công việc ổn thỏa mọi mặt. **Chia chồng:** Ý nói để cho chồng có vợ bé.

Câu 716: Nhường nhịn chồng vì còn lo nuôi mấy đứa con trong nhà.

717

*May tiểu thiệp biết hòa biết thuận,
An thân chồng đẹp xứng nợ duyên.
Rủi ro gặp gái bán thuyên,
Loạn gia phải chịu thảm phiền lắm cơn.*

Chú thích:

Tiểu thiệp: Vợ nhỏ của chồng. **Nợ duyên:** Duyên nợ. **Gái bán thuyên:** Con gái đem bán cái duyên của mình, chớ không có tình nghĩa chi hết. Đó là hạng gái chỉ biết có tiền, còn tiền thì còn tình, hết tiền thì hết tình. **Loạn gia:** Gây ra lộn xộn, rối loạn phép tắc gia đình.

721

*Thà thấy dạng còn hơn hiu quạnh,
Nên cần rằng nhịn nhín tình thương.
Ai đời thắt dạ mà lường,
Bước bồng bụng gái vẫn thường giống nhau.*

Chú thích:

Cần rằng: Cố gắng chịu đựng âm thầm. **Nhịn nhín:** Nhịn bớt để

chia sót cho người khác. **Thắt dạ:** Ép lòng. **Bưởi bòng:** Trái bòng nhỏ hơn bưởi nhưng chua hơn. **Bưởi bòng bụng gái:** Ý nói đàn bà con gái có tánh ghen tuông.

725

*Cội thung thấy càng cao tuổi hạc,
Nhớ liễu mai chéch mác mà đau.
Trường đình giục thăm canh thâu,
Gối còn nửa nguyệt đỡ đầu phòng thu.*

Chú thích:

Cội thung: Đồng nghĩa Thung đường, chỉ người cha. (Xem Chú thích câu 489). **Tuổi hạc:** Tuổi của con chim hạc, ý nói rất lớn tuổi. Hạc là loại chim sống đến cả ngàn năm, nên gọi tuổi hạc là ý muốn cha mẹ sống lâu. **Liễu mai:** Cây liễu và cây mai được ví với người phụ nữ, vì con gái thì mảnh khảnh như mai, thướt tha như liễu. **Chéch mác:** Nghiêng ngã xiêu vẹo. **Trường đình:** Bên nước Tàu thời xưa, những quăng đường gần đô thị thường có trồng cây liễu ở 2 bên đường, rồi cách 5 dặm đường thì dựng lên một cái nhà nhỏ gọi là Đoàn đình, 10 dặm đường thì dựng lên một cái nhà lớn hơn gọi là Trường đình. Những người đi xa, cùng những người đưa tiễn, đem nhau vào Đoàn đình hoặc Trường đình để uống rượu từ biệt nhau, rồi bẻ cành liễu tặng nhau làm roi ngựa. Do đó, Trường đình là chỗ từ biệt nhau. **Canh thâu:** Suốt đêm. Canh là chỉ ban đêm, thâu là suốt. **Nửa nguyệt:** Phân nửa mặt trăng. **Đỡ đầu:** Kê đầu. **Phòng thu:** Chỉ người phụ nữ đã luống tuổi. **Gối còn nửa nguyệt:** Ý nói người chồng đã đi rồi, chỉ còn người vợ ở nhà một mình trong phòng.

Thơ cổ có câu:

*Thùy bả kim bôi phân lưỡng đoạn,
Bán trâm thủy đế, bán phù không.
(Ai đem chén vàng chia hai mảnh,
Nửa chìm đáy nước, nửa trên không.)*

Truyện Kiều:

Vầng trăng ai xẻ làm đôi,
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường.
Đây là tả cảnh vợ chồng ly biệt rất văn chương tuyệt diệu.

729

Con quốc quốc chưa âu đổi bạn,
Máu đỏ quyên đợi mãi kiếp sanh.
Trượng phu hà hải đã đành,
Nữ nào đây thiếp một mình tương tư.

Chú thích:

Con quốc quốc: Chim đỏ quyên. **Chưa âu:** Có lẽ chưa. **Mãi kiếp sanh:** Hết một kiếp sống nơi cõi trần. **Đỏ quyên:** Là tên của một giống chim, còn gọi là chim Đỏ Vũ, Tử Quy, tiếng nó kêu quốc quốc nên cũng được gọi là chim quốc quốc. Cuối xuân sang hạ thì nó bắt đầu kêu vào đêm trăng thanh vắng, giọng kêu buồn thảm não nuột, gọi lòng lữ khách nhớ nhà, nhớ quê hương. **Điển tích:** Tương truyền, vua nước Thục (Thục Đế) tên là Đỗ Vũ, thấy vợ của một người bề tôi là Biết Linh rất đẹp, nên thông dâm. Biết Linh bắt được, buộc Thục Đế nhường ngôi cho mình và dẫn vợ Biết Linh đi để sống cho trọn mối tình với người đẹp. Nhưng thảm cho Thục Đế, người đẹp bỏ Thục Đế trở về với Biết Linh. Thục Đế buồn tủi, nhớ ngai vàng, nhớ người đẹp, đành chịu chết trong rừng, hóa thành con chim Đỏ Quyên, ngày đêm kêu quốc quốc não nuột, như hồn Thục Đế kêu than nhớ tiếc ngai vàng, oán giận người yêu. **Trượng phu:** Tiếng người vợ gọi chồng. **Hà hải:** Sông biển, ý nói đi xa. **Tương tư:** Sự nhớ thương da diết giữa 2 người yêu nhau.

Hai câu 729-730: Nói về con chim Đỏ Quyên để tả nỗi lòng của người vợ vừa thương chồng vừa oán giận chồng đã phụ bạc bỏ nhà ra đi.

Hai câu 731-732: Chồng đã ra đi xa xôi, đã đành cho phận thiếp, nữ nào đây đọa thiếp trong nỗi niềm thương nhớ.

733

*Chiêu Quân chịu giã từ đất Hồn,
Thân cống Hồ ngắt ngưỡng tha bang.
Thiếp nay cũng giống như nàng,
Thân Hồ tâm Hồn đôi đàng khó nguyên.*

Chú thích:

Thân cống Hồ: Tấm thân bị đem dâng nạp cho vua nước Hồ (Rợ Hồ) ở phương Bắc. **Ngắt ngưỡng:** Ở thế không vững, lắc lư như chực ngã xuống. **Tha bang:** Nước khác. Tha là khác, bang là một nước.

Bốn câu thơ trên nói về sự tích: Chiêu Quân cống Hồ.

Chiêu Quân: Tên là Vương Tường, tiểu tự là Hạo Nguyệt Chiêu Quân, con gái của Vương Trung, đang làm quan Tri Phủ Việt Châu. Bấy giờ, quan Nội thần Mao Diên Thọ được lệnh vua Hồn Nguyên Đế đi tuyển gái đẹp đưa vào cung. Diên Thọ tuyển được nàng Chiêu Quân, nhưng vì gia đình Vương Trung không tiền lo lót cho Diên Thọ, nên khi vẽ hình Chiêu Quân dâng lên vua Nguyên Đế, Thọ thêm vào mặt Chiêu Quân một nốt ruồi đen dưới mắt gọi là “*Thương phu trích lệ*” làm Hán Nguyên Đế không dám đưa nàng vào cung. Thọ lại giả chiếu vua, đem Chiêu Quân giam vào lãnh cung.

Việc đổ bể ra, Diên Thọ bị bắt tội chết, nhưng Thọ lanh chân trốn thoát sang nước Hồ. Chiêu Quân được vua Hồn yêu mến, đưa nàng vào Tây Cung làm Quý Phi. Thọ qua tâu hót với vua Hồ là nàng Chiêu Quân đẹp nhất trên đời, muốn được nàng thì vua Hồ đem quân đánh vào Trung nguyên buộc vua Hán phải đưa Chiêu Quân qua cống Hồ thì mới bãi binh.

Kế ấy thành công vì nhà Hán suy nhược, không có tướng tài đủ sức chống cự quân Hồ. Chiêu Quân được đưa đi, đến Nhận Môn Quan, nàng lên Nhận lạc đài, khải một khúc đàn buồn thảm, rồi viết một bức thơ lâm ly thống thiết, buộc vào chân chim nhạn, gửi về Nguyên Đế.

Nàng đến đất Hồ, nàng yêu cầu vua Hồ giết chết tên gian

thần Mao Diên Thọ, rồi sau đó nàng tìm cách tự tử, nhảy xuống sông để xác nàng theo dòng trôi trở về đất Trung nguyên.

737

*Còn Tinh Vệ lấp phiên biển ái,
Đòi trả chồng hà hải sóng chôn.
Thiếp thân như ốc mượn hồn,
Sống không biết sống, chết còn ngậm đau.*

Chú thích:

Tinh Vệ: Một loài chim nhỏ ở bờ biển. Tương truyền, con gái vua Viêm Đế (*Thần Nông*) vượt biển, bị sóng đánh chìm chết đuối, hồn mang mối cảm hờn, hóa thành chim Tinh Vệ, hằng ngày ngậm gỗ và đá ở núi Tây Sơn đem ra lấp biển Đông cho cạn để trả hờn chết đuối vì sóng biển. Trong văn chương, người ta dùng điển tích này để chỉ mối cảm hờn hay điều tức giận dữ dội. **Biển ái:** Biển ái tình, biển tình yêu, đó là biển khổ.

Ốc mượn hồn: Ý nói ngơ ngơ ngẩn ngẩn, ngây dại như kẻ mất hồn. Trong Lục Súc Tranh Công có câu:

*Dại không ra dại, khôn chẳng nên khôn,
Ngất ngơ như ốc mượn hồn.*

Sống không biết sống: Sống mà không biết được hạnh phúc và tương lai, sống mà bị đau khổ đến mức như ngây dại. **Chết còn ngậm đau:** Chết mà trong lòng vẫn còn mang nỗi đau đớn giận hờn như con gái của vua Thần Nông.

Hai câu 737-738: Nổi tức giận của người vợ như con chim Tinh Vệ, muốn lấp bằng biển tình ái, cho hết phiền não, vì biển tình ái đã nhận chìm người chồng bấy lâu nay, để đem chồng trở lại gia đình.

Hai câu 739-740: Thiếp bây giờ ngơ ngơ ngẩn ngẩn như kẻ mất hồn, sống mà không biết hạnh phúc và tương lai, mà nếu chết thì linh hồn vẫn còn ngậm đau như con chim Tinh Vệ.

741

Nơi Phiên quốc xông xao lượng thảm,
 Hạnh Nguơn xưa đã dảm hy sinh.
 Cũng như thiệp nặng khối tình,
 Gãy trâm Lương Ngọc, bể bình Lý Uyên.

Chú thích:

Phiên quốc: Nước Phiên, còn gọi là Hung Nô hay Rợ Hồ. **Lượng thảm:** Nhiều nỗi sầu thảm. Lượng là số lượng. **Hạnh Nguơn công Hồ:** Hạnh Nguơn (*Hạnh Nguyên*) là con gái của Trần Đông Sơ, đính hôn với Mai Bích tự là Lương Ngọc, con của Mai Bá Cao. Bá Cao đang làm quan triều nhà Đường, tánh cương trực, nên bị bọn Thái Sư Lư Kỷ và Hoàn Trung căm ghét tìm cách hãm hại. Nhân việc quân Phiên xâm lấn ở phía Bắc, thế quân rất mạnh, quân Đường chống cự không lại. Lư Kỷ tâu vua xin bắt Hạnh Nguơn đem cống Phiên xin bãi binh. Vua ưng thuận. Đối với Mai Bá Cao, Lư Kỷ vu vào tội chết, truy bắt cả nhà, may mắn là mẹ con Lương Ngọc trốn thoát được. Nàng Hạnh Nguơn, trên đường đi cống Hồ, nhảy xuống đầm Lâm Trì tự tử để thủ tiết cùng Lương Ngọc. Bà Châu Bá Phù may mắn cứu được Hạnh Nguơn, đem về làm con nuôi. Về sau, vua Đường xét ra tội trạng của bọn gian thần Lư Kỷ, bắt cả bọn đem chém đầu, minh oan Mai Bá Cao. Lương Ngọc gặp lại Hạnh Nguơn, sum họp gia đình. **Gãy trâm Lương Ngọc:** Ý nói tình duyên gãy đổ. **Bể bình Lý Uyên:** Ý cũng nói tình duyên gãy đổ. **Điển tích:** Lý Uyên bán trứng con mắt chim sẻ vẽ trên tấm bình phong, nên được Ông Đậu Nghi gả con gái là Đậu Thị cho. Hai vợ chồng giữ mãi tấm bình phong làm kỷ niệm. **Khối tình:** Tình yêu tương tư bị thất vọng, tụ lại thành một khối không tan, gọi là Khối tình. **Điển tích:** Người con gái chết vì thất tình do người yêu không trở về đúng hẹn. Xác nàng được hỏa táng thì thấy còn lại một khối rắn chắc, đập không bể. Lúc người tình trở về, nghe thuật lại, cầm khối ấy lên xem, rồi khóc nức nở. Nước mắt chàng rơi lên khối tình, làm khối tình vỡ tan thành nước.

745

*Dầu chàng có vui riêng quên thiếp,
Thiếp cũng lo tội nghiệp thân chàng.
Đậm hương cho toại hồng nhan,
Gẫm thân có lúc khốn nàn ốm o.*

Chú thích:

Tội nghiệp: Đáng thương hại vì gặp cảnh không may. **Đậm hương:** Ý nói sắc dục quá độ, chơi bời trác táng. **Toại:** Thỏa lòng. **Hồng nhan:** Má hồng, chỉ đàn bà con gái đẹp. Hồng là màu đỏ, nhan là vẻ mặt. **Gẫm thân:** Suy nghĩ kỹ về cái bản thân mình. **Khốn nàn:** Khốn đốn khổ sở đến mức thảm hại. **Ốm o:** Gầy yếu một cách thảm hại.

749

*Thương chi thật con đồ đưa khách,
Nghĩa chi nông những cách bán duyên.
Còn thân còn mển còn quyền,
Hết ưà hết chuộng thì duyên hết nông.*

Chú thích:

Con đồ đưa khách: Ví thân phận của gái làng chơi, mỗi lần bán dâm, như con đồ đưa khách lấy tiền, không có tình nghĩa chi hết. **Nông:** Nông nàn, tha thiết sâu đậm. **Bán duyên:** Người con gái đem bán cái duyên của mình, ý nói gái điếm, gái làng chơi.

Hai câu 749-750: Thương mển làm chi những gái làng chơi! Có tình nghĩa nông nàn gì những kẻ bán duyên!

Hai câu 751-752: Còn thân thiết, còn thương mển khi người đàn ông còn quyền chức bạc tiền. Hết ưà hết chuộng khi hết quyền hết tiền, thì duyên kia cũng hết nông nàn.

753

Đây còn nổi bế bông thêm trẻ,
 Hễ giao tình chẳng lẽ không con.
 Hai vai gánh nặng thân mòn,
 Con đau thất nghĩa, hầu hờn giảm thương.

Chú thích:

Bế bông: Ấm bông con trẻ. **Giao tình:** Ân ái với nhau trong tình yêu vợ chồng. **Thân mòn:** Thân thể gầy mòn ốm yếu. **Thất nghĩa:** Mất đi cái tình nghĩa vợ chồng. **Hầu hờn giảm thương:** Để mà sự hờn giận làm giảm bớt tình thương yêu chồng.

757

Chẳng như thiệp nhớ ơn giải cấu,
 Mến từ khi mở nụ đào yêu,
 Trăm cay ngàn đắng cũng chiều,
 Quý thân quân tử, dám liều với thân.

Chú thích:

Giải cấu: Giải là tình cờ, cấu là gặp gỡ. Giải cấu là tình cờ không hẹn mà gặp. Kinh Thi: *Giải cấu tương ngộ, thích ngã nguyện hề*. Nghĩa là: Tình cờ gặp nhau, thích nguyện ta vậy. **Đào yêu:** Chỉ con gái tới tuổi lấy chồng. (Xem *Chú thích câu 602*). **Mở nụ đào yêu:** Ý nói: Con gái mới vừa lớn lên tới tuổi lấy chồng. **Trăm cay ngàn đắng:** Ý nói chịu nhiều đau đớn khổ sở. **Thân quân tử:** Tấm thân của chồng.

Câu 760: Vợ quý trọng chồng đến độ dám liều mình để cứu chồng.

761

Rẻ rúng bấy, hễ cân cũng trọng,
 Quý bao nhiêu, hờ hững cũng khinh.
 Chàng thì nhẹ thể vì tình,
 Thiếp thì lo sợ lụy mình trượng phu.

Chú thích:

Nhẹ thể: Xem nhẹ danh dự của mình. Thể là thể diện. **Lụy mình:** Tấm thân bị khốn đốn khổ sở vì dính dấp tới chuyện của người khác. **Trượng phu:** Tiếng vợ gọi chồng.

Hai câu 761–762: Việc coi trọng hay xem khinh là do theo tình cảm thương ghét của mình. Dầu cho người ta coi là rẻ rúng, nhưng vì mình thương yêu nên mình quý trọng; còn người ta cho là quý giá bao nhiêu đi nữa mà mình hồ hững không yêu mến thì mình xem nó cũng tầm thường.

765

*Niềm âu yếm ai đâu rõ giá,
Vui trăng hoa đối trá là thường.
Ấn nhờ, ở tạm, mua thương,
Tiếc chi những thói hoa tường buồn ong.*

Chú thích:

Âu yếm: Cử chỉ thương yêu triu mến. **Trăng hoa:** Chỉ việc trai gái không đúng đắn hẹn hò nhau ngắm trăng xem hoa đặng đùa giỡn nhau. **Hoa tường:** Cái hoa bên tường, ai muốn rờ muốn hái cũng được, chỉ gái làng chơi. **Hoa tường buồn ong:** Gái làng chơi bán thân cho khách. Ong và bướm là chỉ những chàng trai không đúng đắn, thấy con gái thì đến chọc ghẹo.

Câu 765: Tấm lòng yêu mến nhau chân thành, chàng đâu rõ cái giá trị của nó.

Câu 766: Trong xóm làng chơi, sự âu yếm lả lơi, vui đùa nhau thường là đối trá, đâu có lạ gì!

769

*Trông tin nhận về đông mòn mỏi,
Thả lá hồng biết hỏi nơi ai?
Khối sầu càng chất càng dày,
Chờ năm, năm lụn, đợi ngày, ngày qua.*

Chú thích:

Tin nhận: Tin tức do con chim nhận mang thơ đưa lại. **Thả lá hồng:** Viết thơ lên chiếc lá đỏ, thả trôi theo dòng nước, hay thả cho bay theo gió để tìm dịp may hỏi thăm tin tức của chồng. **Năm lụn:** Năm tàn. Lụn là tàn dần.

Câu 769: Nói theo Điển tích Tô Võ chặn dê:

Tô Võ: Tự là Tử Khanh, làm quan Trung Lang Tướng, đời vua Hán Võ Đế, được cử đi sứ sang Hung Nô. Chúa Hung Nô là Thuyền Vu biểu Lý Lăng và Vệ Luật, tội nhà Hán đã đầu Hung Nô, dụ Tô Võ đầu Hung Nô luôn. Tô Võ nhứt định không chịu. Thuyền Vu giận, nhốt Tô Võ vào hang đá và bỏ đói 3 ngày cho chết. Tô Võ nhờ vượt hột sương trên ngù cờ thắm giọng trong 3 ngày nên không chết. Thuyền Vu cho Tô Võ là Thần nên không dám giết, chỉ dày lên Bắc Hải chặn dê, giao hẹn chừng nào dê đục để con thì mới tha về nước.

Tô Võ sống 19 năm nơi Bắc Hải, tuy cực nhọc đói lạnh nhưng tinh thần bất khuất, một lòng vì vua vì nước. Mỗi lần chim nhận lảnh tuyết lạnh, bay về hướng Đông Nam thì Tô Võ viết thơ buộc vào chân nhận, để nó đem về Trung nguyên báo tin cho vua biết, ông hiện còn sống ở Bắc Hải.

Về sau, Thuyền Vu giải hòa với Hán, Tô Võ mới được tha về. Vua Hán phong thưởng Tô Võ và cho vẽ hình ông nơi gác Lân để ghi công.

Câu 769: Người vợ mòn mỏi trông ngóng tin tức của chồng.

Câu 772: Sự lặp lại các từ ngữ: năm và ngày, làm cho thời gian như kéo dài ra theo sự đợi chờ của người vợ.

773

*Soi kính cũ mặt hoa đã nhú,
Tóc hoa râm mà liễu ướm sương.
Mùi chê dưới mắt chán chường,
Còn duyên chi mộng đến đường tái hôn.*

Chú thích:

Soi kính cũ: Lấy cái tấm gương cũ ra soi mặt. Lâu ngày không soi mặt trang điểm nên cái gương đóng bụi cũ kỹ. **Mặt hoa đã nhú:** Gương mặt đẹp của người vợ bây giờ đã nhăn nheo, ý nói đã bắt đầu già rồi. **Tóc hoa râm:** Có những điểm trắng lốm đốm trên tóc. **Mày liễu ướm sương:** Đôi lông mày như lá liễu có một vài sợi bạc như có điểm sương trắng. ướm là mới bắt đầu. **Mùi:** Màu (từ ngữ xưa). **Mùi chê:** Màu bị chê, màu xấu. Mái tóc và đôi lông mày liễu chuyển sang màu hoa râm, là màu bị đàn ông chê vì nó báo hiệu tuổi già. **Chán chường:** Chán lăm, không còn thích thú nữa. **Mộng:** Mơ tưởng. **Tái hôn:** Lấy chồng một lần nữa.

777

*Thôi đành gởi tâm hôn gió tuyết,
Theo nương con cho hết tam tùng.
Hoặc là tròn nghĩa thủy chung,
Hoặc là chia dạ não nùng với con.*

Chú thích:

Tâm hôn gió tuyết: Lòng lạnh lẽo băng giá, không còn sôi nổi trong tình yêu. **Tam Tùng:** Ba điều phải theo của người phụ nữ theo luân lý của Nho giáo: Tại gia tòng phụ, Xuất giá tòng phu, Phu tử tòng tử. **Nghĩa thủy chung:** Cách đối xử trước sau như một, không có gì thay đổi. Thủy là lúc đầu, Chung là lúc cuối. **Chia dạ:** San sẻ nỗi lòng. **Não nùng:** Buồn rầu sâu đậm.

781

*Ngắm đường thế đã mòn vinh nhục,
Đổi thay duyên đặng phúc hạnh gì.
Lánh buồn lại lạc lối bi,
Rẻ duyên kim cải, đem bì phấn hương.*

Chú thích:

Đường thế: Con đường đời. **Đã mòn vinh nhục:** Đã từng đi qua

nhiều lần vinh và nhục. **Đổi thay duyên:** Đổi duyên cũ thay duyên mới, ý nói: Bỏ chồng cũ lấy chồng mới. **Rẻ duyên kim cái:** Coi rẻ cái tình nghĩa vợ chồng. **Phấn hương:** Ý nói buôn phấn bán hương: gái làng chơi.

785

*Liếc mắt ngó vào trường phong nguyệt,
Mua trận cười nào tiếc ngàn vàng.
Chừng cơn phấn lạt hương tàn,
Nắm mồ bạc mệnh bên đàng cỏ chôn.*

Chú thích:

Trường phong nguyệt: Xóm làng chơi. **Phấn lạt hương tàn:** Nhan sắc tàn phai.

Câu 786: Theo thành ngữ: *Nhứt tiếu thiên kim*. Một tiếng cười giá đáng ngàn vàng. Đó là tiếng cười của nàng Bao Tự làm cho Vua U Vương nhà Châu mất ngôi mất nước.

Diễn tích: Bao Tự là vợ yêu của U Vương, nàng rất đẹp nhưng luôn luôn ủ dột, không cười. Nàng chỉ ưa nghe tiếng lụ xé. U Vương muốn cho Chánh Hậu vui, mỗi lần xuất kho ra hàng trăm cây lụ, bảo cung nữ xé ra cho Bao Tự nghe, mặt nàng hơi tươi một chút chớ không cười. U Vương nghe theo lời Quách Thạch Phủ, sai đốt lửa Phong Hỏa Đài, các chư hầu thấy hiệu lửa tưởng là có giặc đánh vào kinh đô, liền kéo quân tới cứu, đến nơi mới biết mắc lừa. Bao Tự thấy vậy cả cười. Về sau, lúc có giặc đến thật, U Vương sai đốt lửa báo hiệu, các chư hầu không ai đem quân đến cứu. U Vương bị giặc bắt giết ở Ly Sơn.

Hai câu 787-788: Nắm mồ của kẻ hồng nhan bạc mệnh chôn dựa bên đàng, cỏ mọc dây leo, như nắm mồ hoang. Tả nắm mồ của nàng kỹ nữ Đạm Tiên:

*Sè sè nắm đất bên đàng,
Dầu dầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.*
(Truyện Kiều)

789

Nào những khách đoạn trường kim cổ,
Bởi trái duyên nên lỗ gót trần.
Bán xuân khi đắt giá xuân,
Thu qua để thẹn hồng quần biết bao.

Chú thích:

Khách đoạn trường: Người phụ nữ có tên trong sổ đoạn trường, tức là người phụ nữ phải chịu cảnh éo le ngang trái trong tình trường, khiến phải chịu nhiều nỗi gian truân. **Trái duyên:** Tình duyên ngang trái. **Lỗ gót trần:** Lỗ đi vào nơi cát bụi làm hoen ố tấm thân. **Xuân:** Mùa xuân, chỉ thời con gái còn son trẻ. **Thu:** Mùa thu, chỉ người con gái đã luống tuổi. **Bán xuân:** Bán cái nhan sắc lúc tươi trẻ. **Khi đắt giá xuân:** Khi tuổi xuân có giá trị cao (đắt giá). **Thu qua:** Ý nói người con gái lúc trở về già.

793

Hỏi đến khách sớm đào tối mặn,
Đon những trang ngọc cận hương thân.
Tâng nghe giá tuyết trong ngân,
Có sao bị nhiễm phong trần bởi đâu?

Chú thích:

Khách sớm đào tối mặn: Chỉ người đàn ông không đứng đắn, sớm cặp cô này, tối ôm cô khác. **Đon:** Thăm chùng (từ ngữ xưa). **Ngọc cận hương thân:** Kế bên người ngọc, thân thiết mùi thơm. Ý nói người thường chung đụng gần gũi với đàn bà con gái, tức là người đam mê sắc dục. **Giá tuyết trong ngân:** Chỉ sự trong sạch không như bọt. **Phong trần:** Ở đây có nghĩa đặc biệt là nhà chứa gái điếm. **Điển tích:** Theo Hậu Thôn Thi Thoại, Phan tử Tiên đời Đường để vào bức ảnh của một kỹ nữ: “*Gia hựu phong trần trung nhân diệc như thử, thịnh tai!*” Nghĩa là: Trong đám nhà chứa cũng có người như thế này, thịnh vậy thay! Trong Truyện Kiều có 2 câu tương tự:

Tiểu thay trong giá trắng ngần,
Đến phong trần cũng phong trần như ai.

797

Bởi thuyền bá sóng xao biển ái,
Bởi non thể sương trải lạnh lòng.
Bởi chàng phụ tấm tình chung,
Bởi tơ duyên cũ, tơ hồng hết xe.

Chú thích:

Thuyền bá: Thuyền làm bằng cây bá (cũng gọi là cây bách). Chữ Hán gọi là Bá châu (*Bá chu*) hay Bách châu (*Bách chu*). **Điển tích:** Nàng Cọng Khương, vợ của Vệ Thái Tử, sau khi chồng chết, nàng không chịu tái giá. Cha mẹ cố ép nhưng nàng kiên quyết không chịu và làm bài thơ “*Bách chu*” để tự khuyên mình. Do đó, Thuyền bá là chỉ người góa phụ tiết liệt. **Biển ái:** Biển tình ái, đó cũng là biển khổ.

Câu 797: Người vợ bị chồng phụ bạc giống như một góa phụ đứng trước những làn sóng dợn của biển tình. (*Coi chừng bị nó cuốn trôi!*).

Câu 798: Bởi vì sương mù trải ra bao phủ non thể, chàng không thấy nó nữa, nên chàng không nhớ đến lời thề.

801

Bởi nhan sắc không khoe không mận,
Bởi hơi đồng không thẳng không kêu.
Bởi quen mùi vị phòng tiêu,
Bướm ong kiếm dựa vườn điều đổi hương.

Chú thích:

Hơi đồng: Chỉ tiếng đàn. Đồng là dây bằng đồng dùng làm dây đàn. **Không thẳng không kêu:** Dây đàn lên không thẳng thì không phát ra tiếng đàn. **Phòng tiêu:** Phòng của vợ chánh, cũng chỉ người vợ chánh. Theo Hậu Hán Thư, các Hoàng Hậu đều ở trong tiêu

phòng thuộc Cung Vị Ương. Gọi là Tiêu phòng vì vách phòng được trét bằng tiêu tán nhuyễn cho thơm và ấm. **Vườn điều:** Vườn đào, chỉ nơi ở của đàn bà con gái. Đào là chỉ con gái. **Đổi hương:** Chán mùi hương cũ, đổi mùi hương mới.

Hai câu 803–804: Bởi quen mùi vị của vợ chánh nên nhàm chán, học đòi theo đám bướm ong, đi tìm nơi có nhiều gái đẹp đặng thay đổi mùi vị.

805

*Bởi hoa chạ bên đường dễ hái,
Bởi buôn hương nặng ngãi nhiều hơn.
Đờn hay vắn lắm trục lờn,
Đổi hơi cầm sắt ra trường ca xang.*

Chú thích:

Hoa chạ bên đường: Bông hoa của cây cỏ mọc hoang bên đường, không sắc không hương, chỉ gái làng chơi. **Buôn hương:** Chỉ gái làng chơi. **Nặng ngãi nhiều hơn:** Nặng nhiều hơn nghĩa. **Đổi hơi cầm sắt:** Thay đổi tiếng đàn cầm đàn sắt, ý nói thay đổi cuộc vợ chồng hòa hợp. **Ca xang:** Múa hát.

Hai câu 805–806: Bởi hay gần gũi với gái làng chơi, bởi nghe bọn chúng nói những lời đường mật nhân nghĩa.

Câu 807: Ngón đàn dù có hay chẳng nữa mà cứ lên dây vắn trục hoài thì trục đàn mau lờn, cây đàn hư hỏng. Ý so sánh việc làm của người kỹ nữ, họ sẽ sớm bị bệnh mà chết.

Câu 808: Thay đổi cảnh vợ chồng hòa hợp, đi tìm nơi múa hát vui chơi.

809

*Bởi vào trướng ra màn hết vị,
Bởi ngời lơn lên kỷ hết nông.
Nên ưa mèò mả gà đồng,
Bỏ hình loan phụng dựa lông chim xanh.*

Chú thích:

Hết vị: Hết mùi vị, ý nói chán rồi. **Ngồi lơn lên kỷ:** Ngồi hoài trên cái ghế trường kỷ. **Hết nông:** Hết cảm thấy nông nàn. **Mèo mả gà đồng:** Con mèo hoang ngoài mả, con gà hoang ngoài đồng. Ý nói người vô gia cư, đi hoang. **Bỏ hình loan phụng:** Bỏ cảnh vợ chồng tốt đẹp. Loan phụng là loại chim cao quý, đối lại, chim xanh là loại chim thường. Ở đây, chim xanh không có nghĩa là kẻ đưa tin tức. **Dựa lổng chim xanh:** Ý nói đi chơi với những kẻ tầm thường không ra gì.

Hai câu 809–810: Nhàm chán cảnh sống giàu có êm đềm.

813

Bởi mến cảnh đôi cành dài liễu,

Bởi ưa hoa bận bịu dài hoa.

Bởi ham nguyệt rạng lánh nhà,

Đèn chong buồn bực lập lòe rèm thu.

Chú thích:

Đôi cành dài liễu: Vài nhánh liễu ở xóm Chương đài. Xóm Chương Đài ở Trường An là xóm yên hoa, tập trung nhiều kỹ nữ. Liễu Chương đài là chỉ các nàng kỹ nữ. **Ưa hoa:** Ý nói mê gái. Hoa hay Đài hoa là chỉ đàn bà con gái. **Nguyệt rạng:** Trăng sáng, chỉ người con gái đẹp, bởi vì trên cung nguyệt có nàng Hằng Nga. **Lánh nhà:** Đi khỏi nhà. **Rèm thu:** Rèm là tấm đan bằng tre treo trước cửa. Rèm thu có nghĩa như Phòng thu, chỉ người phụ nữ luống tuổi.

Câu 816: Cảnh người vợ đã luống tuổi thức khuya chong đèn chờ chồng trở về.

817

Bởi quen mặt đào châu bớt đẹp,

Bởi nhìn thường hoa ép liễu nài.

Chê vành xuân hết bịu mai.

Kiểm đường hỏi liễu Chương đài bao mươi.

Chú thích:

Đào châu: Hoa đào và hạt châu là 2 thứ đẹp, chỉ người con gái đẹp. **Hoa ép liễu nài:** Ý nói các cô kỹ nữ kéo níu mời mọc nài ép đi với cô ta. **Vành xuân:** Vành trăng xuân. **Bao mươi:** Mấy mươi tuổi vậy?

Hai câu 817–818: Bởi thấy người vợ hoài, nên dù vợ có đẹp cũng cảm thấy bớt đẹp. Bởi thường thấy cảnh các cô kỹ nữ nài ép các chàng.

Câu 819: Chê vành trăng xuân hết gheo chọc hoa mai, mùa xuân đã qua, ý nói chê người vợ trở về già.

Câu 820: Kiểm đường đi đến tìm các cô kỹ nữ trẻ đẹp.

821

*Bởi cửa tía bóng trời nóng nực,
Bởi hiên thu gió chật đường ong.
Cánh hồng quen với cuồng phong,
Nước non thế giới vẫy vùng tinh trắng.*

Chú thích:

Cửa tía: Cửa màu đỏ, chỉ nhà giàu sang quyền quý. **Bóng trời nóng nực:** Ánh sáng mặt trời nóng nực. **Hiên thu:** Hiên là cái mái hiên trước nhà. Thu là tiếng dùng cho đẹp lời và gợi ý buồn. **Gió chật đường ong:** Ý nói đám thanh niên như ong bướm đi chật ngoài đường. **Cánh hồng:** Cánh của chim hồng. **Cuồng phong:** Gió mạnh có sức cuốn xoáy dữ dội. **Vẫy vùng:** Hoạt động tự do ngang dọc. **Tinh trắng:** Tinh tú và mặt trăng, chỉ bầu trời.

825

*Bởi cung Quảng bóng Hằng nhấp nhóa,
Bởi đèn Ngô nghe gã Tây Thi.
Bởi ham bóng sắc hơn chì,
Mỹ nhân thấy dạng kể gì đến duyên.*

Chú thích:

Bóng sắc: Sắc đẹp của đàn bà con gái. **Chì:** Kim loại nặng, chỉ tình nghĩa vợ chồng nặng như chì, do câu 137: *Nhẹ là bực, nặng chì tình nghĩa*. **Mỹ nhân:** Người đẹp.

Hai câu 825–826: Bởi nơi cung Quảng Hàn ở trên mặt trăng có thấp thoáng bóng nàng Hằng Nga. Bởi nơi đền vua nước Ngô có nàng Tây Thi đang mê hoặc vua Ngô Phù Sai. Hai câu này chỉ những người con gái đẹp.

Hai câu 827–828: Bởi ham sắc đẹp hơn là tình nghĩa vợ chồng, nên khi thấy người đẹp thì chạy theo, đâu kể gì đến duyên vợ chồng.

829

*Quen xa mã chê thuyền là chậm,
Đã mùi chàm gọi thắm là hơn.
Ca hay quên hẳn giọng đồn,
Một đêm túy mộng sánh hơn gập vàng.*

Chú thích:

Xa mã: Xe ngựa. **Mùi:** Màu (từ ngữ xưa). **Mùi chàm:** Màu chàm, màu xanh sẫm. **Đã mùi chàm:** Đã dính màu chàm, theo thành ngữ: *Tay đã nhúng chàm*, ý nói đã phạm vào tội lỗi. **Thắm:** Màu đậm, sẫm. **Túy mộng:** Túy là uống rượu say. Mộng là chiêm bao. Túy mộng là uống rượu say nằm chiêm bao: giấc mộng say.

Câu 830: Đã nhuộm màu chàm rồi lại làm cho màu đậm thêm. Ý nói: Đã phạm vào việc xấu xa rồi lại phạm sâu thêm nữa.

Câu 831: Mới tập ca thì nương theo giọng đồn mà ca, đến chùng ca hay rồi thì không cần giọng đồn nữa. Ý nói: Ăn cháo đá bát, qua sông nhận thuyền, chỉ kẻ bội ơn.

Câu 832: Người thích uống rượu, mê rượu hơn mê vàng.

833

Nơi tửu điểm nhà lang khác hẳn,
Vợ chồng thường ít sẵn chiều thương.
Trà mi kém sắc hơn hường,
Tiếng cười Bao Tỷ hơn hờn Phan Vương.

Chú thích:

Tửu điểm: Quán rượu. **Nhà lang:** Nhà của chồng. **Bao Tỷ:** tức là Bao Tỷ, vợ của U Vương. (Xem Điển tích nơi Chú thích câu 786).

Phan Vương: Vua chư hầu, làm rào dậu cho Thiên Tử ở trung ương. Phan hay Phiên là hàng rào, tấm chắn. **Trà mi:** Một loại hoa đẹp. **Hường:** Hoa hồng.

Hai câu 833-834: Ở nhà, vợ ít chiều chuộng chồng hơn là ở nơi tửu quán, các cô thường hay chiều khách.

Câu 835: Ý nói, vợ không đẹp bằng các cô nơi tửu điểm.

Câu 836: Xem tiếng cười của nàng Bao Tỷ hơn là sự hờn giận của các vua chư hầu. Ý nói: Chết vì sắc đẹp của đàn bà.

837

Thiếp biết phận cánh bướm dưới gió,
Đã khổ đời chịu khổ cùng đời.
Thuyền nan sợ sóng dòng khơi,
Khúc quanh eo hẹp, chiều thời khúc quanh.

Chú thích:

Thuyền nan: Thuyền nhỏ mỏng manh, làm bằng nan tre, chỉ dùng đi gần bờ. **Dòng khơi:** Dòng nước ngoài khơi.

Câu 837: Thiếp biết số phận của mình phải tùy thuộc vào chồng như cánh bướm tùy theo gió.

Hai câu 839-840: Thân phận người vợ như chiếc thuyền nan, sợ sóng ngoài khơi đánh chìm, chớ đi vào khúc quanh dẫu eo hẹp khó khăn cũng chiều theo dễ dàng.

841

Soi bóng nước đặng nhìn thấy dạng,
 Thấy nghi dung hết mặng nét ngài.
 Chẳng còn yếu điệu hình mai,
 Da môi tóc đã ướm thay nửa vàng.

Chú thích:

Nghi dung: Về mặt và hình dáng bề ngoài. **Hết mặng:** Không còn mặng mà, hết đẹp. **Nét ngài:** Đôi chân mày nhỏ và cong như râu con bướm tằm. Ngài là con bướm tằm. **Yếu điệu:** Có dáng người mềm mại thướt tha. **Hình mai:** Hình dáng mảnh khảnh như cành mai. **Da môi:** Da trở đổi môi, tức là trên da mặt hay da tay nổi những nốt nhỏ màu nâu nhạt như màu con đổi môi. Da trở đổi môi là báo hiệu tuổi già. **Tóc đã ướm thay nửa vàng:** Phân nửa mái tóc đã bắt đầu chuyển sang màu vàng, trước khi trở thành tóc bạc. **Câu 841:** Nhìn xuống mặt nước phẳng lặng thì thấy hình ảnh của mình nơi đáy nước. Mặt nước như tấm gương soi.

845

Mãng gượng vui cùng đàn cháu dại,
 Chỉ lời hay sự phải khuyên răn.
 Tóc xanh là bạn mày nhẵn,
 Nên bà dạy cháu biết bằng năm mười.

Chú thích:

Mãng: Mải miết. **Tóc xanh:** Chỉ đám con cháu trẻ tuổi. **Mày nhẵn:** Chỉ người lớn tuổi, mặt mày bắt đầu nhẵn. **Câu 848:** Người vợ bây giờ đã 50 tuổi, có cháu mới lên 3 tuổi. Bà dạy cháu biết những điều mà tuổi 50 mới biết.

849

*Khóc của mụ pha cười của trẻ,
Chậm của già đổi lẹ của tơ.
Ngắm coi cái nhỏ bây giờ,
Nhớ trong cái lớn mịt mờ chiêm bao.*

Chú thích:

Tơ: Là non trẻ. **Cái nhỏ:** Đám con nít. **Cái lớn:** Người già.

Câu 850: Già thì chậm chạp, trẻ thì lanh lẹ.

Câu 852: Người già nhớ lại cuộc đời đã qua của mình thấy mịt mờ như một giấc chiêm bao.

853

*Nường con gậy ra vào lụm cùm,
Lưng gối dùn lững thững bước đi.
Thôi gần hết kiếp còn gì,
Co tay đếm tuổi quá kỳ tri Thiên.*

Chú thích:

Con gậy: Cây gậy của người già dùng để chống đi, gần gũi thân thiết như đứa con. **Co tay đếm tuổi:** Co lại ngón tay cái của bàn tay trái để đếm tuổi trên các lóng tay: Tý, Sửu, Dần,... **Tri Thiên:** Do câu nói của Đúc Khổng Tử chép trong Luận Ngữ: Ngũ thập nhi tri Thiên mệnh. (50 tuổi mới biết được mệnh Trời), nên dùng chữ “tri Thiên” để chỉ 50 tuổi. **Quá kỳ tri Thiên:** Quá 50 tuổi.

857

*Bỗng tiếng sấm gân bên tai nổ,
Nghe tin chàng mệnh số du Tiên.
Ôi thôi trời động đất nghiêng!
Chết chàng hồn thiếp chơi miền Âm cung.*

Chú thích:

Sấm gần bên tai nổ: Tiếng sấm nổ bên tai, ý nói một tin khủng khiếp xảy đến bất ngờ. **Mệnh số:** Số mệnh. **Du Tiên:** Đi chơi nơi cõi Tiên, ý nói chết, linh hồn rời khỏi thể xác đi lên cảnh Tiên.

Âm cung: Cung điện nơi cõi Âm phủ. **Chơi miền Âm cung:** Đi chơi xuống cõi Âm phủ, ý nói chết, linh hồn đi xuống cõi Âm phủ.

Ba câu 857-858-859: Nghe tin chồng chết như sấm nổ bên tai, cảm thấy như Trời Đất nghiêng ngửa quay cuồng.

Câu 860: Nghe tin chồng chết, người vợ ngã xuống bất tỉnh như muốn chết theo.

861

*Khi tỉnh giấc còn trong vòng tục,
Mới biết thân ít phúc hơn chàng.
Giá chi một mảnh xương tàn,
Đày cho thiếp nổi đoạn tràng tử ly.*

Chú thích:

Tỉnh giấc: Tỉnh lại sau một hồi chết giấc vì nghe tin chồng mới chết. **Vòng tục:** Trong vòng cõi trần. **Giá chi:** Có giá trị gì. **Một mảnh xương tàn:** Chỉ tấm thân của người vợ đã già rồi, cũng sắp tàn. **Đoạn tràng:** Đoạn trường, chỉ nỗi đau đớn dữ dội như bị cắt ruột thành nhiều đoạn. **Tử ly:** Chết thì biệt ly. Tử là chết, ly là xa cách. Thường nói: *Tử biệt sanh ly*.

865

*Một thân góa tang y lại mặc,
Chống gậy lê nhúc nhắc đưa linh.
Đầu sương chất trắng khối tình,
Bao nhiêu ân ái trong mình tử thi.*

Chú thích:

Thân góa: Tấm thân góa bụa vì chồng mới chết. **Tang y:** Áo tang, áo mặc vào khi làm lễ tang. **Chống gậy lê:** Chống cây gậy lê đi

từng bước. **Nhúc nhắc:** Lúc lắc, đi từng bước chậm chạp lắc lư đầy vẻ khó khăn. **Đưa linh:** Đưa linh cữu ra nghĩa trang. **Đầu sương:** Trên đầu mái tóc đã bạc như sương. **Chất trắng khối tinh:** Đội lên đầu chiếc khăn tang trắng giống như chất lên đầu cả khối tình thương yêu chồng. **Tử thi:** Xác chết. Tử là chết, thi là thi hài thể xác.

869

*Ngó vạn vật cũng kỳ lẽ chết,
Nghe non sông như hết khí sinh.
Hỏi ta có sống thật tình,
Hay là giấc mộng Diêm đình đưa nhau.*

Chú thích:

Cũng kỳ lẽ chết: Cũng đều có kỳ hạn phải chết. **Khí sinh:** Sức sống. **Sống thật tình:** Sống thật không phải chiêm bao. **Diêm đình:** Triều đình của Diêm Vương.

873

*Xem cây cỏ như màu thảm đạm,
Ngó thú cầm dường cảm đau thương.
Đất nhà cảnh vật ruộng vườn,
Hình chàng như gấn nẻo đường vô ra.*

Chú thích:

Thảm đạm: Buồn thảm lạnh lẽo. **Thú cầm:** Thú chạy chim bay. **Như gấn:** Như gấn dính chặt vào.

Câu 876: Trên các nẻo đường vô ra, đâu đâu dường như đều có phảng phất hình ảnh của chàng.

877

*Kìa đào lý tàn già đã cối,
Nhắc tượng chàng dựa cội trông hoa.
Nào là trời lặn bóng tà,
Đêm khuya chờ lụn canh gà thăm em.*

Chú thích:

Bắt đầu từ câu 877 đến câu 920, gồm 44 câu: Nhắc lại những kỷ niệm hồi 2 người mới quen biết, rồi yêu nhau và trở thành vợ chồng.

Cối: Là già. **Trời lặn bóng tà:** Mặt trời lặn, ánh sáng chéch xuống.

Chờ lụn canh gà: Chờ cho đêm tàn đến canh năm gà gáy, tức là chờ đến gần sáng. Lụn là tàn dần.

Câu 877: Kìa là 2 cây: Cây đào và cây lý, tàn cây đã già cối rồi, không còn sức phát triển.

881

*Kìa cụm liễu gió đêm xao xác,
Đám chim chiều tìm mát nghỉ ngơi.
Ấy là nơi thiếp trao lời,
Trăm năm khi hứa nửa đời buổi nay.*

Chú thích:

Xao xác: Tiếng lá cây va chạm vào nhau khi có gió. **Trăm năm khi hứa:** Khi hứa hẹn việc trăm năm, ý nói hứa hẹn kết thành chồng vợ suốt đời. **Nửa đời buổi nay:** Tới ngày nay là nửa đời người rồi, tức là được 50 tuổi.

885

*Kìa đầu rừng chòm mai đua nở,
Trước xem màu hớn hở như nay,
Cớ sao như ủ như vầy,
Hay là nhắc thiếp những ngày trao tơ.*

Chú thích:

Như ử như vầy: Như ử rử, như bị vầy vò héo hắt. **Trao tơ:** Trao cho chàng sợi tơ hồng để kết thành vợ chồng. Nguyệt Lão dùng sợi tơ hồng (*xích thằng*) để cột chặt đôi nam nữ thành vợ chồng.

889

*Kìa lũ én dật dờ cánh liệng,
Dựa chơn mây kêu tiếng nỉ non.
Cớ sao người cũng vẫn còn,
Chồng ta thân mất hình chôn có nào?*

Chú thích:

Dật dờ: Bay lơ lửng theo chiều gió. **Dựa chơn mây:** Ở gần cuối đám mây.

893

*Bầy hồng nhận lao xao vịnh liễu,
Đám cò ngà bận bịu gành khơi.
Là nơi lúc đứng khi ngồi,
Trông trăng hẹn biển, ngó trời thề non.*

Chú thích:

Vịnh liễu: Cái vịnh mà trên bờ có trồng nhiều cây liễu. Vịnh liễu để đối với Gành khơi. **Gành khơi:** Gành tức là ghềnh, chỗ có đá nổi ở giữa dòng nước khiến nước chảy xiết; khơi là ở ngoài xa. **Cò ngà:** Con cò có màu lông trắng như ngà. **Bận bịu:** Vương vấn không muốn rời. **Hẹn biển thề non:** Do thành ngữ chữ Hán: *Thệ hải minh sơn*, nghĩa là chỉ biển mà thề, chỉ núi mà nguyện. Ý nói dẫu cho biển cạn non mòn, tình yêu của đôi ta không thay đổi.

897

Kìa đường cũ bước mòn lãng tử,
Đám thú nhà dụ dụ bước chiều.
Ấy là nẻo thiệp đến kêu,
Chàng vào kéo trẻ quá chiều bữa cơm.

Chú thích:

Lãng tử: Người sống tự do, đi chơi đây đó không bị ràng buộc.
Đám thú nhà: Đám gia súc như trâu, bò,... **Dụ dụ bước chiều:** Bước đi ngập ngừng như chưa muốn trở về nhà vào buổi chiều.

901

Kìa bến nước dập dờn sóng dợn,
Chỗ đôi ta vui giỡn khi thơ.
Cũng cây, cũng bãi, cũng bờ,
Mà sao buổi ấy bây giờ khác nhau?

Chú thích:

Dập dờn sóng dợn: Sóng nước liên tục dờn vào bờ.
Hai câu 903-904: Cảnh vật không đổi thay nhưng tâm tình người thay đổi, nên có cảm tưởng như cảnh vật cũng thay đổi theo.

905

Kìa nhịp cầu bên đầu khe nhỏ,
Đồng chòm cây, Tây có triển bưng.
Ấy nơi đôi lứa gặp mừng,
Mà nay như nhắc mấy từng tương tư.

Chú thích:

Triển bưng: Triển là bờ dốc thoải xuống, bưng là vùng đồng lầy ngập nước có nhiều cỏ lác. **Mấy từng tương tư:** Ý nói người vợ thương nhớ chồng nhiều lắm, nhìn thấy có bao nhiêu nhịp cầu, có bao nhiêu chòm cây thì lòng tương tư cũng nhiều như thế.

909

Kìa chùa cũ nóc hư muốn sập,
Nơi đôi ta lén gặp gỡ nhau.
Cớ sao cảnh tịnh úa xào,
Hay là thấy thiệp mà sầu lẻ loi.

Chú thích:

Cảnh tịnh: Chỉ cảnh chùa. Tịnh là trong sạch, vì nơi tu hành thì phải thanh tịnh, tức là trong sạch. **Úa xào:** Héo úa như mất hết sự sống. **Sầu lẻ loi:** Buồn rầu vì chồng chết phải chịu cảnh lẻ loi trơ trọi một mình.

913

Bóng hải đường ta ngồi buổi nọ,
Bồng con thơ tìm ngõ nhà thầy.
Còn am tự, còn chùa mây,
Mà chàng đâu vắng, chốn này lặng trang.

Chú thích:

Bóng hải đường: Bóng mát của cây hải đường. Hải đường là loại cây có hoa màu đỏ tươi rất đẹp. **Am tự:** Am là cái chùa nhỏ, tự là cái chùa lớn. Am tự là chỉ chung các chùa thờ Phật. **Chùa mây:** Cái chùa cất trên sườn núi cao, nhìn lên thấy có mây bám trên nóc chùa. **Lặng trang:** Yên lặng hoàn toàn.

917

Kìa cuối xóm mấy hàng trước tử,
Nọ đầu làng chày lữ phơi sương.
Ấy là nơi thiệp đến thường,
Thăm chàng đang học nơi trường sân ngô.

Chú thích:

Trước tử: Cây trúc màu đỏ tía. **Chày lữ:** Phường chày, xóm nhà

làm nghề chài lưới. **Chày lữ phơi sương:** Người ở xóm chài đem lưới đánh cá ra phơi sương. Lữ là bạn cùng đi cùng ở với mình. **Sân ngô:** Cái sân có trồng cây ngô đồng. **Trường sân ngô:** Ngôi trường học mà sân trường có trồng nhiều cây ngô đồng, để tượng trưng rằng, trường nầy đào tạo ra nhiều người tài giỏi hiển đạt. **Điện tích:** Nhà họ Hàn có 8 anh em trai, đều học hành rất giỏi và thi đậu làm quan. Người đời có lời truyền tụng rằng “*Hàn thị Bát đồng*”, nghĩa là: Nhà họ Hàn có 8 cây ngô đồng.

921

*Kìa xóm rẫy năm mô lỗ xố,
Nơi đôi ta tảo mộ đập thanh.
Gò đầu phút nổi thành linh,
Nào dè chàng cũng đến giành một nơi.*

Chú thích:

Xóm rẫy: Xóm làm rẫy, trồng các loại hoa màu. **Năm mô lỗ xố:** Nhiều nấm mồ nhỏ lớn cao thấp không đều. Đây là nghĩa trang trong làng. **Tảo mộ:** Quét dọn mồ mả cho sạch sẽ, hoặc sửa sang sơn phết cho mới, cho đẹp. **Đập thanh:** Nghĩa đen là Đập lên cỏ xanh. Theo tục lệ thời xưa của Tàu, đến ngày lễ Thanh minh, khoảng giữa tháng 3 âm lịch, nơi các bãi cỏ xanh, người ta tổ chức các hội chợ đông vui. Các nam nữ thanh niên thường đến đó vui chơi.

Câu 923: Một cái gò đất mới phút chốc nổi lên thành linh, dè đầu đó là nấm mộ của chàng, chàng cũng đến giành ở đây một chỗ.

925

*Để thân thiệp mình ngòi hiu quạnh,
Còn thân chàng tuyết lạnh nắng nồng.
Đã đành bề gãy chữ đồng,
Chia đôi thiệp xóm chàng đồng không hay.*

Chú thích:

Tuyết lạnh nắng nóng: Tuyết làm cho lạnh lẽo, nắng làm cho nóng bức. **Bẻ gãy chữ đồng:** Đồng là cùng chung. Hễ là vợ chồng sống với nhau thì cái gì cũng đồng hết. Bẻ gãy chữ đồng là tình vợ chồng bị bẻ gãy, nghĩa là có một người chết. Thành ngữ này đồng nghĩa thành ngữ: *Gãy gánh giữa đường*.

Câu 928: Vợ chồng bị chia đôi, vợ ở trong xóm, còn chồng ở ngoài đồng, vì mộ của chàng ở ngoài đồng.

929

*Tiếng oan ương bên tai dan díu,
Gió đẩy đưa bờ liễu lao xao.
Lạ nghe lời vật thế nào,
Mà ra như tiếng chàng chào buổi xưa.*

Chú thích:

Oan ương: Còn gọi là uyên ương, con trống là uyên, con mái là ương, là một loài chim nhỏ, luôn luôn sống từng cặp, không bao giờ rời nhau. Tương truyền, khi một con chết thì con kia nhịn đói chết theo. Uyên ương chỉ đôi vợ chồng thương yêu gắn bó không rời nhau. **Dan díu:** Tiếng chim nhỏ kêu riu rít.

933

*Nhành dâu khuất, bóng đưa mờ mịch,
Cội tà dương như hết reo chiều.
Hương tàn, gió tối hiu hiu,
Đỏ chơn, hỏi nợ buổi chiều nghỉ đâu?*

Chú thích:

Nhành dâu khuất: Mặt trời đã khuất khỏi nhánh cây dâu, ý nói mặt trời chiều sắp lặn. **Mờ mịch:** Mờ mịt. **Cội tà dương:** Cội cây vào lúc mặt trời chiều. Cội là gốc cây, tà là xế chiều, dương là mặt trời. **Hết reo chiều:** Buổi chiều gió thổi làm lá cây chạm vào nhau phát ra tiếng vi vu hay xào xạc, giống như lá reo. Hết reo tức là không có gió thổi, trời lặng gió. **Hương tàn:** Buổi sáng thì hoa nở

tỏa hương thơm, buổi chiều tối thì hoa tàn hết thơm. **Hiu hiu:** Gió nhẹ. **Đỏ chơn:** Bước chơn dang dở, tức là đi được nửa chừng hay được nửa đường. **Hỏi nợ:** Ý nói hỏi người duyên nợ của mình, tức là hỏi người chồng.

937

*Ai sau gót giây lâu như nói,
Xin người thương tha lỗi khi xưa.
Giận đem đổi nhớ cũng vừa,
Trách mình nào có đổ thừa phụ duyên.*

Chú thích:

Ai sau gót: Ai đứng ở sau lưng. **Giây lâu:** Một hồi lâu. **Người thương:** Người yêu, ở đây chỉ người vợ. **Đổ lỗi:** Đổ lỗi cho người khác để trốn trách nhiệm. **Phụ duyên:** Phụ bạc duyên vợ chồng. **Câu 939:** Lấy sự giận hờn đổi thành sự nhớ thương thì cũng vừa lúc vì người chồng mới chết.

941

*Phải buổi trước đừng phiến đừng oán,
Để nguyên tình uống cạn chén tình.
Làm chi rẽ nợ ba sinh,
Mà nay phải chịu một mình riêng thương.*

Chú thích:

Rẽ: Chia rẽ. **Nợ ba sinh:** Duyên nợ tiền định, thể nguyên trong 3 kiếp sống phải gặp gỡ nhau.

Câu 942: Giữ nguyên vẹn tình thương yêu để hưởng trọn tình thương yêu của nhau như thuở đầu tiên mới cưới nhau, uống cạn chén rượu giao bôi hợp cẩn.

945

*Tội chàng trước tiêu đường tuyết giá,
Còn thiếp mang trọn cả lỗi chàng.
Lời phiến đổi lại tiếng than,*

Thương kia bao nả lại càng thêm thương.

Chú thích:

Tiêu đường tuyết giá: Tiêu tan hết như tuyết và nước đá khi gặp nóng. Giá là nước đá. **Lời phỉn:** Lời nói giận hờn trách móc. **Bao nả:** Có bao nhiêu.

949

*Đời vẫn ngủn huỳnh lương in giắc,
Kiếp phù sinh đặng thất nơi thân.
Còn thân sống chịu phong trần,
Dứt hơi dầu muốn trọn gần cũng xa.*

Chú thích:

Đời vẫn ngủn: Một đời người ngắn lắm.

Huỳnh lương in giắc: Giống in như một giắc mộng huỳnh lương.

Điển tích: Hón Chung Ly muốn độ Lữ Đồng Tân đi tu, nên đến huyện Hàn Đang gặp họ Lữ, nói rằng: Ta là Chung Ly Vân Phòng, tu ở núi Triều Hạc, ông có muốn đi chơi với ta không?

Lữ Đồng Tân có vẻ lưỡng lự vì còn muốn đi thi đậu Tiến Sĩ trở danh với đời. Chung Ly biết vậy, liền mời họ Lữ đến bên nồi bấp vàng (*huỳnh lương*) mà ông đang nấu, ngồi chơi, rồi đưa cho một cái gối bảo nằm nghỉ, còn mình vẫn tiếp tục đun nồi bấp vàng.

Lữ Đồng Tân kê đầu vào gối giầy lát thì chiêm bao, thấy mình đi thi, ngang qua nhà nọ, gặp người con gái tuyệt đẹp thì ướm lời. Nàng nọ nói rằng: *Nếu chàng thi đậu Trạng Nguyên thì thiếp nguyện nâng khăn sửa ống tay.* Đồng Tân vào khoa, thi đậu Trạng, về cưới nàng ấy, được vua bổ làm quan Giám Nghị. Đồng Tân lần lần được thăng quan tiến chức, sau 40 năm lên đến chức Tế Tướng, giàu sang tột bậc, con cháu đầy đàn, sau đó chẳng may bị gian thần hãm hại, vu oan giá họa. Vua truyền bắt tội, thâu hết quyền chức, tịch thâu gia sản đày ra núi Lãng Viễn, cực khổ vô cùng. Kế giết mình thức dậy, ngỡ ngàng tâm thần. Chung Ly cười lớn ngâm 2 câu thơ:

*Nồi bấp hầy còn ngòi,
Chiêm bao đà thấy cháu.*

Lữ đồng Tân lấy làm lạ hỏi rằng: *Thầy biết sự chiêm bao của tôi sao?*

Chiêm bao 50 năm, công việc cả muôn, thiệt không đầy một lát, đặng chẳng khá mừng, mất không nên thảm, hết vinh tới nhục là lẽ thường.

Lữ Đồng Tân nghe Hớn Chung Ly nói thế thì tỉnh ngộ, ngẫm nghĩ mà chán ngán cuộc đời, liền từ bỏ mộng công danh, cầu Hớn Chung Ly truyền đạo.

Do điển tích này, trong văn chương, người ta thường dùng các từ ngữ: Giác huỳnh lương, Giác kê vàng, Giác Hàn Đang, để chỉ giấc mộng của Lữ Đồng Tân, coi công danh phú quý của cuộc đời như là phù du mộng ảo.

Kiếp phù sinh: Kiếp sống của con người như cái bọt nổi trên mặt nước, rất mau tan vỡ và không có gì nhất định. Kiếp là một đời sống, phù là nổi, sinh là sống. **Sách xưa có câu:** “Kỳ sinh nhược phù hể, tử nhược hữu”, nghĩa là: Sống như là trôi nổi, chết như được nghỉ ngơi. **Đặng thất:** Được mất, hơn thua. **Phong trần:** Gió bụi, chỉ cảnh gian nan vất vả ở đời. **Dứt hơi:** Hết thở, chết. **Cũng xa:** Cũng phải xa cách nhau, vì người chết về Âm cảnh, kẻ sống ở lại cõi dương gian.

Câu 949: Cuộc đời của con người ngắn lẫn, công danh phú quý giống in như một giấc chiêm bao.

953

*Nếu thiếp trước biết hòa biết thuận,
Nhẫn ghen tương nhịn lẫn ân tình.
Chia thương ơn ấy đã đành,
Thứ thê chánh thiếp giựt giành chi duyên.*

Chú thích:

Nhẫn: Nhường nhịn. **Nhịn lẫn ân tình:** Nhường nhịn cả đến việc yêu đương ân ái với chồng. **Thứ thê chánh thiếp:** Vợ lớn vợ nhỏ, vợ chánh vợ thứ.

Câu 956: Vợ chánh, vợ thứ giành giựt nhau chi cái tình thương yêu của chồng.

957

*Giọt lệ thiếp vì phiền mà chảy,
Gấm thương người chia dải đồng tâm.
Ta than lỗi bạc cung cầm,
Nàng sầu lạc nạn ngư trâm biển mê.*

Chú thích:

Dải đồng tâm: Chỉ sự thương yêu gắn bó giữa vợ chồng. (Xem Chú thích câu 194). **Người chia dải đồng tâm:** Chỉ người vợ nhỏ của chồng, vì người này chia cái dải đồng tâm của người vợ chánh. **Lỗi bạc cung cầm:** Cung đàn lỗi nhịp, chỉ sự không hòa hợp giữa vợ chồng. **Nhạn lạc:** Con chim nạn lạc đàn, cô độc, lẻ loi. **Ngư trâm:** Con cá chìm xuống nước. **Biển mê:** Chỉ cõi trần, vì chúng sanh trong cõi trần đều mê muội, nên chịu nhiều phiền não, khổ đau.

Câu 960: Người vợ nhỏ thì buồn rầu vì thân nàng bây giờ như con nạn lạc đàn, như con cá chìm vào biển mê, biết bao giờ mới thoát khỏi biển mê cho hết đau khổ.

961

*Vãng mặt chàng thiếp về kiếm kẻ,
Chia tương tư đặng để nên tình.
Vì chàng thiếp kết bố kinh,
Giữ câu hải thệ sơn minh với nàng.*

Chú thích:

Bố kinh: Chỉ người vợ hiền cần kiệm. **Kết bố kinh:** Kết tình thương yêu với vợ nhỏ như tình chồng vợ. **Hải thệ sơn minh:** Thế non hẹn biển, chỉ núi mà thề, chỉ biển mà nguyện.

Hai câu 961-962: Chàng chết rồi, thiếp (vợ chánh) sẽ về kiếm

người vợ nhỏ của chàng để chia sẻ nỗi tương tư với nàng, đang tạo nên tình thương yêu tốt đẹp về sau.

Hai câu 963–964: Thiếp sẽ vì chàng mà chăm sóc nàng như chồng chăm sóc vợ, và giữ lời thề hẹn với nàng.

965

*Mãng sầu muộn ngổn ngang trăm mối,
Chùa thu không bóng tối mịt mờ.*

Oanh về tổ, đế reo tơ,

Đường về vắng bước như tờ canh khuya.

Chú thích:

Mãng: Mãi miết. **Sầu muộn:** Buồn rầu. **Ngổn ngang trăm mối:** Ý nói lòng bối rối lo âu chưa biết cách xử trí. **Thu không:** Thu là bắt lấy, không là không có gì. Ngày xưa dân chúng sống trong thành, mỗi khi trời sắp tối, quân lính đi tuần tra xem xét coi có kẻ gian vào thành ẩn núp không. Nếu không có thì đánh chiêng hay đánh trống làm hiệu. Đó là tiếng chiêng hay tiếng trống thu không. Thu không là chỉ trời sắp tối. **Chùa thu không:** Cảnh chùa lúc chiều tối. **Đế reo tơ:** Hai cánh đế chạm vào nhau rung lên phát ra tiếng kêu như tiếng nhạc phát ra từ dây đàn. Tơ là dây đàn. **Vắng như tờ:** Hoàn toàn vắng vẻ yên lặng.

969

Tiếng U Minh tía lia gọi thăm,

Giọng kinh khua cửa Phạm đập dồn.

Câu kinh tiếng kệ gọi hồn,

Kêu thương khách tục, giải lòng người nhân.

Chú thích:

Tiếng U Minh: Tiếng chuông U Minh phát ra từ gác chuông chùa. Tiếng chuông U Minh có hiệu lực truyền xuống cõi U Minh, cõi của người chết, để làm thức tỉnh các tội hồn, sớm giác ngộ, nhận thức thiện ác, chánh tà, mà ăn năn sám hối tội tình, cầu nguyện

Đúc Chí Tôn tha thứ và cứu rỗi. **Tía lia:** Lia lia liên tiếp không dứt. **Gọi thăm:** Khêu gọi sự sâu thăm.

Giọng kinh khua: Tiếng chuông vang lên.

Trong sách Hậu Hán thư, lời chú trong bài ký của Ban Cố có chép: Kinh là loại cá kinh rất lớn ở ngoài biển, và ở gần bờ biển có con thú gọi là Bồ lao. Con Bồ lao rất sợ cá kinh. Mỗi lần cá kinh lội vào bờ để đánh Bồ lao thì Bồ lao kêu vang lên. Người xưa muốn cho chuông kêu to, thì khắc hình con cá kinh lên cái chày dựng chuông, và đúc hình con Bồ lao trên chóp chuông. Khi chày kinh dựng vào chuông Bồ lao thì chuông kêu to lên. Đó là cách trang trí chuông và chày dựng chuông mà có sự tích hay.

*Thoảng bên tai một tiếng chày kinh,
Khách tang hải giục mình trong giấc mộng.*

(Thơ của Chu Mạnh Trinh)

Cửa Phạm: Do chữ Phạm môn, Phạm là Phật, môn là cửa, Phạm môn là cửa Phật, ý nói cửa chùa. **Kinh kệ:** Các bài kinh và các bài kệ dùng để tụng đọc trong tôn giáo. Bài văn dài để tụng gọi là Kinh, bài thơ ngắn để ngâm gọi là Kệ. **Câu kinh tiếng kệ:** Tiếng tụng kinh trong giờ công phu và tiếng kệ chuông lúc khởi đầu hay chấm dứt một thời công phu. **Gọi hôn:** Kêu gọi các chơn hồn mau thức tỉnh. **Kêu thương:** Kêu gọi thương yêu nhau. **Khách tục:** Khách trần. Tục là tầm thường thấp kém, chỉ cõi trần. Khách tục là chỉ nhưn loại sống nơi cõi trần. Gọi là khách bởi vì cõi trần là cõi tạm, cõi chơn thật của con người là cõi Thiêng liêng Hằng sống. Con người đến cõi trần sống tạm một thời gian nhiều lắm là trăm năm để học hỏi và tiến hóa, xong rồi thì bỏ xác phàm, linh hồn trở về cõi thiêng liêng. **Kêu thương khách tục:** Kêu gọi con người nơi cõi trần hãy thương yêu nhau. **Giải lòng:** Cởi bỏ lòng trần, tức là cởi bỏ lòng mê luyến cõi trần, lo việc tu hành để trở về cõi thiêng liêng. **Người nhân:** Người có lòng nhân đức thương người.

973

Rốn để bước đến gần điện Thánh,
Nhìn tượng thờ lại ngành thân mình.
Sao đó hiển, sao đó linh,
Phải chăng trước cũng lụy tình như ta?

Chú thích:

Rốn: Rán kéo dài thêm. **Điện Thánh:** Chánh Điện thờ Phật.
Ngành: Nhìn trở lại. **Hiển linh:** Thiêng liêng huyền diệu, có thể hiện ra thấy được. **Lụy tình:** Bị đau khổ vì tình yêu.

977

Đau đớn thế nắn ra tượng Phật,
Lánh khổ nên vự tất cửa không.
Biết chẳng cái thâm mất chông,
Xin cho thiếp dựa nơi lòng từ bi.

Chú thích:

Nắn ra tượng Phật: Dùng hỗn hợp mềm và nhão như thạch cao hay xi măng để nắn thành tượng Phật, như tượng Đức Phật Thích Ca, tượng Đức Quan Âm Bồ Tát, vv... **Vự tất:** Chuyên lo có một việc. **Cửa không:** Chữ Hán là Không môn, chỉ cửa Phật. Không là trống không, không có gì cả. Giáo lý của Phật đều cho rằng tất cả mọi vật đều gốc ở không mà sanh ra, rồi cuối cùng thì trở về không: *không tức thị sắc, sắc tức thị không*. Khi nói đến Sắc Không là nói đến giáo lý nhà Phật. **Từ bi:** Từ là lòng thương tưởng lo lắng giúp ích chúng sanh, làm chúng sanh an ổn vui vẻ. Bi là lòng trắc ẩn thương cảm các cảnh khổ não của chúng sanh, lúc nào cũng muốn cứu vớt chúng sanh ra khỏi phiền não và tai họa. Từ bi là hạnh của Phật. Đức Từ bi là Đức Phật.

Hai câu 977–978: Có đau đớn khổ sở mới nghĩ đến Phật, mới nhớ đến cửa chùa, vì Đức Phật giáng sinh lập ra Phật giáo là để giải khổ cho chúng sanh.

981

*Hay sợ khổ sanh ly tử biệt,
Nên tìm phương dứt tuyệt nợ đời.
Biết chẳng tình ái của người,
Xin cho thiệp hiểu ít lời chơn ngôn.*

Chú thích:

Sanh ly tử biệt: Sống mà chịu cảnh chia lìa, chết thì biệt ly. Đó là 2 cảnh khổ trong nhiều cái khổ của con người. **Dứt tuyệt:** Cắt đứt hẳn. Tuyệt là dứt hẳn. **Nợ đời:** Các món nợ mà mình phải mang khi làm người sống trong cõi đời. Muốn tìm phương dứt tuyệt nợ đời thì phải tu hành để thành bậc Tiên, Phật, không bị luân hồi xuống cõi đời này nữa. **Tình ái:** Tình yêu giữa nam và nữ. **Chơn ngôn:** Lời nói chơn thật phổ diễn được chơn lý.

985

*Hay đã sợ thân mòn gối mỏi,
Mến ngày xuân mà tuổi không chờ.
Linh đình bể khổ dật dờ,
Xin cho thiệp gỡi thân nhờ cửa không.*

Chú thích:

Thân mòn gối mỏi: Chỉ lúc tuổi già. **Ngày xuân:** Ngày còn trẻ tuổi. **Linh đình:** Lệnh đèn trên mặt nước vô định. **Dật dờ:** Lờ dờ trôi theo dòng nước. **Bể khổ:** Người sống nơi cõi trần phải chịu nhiều nỗi đau khổ phiền não. Đức Phật nói rằng, con người có Tứ Khổ: Sinh, Lão, Bệnh, Tử. Nước mắt của chúng sanh nhiều hơn nước bốn biển. Đó là những cái khổ về thể xác, còn những cái khổ về tinh thần, nhiều không biết bao nhiêu mà kể. Do đó, cõi trần là bể khổ, con người đang lặn ngụp trong bể khổ ấy.

Bể thăm mênh mông sóng lụt trời,
Khách trần chèo một lá tuyến chơi.
Thuyền ai ngược gió ai xuôi gió,
Coi lại cùng trong bể thăm thôi.

(Đoàn như Khuê)

989

Hay đã sợ nắng nóng tuyết lạnh,
Cảnh đau thương khó lánh thân phàm.
Thuyền tình chịu sóng không kham,
Xin cho phận thiếp biến làm ni cô.

Chú thích:

Nắng nóng tuyết lạnh: Nắng thì nóng, tuyết thì lạnh. Ý nói những nỗi khổ cực vất vả ở đời. **Thân phàm:** Xác thân của con người nơi cõi phàm trần, do cha mẹ phàm trần sanh ra và nuôi dưỡng bằng vật chất nơi cõi trần mà lớn lên. **Thuyền tình:** Chiếc thuyền chở tình yêu nam nữ, ở đây chỉ người vợ đang mang nặng tình yêu thương chồng. **Chịu sóng không kham:** Chịu không nổi các cơn sóng gió. **Ni cô:** Ni là người phụ nữ qui y theo Phật và xuất gia vào chùa tu hành. Cô là tiếng gọi người phụ nữ có chức phận và chùa già. Ni cô là Nữ tu sĩ Phật giáo.

993

Buồn tình lóng nam-mô câu tụng,
Nhìn tượng cây rôi khủng cho thân.
Thân còn nương giữa phong trần,
Khổ kia còn đếm mấy lần mới thôi.

Chú thích:

Buồn tình: Buồn vì ở trong tình trạng không biết làm gì. **Lóng:** Lảng tay nghe. **Câu tụng:** Câu kinh để tụng. **Nam-mô:** do phiên âm từ tiếng Phạn: Namah, có nghĩa là qui y, qui mạng, chí tâm

hướng, tức là quyết chí vâng theo lời Phật dạy một cách cung kính và nguyện hiến trọn đời mình cho Đạo pháp. Tiếng Nam-mô sau này trở thành tiếng khởi đầu cho một câu cầu nguyện. **Tượng cây:** Tượng Phật tạc bằng gỗ. **Khủng cho thân:** Sợ hãi cho tẩm thân của mình. **Phong trần:** Gió bụi, chỉ những nỗi khó khăn vất vả.

997

*Rón rén trước Phật ngồi cúi gập,
 Mấy lạy trình mấy nấc tương tư.
 Mảnh thân xin gởi bấy chừ,
 Nường theo thuyền huệ vào bờ Tương giang.*

Chú thích:

Rón rén: Đi khép nép nhẹ nhàng, sợ gây ra tiếng động làm mất vẻ tôn kính trang nghiêm. **Cúi gập:** Cúi lạy xuống và gập đầu. Lạy Phật thì lạy 3 lạy, mỗi lạy 3 gập, mỗi gập niệm danh hiệu của Phật. **Mấy nấc tương tư:** Đồng nghĩa: Mấy từng tương tư, ý nói lòng nhớ thương chông nhiều lắm. (Xem Chú thích câu 908). **Mảnh thân:** Tẩm thân. **Bấy chừ:** Bấy giờ. **Thuyền huệ:** Huệ cũng đọc Tuệ, là sự sáng suốt thông hiểu rất ráo đạo lý. Thuyền huệ là chiếc Thuyền trí huệ, tức là Thuyền Bát Nhã, vì Bát Nhã, là phiên âm từ tiếng Phạn “Prajñā” có nghĩa là Trí huệ. Trí là sự hiểu biết thấu đáo. Thuyền Bát Nhã là lời Phật nói ví dụ: Cõi trần là biển khổ sông mê, muốn đến Cực Lạc Thế giới thì phải vượt qua sông mê bể khổ. Muốn qua sông mê bể khổ thì phải dùng Thuyền Bát Nhã. Bên này bể khổ là Bến mê (Mê tân), bên kia biển khổ là Bờ giác (Giác ngạn). Thuyền Bát Nhã đưa người tu từ bến mê sang bờ giác, đắc đạo thành Tiên Phật. **Nường theo thuyền huệ:** Dựa vào cái trí huệ để phân biệt thiện ác chánh tà mà giác ngộ. Giác ngộ thì hết khổ, dứt luân hồi, đắc thành Tiên Phật. Muốn có trí huệ thì phải “Tu”. **Tương giang:** Sông Tương, đây là con sông đầu khổ chia cắt tình yêu, tượng trưng biển khổ. (Xem Chú thích câu 598). **Bờ Tương giang:** Ý nói bờ bên kia (Bỉ ngạn) của biển khổ, đó là bờ giác ngộ, thoát khổ, bờ của người đắc đạo.

Câu 1000: Tu hành để có được trí huệ thì đắc đạo.

1001

*Lui chân kiếm con đường nhà nội,
Lửa đốt nhen dẫn lối thăm trang.
Mắt xem cái cảnh điều tàn,
Lòng thương dường đổ đầy tràn khắp nơi.*

Chú thích:

Nhà nội: Nhà ở đồng nội. Nội là cánh đồng. **Lửa đốt nhen:** Nhúm lửa đốt đước lên hay đốt đèn lên để thấy đường đi về nhà lúc đêm tối. **Thăm trang:** Nhà đang có việc sầu thảm, ý nói nhà mới có tang. Trang là nhà có vườn cây bao quanh ở vùng quê.

Điều tàn: Xác xơ tàn tạ. **Đầy tràn:** Đầy đầy tràn trề.

Câu 1004: Lòng thương nhớ chồng nhiều lắm, dường như đổ xuống đầy tràn khắp nơi trên cảnh vật.

1005

*Tiếng dế giống như lời chia thảm,
Ngọn đèn khuya nhấp nhoáng mùi thương.
Thương vì trong kiếp đoạn trường,
Cùng căn là chết ấy đường xưa nay.*

Chú thích:

Nhấp nhoáng: Chập chờn khi mờ khi tỏ. **Mùi thương:** Mùi thương nhớ. **Kiếp đoạn trường:** Kiếp sống bạc mệnh của kẻ hồng nhan trong tình trường, phải chịu nhiều nỗi gian truân vất vả, đau đớn ê chề. **Cùng căn:** Cùng là hết, Căn là cái gốc rễ nơi kiếp trước, nó chính là cái nghiệp, định đoạt số phận trong kiếp sống hiện tại này. Cùng căn là cái số phận đến lúc chấm dứt.

Hai câu 1007–1008: Thương chồng vì người vợ ở trong kiếp sống đoạn trường. Số phận đến lúc tận cùng thì chết, con đường xưa nay đều trải qua y như thế.

1009

*Một ngày sống là bày bước chết,
Sợ chết nên không tiếc sống thừa.
Đời không mến, thế không ưa,
Lòng thương nẩy nở cho vừa tốt tươi.*

Chú thích:

Sống thừa: Chữ Hán là Dư sanh hay Hư sanh, nghĩa là sống mà không làm được điều gì hữu ích hay có ý nghĩa. Ở đây, sống thừa là đời sống lúc tuổi già, không làm được việc gì mà còn phải trông cậy vào con cháu nuôi dưỡng.

Câu 1009: Sống được một ngày là đi gần đến mức chết một ngày.

Câu 1010: Biết rằng sống thừa là vô ích cho xã hội, nhưng vì sợ chết nên không hối tiếc khi phải sống thừa.

Câu 101: Đời không mến, đời cũng không ưa kẻ sống thừa.

Câu 1012: Nhờ tình thương nẩy nở trong gia đình mà người già sống đầy đủ tốt tươi.

1013

*Vì sợ chết mà người kiếm sống,
Trong căn oan lại mộng tâm duyên.
Già hay sợ, thế nên hiền,
Khuyến đau giải thảm cõi phiên của ai?*

Chú thích:

Căn oan: Căn là gốc rễ có từ kiếp trước, oan là mối dây oan nghiệt. Căn oan là mối dây oan nghiệt có gốc rễ từ kiếp trước, nên kiếp này phải đền trả. Duyên vợ chồng cũng do oan trái mà tìm đến nhau để trả nợ, cho nên mới nói rằng: Con là nợ, vợ là oan gia; Tu là cội phúc, tình là dây oan. **Mộng:** Mơ ước. **Tâm duyên:** Tìm kiếm duyên vợ chồng. **Giải thảm cõi phiên:** Cởi bỏ những nỗi phiền não buồn rầu. **Của ai?:** Của mình, của vợ nhỏ, hay của cả hai?

Câu 1015: Già thì nhát, vì thấy biết nhiều và đã trải qua nhiều nỗi nguy hiểm, nhờ vậy mà người già sống hiền từ và ôn hòa.

1017

*Một vật nhỏ cũng mài cũng gọt,
Của dầu hèn cũng mót cũng cần.
Giá kia nào kể nên chăng,
Tay chân chàng để cũng bằng báu châu.*

Chú thích:

Cũng mót cũng cần: Cũng lo nhặt nhạnh từng chút, ky cốp từng tý, để dành sau này có việc cần dùng.

Bốn câu 1017 đến 1020: Những dấu tích của chồng để lại, dù không có giá trị gì, nhưng người vợ rất trân trọng và xem chúng rất quý báu.

1021

*Thấy ai thăm lòng đau ái ngại,
Nghe kẻ sầu như cháy lòng thương.
Lau giọt lệ, giải tai ương,
Chia cơm nhịn muối đỡ đường khó khăn.*

Chú thích:

Như cháy lòng thương: Lòng thương đau xót như bị đốt cháy, nóng nảy muốn đi cứu giúp ngay. **Lau giọt lệ:** Ý nói dỗ dành cho bớt sầu khổ. **Giải tai ương:** Cởi bỏ những tai họa đã mắc phải. **Chia cơm nhịn muối:** Chia sớt từng miếng cơm, từng hột muối, ý nói hết lòng giúp đỡ nhau.

1025

*Thấy ai thăm lòng vàng xót xáy,
Nghe kẻ sầu như cháy tâm can.
Lau giọt thăm, giúp tai nản,*

Nâng hình quân tử với hàng lụy chung.

Chú thích:

Lòng vàng: Tấm lòng tốt quý báu. **Xót xáy:** Đau rát trong lòng làm cho đứng ngồi không yên. **Như cháy tâm can:** Lòng dạ nóng nảy như bị đốt cháy.

Câu 1028: Nâng tấm hình của chồng đặt lên bàn thờ, hai người vợ cùng khóc.

1029

*Khi ghen ghét không cùng hiệp mặt,
Nay thấy nhau mà bất động tình.
Hơn chi giành én giựt anh,
Thước cừ khuất bóng dựa cành chung nhau.*

Chú thích:

Động tình: Khởi động tình cảm thương xót. **Giành én giựt anh:** Ý nói sự tranh đua giành giật tình cảm để lấy phần hơn về mình.

Thước cừ: Chim thước và chim cừ. Kinh Thi có câu: *Duy thước hữu sào, cừ cư chi.* Nghĩa là: Con chim thước có tổ, con chim cừ đến ở. Ý nói con chim cừ không biết làm tổ, chờ con chim thước làm tổ xong thì đến ở nhờ. Chim thước ví người vợ lớn, chim cừ ví người vợ bé. Vợ lớn xây dựng gia đình sẵn thì vợ bé vào ở. **Khuất bóng:** Mặt trời lặn, tối. **Dựa cành chung nhau:** Sống chung và nương tựa nhau.

1033

*Xem nét thảm, nàng đau như thiếp,
Trông tình chung mòn kiếp hồng nhan.
Phăng tâm dòm mảnh đoạn tràng,
Thì trong mấy khúc của nàng như ta.*

Chú thích:

Trông tình chung: Nhìn vào cái tình cảm chung thủy của nàng.

Mòn kiếp hồng nhan: Ý nói: Người vợ nhỏ của chồng, nhan sắc cũng đã phai tàn. **Phăng:** Dò xét lần lần để tìm manh mối. **Phăng tâm:** Dò xét lòng dạ của nàng. **Mảnh đoan trang:** Tấm lòng đau đốn dữ dội như ruột bị cắt ra từng khúc, từng mảnh.

Câu 1036: Trước cảnh chồng chết, ta (vợ chánh) và nàng (vợ thứ) đều đau đốn như nhau.

1037

*Sầu đã cháy mặt hoa ủ dột,
Thảm đã tràn hình cốt héo don.
Xuân mai ba bảy đã mòn,
Cội thu thêm nảy mấy hoàn anh nhi.*

Chú thích:

Mặt hoa: Gương mặt của người phụ nữ. **Ủ dột:** Buồn bã héo úa. **Hình cốt:** Hình hài xương cốt. **Héo don:** Héo úa như mất hết sự sống. **Xuân mai ba bảy:** Cây mai mùa xuân có quả mai rụng hết 7 phần còn 3 phần. Ý nói người phụ nữ đã quá tuổi xuân rồi, nhưng chưa già lắm. Kinh Thi, bài thơ Phiếu Mai (Mai rụng): “Phiếu hữu mai, kỳ thực thất hê,..., kỳ thực tam hê.” (Quả mai rụng, 10 phần quả còn 7, 10 phần quả còn 3.). **Cội thu:** Chỉ người phụ nữ đã luống tuổi, đồng nghĩa với: Phòng thu, Rèm thu. **Hoàn:** Viên tròn. **Mấy hoàn anh nhi:** Mấy đứa con còn bé nhỏ. **Anh nhi:** Anh là đứa bé mới lọt lòng mẹ, nhi là đứa con. Anh nhi là đứa con nhỏ bé.

1041

*Tay bông con, tay thì diu trẻ,
Cảnh gia đình quạnh quẽ không ai.
Hương thê để trước vị bài,
Châm đề thấy rõ những ngày biệt phu.*

Chú thích:

Hương thê: Cây nhang đốt lên để van vái Trời Phật thể nguyện hai người thương yêu và sống với nhau trọn đời. **Vị bài:** Bài vị,

tấm thẻ bằng giấy ghi tên họ người chết, năm sanh, chức phận và ngày chết, đặt lên bàn để thờ. **Châm đèn:** Châm đèn cho sáng để thấy rõ những chữ đề trên bài vị. **Biệt phu:** Xa cách chồng.

1045

*Cặp liễn tang còn câu long ám,
Hạc qui hồi lãnh đạm trần ai.
Quả như chàng có chốn này,
Tưởng khi đổ lụy châu mày với duyên.*

Chú thích:

Cặp liễn tang: Hai câu đối đặt 2 bên bàn thờ người chết. **Long:** Rồng. **Ám:** Che. **Hạc:** Chim Hạc. **Qui:** Trở lại. **Hồi:** Trở về. **Lãnh đạm:** Lạnh nhạt. **Trần ai:** Chỉ cõi trần. **Châu mày:** Nhíu cặp chun mày lại, chỉ sự đau buồn hay nghĩ ngợi. **Hồi đơn thử:** Hồi dò thử cho biết.

Hai câu 1045-1046: Nhằm vào 2 câu thơ cổ, cũng là 2 câu trong Bài thài hiến lễ hàng vong thường trong tang lễ.

*Vân ám đỉnh hồ, long khứ viễn.
Nguyệt minh hoa biểu, hạc qui trì.*

Nghĩa là:

*Mây che đỉnh hồ, rồng đi xa,
Trăng soi trụ hoa, hạc trở lại muện.*

Ý nói người chết, linh hồn cõi rồng hay cõi hạc bay lên cõi Tiên. **Đỉnh hồ:** Vua Huỳnh Đế, đúc cái đỉnh có hình cái bầu, ở núi Kinh sơn, đỉnh đúc xong thì vua cõi rồng lên cõi Tiên. Đời sau dùng chữ Đỉnh hồ để chỉ vua chết. **Hoa biểu:** Cột trụ đá trên đầu có làm hình búp sen dùng đặt quanh lăng mộ.

1049

*Hồi đơn thử lời nguyên buổi trước,
Gẫm thân nàng bạc phước như ta.
Oán hình liễu, ghét mày hoa,*

Kiếp tu mỏng mảnh mới là nữ nhi.

Chú thích:

Câu 1051: Oán ghét cái thân phận của người phụ nữ.

Câu 1052: Theo giáo lý Phật giáo, người nào có công tu thì kiếp sau đầu thai làm đàn ông con trai, còn nếu không tu hay tu ít thì kiếp sau làm đàn bà con gái.

1053

*Giọt lụy đổ không chi ngăn nổi,
Thương thân nàng chung với thân mình.
Thương chàng đầy dẫy mộng mênh,
Khối thương khó lấy gáo tình đem đong.*

Chú thích:

Khối thương: Tình thương chồng rất nhiều, có thể tụ lại thành một khối, giống như khối tình. **Gáo tình:** Cái gáo tình cảm để múc khối nước tình cảm mà đong coi nhiều hay ít.

1057

*Đôi mặt cách mà lòng vẫn một,
Khác tông môn hài cốt hòa chung.
Thề nhau trọn kết dải đồng,
Cám ơn chàng giúp mặn nồng nghĩa nhân.*

Chú thích:

Đôi mặt cách: Hai gương mặt khác nhau, chỉ 2 người vợ. **Khác tông môn:** Khác dòng họ, không bà con thân thích. **Hài cốt:** Hình hài xương cốt, ý nói thể xác con người. **Dải đồng:** Chỉ sự thương yêu khắn khít giữa vợ chồng. (Xem lại Chú thích câu 194).

Câu 1059: Vợ lớn cùng vợ nhỏ thề nguyện kết dải đồng tâm, tức là thề nguyện thương yêu nhau suốt đời.

1061

*Chia gia nghiệp trong cơn khốn khó,
Hiệp đôi nhà con nhỏ làm chung.
Nầy là vện giống trọn dòng,
Nàng sanh thiệp dưỡng cũng đồng như nhau.*

Chú thích:

Gia nghiệp: Sản nghiệp của một gia đình, tức là toàn bộ của cải, nhà cửa, ruộng vườn của gia đình.

Qua mấy câu thơ này, chúng ta thấy được tấm lòng thương yêu quảng đại và cao cả của người vợ lớn. Mọi hờn ghen không còn nữa, bây giờ chỉ có tình thương mà thôi.

1065

*Lập gia thất làm giàu con trẻ,
Định lúa đôi đủ thế cùng đời.
Nàng thì an phận an nơi,
Con thì đáng mặt đáng người với ai.*

Chú thích:

Lập gia thất: Dựng vợ gả chồng cho con cái. (Xem Chú thích câu 356). **Định lúa đôi:** Đồng nghĩa: Lập gia thất.

1069

*Khi thông thả đặt bài trẻ học,
Lấy gương già gợi chọe sắp con.
Nhìn non chỉ nước làm hơn,
Mượn bầu tuế nguyệt giải hờn căn sanh.*

Chú thích:

Tuế nguyệt: Năm tháng, chỉ thời gian. **Căn sanh:** Cái gốc rễ của kiếp sống. Đó là những việc làm thiện ác của kiếp trước, tạo thành cái nghiệp ảnh hưởng lên kiếp này, làm cho kiếp này hạnh phúc

hay đau khổ, giàu sang hay nghèo hèn. Căn sanh là cái số phận của mỗi người.

Hai câu 1071–1072: Ngắm cảnh vật núi non sông nước là điều hay hơn hết để phôi pha lòng sầu muộn, mượn dòng thời gian để cõi bỏ sự hờn giận cái số phận không may.

1073

*Cỏ huyền cắm kên kên đầu tuyết,
Con gậy lê mòn khuyết nửa cây.
Mắt mờ thêm nổi lảng tai,
Thất tuần đã quá từ ngày ấu xuân.*

Chú thích:

Cỏ huyền: Chỉ người mẹ. **Cắm kên kên:** Cắm lên mà không vững. **Đầu tuyết:** Đầu bạc trắng như tuyết. **Lảng tai:** Lỗ tai không còn nghe rõ vì tuổi già. **Thất tuần đã quá:** Đã hơn 70 tuổi. **Ấu xuân:** Bé nhỏ non nớt.

Câu 1074: Kéo lê cây gậy đi làm nó mòn, khuyết vào hết nửa cây. Ý nói tuổi già sống dai.

1077

*Dò đơn hỏi bước rừng thiền cũ,
Rằng Phật còn ngụ ở Lôi Âm.
Tín niên rồi lại tử thâm,
Con đường Cực Lạc biết tầm sao ra.*

Chú thích:

Dò đơn hỏi: Dò hỏi thăm chừng. **Rừng thiền:** Chũ Hán là Thiền lâm. Thiền là yên lặng suy tưởng. Thiền là pháp môn trọng yếu của Phật giáo, tu đốn ngộ, tạo thành một tông phái đặc biệt gọi là Thiền Tông. Các nhà sư tu Thiền thường đi vào rừng, tìm chỗ thanh vắng mát mẻ dựng Thiền đình, nên Rừng Thiền là chỉ cảnh chùa, nơi tu hành. **Ngụ:** Cư ngụ. **Lôi Âm:** Lôi Âm Tự, chùa Lôi Âm. Đây là ngôi chùa rất lớn ở tại kinh đô của cõi Cực Lạc Thế

giới, là nơi ngụ của Đức Phật Thích Ca và Đức Phật A-Di-Đà.
Tính niên: Tính năm. **Con đường Cự Lạc:** Con đường tu hành
đặng đắc đạo lên cõi Cự Lạc Thế giới.

Hai câu 1079–1080: Tính tuổi rồi lại tui thâm, vì đã già hơn 70
tuổi mà mới bắt đầu đi tìm con đường tu hành. **Tui thâm vì nghĩ
đến 2 câu thơ của Đức Phật Thích Ca:**

*Mạc đãi lão lai phương học đạo,
Cô phần tận thị thiếu niên hơn.*

Nghĩa là:

Đừng chờ đến lúc già mới lo học Đạo,
Những năm mờ hoang thấy rõ là những kẻ trẻ tuổi.

1081

*Nhãng vợ vẫn vào ra bến khổ,
Trước mặt xem những chỗ sấu than.
Đây là hình ảnh của chàng,
Đây là tiếng khóc của đàn trẻ con.*

Chú thích:

Nhãng: Những, cứ. **Vợ vẫn:** Ở trạng thái lơ lơ lửng lửng, không
biết làm gì. **Bến khổ:** Chỉ bến khổ, cõi trần.

1085

*Này là chỗ thiệp còn niên thiếu,
Này là nơi chàng níu thiệp trì.
Này là buổi hiệp hồi ly,
Này là khi khóc khi thì cười mơn.*

Chú thích:

Niên thiếu: Ít tuổi, chỉ tuổi trẻ. **Níu trì:** Níu kéo và ghì lại. **Buổi
hiệp hồi ly:** Lúc sum họp, lúc chia ly. **Cười mơn:** Cười nịnh, cười
để lấy lòng.

1089

Nầy là chỗ lời hơn tiếng thiệt,
 Nầy là nơi cách biệt sanh ly.
 Nầy là chỗ thiếp chẳng vì,
 Nầy nơi chàng giận ra đi bỏ nhà.

Chú thích:

Lời hơn tiếng thiệt: Cãi cọ với nhau để giành phần thắng về mình, không ai chịu thua ai. **Cách biệt sanh ly:** Sống mà xa cách chia lìa nhau. **Thiếp chẳng vì:** Thiếp không vì nể chàng.

1093

Nầy là chỗ đôi ta tái hiệp,
 Nầy là nơi vừa kịp hòa vui.
 Nầy là chỗ thiếp đương ngồi,
 Tin nghe chàng đã qui hồi Tiên bang.

Chú thích:

Tái hiệp: Sum họp trở lại sau những ngày chia ly. **Vừa kịp hòa vui:** Vừa kịp lúc hòa thuận vui vẻ với nhau. **Qui hồi:** Qui là trở về, hồi là trở về. Qui hồi là trở về. **Tiên bang:** Cõi Tiên. Bang là một nước, một cõi.

Câu 1096: Nghe tin chàng đã trở về cõi Tiên. Trở về cõi Tiên tức là chết, linh hồn xuất ra khỏi thể xác, bay trở về cõi Tiên.

1097

Các chỗ ấy đầy tràn thảm tín,
 Càng ở gần khó nhín sầu than.
 Cam tâm nín nấp gia đàn,
 Vì con chưa giữ vững vàng qui mô.

Chú thích:

Thảm tín: Tin buồn. Tín là tin tức, thảm là buồn. **Khó nhín sầu**

than: Khó bớt buồn rầu. Nhín là bớt lại. **Cam tâm:** Đành lòng, cam lòng chịu vậy. **Nín nảm:** Nén lòng chờ đợi. **Gia đình:** Gia đình nhà cửa. **Qui mô:** Phép tắc và khuôn mẫu phải theo. Qui là cây thước tròn của thợ mộc. Mô là cái khuôn.

1101

*Nay tuyết đóng song hồ động lãnh,
Đành cửa không gởi mảnh tâm hồn.
Tiếng chuông thức giấc huỳnh lương,
Toan nương thuyền huệ vào đường vĩnh sanh.*

Chú thích:

Song hồ: Cửa sổ phất bằng giấy hồ. Song là cửa sổ. **Động lãnh:** Động là hang núi, lãnh là cái núi. **Cửa không:** Cửa chùa. (Xem *Chú thích câu 978*). **Giác huỳnh lương:** Ý nói xem công danh phú quý của cuộc đời như là một giấc mộng. (Xem *Điển tích câu 949*). **Thuyền huệ:** Thuyền Bát Nhã. (Xem *Chú thích câu 1000*). **Đường Vĩnh sanh:** Con đường hằng sống, tức là đắc đạo, sống hạnh phúc mãi nơi cõi Tiên. Vĩnh sanh là hằng sống.

Câu 1101: Nay thì tới mùa đông, trời rất lạnh nên có tuyết đóng ở cửa sổ, và trên núi. Gợi ý muốn nói rằng lòng lạnh lẽo, không còn muốn đua chen danh lợi.

Câu 1102: Đành vào chùa tu hành.

Câu 1103: Tiếng chuông chùa làm thức tỉnh giấc mộng huỳnh lương.

1105

*Bước cảnh tịnh đã đành để vắng,
Tóc qui y nửa trắng nửa vàng.
Phồn hoa xa mã rộn ràng,
Vinh vinh nhục nhục đầy tràn kiếp căn.*

Chú thích:

Cảnh tịnh: Cảnh chùa, ngôi chùa. Tịnh là trong sạch, nơi tu hành thì phải thanh tịnh, trong sạch. **Qui y:** Qui là trở về, y là nương

theo, dựa vào. Nói đầy đủ là Qui y Tam bảo: Qui y Phật, qui y Pháp, qui y Tăng. Qui y Tam bảo là trở về nương theo Phật, Pháp, Tăng. **Tóc qui y:** Người lập nguyện qui y vào cửa Phật thì phải thí phát, tức là cạo tóc cho thành đầu trọc. Tóc qui y là tóc cạo ra trong buổi lễ qui y. **Phôn hoa:** Nơi dân cư đông đảo đua chen danh lợi. **Xa mã rộn ràng:** Xe ngựa nhộn nhịp. **Kiếp căn:** Đồng nghĩa với Căn sinh (trong câu 1072).

Câu 1105: Đành bước vào chùa xin qui y tu hành.

1109

*Ngắm thế cuộc chẳng bằng một giấc,
Kiếp phù sinh đặng thất là bao.
Nhặng là đeo thắm chác sâu,
Tóc xanh cho tới bạc đầu cũng in.*

Chú thích:

Nhặng là: Chỉ là. **Đeo thắm chác sâu:** Đeo mang phiền não, chước lấy buồn rầu.

Hai câu 1109–1110: Ý nghĩa giống với 2 câu 949–950:

*Đời vẫn ngủn huyễn lương in giấc,
Kiếp phù sanh đặng thất nơi thân.*

Câu 1112: Từ lúc trẻ tuổi cho tới lúc tuổi già đầu bạc, việc đời cũng in hệt nhau, nghĩa là chỉ biết chạy theo danh lợi rồi phải mang lấy phiền não.

1113

*Nào là phép giựt giành quyền lợi,
Nào là phương chuộng quới cầu vinh.
Thử đem sánh khổ kiếp sanh,
Chưa ai thấy đặng phúc giành nhiều hơn.*

Chú thích:

Phép: Cách thức. **Phương:** Phương cách. **Chuộng quới:** Ưa thích giàu sang. Quới là nói trại chữ Quí, là giàu sang.

Hai câu 1115–1116: Trong kiếp sống của mỗi người, thử đem so sánh cái đau khổ và cái hạnh phúc, chưa ai thấy cái hạnh phúc chiếm phần nhiều hơn. (Cho nên, Đức Phật mới nói rằng: Đời là biển khổ.)

1117

Nào vui gương do cơn khóc lã,
Nào là khi chịu tố làm thầy.
Quyền là chi? Lợi là chi?
Dứt hơi ba tấc có gì gọi hay.

Chú thích:

Chịu tố làm thầy: Chịu nhện nhục vì gặp kẻ không ra gì mà lên mặt làm thầy dạy đời. **Dứt hơi ba tấc:** Hết thở, chết. Ba tấc hơi không có nghĩa là cái hơi thở dài 3 tấc, mà đây chỉ là một cách nói, giống như nói: Tấc lòng.

1121

Nào là lúc ăn cay uống đắng,
Nào là khen rồi mắng bao phen.
Tuồng đời trọng trọng hèn hèn,
Chẳng qua bướm tối mẩn đèn xông xao.

Chú thích:

Ăn cay uống đắng: Chỉ sự khổ cực đau đớn.

Câu 1124: Bướm cũng như các con thiêu thân khác, chỉ những kẻ tầm thường; ánh đèn chỉ cuộc danh lợi. Người đời thấy chỗ nào có danh lợi thì rộn rịp nhào vô, giống như con bướm kia thấy ánh đèn thì bu lại để rồi bị sức nóng của đèn đốt chết.

1125

Nào chữa để biết bao khổ nhọc,
 Nào hơn thua theo học sách đời.
 Tang thương lúc biến khi dời,
 Trăm năm e cũng một đời thế thôi.

Chú thích:

Chữa để: Người phụ nữ có chồng thì có chữa và để ra đứa con. Đó là nhiệm vụ cao quý mà Trời giao phó cho phụ nữ để di truyền nòi giống loài người. **Sách đời:** Cuộc đời ví như một cuốn sách, có đủ các bài học, đủ các môn học thiện ác, chánh tà, từ thấp lên cao. **Tang thương:** Do thành ngữ “Tang điền thương hải”: Ruộng dâu biến thành biển xanh. Theo Thần Tiên Truyện, Tiên Nữ Ma Cô nói với Vương phương Bình rằng: Từ khi tôi hầu tiếp ông đến nay, đã từng thấy biển xanh 3 lần biến thành ruộng dâu. Do đó, các thành ngữ: Tang thương, Tang hải, Bể dâu,... là để chỉ sự biến đổi luôn luôn xảy ra trong cuộc đời.

1129

Nào tranh đấu thắng rồi lại thất,
 Cửa phù du chứa chất gọi giàu.
 Thân còn đã quý là bao,
 Dứt hơi của cải thế nào không hay.

Chú thích:

Phù du: Phù là nổi, du là lông bông trên mặt nước. Con phù du là loại côn trùng nhỏ, bay từng đàn trên mặt nước, tới lại khi thấy ánh đèn thì bay tới bu quanh ngọn đèn rồi chết. Kiếp phù du là kiếp sống ngắn ngủi của con phù du, sáng sanh ra chiều thì chết.

Cửa phù du: Cửa cải không bền, thấy có đó rồi mất đó.

Hai câu 1131-1132: Tấm thân của con người, mình phải xem là quý trọng biết bao, vì có thân mới tạo ra của cải. Khi thân chết rồi thì của cải đâu có đem theo được, lại lọt vào tay kẻ khác mà mình đâu còn hay biết.

Thiệt thì bỏ, giả vay nên nợ,
Mãn căn sanh chưa mở dây oan.
Kìa là vua, nợ là quan,
Cũng như bọn hát hý tràng bán vui.

Chú thích:

Căn sanh: Cái số phận của kiếp sông con người. (Xem *Chú thích câu 1072*). **Mãn căn sanh:** Hết một kiếp sống. **Dây oan:** Sợi dây oan nghiệt. Mình làm người ta thù giận mình thì sự thù giận ấy tạo thành sợi dây oan nghiệt ràng buộc mình, kiếp này phải đền trả theo đúng luật nhân quả. Khi trả xong thì sợi dây oan nghiệt này mới tiêu mất. **Hý tràng:** Hý trường, rạp hát. **Bán vui:** Bọn đào kép thì bán vui, người đi coi hát thì mua vui.

Câu 1133: Người đời thường vô minh, nên cái thiệt thì bỏ đi, lại ham thích cái giả, tìm kiếm cái giả để mà vay mượn nên phải mắc nợ. Vì mắc nợ nên con người cứ mãi trầm luân trong cõi trần để vay vay trả trả, hết kiếp này sang kiếp khác.

Vậy cái nào là Thiệt? Cái nào là Giả?

Đức Chí Tôn có dạy rằng: “Việc chi do người đều phạm cả, nó không bền, thường thường bị hư hỏng và tiêu tan ngay sau khi người đã được nó tặng bị cướp mất sự sống. Các con nên tìm phẩm tước nơi cõi thiêng liêng, tước phẩm ấy mới là vĩnh viễn. ... Các con nên tìm sự giàu có trong đức tính của Trời. Chỉ có cách đó mới là vĩnh cửu. Của quý ấy không ai ăn cướp đặng cả. ... Danh quyền nơi Trời là bền nhất, và danh quyền ấy mới chịu đựng nổi bao thử thách. Đức Quyền Giáo Tông Lê văn Trung bạch: *Mấy con phải làm sao mà tìm được phẩm tước, của cải, danh vọng nơi Trời? Thấy trả lời: Tu.*” (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 1, trang 136)

Như vậy, tất cả danh vọng, của cải nơi cõi thế gian này đều là giả tạm, chúng ta chỉ mượn nó để học hỏi và làm nấc thang để tiến hóa. Chỉ có của cải và danh vọng nơi Trời mới thiệt, vì nó tồn tại vĩnh viễn với thời gian.

1137

Sống thấy chết, miệng cười mắt khóc,
 Nịnh lừa trung, lưỡi thọc tay đâm.
 Cũng như ác thú nhốt hầm,
 Ăn nhau cho đã nào cần mệnh nhau.

Chú thích:

Lưỡi thọc tay đâm: Miệng thì nói lời đâm thọc gây ác cảm chia rẽ, tay thì toan cầm gươm đâm chém.

Câu 1137: Người này sống thấy người khác chết thì cười, trong lúc thân nhân của người chết thì khóc.

Hai câu 1139-1140: Cũng như đám thú dữ bị nhốt chung trong một cái hầm, chúng không biết thương nhau, mà lại ăn thịt nhau cho thỏa sự thèm khát, nào cần biết mạng sống của nhau.

1141

Muốn lấy đao làm đao hại thế,
 Toan dùng văn gọi kẻ sanh nhai.
 Đường hung ác, nẻo chông gai,
 Lấn chen vào chốn nghiệt đài gọi ngoan.

Chú thích:

Đao: Tôn giáo. **Đao:** Cây gươm. **Hại thế:** Hại đời. **Nghiệt đài:** Nghiệt là cái mầm ác, nghiệp ác; đài là nơi cất cao. Nghiệt đài tức là Nghiệt Cảnh Đài. Nơi đây có một tấm kiếng huyền diệu dành cho những người tội lỗi, nhìn vào thấy diễn ra trở lại hành vi tội lỗi của mình. Người thiện không bao giờ được đến Nghiệt Đài. “Đài Nghiệt Cảnh là nơi rọi sáng các việc lỗi lầm, bước luân hồi sẽ dẫn vào nơi u khổ cùng sâu mà đày đọa đời đời kiếp kiếp. Ấy là buổi chung qui của khách trần đó.” (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 1, trang 90)

Hai câu 1141-1142: Muốn dùng tôn giáo làm món khí giới sắc

bén để hãm hại người đời, lại tính dùng văn chương để mê hoặc người đời, gọi đó là phương cách để sanh sống.

Hai câu 1143-1144: Đi vào con đường hung ác, hay đi vào những nẻo chông gai khó khăn nguy hiểm, chẳng khác chi chen lấn vào chốn Nghiệt Cảnh Đài, gây ra lắm oan nghiệt tội tình, thế mà gọi là ngoan!

1145

*Mạnh hiếp yếu lấy gan hung bạo,
Dữ lẩn hiền gươm giáo là hơn.
Nhặng lo chác oán mua hờn,
Hại nhau chẳng biết nghĩa hơn thế nào.*

Chú thích:

Gan hung bạo: Lòng hung dữ bạo ngược. **Gươm giáo là hơn:** Chỉ biết dùng võ lực hay gươm giáo là hơn hết.

1149

*Thấy cảnh thế mà đau với thế,
Biết thương đời mấy kẻ vì đời.
Ngán thay cái kiếp con người,
Thôi đành bến Phạm kiếm lời Phật răn.*

Chú thích:

Bến Phạm: Ý nói cửa chùa, nơi tu hành. Phạm là Phật.

1153

*Thay đạo phục bước xăng lánh thế,
Mời thì kinh, tối kệ giải lòng.
Từ bi hứng giọt nhành dương,
Lau thanh trái chủ, lấp đường nghiệt căn.*

Chú thích:

Đạo phục: Quần áo của tu sĩ mặc trong tôn giáo. **Bước xăng:** Bước nhanh đi. **Lánh thế:** Xa lánh cõi đời. **Giọt nhành dương:** Nước Cam lồ do Đức Quan Âm Bồ Tát luyện thành, dùng cành dương liễu rải nước Cam lồ. Nước Cam lồ có tác dụng rất huyền diệu, tiêu trừ các ô trược, các oan nghiệt tội chướng nơi cõi trần, và cải tử hườn sanh. **Lau thanh:** Lau sạch. **Trái chủ:** Người chủ nợ. **Nghiệt căn:** Cái gốc rễ của nghiệp ác, tức là những việc làm ác độc trong kiếp trước, khiến kiếp này phải chịu nhiều nỗi đau đón khổ sở. Nghiệt là cái nghiệp ác; căn là cái gốc rễ từ kiếp trước. **Hai câu 1153-1154:** Mau bước lánh đời, qui y vào đạo, mặc áo đạo tu hành, sáng chiếu tụng niệm kinh kệ, cởi bỏ lòng trần tục.

1157

*Đoạn tình ái đem quăng bể khổ,
Bút hồng duyên tính bỏ non thê.
Nầy bờ tục, nợ bến mê,
Từ đây không trở lộn về thấy người.*

Chú thích:

Đoạn: Cắt đứt. **Quăng:** Ném đi. **Bút:** Giật cho đứt. **Hồng duyên:** Tơ duyên, mối dây ràng buộc vợ chồng. Hồng là chỉ sợi tơ đỏ, tơ hồng. **Non thê:** Cái núi mà 2 người lúc mới yêu nhau chỉ nó mà thể nguyện với nhau. **Bờ tục & Bến mê:** Đồng nghĩa với Bến mê, chỉ cõi trần. Bờ tục tức là cõi tục, cõi trần; Bến mê chữ Hán là Mê tân, chỉ cõi trần, vì con người sống trong cõi trần đều mê muội. Trái với Mê là Giác. Còn Mê thì còn là chúng sanh, Giác thì thành Phật. **Người:** thế cho chữ Bờ tục hay Bến mê.

Hai câu 1157-1158: Quyết tâm cắt đứt tình yêu vợ chồng hay tình yêu nam nữ để đi tu.

Câu 1160: Quyết tâm đi tu, nhứt định không thối bước

1161

*Vì thấy đó phải cười lộn khóc,
Sách của người chẳng học mà say.
Của người của đọa của đày,
Ghét người ta dứt từ ngày buổi ni.*

Chú thích:

Sách của người: Sách của côi trần. **Buổi ni:** Buổi này.

Câu 1162: Nói ví theo nghĩa đen của từ ngữ Mê. Mê thì đi liền với chữ Say: Mê say, Say mê. Sách của Bờ tục Bến mê không học mà cũng say.

Câu 1163: Côi trần là côi đọa côi đày. “Trần là côi khổ để đọa bậc Thánh Tiên có lầm lỗi. Ấy là cảnh sâu để trả xong quả, hoặc về ngôi cũ, hoặc trả không xong quả phải mất cả chơn linh, là luân hồi, nên kẻ bị đọa trần gọi là Khách trần.” (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 2, trang 3)

1165

*Lần chuỗi hột từ bi cứu khổ,
Nường gió thanh trăng tỏ là nhà.
Nước non để bước ta-bà,
Sô xiêm đem nhuộm màu dà gọi duyên.*

Chú thích:

Gió thanh trăng tỏ: Chữ Hán là “Thanh phong minh nguyệt”: Gió mát trăng sáng, chỉ cảnh thanh tịnh nên thơ. **Ta-bà:** Chữ Phạn là Saha, phiên âm là Ta-bà hay Sa-bà, nghĩa là nhẫn nhục. Côi Ta-bà là côi mà người tu phải chịu đựng sự nhẫn nhục vì côi này có nhiều ác độc và ô trược. Côi Ta-bà chính là côi trần này. **Để bước Ta-bà:** Bước đi khắp nơi trên côi trần. **Sô xiêm:** Quần áo bằng vải thô. Sô là vải thô, xiêm là xiêm y, quần áo. **Màu dà:** Màu nâu. **Gọi duyên:** Gọi là có duyên tu hành.

Câu 1165: Lăn chuỗi hột bồ đề, niệm câu từ bi của Phật, tụng kinh Cửu Khổ cầu cho chúng sanh bớt khổ.

1169

*Trương thẳng cánh con thuyền Bát Nhã,
Cởi đau thương giải quả trừ khiên.
Lấy thân rửa thảm lau phiền,
Đem công chuộc khách thuyền duyên lụy tình.*

Chú thích:

Trương thẳng cánh: Giương thẳng cánh buồm. **Thuyền Bát Nhã:** Thuyền Trí huệ. (Xem Chú thích câu 1000). **Cởi đau thương:** Cởi bỏ hết các nỗi đau thương. **Giải quả:** Cởi bỏ hết các kết quả xấu do các ác hành đã gây ra trong kiếp trước. Đó là Nghiệp quả xấu cần phải cởi bỏ ra. **Trừ khiên:** Trừ diệt các tội lỗi trong kiếp trước gây ra. **Lấy thân:** Dùng cái tấm thân tu hành này. **Đem công:** Lấy cái công quả lập được do tu hành. **Thuyền duyên:** Người phụ nữ xinh đẹp. **Lụy tình:** Khốn khổ vì tình yêu.

1173

*Túi gió trăng thinh thinh rộng mở,
Vui hạc cầm hay dở thú riêng.
Khi động Thánh, lúc non Tiên,
Sớm thì Hải đảo, tối miền Thiên Thai.*

Chú thích:

Túi gió trăng: Bầu trời có gió mát trăng thanh, chỉ cảnh thanh nhàn thơ thới. La Hồng Tiên viết: “*Thanh phong minh nguyệt nhất thi nang.*” nghĩa là: Gió mát trăng trong, thơ một túi. **Thinh thinh:** Rộng lớn thênh thang. **Hạc cầm:** Con hạc và cây đàn, chỉ cảnh nhàn hạ thanh bạch. **Điển tích:** Ông Triệu thanh Hiến đời Tống, được vua bổ nhậm làm quan, khi đi phó nhậm, ông chỉ đem theo một con hạc và một cây đàn, không có vợ con hay đầy tớ chi cả. Ông nổi tiếng là vị quan thanh liêm và nhân hậu. **Vui**

hạc cầm: Ý nói sống vui vẻ tự nhiên, không bận tâm đến việc đời.

Thú riêng: Thú vui riêng của mỗi người. **Động Thánh:** Cái động đá làm nơi ở của các vị Thánh. **Non Tiên:** Cái núi dùng làm nơi ở của các vị Tiên. **Hải đảo:** Cái đảo ngoài biển, nơi ở của các vị Tán Tiên. **Thiên Thai:** Tên một hòn núi ở tỉnh Triết giang bên Tàu, chỉ cảnh Tiên. Tương truyền, Lưu Thần và Nguyễn Triệu đi hái thuốc, lạc vào núi này, gặp hai Tiên Nữ, rồi cùng hai nàng kết duyên thành vợ chồng. Lưu Thần và Nguyễn Triệu vì lòng trần chưa dứt nên sau khi ở cảnh Tiên được nửa năm thì lòng chợt nhớ quê nhà, hai người đòi về thăm. Khi trở lại quê hương thì phong cảnh hoàn toàn đổi khác, hỏi ra mới biết đã đến đời cháu thứ sáu rồi. Không còn ai quen thuộc, lòng buồn bã hối hận, hai chàng trở lại núi Thiên Thai nhưng không tìm được đường lên cõi Tiên nữa. (*Chuyện này giống như chuyện Từ Thức ở nước ta*).

Hai câu 1175–1176: Đi chơi vui thú nơi này nơi khác, thật thánh thời nhàn hạ.

1177

Đạp giày cỏ nương cây gậy bá,

Mặc áo toi nón lá che thân.

Trừ trần cấu, xủ phát trần,

Quen bờ biển trí, dựa gần non nhân.

Chú thích:

Giày cỏ: Chữ Hán là Thảo hài. Thảo là cỏ, hài là giày. Đây là giày của các đạo sĩ thời xưa làm bằng loại cỏ mềm kết lại. Giày cỏ có hình dáng thô kệch, nhưng không tốn tiền mua, đi cũng được êm chân. Đây là giày của người tu. **Gậy bá:** Cây gậy làm bằng cây trúc. **Áo toi:** Áo đi mưa làm bằng lá cọ, không có tay áo. **Trần cấu:** Trần là bụi, cấu là cấu ghét dơ bẩn. Trần cấu là chỉ những xấu xa dơ bẩn nơi cõi trần. **Xủ:** Rủ xuống. **Phất trần:** Phất là quét, trần là bụi. Phất trần là cây chổi Tiên để quét các thứ bụi dơ dáy của cõi trần bám vào Chơn thần, làm cho Chơn thần được trong sạch nhẹ nhàng, có thể bay lên cõi Tiên. Phất trần còn được gọi là Phất chủ, là bữa bồi đặc biệt của các vị Tiên, nên Phất trần được dùng

làm Cổ pháp tượng trưng Đạo Tiên (*Tiên giáo*). **Biển trí:** Trí là sự sáng suốt hiểu biết. Biển trí là sự hiểu biết rộng như biển, đó là Trí huệ. Người có trí huệ thì hết mê lầm, tức là giác ngộ, mà giác ngộ thì đắc thành Tiên, Phật. Ở đây, biển trí chỉ cõi Tiên hay cõi Phật. **Quen bờ biển trí:** Thường đi đến cõi Tiên. **Non nhân:** Nhân là lòng thương người mền vật, thương khắp chúng sanh. Non nhân là lòng thương người lớn như núi. Đó chính là lòng từ bi bác ái của Phật. Ở đây, non nhân là chỉ cõi Phật.

Câu 1179: Dùng cây Phất trần để quét sạch các thứ dơ bẩn của cõi trần đã bám vào Chơn thân.

1181

*Đến phồn hoa thân gần tục lự,
Chơi lầu hồng hỏi thử trái căn.*

*Chuỗi bồ trừ nghiệt gió trăng,
Linh đờn cứu kẻ khổ phần liễu hoa.*

Chú thích:

Phồn hoa: Nơi đông đúc dân cư đua chen danh lợi. **Tục lự:** Tục là tầm thường thấp kém, chỉ cõi trần; lự là suy nghĩ lo lắng. Tục lự là những lo lắng phiền não của con người nơi cõi trần. **Lầu hồng:** Chữ Hán là Hồng lâu, chỉ nhà ở của con gái đẹp và giàu sang. **Thơ của Lý Bạch:** “*Mỹ nhân nhất tiểu khiên châu bạc, Giao chỉ hồng lâu thị thiếu gia.*” nghĩa là: Người đẹp liến cườ, kéo rèm châu nhìn ra. Tay chỉ lầu hồng đó là nhà em. **Trái căn:** Trái là món nợ, căn là gốc rễ từ kiếp trước. Trái căn là món nợ đã gây ra từ kiếp trước. **Chuỗi bồ:** Xâu chuỗi bồ đề, làm bằng những hạt của cây bồ đề. **Nghiệt:** Cái mầm ác, cái nghiệp ác. **Gió trăng:** Chữ Hán là Phong nguyệt, chỉ sự lả lơi chung chạ không đứng đắn giữa nam và nữ. **Linh đờn:** Thuốc Tiên. Linh là thiêng liêng, đờn là thuốc. **Liễu hoa:** hay Hoa liễu, là những chứng bệnh nơi bộ sinh dục và lây lan do giao hợp, như bệnh lậu, bệnh giang mai, v.v... **Kẻ khổ phần liễu hoa:** Những người bị đau khổ vì chứng bệnh do sắc dục bừa bãi và quá độ gây ra.

Câu 1181: Đi đến chốn phồn hoa là đem thân vào nơi phiền não.

Hai câu 1183–1184: Việc tu hành trừ bỏ được các oan nghiệt gây ra do sự quan hệ không đúng đắn giữa nam nữ, và như liều thuốc Tiên để cứu vớt những kẻ đau khổ vì sắc dục bừa bãi quá độ.

1185

*Gót nhân ái đến nhà kẻ bệnh,
Giọng từ bi thức tỉnh hung tâm.
Giữa cơn náo loạn trời cầm,
Lấy hơi hòa nhã dẹp lần bỉ thô.*

Chú thích:

Gót nhân ái: Bước chân của người có lòng nhân ái, luôn luôn muốn cứu giúp chúng sanh. **Giọng từ bi:** Lời nói từ bi. **Náo loạn:** Ý nói lúc cang thường điên đảo, đạo đức suy đồi, mạnh ai nấy tranh đua giết giành danh lợi. **Trời cầm:** Trỗi lên tiếng đàn. **Bỉ thô:** Thô bỉ, xấu xa đáng khinh rẻ.

Hai câu 1187–1188: Giữa cuộc đời đang lúc náo loạn, người tu cần phải nói lên lời đạo đức giống như trỗi lên khúc nhạc hòa nhã để thức tỉnh người đời, dẹp lần điều xấu xa bỉ ổi.

1189

*Giúp những kẻ ôm mô thủ hiếu,
Dỗ những trang bện bịu khối tình.
Dọn đường phước giúp mây xanh,
Đưa con thuyền hạc đến gành thiên lương.*

Chú thích:

Ôm mô thủ hiếu: Đây là nói về Vương Bâu, mỗi khi nghe sấm nổ thì chạy ra ôm mô của mẹ mà vái rằng: “*Có con ở đây, mẹ đừng sợ.*” Vì lúc mẹ còn sống, bà rất sợ tiếng sấm. Đây là một gương hiếu thảo trong Nhị thập tứ Hiếu. **Khối tình:** Ý nói tình yêu dũ dội giữa trai và gái. **Đường phước:** Con đường tạo ra phước đức, đó là con đường tu hành. **Mây xanh:** Chỉ người phụ nữ trẻ tuổi. **Thuyền hạc:** Thuyền được ví duyên phận của người con gái (*Thuyền với 12 bến nước*); Hạc được ví với vóc dáng của con gái

(*Minh hạc xương mai*). Thuyền hạc là chỉ người phụ nữ. **Gành:** Ghềnh, ở đây có ý chỉ nơi chốn. **Thiên lương:** Cái tốt đẹp mà Trời ban cho người để khuyên nhủ con người làm điều hay sự phải. **Đến gành thiên lương:** Đến nơi mà Thiên lương tỏ rạng, hết vô minh, ý nói đến bờ giác ngộ.

1193

*Tươi hoa chạ bên đường vô chủ,
Đầy giậu thưa cúc xủ mai xào.
Bó lòng thăm, dệt tâm đau,
Nâu sông cây phép đổi màu anh hoa.*

Chú thích:

Hoa chạ: Bông của cây mọc hoang, chỉ những người con gái làng chơi, vô giá trị. **Vô chủ:** Không có ai làm chủ. **Giậu thưa:** Hàng rào thưa thớt. **Cúc xủ mai xào:** Hoa cúc hoa mai héo xào, chỉ những phụ nữ đang gặp hoạn nạn sâu thẳm. **Dệt:** là kết lại. **Nâu sông:** Màu nâu và màu sông, là màu quần áo của tăng ni nhà Phật, chỉ việc tu hành. **Nâu sông cây phép:** Dựa vào việc tu hành. **Anh hoa:** Cái bông đẹp dễ nhứt, chỉ người phụ nữ đẹp.

Hai câu 1193-1194: Mở lòng nhân ái cứu giúp những người con gái làng chơi bạc phận, và những phụ nữ hoạn nạn sâu thẳm.

Câu 1195: Buộc chặt lòng sâu thẳm và lòng đau khổ, ý nói đè nén lòng sâu thẳm đau khổ.

Câu 1196: Người phụ nữ trút bỏ lớp quần áo đẹp, để mặc nâu sông lo việc tu hành.

1197

*Câu tư dục biển ra bác ái,
Nghiep oan khiên đổi lại hồng ân.
Khi kinh Thánh, lúc kệ Thần,
Đoạn trường diệt dứt nợ nần nữ lưu.*

Chú thích:

Tư dục: Lòng tham lam ích kỷ. **Nghiệp oan khiên:** Sự hờn giận và tội lỗi do mình gây ra tạo thành cái nghiệp xấu ảnh hưởng lên đời mình, làm cho mình phải chịu nhiều đau đớn sâu khổ. **Hồng ân:** Ôn huệ to lớn do Trời ban cho. Theo Giáo lý của Đạo Cao Đài, sau khi nhập môn cầu đạo, người tín đồ được hưởng Phép Giải Oan, cởi bỏ hết các oan khiên nghiệp chướng, lại hưởng được hồng ân của Đức Chí Tôn, mà dốc chí tu hành.

Câu 1200: Tiêu diệt hết sạch những nỗi đau khổ trong tình trường và những oan trái của người phụ nữ.

1201

*Lầu xanh giảm màu tu trở về,
Cửa không môn mở hé chơn hồng.
Thu phòng học chúc thu không,
Đốt hương cho ấm cho nồng phòng tiêu.*

Chú thích:

Lầu xanh: Thanh lâu, ở đây không có nghĩa là nhà chứa gái điếm, mà chỉ nhà giàu có sang trọng. **Điển tích:** Tấn Thư có câu: “*Nam khai chu môn, bắc vọng thanh lâu.*” nghĩa là: Phía Nam mở cửa đỏ, phía bắc trông lầu xanh. **Giảm:** Điếm thêm vào. **Màu tu trở về:** Thay đổi màu sắc để có cái về là nơi tu hành. **Chơn hồng:** Gót son, chỉ người phụ nữ đẹp. **Thu phòng:** Chỉ người phụ nữ luống tuổi. **Thu không:** Chiều tối. (Xem câu 966). **Phòng tiêu:** Phòng của người vợ.

Câu 1201: Người phụ nữ ở trong cái nhà sang trọng kia nay biết lo tu hành thì cái về ngoài của nó đổi khác trước.

Hai câu 1203–1204: Người phụ nữ lo tu hành rồi nên chiều tối là đốt hương niệm Phật.

1205

*Đưa tuổi hạc quen chiều non nước,
Mượn bút nghiên làm chúc chề đời.
Nâng bầu nhứt nguyệt lừng vơi,
Dành gương liệt nữ để lời trinh phu.*

Chú thích:

Liệt nữ: Người phụ nữ tiết nghĩa, có khí phách anh hùng. **Trinh phu:** Người đàn ông chính đĩnh, giữ trọn thủy chung. Trinh phu ở đây đồng nghĩa với Trinh nhân.

Câu 1205: Đưa tuổi già quen sống với cảnh vật thiên nhiên.

Câu 1206: Dùng lời văn để chề cõi đời là phù du mộng ảo.

Câu 1207: Ý nói ngày tháng dần dần trôi qua.

Câu 1208: Gìn giữ để làm người liệt nữ nêu gương tốt và để lời nói cùng các trinh phu.

1209

*Nắm huệ kiếm định thâu trái chủ,
Mặc đạo y sạch giữ phồn hoa.
Nơi bến khổ để bước già,
Xuân xanh noi dấu xây tòa anh phong.*

Chú thích:

Huệ kiếm: Gươm trí huệ. **Kinh Duy Ma Cát:** “*Di trí huệ kiếm phá phiền não tặc.*” nghĩa là: Lấy kiếm trí huệ phá tan giặc phiền não. Ý nói: dùng cái trí huệ của mình có được do tu hành làm thành cây kiếm để trừ diệt lục dục và tam độc Tham Sân Si, vì chúng là giặc gây ra phiền não, cũng như chặt đứt các mối dây oan nghiệt trói buộc mình vào Luân hồi. **Trái chủ:** Người chủ nợ. Nợ đây là nợ oan nghiệt. **Đạo y:** Đạo phục, quần áo của người tu. **Sạch giữ:** Giữ cho rơi sạch hết các bụi bặm. **Phồn hoa:** Chỉ danh lợi. **Bến khổ:** Chỉ biển khổ, tức là cõi trần. **Xuân xanh:** Người trẻ tuổi.

Tòa anh phong: Tòa nhà truyền thống tốt đẹp. Anh là đẹp nhứt, phong là phong tục.

1213

*Cột thân ái cậy lòng đạo đức,
Gây từ tâm gắng sức ôn nhu.
Nung trang trí thức nữ lưu,
Biết thân giữ mặt hảo cừu giai nhân.*

Chú thích:

Cột thân ái: Gây tình thương yêu giữa mọi người. **Từ tâm:** Lòng lành. **Ôn nhu:** Ôn hòa mềm mỏng. **Nung:** Nung đúc, xây dựng và thúc đẩy. **Hảo cừu:** Đẹp đôi. Hảo là tốt đẹp, cừu là kết đôi. **Giai nhân:** Người con gái đẹp. Kinh Thi: *Yếu điệu thực nữ, Quân tử hảo cừu.* (Người con gái yếu điệu nét na, đẹp đôi cùng người quân tử.)

Câu 1216: Người con gái phải biết thân phận của mình, giữ gìn cho xứng đáng là một giai nhân, để được sánh duyên cùng người quân tử.

1217

*Giỏi trí thức tinh thần đẹp đẽ,
Trau tài ba vẹn vẻ anh thư.
Vinh thì chuộng, nhục thì từ,
Cân cao tính thấp đặng trừ thiệt hơn.*

Chú thích:

Giỏi trí thức: Trau giỏi sự hiểu biết cho sâu rộng. **Tinh thần:** Phần vô hình tốt đẹp nhất của con người để điều khiển các hoạt động của thể xác. Nếu phân tích theo Giáo lý của Đạo Cao Đài thì tinh thần gồm: Chơn thần và Chơn linh. Chơn linh điều khiển Chơn thần, Chơn thần điều khiển thể xác. **Tài ba:** Ba là cái hoa. Tài ba tức là Tài hoa, là tài giỏi về nghệ thuật và văn chương. **Vẹn vẻ:** Vẻ đẹp trọn vẹn. **Anh thư:** Anh là tài giỏi xuất chúng, thư là con gái. Anh thư là người phụ nữ tài giỏi xuất chúng. **Vinh thì chuộng:**

Cái nào là vinh hiển thì mến thích. **Nhục thì từ:** Cái nào nhục nhã thì từ bỏ.

Câu 1220: Cân đo tính toán cao thấp, hơn thiệt kỹ lưỡng để có hành động đúng đắn thích hợp.

1221

*Nước Ma-Ha rửa hờn nhi nữ,
Chuỗi bồ đề gìn giữ hồng nhan.
Cây trăm thuốc đổi hương tàn,
Treo y bá nạp làm màn phòng the.*

Chú thích:

Nước Ma Ha: Chữ Hán là Ma Ha thủy, nghĩa đen là nước sông Ma Ha tức là nước của sông Gange (*sông Hằng*) linh thiêng bên Ấn Độ. Ở đây Nước Ma Ha là nước Thánh dùng trong Phép Tắm Thánh và Phép Giải Oan. Khi Luyện Ma Ha thủy, vị Chức sắc hành pháp niệm câu Chú: “*Ma Ha thủy năng hủy oan nghiệp tội chướng chi đọa.*” Nghĩa là: Nước Ma Ha có khả năng tiêu hủy sự đọa đày do các oan nghiệp và các tội chướng. **Rửa hờn:** Rửa sạch sự hờn giận. **Nhi nữ:** Đàn bà con gái. **Chuỗi bồ đề:** Xâu chuỗi làm bằng các hạt bồ đề, các tăng ni thường vừa lần từ hạt chuỗi vừa niệm Phật. **Hồng nhan:** Má đỏ, chỉ người phụ nữ đẹp. **Cây trăm thuốc:** Cây bồ đề, chỉ sự tu hành. Kinh Phật có câu: “*Bồ đề bách xích thụ, Liên tọa tứ thời hoa.*” Nghĩa là: Bồ đề là cây trăm thuốc, Tòa sen là hoa 4 mùa. Theo lịch sử Phật giáo, Thái Tử Sĩ Đạt Ta thiên định dưới cội cây bồ đề và thành Phật, hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Do đó, cây bồ đề là chỉ sự tu hành. **Hương tàn:** Hương tàn phẫn lợt, chỉ người phụ nữ trở về già. **Đổi hương tàn:** Thay vào chỗ hương tàn. **Y bá nạp:** Cái áo làm bằng hàng trăm miếng vải vụn may lại. Y là cái áo, bá là trăm, nạp là vá lại cho lành. Thường nói là Bá nạp y. Theo giới luật của Phật giáo, các nhà sư phải lượm các miếng vải bỏ của người đời, may kết lại thành áo mà mặc. Mặc như thế để tỏ ý rằng: Không phải mặc cho đẹp, mà mặc cho ấm, và khỏi tốn tiền mua vải. Do đó, Bá nạp y là cái áo của các nhà sư Phật giáo. **Phòng the:** Cái phòng có treo màn bằng

the, đó là phòng ở của phụ nữ, chỉ người phụ nữ. The là loại vải mỏng, mịn và đẹp.

Câu 1221: Nước Thánh Ma Ha (trong *Phép Giải Oan*) có khả năng rửa sạch các oan nghiệt của người phụ nữ.

Câu 1223: Nghĩa đen: Dem cây bồ đề thay vào chỗ hương tàn phấn lợt. Ý nói người phụ nữ trở về già lo tu hành.

Câu 1224: Lấy áo bá nạp treo thế cho màn the, ý nói người phụ nữ khoát áo bá nạp, làm ni cô tu hành.

1225

*Để chuông mõ dựa kê son phấn,
Chất nhờn tình chồng cận kệ kinh.
Tâm ẩn ái giúp Chí Linh,
Biển mê chèo chiếc thuyền tình độ nhân.*

Chú thích:

Tâm ẩn ái: Lòng trắc ẩn thương người. **Chí Linh:** Rất thiêng liêng, chỉ Đức Chí Tôn. **Biển mê:** Biển khổ, chỉ cõi trần. **Thuyền tình:** Chiếc thuyền của tình thương, của từ bi, bác ái, để cứu vớt những người đang chìm đắm trong biển khổ. **Độ nhân:** Cứu giúp người.

Hai câu 1225-1226: Ý nói: Đẹp son phấn qua một bên, đẹp nhờn tình qua một bên, tức là đẹp hết việc đời, chuyên tâm gõ mõ tụng kệ tụng kinh, niệm Phật tu hành.

Hai câu 1227-1228: Hai câu này đã có dẫn để giải thích hình bìa (*Phần 6*), ý nói: Lấy lòng trắc ẩn thương người giúp Đức Chí Tôn, làm thành chiếc thuyền bác ái cứu giúp người đang chìm đắm trong biển khổ.

1229

*Lấy tâm chánh làm cân đong thế,
Cậy lòng lành làm kế diu đời.
Chông gai vạch bước thành thời,
Cầm phương cứu khổ độ người trầm luân.*

Chú thích:

Tâm chánh: Chánh tâm, cái tâm chánh trực. **Cầm phương cứu khổ:** Nắm giữ phương pháp cứu khổ. **Độ:** Cứu giúp. **Trầm luân:** Trầm là chìm, luân là chìm đắm. Trầm luân là chìm đắm trong biển khổ.

Câu 1229: Lấy chánh tâm để xác định giá trị thực của những thứ hiện diện trong cõi đời.

Câu 1231: Chỉ cho thấy những nẻo chông gai của cuộc đời, vạch ra con đường đưa đến cảnh thánh thời nhân hạ.

1233

Vẹn nhưn đạo, đi lần nẻo chánh,

Đến vô ưu đặng lánh nhưn luân.

Thuyền con mệch mệch như rừng,

Đon đường Thánh đức, hỏi chừng Như Lai.

Chú thích:

Nhơn đạo: Đạo làm người. Đây là nấc thang thấp nhất trong 5 nấc thang tiến hóa của con người. Sách Nho có viết rằng: “*Dục tu Tiên đạo, tiên tu Nhưn đạo. Nhưn đạo bất tu, Tiên đạo viễn hỹ.*” Nghĩa là: Muốn tu Tiên đạo, trước tu Nhưn đạo. Nhưn đạo không tu, Tiên đạo xa vời lắm vậy. Theo Nho giáo, Nhưn đạo gồm: Tam cương và Ngũ thường (đối với Nam) và Tứ Đức Tam Tòng (đối với Nữ). **Nẻo chánh:** Con đường chánh, tức là Chánh đạo. **Vô ưu:** Không phiền não. **Đến vô ưu:** Đến cõi không phiền não, tức là đến cõi Cực Lạc Niết Bàn. Muốn đến được cõi này thì phải tu. **Đặng lánh:** Đặng đi xa khỏi chỗ đó. **Nhưn luân:** Ở đây có nghĩa là Luân hồi nhưn quả. Sự luân hồi là thể hiện luật nhưn quả. Trong kiếp trước mình gây ra nhiều mối nợ oan nghiệt thì mình bị luân hồi lại kiếp này để lo đền trả các món nợ ấy cho xong, đúng theo lẽ công bình tuyệt đối của Trời Đất. **Thuyền con:** Chiếc thuyền bé nhỏ, ý so sánh con người nơi cõi trần như chiếc thuyền bé nhỏ lênh đênh trên biển khổ. **Don:** Hỏi thăm chừng. **Đường Thánh đức:** Con đường Đạo, rèn luyện con người có đức tốt như của bậc Thánh. **Như Lai:** Phật. Kinh Kim Cang: Phật vốn

không do đâu lại, cũng không đi đâu, nên gọi Như Lai. **Hỏi chùng Như Lai:** Hỏi thăm chùng nơi nào là cõi Phật.

Câu 1235: Con người nơi cõi trần như chiếc thuyền bé nhỏ lênh đênh trên biển khổ, mờ mịt như đi trong rừng, không biết phương nào thoát ra.

1237

*Am tự đóng chặt gài bước tục,
Nước Cam lồ cho phúc tiêu điều.
Oan trái dứt, nghiệp chướng tiêu,
Cánh vui Cực Lạc mỹ miều về tâm.*

Chú thích:

Am tự: Am là cái chùa nhỏ, tự là cái chùa lớn. Am tự là chỉ chung các chùa thờ Phật. **Chặt gài:** Gài chặt cái cánh cửa, không cho mở ra. **Tục:** Thâm thường thấp kém, chỉ cõi trần. **Bước tục:** Bước vào cõi trần. **Nước Cam lồ:** Nước sương ngọt. Cam là ngọt, lồ là giọt sương. Cũng gọi là nước hành dương, vì nước Cam lồ được đựng trong cái bình, có hành dương gác ngang miệng bình. Nước Cam lồ do Đức Quan Âm Bồ tát chế luyện, được đựng trong Tịnh bình, Đức Quan Âm dùng cành dương liễu để rải nước Cam lồ này cứu sống người hay vật, hay rửa sạch các ô trược bám vào Chơn thân, để được trong sạch tinh tấn. **Phúc tiêu điều:** Điều may mắn tốt đẹp được thung dung tự tại. Phúc là điều may mắn tốt đẹp, Tiêu điều là thành thói vui thú không vướng bận việc đời. **Oan trái:** Trái là món nợ. Oan là oan nghiệt, là những việc làm ác độc gây thù giận tạo thành nghiệp ác. **Nghiệp chướng:** Sự ngăn trở của nghiệp. Chướng là ngăn trở. Ở đây là nói nghiệp dữ hay nghiệp ác. Nghiệp ác ảnh hưởng làm kiếp nầy phải chịu nhiều hoạn nạn đau khổ. **Cánh vui Cực Lạc:** Cõi Cực Lạc hoàn toàn an vui hạnh phúc. **Mỹ miều về tâm:** Cái tâm tốt đẹp.

Câu 1237: Đóng chặt cửa chùa, không cho các tu sĩ thối bước trở lại cõi trần. Ý nói khuyên người tu dứt khoát việc đời, chuyên tâm tu hành, không cho hoàn tục.

1241

*Lánh bợn tục tình thâm cũng tránh,
Trốn đau thương xa cảnh trần gian.
Biến thân hạc nội mây ngàn,
Năm phan Tiếp Dẫn, mở đường Lô Âm.*

Chú thích:

Bợn tục: Những thứ dơ bẩn ô trược nơi cõi trần. **Tình thâm:** Tình cảm sâu đậm như tình vợ chồng, tình mẫu tử, tình phụ tử,... **Trần gian:** Cõi trần, cõi thế gian.

Hạc nội mây ngàn: Ý nói tự do, thung dung tự tại như con hạc ngoài đồng, muốn bay đâu thì bay; như đám mây trên rừng, bay tự do theo gió. Nội là đồng cỏ, ngàn là rừng.

Lý Bạch viết:

*Lung kê hữu mẽ than oa cận,
Đã hạc vô lương thiên địa khoan.*

Nghĩa là:

Con gà trong lồng có lúa đầy bụng mà nồi nước sôi kế bên;
Con hạc ngoài đồng túng thiếu lương thực nhưng Trời
Đất rộng thênh, mặc tình cao bay xa liệng.

Ý nói chẳng thà làm con hạc ngoài đồng bữa đói bữa no mà được tự do thoải mái, hơn là làm con gà bị nhốt trong lồng, mất tự do mà nồi nước sôi kế bên, không biết bị cắt cổ làm thịt lúc nào.

Phan Tiếp Dẫn: Cây phướn Tiếp Dẫn của vị Phật gọi là Tiếp Dẫn Đạo Nhơn, dùng để hướng dẫn các chơn hồn đắc đạo đến Cực Lạc Thế giới. Nơi kinh đô của Cực Lạc Thế giới có chùa Lô Âm (*Lôi Âm Tự*), là nơi ngự của Đức Phật Thích Ca và Đức Phật A-Di Đà. Phan là cây phướn dẫn đường.

Câu 1243: Biến cái thân của mình thành thoi như con chim hạc ngoài đồng, như đám mây trên rừng, không còn vướng bận việc đời.

Câu 1244: Theo cái phướn Tiếp Dẫn của vị Phật Tiếp Dẫn Đạo Nhơn mở đường để đi đến chùa Lô Âm ở cõi Cực Lạc Thế giới.

1245

*Nơi cảnh tịnh âm thâm vui thú,
Đem tấm tình để ngụ đài sen.
Thong dong quạt gió trăng đèn,
Nhành dương làm bạn, sách hiền gọi quen.*

Chú thích:

Cảnh tịnh: Cảnh chùa, nơi tu hành. Tịnh là trong sạch. **Tấm tình:** Cái tấm tình cảm yêu thương vợ chồng. **Đài sen:** Tòa sen, nơi Đức Phật ngụ. **Ngụ:** Ở, cư ngụ. **Để ngụ đài sen:** Ý nói đem gởi cho Phật. **Nhành dương:** Cành dương liễu của Đức Quan Âm Bồ Tát dùng để rải nước Cam lồ. **Nhành dương làm bạn:** Làm bạn với cành dương liễu, ý nói làm đệ tử của Phật. **Sách hiền:** Kinh sách của các bậc Thánh Hiền. **Sách hiền gọi quen:** Ý nói thường đọc kinh sách của Thánh Hiền.

Câu 1246: Đem cái tấm ái tình đặt lên tòa sen gởi cho Phật, để lòng được yên ổn lo việc tu hành.

Câu 1246: Thung dung nhàn hạ sống với cảnh vật thiên nhiên, dùng gió làm quạt, dùng trăng làm đèn.

1249

*Bế ngũ quan, không kiêng tục tánh,
Diệt lục trần, xa lánh phàm tâm.
Mệnh Thiên giữ vững tay cầm,
Đoạt phương tỵ diệt giải phần hữu sanh.*

Chú thích:

Ngũ quan: Năm giác quan của con người: Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân (Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Da của thân thể).

Lục trần: Sáu thứ dơ bẩn nơi cõi trần. Trần là bụi, chỉ cái dơ bẩn. Nhà Phật cho là dơ bẩn vì làm cho cái tâm dơ bẩn, nhưng lại rất hấp dẫn đối với con người đời.

Lục trần gồm: Sắc, Thinh, Hương, Vị, Xúc, Pháp (Sắc đẹp,

Âm thanh, Mùi thơm, Đồ ăn ngon ngọt, Sự tiếp xúc trên da thịt, Ý tưởng).

Lục trần kêu gọi các giác quan của con người, làm con người ham muốn, tạo thành Lục dục: Sáu điều ham muốn.

Lục dục gồm: Sắc dục, Thinh dục, Hương dục, Vị dục, Xúc dục, Pháp dục.

- Mắt nhìn thấy Sắc đẹp thì sanh ra Sắc dục.
- Tai nghe âm thanh êm dịu, lời ngon ngọt thì sanh ra Thinh dục.
- Mũi ngửi mùi thơm dễ chịu thì sanh ra Hương dục.
- Lưỡi nếm sự ngon ngọt béo bùi thì sanh ra Vị dục.
- Da thịt tiếp xúc sự mềm mại thì sanh ra Xúc dục.
- Ý tưởng thích được mền khen sanh ra Ý dục.

Bế ngũ quan: Đóng 5 giác quan lại, không cho lục trần cảm dỗ.

Không kiêng: Không nể sợ. **Tục tánh:** Cái tánh tầm thường của người phàm, thích vật chất. **Diệt lục trần:** Tiêu diệt sự cảm dỗ của Lục trần, chớ không thể tiêu diệt được Lục trần, vì Lục trần là ngoại cảnh. **Phàm tâm:** Cái tâm phàm tục, nhiều tham vọng và ích kỷ, thích hưởng thụ vật chất. Trái với Phàm tâm là Thánh tâm. **Mệnh Trời:** Mệnh Trời, mệnh lệnh của Trời. **Đoạt phương tự diệt:** Đoạt được phương pháp để tự mình diệt hết cái phàm tâm của mình, để phàm tâm không còn che lấp Thánh tâm, Tâm sáng tỏ, có được trí huệ, đắc đạo. **Giải phần hữu sanh:** Giải là cởi bỏ; phần hữu sanh là phần có sống, tức là phần thể xác của con người. Giải phần hữu sanh là cởi bỏ thể xác, để chơn linh và chơn thân xuất ra đi lên cõi thiêng liêng.

Câu 1251: Giữ vững Mệnh Trời. Muốn giữ vững Mệnh Trời thì phải biết Mệnh Trời. Điều này rất khó, vì Đức Khổng Tử tới 50 tuổi mới biết được mệnh Trời. (*Ngũ thập nhi tri Thiên mệnh*). Khi đã biết được mệnh Trời thì cứ sống vui theo mệnh Trời, chớ lập ý riêng, lần lần tạo được năng lực mẫn huệ, đắc đạo tại thế.

1253

*Linh linh, hiển hiển, khinh khinh khứ,
Sắc sắc, không không, sự sự tiêu.
Chơn linh đẹp đẽ mỹ miều,
Xuất dương sớm đã đến triều Ngọc Hư.*

Chú thích:

Linh: Thiêng liêng. **Hiển:** Hiện ra. **Khinh:** Nhẹ. **Khứ:** Đi. **Sắc:** Cái có hình dạng thấy được bằng mắt thường. **Không:** Không có gì cả, trống không. **Sự:** Việc. **Tiêu:** Mất. **Xuất dương:** Đi ra khỏi cõi trần. Xuất là đi ra. Dương là cõi dương gian, tức là cõi trần. **Triều:** Châu. (*Châu vua*) **Ngọc Hư:** Ngọc Hư Cung nơi cõi thiêng liêng. Đây là nơi nắm giữ Thiên điều, điều hành tất cả các hoạt động của Càn khôn Vũ trụ.

Câu 1254: Sắc và Không chỉ là hai trạng thái nối tiếp của một sự vật. Vật có hình thể là Sắc, lần hồi theo thời gian, vật bị hủy hoại tiêu mất để trở về Không. Rồi từ cái Không, sẽ tạo trở lại vật có hình thể tức là Sắc. Sắc Không cứ thế luân chuyển. Thể xác của con người cũng thế, luân chuyển trong vòng Sắc Không. Khi thể xác già yếu thì sẽ chết, tức là bị hủy hoại, Chơn linh và Chơn thần xuất ra khỏi thể xác, bay lên cõi thiêng liêng, tức là trở về Không.

Câu 1255: Nhờ tu hành, Chơn linh của người tu đẹp đẽ.

Câu 1256: Chơn linh đi ra khỏi cõi trần, bay lên Ngọc Hư Cung để chầu Đúc Chí Tôn.

1257

*Ngũ khí thanh diệt trừ quả kiếp,
Linh quang đầy đặn tiếp hồng ân.
Xác tại thế, đã nên Thân,
Ba mươi sáu cõi đặn gần Linh Thiên.*

Chú thích:

Ngũ khí: Năm chất khí gồm: Kim, Thủy, Mộc, Hỏa, Thổ. Thân

thể con người có Ngũ Tạng: Tâm, Can, Tỳ, Phế, Thận. Ngũ tạng sanh ra Ngũ khí, giống như 5 dòng điện.

- Tâm là trái tim, thuộc Hỏa.
- Can là lá gan thuộc Mộc.
- Tỳ là hai lá lách thuộc Thổ.
- Phế là hai lá phổi thuộc kim.
- Thận là hai quả thận thuộc Thủy.

Ngũ Tạng, nếu được nuôi dưỡng bằng thức ăn mặn, tức là cá thịt, thì Ngũ Khí sanh ra ô trược và năm dòng điện phát ra có tần số thấp; trái lại nếu được nuôi dưỡng bằng những thức ăn chay, tức là rau quả, thì Ngũ Khí thanh nhẹ, và năm dòng điện phát ra có tần số cao. (*Thanh là trong sạch nhẹ nhàng*).

Người tu luyện đạo, luyện cho năm luồng điện nầy điều hòa hiệp lại làm một trở nên mạnh mẽ, gọi là Ngũ Khí triều ngưng; kế đó luyện cho Tam Huê tụ đỉnh, tức là luyện cho Tinh Khí Thần hiệp nhứt thì đắc đạo thành Tiên Phật tại thế.

Muốn luyện cho Ngũ Khí triều ngưng thì phải dụng công phu định cái tâm, gìn cái ý, bế Ngũ quan, thì Ngũ Khí hiệp về. Còn muốn luyện Tam huê tụ đỉnh thì luyện Tinh hóa Khí, luyện Khí hiệp Thần và luyện Thần hườn Hư.

Các phép luyện đạo chỉ được truyền dạy trong Tịnh Thất dưới sự chăm nom của một Tịnh Chủ.

Quả kiếp: Cái kết quả của kiếp trước tạo thành cái Nghiệp để theo báo đáp lại trong kiếp nầy. Khi diệt trừ hết quả kiếp, tức là hết Nghiệp, hết nợ, tu hành rất mau đắc đạo. **Linh quang:** Điểm linh quang của Đức Chí Tôn ban cho mỗi người để làm Chơn linh. **Đầy:** Đủ sự tốt đẹp. **Hồng ân:** Ôn huệ to lớn của Đức Chí Tôn ban cho. **Ba mươi sáu cõi:** Còn gọi là Tam thập lục Thiên: Ba mươi sáu cõi Thiên Tào. **Linh Thiên:** Ông Trời, Đức Chí Tôn Thượng Đế.

Câu 1259: Tuy còn mang xác phàm tại thế nhưng đã đắc đạo, thành bực Thần, Thánh, Tiên, Phật tại thế.

1261

*Hiệp Tạo hóa cầm quyền chuyển thế,
Dạy vạn linh dụng thế từ bi.
Sanh ấy ký, tử là qui.
Diệu huyền cơ tạo chẳng gì gọi hơn.*

Chú thích:

Tạo hóa: Đấng Tạo hóa là Đấng tạo ra Càn khôn Vũ trụ và hóa sanh vạn vật. Đó là Đức Chí Tôn, Thượng Đế. **Chuyển thế:** Làm cho đời thay đổi, từ xấu thành tốt, từ đời hung tàn bạo ngược trở nên thuần lương đạo đức. **Vạn linh:** Toàn thể các chơn linh trong Càn khôn Vũ trụ, gồm đủ Bát hồn. Vạn linh đầu kiếp xuống cõi trần làm chúng sanh. Nên nghĩa thông thường của Vạn linh là Chúng sanh. **Diệu huyền cơ tạo:** Bộ máy của Đấng Tạo hóa huyền diệu.

Câu 1261: Khi đắc đạo rồi thì trở về cõi Thiêng liêng, hiệp cùng Đức Chí Tôn lo cơ chuyển thế.

Câu 1263: Sống gọi thác về. Đây là một triết lý nhân sinh hoàn toàn đúng đắn. Cõi thật sự của con người là cõi Thiêng liêng Hằng sống. Con người đầu kiếp xuống cõi trần là để học hỏi và tiến hóa. Khi hết hạn thì trở về cõi Thiêng liêng. Cho nên cõi Trần là nơi tạm mượn, cõi thật là ở thiêng liêng.

1265

*Chừ mới rõ nguồn cơn kiếp sống,
Tắc thâm phạm rất mỏng số căn.
Ham phương cứu thế độ nhân,
Giải mê khách tục, cõi trần lánh xa.*

Chú thích:

Chừ: Bây giờ. **Nguồn cơn:** Đầu đuôi ngọn ngành của sự việc. **Tắc thâm phạm:** Thắc xác phạm. Dùng chữ Tắc là để tỏ sự khiêm tốn. **Số căn:** Số phận của con người. **Cứu thế độ nhân:** Cứu đời giúp người. **Giải mê:** Cởi bỏ sự mê muội để được sáng suốt, thông hiểu

sự lý, tức là giác ngộ. **Khách tục:** Khách trần, chỉ con người đang sống trên cõi trần. (Xem *Chú thích câu 972*).

1269

*Lấy bác ái làm hòa vạn vật,
Đem thiện duyên xây nấc thang hồng.
Đoạn căn đóng chặt Âm cung,
Tòa sen chín phẩm để cùng Phật tâm.*

Chú thích:

Làm hòa: Làm cho thuận hòa với nhau. **Thiện duyên:** Duyên lành, ý nói cái duyên tu hành. **Xây nấc thang hồng:** Xây cái thang to lớn bắc lên Trời cao. Đây là nói ví dụ, sự tu hành ví như là cái thang bắc lên Trời để người tu đắc đạo đi lên Trời. Hồng là to lớn. **Đoạn căn:** Đoạn là cắt đứt. Căn là gốc rễ tức là chỉ những việc làm thiếu đạo đức trong kiếp trước tạo thành những mối dây oan nghiệt buộc chặt Chơn thần, không cho Chơn thần bứt ra rời khỏi thể xác khi thể xác chết để đi lên cõi thiêng liêng. Đức Chí Tôn mở Đạo Cao Đài là đại khai ân xá cho các đảng linh hồn, nên ban cho Phép Đoạn Căn để Chúc sắc hành pháp cắt đứt bảy dây oan nghiệt, Chơn thần mới được xuất ra đi lên cõi thiêng liêng. **Âm Cung:** Các cung điện nơi cõi Âm phủ, chỉ cõi Địa ngục. **Đóng chặt Âm Cung:** Đóng chặt cõi Địa ngục. **Tòa sen chín phẩm:** Cửu phẩm Liên hoa, là chín phẩm bậc nơi cõi Cực Lạc Thế giới. Những chơn linh đắc đạo lên cõi này sẽ tùy công đức nhiều ít mà ở trong chín phẩm liên hoa này. **Phật tâm:** Tâm từ bi giác ngộ hoàn toàn của Phật.

Câu 1269: Nhờ bác ái mà vạn vật sống hòa bình với nhau, nếu không bác ái thì vạn vật tranh đấu giết hại nhau.

Câu 1271: Cắt đứt các dây oan nghiệt để chơn thần thoát ra khỏi thể xác và đóng chặt cửa Địa ngục, ân xá không cho hành hình các chơn hồn tội lỗi để đưa họ đi học đạo.

Cũng trong thời kỳ ân xá của Đức Chí Tôn, Đức Chí Tôn cho đóng cửa Địa Ngục, không cho giam giữ và hành phạt các linh hồn tội lỗi, mà đưa họ qua cõi Âm Quang để học đạo và tự

xét mình. Khi họ biết hối ngộ thì sẽ được cho đi đầu thai lên cõi Trần để trả quả và tu hành, mong có ngày diệt trừ hết quả kiếp, trở về cõi Thiêng liêng Hằng sống.

Đồng thời, Đúc Chí Tôn cho mở rộng cõi Trời để tiếp rước những linh hồn đầy đủ đạo đức trở về.

Kinh Giải Oan:

*Đóng Địa ngục, mở tầng Thiên,
Khai đường Cực Lạc dẫn miền Tây phương.*

Câu 1272: Cửu phẩm Liên hoa là ngôi vị dành cho những linh hồn có tâm lành như Phật.

1273

*Trăm tuổi sống chẳng làm tuổi sống,
Một kiếp sanh chưa trọng kiếp sanh.
Thay thân Tạo hóa là mình,
Nâng niu sanh chúng mới đành chữ nhờn.*

Chú thích:

Câu 1273: Một kiếp sống của con người lâu lắm là một trăm năm, chẳng còn gì để làm nữa.

Câu 1274: Trong một kiếp sanh, con người chưa biết quý trọng kiếp sanh của mình. Con người thường phung phí thời giờ vào các cuộc tranh giành danh lợi hay các cuộc vui chơi, chỉ biết lo cho phần thể xác giả tạm, mà quên hẳn phần linh hồn. Đó là chưa biết trọng kiếp sanh của mình. Trái lại, nếu biết trọng kiếp sanh, phải lo trau tâm luyện tánh cho trở nên tốt đẹp, và lo phụng sự nhơn sanh thì linh hồn mới mau tiến hóa, mới đạt được phẩm vị cao trọng nơi cõi Thiêng liêng.

Câu 1275-1276: Thượng Đế tạo ra con người theo hình ảnh của Ngài, nên Thượng Đế có gì thì người có nấy. Thượng Đế là Đại Thiên Địa thì người là Tiểu Thiên Địa. Cho nên con người nơi cõi Trần là thay thân cho Đấng Thượng Đế, làm anh cả của chúng sanh, dìu dắt chúng sanh, xem chúng sanh là đàn em nhỏ thì mới đúng theo lòng Nhân của Thượng Đế.

1277

Ngồi mà lắng tiếng đồn vô cực,
 Phước siêu thắng đặng thất nơi ta.
 Biết coi thế giới như nhà,
 Sống nên Chí Thánh, thác là Thân Tiên.

Chú thích:

Lóng: Lắng tai nghe. **Vô cực:** Vô là không, cực là chỗ đầu cùng. Vô cực là không có đầu cùng, chỉ một nơi xa không cùng tận. **Tiếng đồn vô cực:** Tiếng đàn từ cõi xa xăm, ý nói tiếng gọi của Đại Hồn vũ trụ. Tiếng gọi đó cũng chính là tiếng gọi từ chỗ sâu thẳm của tâm hồn con người. **Phước:** Điều phước đức. **Siêu thắng:** Bay vượt lên cõi thiêng liêng. **Đặng thất:** Được hay mất, siêu thắng hay đọa lạc. **Nơi ta:** Do nơi mình, không do nơi người khác. **Chí Thánh:** Bực Thánh lớn. Chí là rất. **Thác:** Chết. **Thân Tiên:** Chỉ chung các Đấng Thiêng Liêng gồm: Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Câu 1277: Ngồi yên lặng mà lắng nghe tiếng gọi thiêng liêng của Đại Hồn (*Thượng Đế*), kêu gọi các Tiểu Hồn (*con người*) sớm giác ngộ, quay trở về con đường tu thì mới mong hiệp nhứt với Đại hồn.

Câu 1278: Có phước đức thì được siêu thắng, siêu hay đọa là do nơi mình có tu hay không tu.

Câu 1279: Coi thế giới nầy như nhà của mình, tức là coi nhân loại là anh em một nhà, dù khác tiếng nói hay màu da sắc tóc, vì toàn cả nhơn loại đều là con cái của Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu.

Nếu làm được như vậy thì tạo thành nơi mặt thế nầy một thế giới đại đồng, một Thiên đường tại thế, gọi là đời Thượng ngươn Thánh đức.

1281

Thiếp nhờ Đạo giải phiền diệt khổ,
 Biết may duyên lựa chỗ gọi tâm.
 Tìm đâu đặng kẻ tri âm,
 Ôm thương đem gọi cảnh Thân của Không.

Chú thích:

Giải phiền: Cởi bỏ sự phiền não. **May duyên:** Cái duyên may mắn gặp Đạo và theo Đạo. **Gởi tâm:** Gởi trọn tâm hồn vào cửa Đạo. **Kẻ tri âm:** Người bạn hiểu được tiếng đàn của mình, ý nói người bạn hiểu rõ lòng mình. **Cảnh Thần của Không:** Ý nói cảnh chùa cửa Phật.

Câu 1281: Nhờ theo đạo, lo tu hành nên cởi bỏ được sự phiền não và diệt trừ hết sự đau khổ.

Câu 1284: Ôm cái tấm tình thương yêu vợ chồng đem gởi vào cửa Phật. Ý nói dứt bỏ tình thương yêu thấp kém ích kỷ, để nuôi lấy lòng bác ái vị tha.

1285

Càng ngó trái lại miễn thế tục.

Lụy nhỏ dầm đòi khúc lòng đau.

Ái ân, ân ái là sao?

Đày thân lấm khách má đào gian truân.

Chú thích:

Ngó trái lại: Ngoảnh nhìn lại phía sau. **Thế tục:** Cõi đời thấp kém.

Lụy nhỏ dầm: Ý nói đau khổ khóc lóc. **Đòi khúc lòng đau:** Lòng đau đớn như ruột bị cắt nhiều khúc (đoạn trường). Đòi là nhiều.

Ái ân: Sự giao hợp hạnh phúc giữa vợ chồng. **Đày thân:** Đày đọa tấm thân. **Má đào:** Gò má đỏ hồng như trái đào, chỉ người phụ nữ. **Gian truân:** Khó khăn vất vả.

Hai câu 1285-1286: Ngoảnh nhìn lại thấy cảnh đời khiến cho lòng đau khổ đoạn trường, nước mắt tuôn rơi.

1289

Chịu mòn mỗi mảnh thân nhi nữ,

Cũng toan lo gìn giữ khối tình.

Trăm năm dầu sống mảnh hình,

Thì trong tâm lý đã đành tiêu tan.

Chú thích:

Khối tình: Khối tình thương yêu sâu đậm giữa nam và nữ, hay giữa vợ chồng. **Mảnh thân, Mảnh hình:** Tấm thân của người phụ nữ. **Tâm lý:** Cái lẽ biến hóa và tác dụng của lòng dạ con người. Nói cụ thể hơn, tâm lý là tất cả tình cảm, tư tưởng và ý thích trong lòng. **Tiêu tan:** Tiêu mất hết.

Bốn câu 1289–1292: Tấm thân nhi nữ phải chịu mòn mỏi là vì lo toan gìn giữ khối tình. Dầu cho tấm thân này có sống được trăm năm nhưng trong lòng cũng đành phải để cho cái khối tình này tiêu tan, bởi vì người phụ nữ ấy bây giờ đã từ bỏ việc đời, đem thân vào con đường đạo đức.

1293

Nào những mộng nợ chàng duyên thiếp,
 Nào những mơ ý hiệp tâm đầu.
 Duyên là đâu, nợ là đâu?
 Chẳng qua biển khổ bắc cầu sông mê.

Chú thích:

Mộng: Mơ tưởng. **Ý hiệp tâm đầu:** Tâm và ý đều hoàn toàn hòa hiệp với nhau. Đầu là hợp nhau. **Biển khổ, Biển mê, Mê tâm, Sông mê, Bến mê, Bến khổ:** Những từ ngữ này đều đồng nghĩa, chỉ cõi trần.

Câu 1296: Chẳng qua chỉ là việc đi qua khỏi biển khổ thì đến sông mê, qua được sông mê thì lại đến bể khổ. Ý nói con người phải chịu đau khổ triền miên nơi cõi trần. Cho nên cõi trần là cõi đọa. Muốn hết khổ thì phải giác ngộ có được trí huệ. Muốn có trí huệ thì phải Tu.

1297

Khối thâm chất tràn trên bề hện,
 Giọt đau thương quá chén hiệp phu.
 Hễ là trí, ấy là ngu,
 Càng say âu yếm càng sâu nhớ thương.

Chú thích:

Bể hẹm: Ý nói Biển hẹm non thể, chỉ sự thể nguyên đính ước cùng nhau giữa đôi nam nữ yêu nhau tha thiết. **Chén hiệp phu:** Chén rượu hiệp cần mà người vợ mới cưới uống với chồng. Đây là chén rượu vui mừng hạnh phúc.

Câu 1298: Giọt nước mắt đau thương của người vợ nếu lấy cái chén đã đựng rượu hợp cần mà đong thì quá đầy dẫy tràn trề. Ý nói: Trong suốt cuộc sống vợ chồng, người phụ nữ hạnh phúc thì ít mà đau buồn thì nhiều.

Câu 1299: Sự khôn ngoan đua chen danh lợi trong trường đời được các nhà đạo đức xem là sự ngu xuẩn trong đường đạo. (*Trí là sự khôn ngoan, Ngu là sự khờ dại*).

Câu 1300: Càng thương yêu nhiều chừng nào thì càng sầu khổ nhớ thương nhiều chừng nấy.

1301

*Khách má phấn môi son đậm sắc,
Đặng đem môi trêu mặt ác phong.
Đâu chữ tiết gọi là đồng,
Lời than tiếng thiết để lòng trăm năm.*

Chú thích:

Ác phong: Do thành ngữ chữ Hán: “Ác nguyệt đảm phong.” Nghĩa là: Cầm trăng gánh gió. Ác phong là chỉ những người háo sắc, đảm đảng, thích việc gió trăng. Ác là cầm giữ, đảm là gánh lấy, nguyệt phong là trăng gió. **Tiếng thiết:** Tiếng kêu đau đớn. Thiết là cắt.

Hai câu 1303–1304: Đâu là chữ tiết hạnh, đâu là chữ đồng tâm? Lời kêu than đau đớn giữ mãi trong lòng suốt đời.

1305

*Chẳng qua khách ăn nằm quán tục,
Vẫn một ngày, lâu chút trọn đời.
Hỏi ai thỏa chí ai ơi?*

Tra phòng hiệp cần, bao hồi khóc riêng.

Chú thích:

Quán tục: Côi Trần là quán trọ của khách trần. Người khách trần tạm ở nơi quán trọ một thời gian rồi cũng trở về quê cũ là côi Thiêng liêng Hằng sống. **Vấn:** Ngắn. **Tra:** Xem xét, kiểm tra. **Phòng hiệp cần:** Phòng của vợ chồng mới cưới, chỉ người vợ. **Khóc riêng:** Khóc một mình.

Hai câu 1305–1306: Con người chẳng qua chỉ là những khách trần, ăn ở tạm thời nơi côi trần một thời gian, nếu ngắn thì một ngày, nếu lâu thì nhiều lắm là trăm năm.

Câu 1308: Kiểm điểm trong cuộc sống vợ chồng, người phụ nữ âm thầm chịu đựng biết bao đau đớn khổ sở.

1309

Một câu mền gieo phiến muôn tiếng,

Đôi lời phân ngàn miệng xa xôi.

Hỏi ai trộm đứng lên ngôi,

Những cay những đắng cái mùi ra sao?

Chú thích:

Mền: Thương yêu. **Phiến:** Phiến não. **Phân:** Phân trần.

Câu 1309: Một tiếng nói thương yêu gây ra cả muôn tiếng phiến não. Ý nói vì tình yêu, người phụ nữ phải chịu biết bao phiến não.

Câu 1310: Một vài lời nói phân trần, cả ngàn miệng nói ra nói vào, nói xa nói gần. (*không người thông cảm*)

Hai câu 1311–1312: Người con gái về nhà chồng, lạ người lạ cảnh, chỉ có chồng là thân yêu, nên sống rất kén né, mất tự nhiên, cái gì cũng ngại cũng sợ (*trộm đứng lên ngôi*), lại còn chịu nhiều nỗi đắng cay khổ sở.

1313

Tính để viết khuyên rào tiết ngọc,

Thì sợ e gheo chọc si tình.

Còn không để trợn lời lành,

Lại e cho gái nhẹ mình nữ trung.

Chú thích:

Rào: Giữ gìn, bảo vệ. **Tiết ngọc:** Cái tiết hạnh quý báu của con gái.

Ngọc: Chỉ sự đẹp đẽ quý báu. **Si tình:** Tình yêu đắm đuối mê mẩn như ngây dại. **Nhẹ mình:** Xem nhẹ giá trị của mình, không biết quý trọng giá trị của mình. **Nữ trung:** Trong giới phụ nữ.

Hai câu 1313-1314: Tính đặt bút viết một bài khuyên bảo người con gái nên gìn giữ tiết hạnh quý báu của mình. Nhưng e sợ làm như vậy thì cũng như chọc ghẹo kẻ si tình.

Hai câu 1315-1316: Còn không viết ra để lưu lại lời lành thì e sợ đám con gái không biết quý trọng giá trị của mình.

1317

Toan để bút ngăn vòng chồng vợ,

Thì lại e nghịch nợ tiền khiên.

Còn không lưu lại lời hiền,

Mưu chi gỡ nỗi thâm phiền đạo thể.

Chú thích:

Nợ tiền khiên: Nợ nần với nhau từ kiếp trước. **Gỡ:** Tháo ra cho hết rối. **Thâm phiền:** Buồn rầu phiền não. **Đạo thể:** Bốn phận làm vợ trong gia đình.

Hai câu 1317-1318: Tính viết ra một bài để khuyên con gái đừng nên có chồng, thì lại sợ rằng điều ấy đi ngược lại sự vay trả nợ nần từ kiếp trước.

Hai câu 1319-1320: Còn nếu không viết ra để lưu lại lời hiền thì người phụ nữ không có cách chi để thoát khỏi những nỗi sầu thâm phiền não trong bốn phận làm vợ trong gia đình.

1321

Thấy trẻ gái dâm dề lụy đổ,

E cho sau chịu số như già.

Muốn khuyên đầu Phật xuất gia,

Lại e để hại nước nhà khuyết dân.

Chú thích:

Chịu số như già: Gánh chịu cái số phận như kẻ già nầy đây. Già là tiếng tự xưng của tác giả. **Đầu Phật:** Theo Phật. Đầu là theo. **Xuất gia:** Đi ra khỏi nhà, tức là từ bỏ gia đình để đi tu. **Khuyết dân:** Thiếu dân, không đủ số dân để xây dựng và bảo vệ quốc gia. **Bốn câu 1321-1324:** Thấy đám con gái khóc lóc đau khổ, e rằng chúng nó phải chịu số phận giống như già nầy đây, nên muốn khuyên chúng xuất gia đầu Phật, nhưng rồi lại sợ con gái không có chồng để sinh sản con cái, làm cho dân số của quốc gia giảm đi.

1325

*Thấy nhi nữ kiếp căn mỏng mảnh,
Muốn binh lời làm mạnh đỡ nâng.
Lại e lỗi đạo nhưn luân,
Đỡ dang gia pháp, vương thần loạn ngôi.*

Chú thích:

Kiếp căn: Số kiếp, số phận. (Xem Chú thích câu 1108). **Đạo nhưn luân:** Phép tắc cư xử giữa con người với nhau trong xã hội, gồm năm bậc: Vua tôi, Cha con, Chồng vợ, Anh em, Bè bạn. **Gia pháp:** Phép tắc riêng của gia đình. **Vương thần:** Vua tôi. **Loạn ngôi:** Đảo lộn ngôi thứ, trật tự.

Bốn câu 1325-1328: Nhận thấy nữ phái có số phận mỏng manh, nên muốn để lời binh vực mạnh mẽ, nâng đỡ cho nữ phái được bình quyền cùng nam phái, nhưng sợ e trái với đạo nhưn luân lúc bấy giờ, làm cho gia pháp không thi hành được và làm đảo lộn phép tắc nơi triều đình.

1329

*Gẫm thân gái trọn đời cực nhọc,
Tính buồn câu gọi chút nghỉ ngơi.
Lại e sai thế lỡ thời,*

Giúp nam nhân chẳng có người trọn tâm.

Chú thích:

Buông câu: Viết ra một câu. **Sái thế:** Trái với lẽ thường của cuộc đời. **Lỡ thời:** Không hợp thời. **Nam nhân:** Người đàn ông con trai. **Người trọn tâm:** Người hết lòng giúp đỡ.

Bốn câu 1329-1332: Ngẫm nghĩ, người phụ nữ trọn đời cực nhọc, nên muốn viết bài kêu gọi phụ nữ hãy dành thời gian để nghỉ ngơi, nhưng lại sợ rằng làm như thế là trái lẽ thường và không hợp thời, vì không có người hết lòng giúp đỡ nam nhân.

1333

*Nghĩ phận vợ ngàn trăm đau đớn,
Sanh đẻ còn nuôi dưỡng nhọc nhằn.
Muốn khuyên giảm bớt ái ân,
Lại e giục kẻ Tấn Tần chia phối.*

Chú thích:

Giục: Xúi giục. **Chia phối:** Chia lia. **Tấn Tần:** Chỉ vợ chồng. **Điển tích:** Nước Tấn và nước Tần là 2 nước lớn thời Xuân Thu bên Tàu. Theo Tả Truyện, Huệ Công vua nước Tấn, phụ ước vua Tần, bị Tần đem quân đánh, bắt được Thái Tử Ngũ đem về Tần làm con tin. Sau vua Tần Mục Công gả Công chúa Hoài Danh cho Thái Tử Ngũ và hai nước Tấn Tần hòa nhau. Từ đó về sau, luôn năm đời liên, con cháu hai nước cưới gả cho nhau, đối xử nhau rất tốt đẹp.

Hai câu 1335-1336: Muốn khuyên bảo người vợ giảm bớt việc ái ân với chồng để giảm bớt việc sanh đẻ, nhưng lại sợ làm như thế là xúi giục vợ chồng chia lia nhau.

1337

*Nên ngậm thầm đặng ngòi nuốt thầm,
Toan buông lời, chẳng dám hở môi.
Lén xem sự thế ngậm ngùi,
Nguyễn trông chỉ đợi phép Trời dạy khuyên.*

Chú thích:

Lén: Không dám ra mặt. **Sự thế:** Việc đời. **Ngậm ngùi:** Buồn rầu thương xót trong lòng. **Nguyên:** Tự cam kết sẽ làm đúng theo ước vọng của mình. **Trông:** Mong mỏi. **Phép Trời:** Luật Trời, Thiên điều.

Hai câu 1337-1338: Nên phải chịu nhiều nỗi sầu thảm trong lòng mà không thể tỏ bày ra được, tính nói ra mà lại sợ nên cũng chẳng dám hở môi. (Bởi vì những điều nói ra cũng không thể đem thi hành được trong hoàn cảnh xã hội bấy giờ).

1341

Tay lịch sự tự nhiên chê sự,
Lòng đa tình vẫn cứ vì tình.
Biết từng quyền hiểu chấp kinh,
Tìm phương hay gọi lấy mình của tu.

Chú thích:

Tay lịch sự: Người từng trải việc đời. **Chê sự:** Chê việc đời. **Đa tình:** Có nhiều tình cảm thương yêu, dễ xúc động. **Từng quyền, chấp kinh:** Do câu: “Xử thường chấp kinh, ngộ biến từng quyền.” Nghĩa là: Việc bình thường thì đối xử theo đạo thường, khi gặp biến thì tùy theo tình thế mà đối phó, không nên khư khư cố chấp mà chịu thất bại.

Hai câu 1341-1342: Người từng trải việc đời thì tự nhiên chê đời (nếu chưa từng trải thì chưa dám chê đời), người đa tình thì vẫn cứ vì tình yêu mà làm.

Hai câu 1343-1344: Biết lúc nào phải giữ đạo thường, biết lúc nào phải quyền biến, để tìm phương hay trong hoàn cảnh thích hợp mà lánh mình vào cửa Phật.

1345

Những tháng mắng tháng thâu năm lụn,
Sớm công phu, tối tụng vãng sanh.
Đã quen cảnh Phạm lánh mình,
Nên phương nhờ bởi đoạn tình ái yêu.

Chú thích:

Tháng mắng: Thôn mỏm, thời gian dần dần trôi qua. **Tháng thâu:** Suốt tháng. **Năm lụn:** Năm tàn. **Công phu:** Công việc tụng kinh hay ngồi thiền. **Vãng sanh:** Sanh qua cõi khác tốt đẹp hơn. **Tụng Vãng sanh:** Là tụng Vãng Sanh Chơn ngôn (*Vãng Sanh Thần chú*), để cầu cho chúng sanh khi chết được thoát sanh về cõi Cực Lạc. **Cảnh Phạm:** Cảnh Phật, cảnh chùa. **Nền phương:** Cách thức làm có kết quả. **Đoạn tình ái yêu:** Cắt đứt ái tình nam nữ, hay cắt đứt tình thương yêu vợ chồng.

1349

*Nghe một sự, hiểu điều khác nghĩ,
Trong thất tình tiêu hủy không không.
Hết ham danh, chẳng mến công,
Xem hình lẫn lộ, bùi nông thế gian.*

Chú thích:

Thất tình: Bảy tình cảm gồm: Hỷ, nộ, ái, ố, ai, lạc, dục (*Mừng, giận, thương, ghét, buồn, vui, muốn*). **Lẩn lộ:** Lẩn là giấu kín, lộ là hiện rõ ra. Đây là hai trạng thái đối nghịch nhau của một sự việc. **Nông:** Cay.

Câu 1349: Nghe một việc, suy nghĩ thì hiểu thêm ra được nhiều việc khác.

Câu 1350: Tiêu hủy hết Thất tình, để cho lòng không còn mừng vui hay hờn giận ganh ghét, không còn buồn rầu hay ước muốn, để giữ cho lòng trống trải không không.

Câu 1352: Ngồi xem cảnh đời biến đổi trong hai trạng thái đối ngược nhau: Kín hở, bùi nông, vui buồn, thương ghét.

1353

*Cây trăm thuốc bắc thang bến khổ,
Hoa bốn mùa thơm chỗ nhớp nhơ.
Vui đọc truyện, buồn ngâm thơ,
Non Vu lấp nẻo, đàn tơ dờ mù.*

Chú thích:

Cây trăm thuốc: Cây bồ đề, chỉ sự tu hành. (Xem *Chú thích câu 1223*). Về Cây trăm thuốc, có một Điển tích nữa là: Thiền Sư Cảnh Sầm, đời thứ 4 sau Lục Tổ Huệ Năng, có làm bài kệ:

*Bách xích can đầu bất động nhưn,
Tuy nhiên đắc nhập vị vi chơn.
Bách xích can đầu tu tiến bộ,
Thập phương thế giới thị toàn thân.*

Nghĩa là:

*Trăm thuốc đầu sào người đứng yên,
Tuy nhiên được nhập chưa là chơn thật.
Đầu sào trăm thuốc tu hành tiến bộ,
Mười phương thế giới là toàn thân thể.*

Theo bài kệ này, Cây trăm thuốc là cây sào trăm thuốc, cũng chỉ sự tu hành.

Bến khổ: Ý nói bể khổ, chỉ cõi trần. **Bốn mùa:** Ý nói suốt năm. **Hoa thơm chỗ nhớp nhơ:** Chỉ bông sen, vì gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn. **Non Vu:** Theo bài phú Cao Đường của Tống Ngọc, vua Sở đi chơi núi Vu sơn, nằm mơ thấy ân ái với Thần nữ núi Vu sơn. **Non Vu lấp nẻo:** Ý nói tuyệt dứt đường ân ái. **Đàn tơ:** Dây đàn. Dờ là đàn không hay, mùi là đàn rất hay. **Đàn tơ dỏ mùi:** Khảy đàn chơi, hay dở gì cũng được.

Câu 1353: Sự tu hành như là cái thang để người tu trèo lên thoát qua biển khổ.

Câu 1354: Tả cái hoa đèn trên bàn thờ Phật, chân đèn có hình hoa sen, giữa hoa sen cắm cây đèn sáp. Mỗi khi cúng Phật hay tụng kinh đều đốt đèn lên, suốt năm đều như vậy. Ngày nay, thay vì cắm đèn sáp, người ta gắn vào chỗ đó một bóng đèn điện thì tiện lợi hơn và không có khói.

1357

*Đếm thử tuổi tám mươi đã quá,
Giác Nam Kha giục già tỉnh mê.
Tâm thần mỗi mệt ủ ê,
Khối sanh khi đã gần kề dứt hơi.*

Chú thích:

Giác Nam Kha: Giác mộng ở đất Nam Kha, chỉ cuộc đời là phù du mộng ảo, công danh phú quý như giấc chiêm bao. Giác Nam Kha đồng nghĩa với Giác Huỳnh lương. **Điển tích:** Ông Lý Tá đời Đường làm sách Nam Kha, có thuật lại một chuyện như sau: Thuần Vu Phần nằm mộng đi đến nước Hòe An, được vua nước nầy đem lòng thương gả Công chúa cho, rồi bỏ làm quan Thái Thú đất Nam Kha, công danh thật là hiển hách. Vu Phần được vua sai đi đánh giặc, chẳng may bại trận, trong lúc đó, Công chúa ở nhà bị đau bệnh đột ngột từ trần. Vua nghi ngờ rồi cách chức đuổi đi. Thuần Vu Phần quá buồn bã và uất ức, liền giựt mình thức dậy, thì thấy mình đang nằm ngủ dưới gốc cây Hòe, nơi cành cây phía Nam, trên đó có một con kiến chúa trong tổ kiến lớn. Thuần Vu Phần nhớ lại giấc mộng và chợt hiểu rằng: Cây Hòe là nước Hòe An, cành cây phía Nam là đất Nam Kha, vua nước Hòe An là con kiến chúa. Ông lấy làm chán nản sự đời, thấy cuộc đời chẳng khác chi giấc mộng, nên liền đi lên núi, tìm Đạo tu Tiên. **Giục già:** Thúc giục liên tiếp. **Tỉnh mê:** Tỉnh cơn mê. **Tâm thần:** Tâm trí và tinh thần. **Ủ ê:** Chán chường. **Khối sanh:** Khối vật chất có sự sống, chỉ thân thể con người lúc còn sống. **Gần kề dứt hơi:** Gần kề sự chết.

Bốn câu 1357-1360: Đã sống quá 80 tuổi rồi, thấy công danh phú quý của cuộc đời như giấc mộng, hãy mau thức tỉnh cơn mê, tâm thần mỗi mệt ủ ê, gần tới ngày chết rồi.

1361

*Khổ bịnh thấy trêu người đã quá,
Buổi vãng sanh giục già kêu hồn.
Tỉnh say trong kiếp dương môn,
Nửa thì thấy cảnh hoàng hôn mộng hình.*

Chú thích:

Vãng sanh: Chết ở thế giới này để linh hồn chuyển sanh qua thế giới khác tốt đẹp hơn. **Vãng** là đi qua. **Tỉnh say:** Lúc tỉnh thức, lúc mơ màng. **Dương môn:** Cửa dương gian, đây là cõi trần, cõi của người sống. **Kiếp dương môn:** Kiếp sống nơi cõi trần. **Cảnh hoàng hôn:** Cảnh chiều vàng, ý nói cảnh của người sắp chết, như buổi chiều sắp tắt. **Mộng hình:** Mơ thấy hình hài của mình.

Hai câu 1361-1362: Bệnh tật gây đau khổ quá nhiều, như kêu róc thúc giục linh hồn chuyển sanh qua thế giới khác.

Câu 1364: Lúc mơ màng thì mộng thấy cảnh sắp chết của hình hài của mình.

1365

*Muốn gặp mặt thâm tình gởi trời,
Nhưng lỡ bề vì buổi đoạn từ.
Khôn nhận tín, khó hồng thư,
Viết quơ chẳng nổi, giấy như tránh đề.*

Chú thích:

Thâm tình: Tình cảm sâu đậm. **Gởi trời:** Gởi lời trần trời trước khi chết. **Lỡ bề:** Lỡ dịp, dịp tốt đã qua. **Buổi đoạn từ:** Buổi chia tay từ già, cắt đứt tình ái. Đó là buổi ly gia cắt ái để vào chùa tu hành. **Khôn:** Không. **Nhận tín:** Tín tức do chim nhận mang lại. **Hồng thư:** Cái thơ cột vào nách của con chim hồng để nó mang đi. Hồng là loại chim nhận nhưng lông màu đỏ. (Xem *Chú thích câu 769*). **Đề:** Là viết vào.

Câu 1368: Cầm viết quơ quào ít chữ mà không nổi, tấm giấy như né tránh không cho viết chữ vào.

1369

*Muốn nhắm mắt một bề cho khỏe,
Những tình hình mọi vẻ trêu người.
Khi thì khóc, lúc thì cười,
Bao nhiêu tình nghĩa một đời thoáng qua.*

Chú thích:

Nhắm mắt: Ý nói chết. **Một bề:** Chịu an phận như vậy **Tình hình:** Tình trạng của các việc xảy ra. **Mọi vẻ:** Nhiều mặt khác nhau.

Trêu người: Ghẹo chọc một cách cố ý, tỏ ra không kiêng nể.

Hai câu 1369-1370: Muốn an phận mà chết cho khỏe, nhưng tình hình các mặt chung quanh như có ý trêu ghẹo người sắp chết.

Hai câu 1371-1372: Nhớ đến việc này việc kia, khi nhớ việc vui thì cười, khi nhớ việc buồn thì khóc. Bao nhiêu tình nghĩa trong cuộc đời, thoáng qua như giấc mộng.

1373

*Tám chục năm lâu xa cách mấy,
Trong giấc mê xem thấy gần thay!
Ba vạn sáu ngàn ngày,
Cõi dương gian với tuyền đài gần nhau.*

Chú thích:

Giấc mê: Giấc mộng lúc ngủ mê. **Ba vạn sáu ngàn ngày:** là thời gian 100 năm. **Dương gian:** Cõi của người sống. **Tuyền đài:** Tuyền là suối, đài là đền đài cung điện. Tuyền đài là chỉ cõi Âm phủ, cõi của người chết.

Hai câu 1373-1374: Sống được 80 tuổi là lâu dài trường thọ lắm, nhưng trong giấc mộng lúc ngủ mê thì thấy rất gần ngủ. (như *Giấc Huỳnh lương hay Giấc Nam kha*).

Hai câu 1375-1376: Một đời người nhiều lắm là một trăm năm, cõi của người sống và cõi người chết rất gần nhau.

1377

Nhớ con cháu còn lâu kiếp sống,
 Dầu gặp hình như bóng sá chi.
 Dở hồn phách, yếu thân thi,
 Dậy ngồi chẳng nổi, bước đi không rời.

Chú thích:

Còn lâu kiếp sống: Đời sống còn lâu dài. **Hình:** Hình hài xác thịt. **Bóng:** Cái ảnh chụp in trên giấy. **Sá chi:** Có đáng kể chi. **Dở:** Không giỏi. **Hồn phách:** Linh hồn và chơn thân. **Thân thi:** Thân là thể xác, thi là thi hài xác thịt. Thân thi là thể xác phàm bằng xương bằng thịt.

Hai câu 1377-1378: Nhớ đến con cháu, thấy cái kiếp sống của chúng nó còn lâu dài. Con cháu gặp dạng cái hình hài xác thịt nầy hay thấy cái hình chụp, việc ấy đâu có sá gì.

Hai câu 1379-1380: Chơn thân và linh hồn dở lắm rồi, thân thể đã yếu đuối lắm rồi, đứng dậy hay ngồi đều không nổi, bước đi cũng không được.

1381

Gắng cầm viết nín hơi sống rớt,
 Đề năm vẫn khắc cốt nữ lưu.
 Dứt tình ái, giải sầu ưu,
 Hễ thương thì cũng lo mưu giữ mình.

Chú thích:

Gắng cầm viết: Cố gắng cầm cây viết lên để viết. **Nín hơi:** Giữ lấy hơi thở. **Sống rớt:** Rán sống thêm. **Đề năm vẫn:** Viết ra bài thơ gồm có năm vắn. **Khắc cốt nữ lưu:** Khắc vào xương của nữ phái để ghi nhớ hoài.

Hai câu 1383-1384: Khuyến nữ phái hãy dứt bỏ tình ái, cởi bỏ sự ưu sầu, mà hễ có yêu ai thì cũng phải lo tìm mưu kế để gìn giữ

tấm thân của mình. (Đừng như già nầy đây, vì chữ ái tình mà phải chịu đau đớn khổ sở suốt đời.)

.....

Thi:

1385

*Giữ mình dầu vẹn tấm tình chung,
Danh tiết nữ lưu ở phụ tùng.
Mặt biển khổ dồi dào ái thủy,
Đầu non thể hủy hoại hương hồng.*

Chú thích:

Tình chung: Tình yêu chung thủy trước sau như một. **Danh tiết:** Danh là tiếng tăm, Tiết là lòng trong sạch ngay thẳng, không như bọn. **Nữ lưu:** Nữ phái. **Phụ tùng:** Phụ là phụ nữ; tùng là theo, ý nói Tam tùng. Phụ tùng là đạo Tam tùng của người phụ nữ. **Tam Tùng gồm:** Tại gia tùng phụ, Xuất giá tùng phu, Phu tử tùng tử. **Ái thủy:** Nước ái tình, ấy là nước của biển khổ. **Non thể:** Cái núi mà hai người lúc mới yêu nhau chỉ nó mà thể nguyên với nhau là sẽ yêu nhau suốt đời. **Hoại hủy:** Hủy hoại, làm hư nát. **Hương hồng:** Cây nhang cháy đỏ hồng. Đây là cây nhang đốt lên để hai người vái Trời Đất thể nguyên với nhau.

Câu 1385: Dầu thể nào cũng phải giữ mình cho toàn vẹn tình yêu chung thủy.

Câu 1386: Danh giá và tiết hạnh của phụ nữ là ở trong cái đạo Tam tùng.

Câu 1387: Mặt biển khổ có nhiều nước ái tình. Ý nói: Những đau khổ của con người nơi cõi trần phần lớn là do ái tình. Càng yêu nhiều càng khổ nhiều.

Câu 1388: Coi chừng người yêu (hay người chồng) hủy hoại cây nhang thể nơi đầu núi thể. Ý nói coi chừng người yêu (hay người chồng) quên hết lời thể nguyên thưở trước, sanh tâm có người yêu khác (hay có vợ bé).

1389

Mày xanh khá nhớ cơn đầu bạc,
 Ngọc trắng đừng cho nhiễm bợn bùn.
 Khí tượng anh thư gìn lẫn giá,
 Giúp đoàn nhi nữ mở non sông.

Chú thích:

Mày xanh: Chũ Hán là Thanh mi, chỉ lúc trẻ tuổi. **Đầu bạc:** Chỉ lúc tuổi già tóc bạc. **Ngọc trắng:** Chỉ cái tiết hạnh của người con gái trong trắng sáng đẹp như ngọc. **Bợn bùn:** Bùn dơ. **Khí tượng:** Cái khí phách phát ra thành hình tượng có thể nhận biết được qua lời nói và việc làm. Người có khí phách mạnh mẽ khiến cho lời nói, cử chỉ đều tỏ ra vững vàng, cương quyết, tự tin. **Anh thư:** Anh là tài giỏi hơn người, thư là đàn bà con gái. Anh thư là người phụ nữ tài giỏi hơn người. **Gìn lẫn giá:** Gìn giữ cái khí tượng anh thư lẫn cái giá trị cao quý của mình, cũng là gìn giữ cả tài năng lẫn đức hạnh. **Nhi nữ:** Chỉ chung giới phụ nữ.

Hai câu 1389–1390: Người con gái lúc trẻ tuổi thì nên nhớ đến lúc tuổi già đầu bạc, khá gìn giữ tiết hạnh cho tốt đẹp đừng để cho nhớ nhớp.

Hai câu 1391–1392: Người phụ nữ cần phải gìn giữ cái khí tượng anh thư lẫn cái giá trị cao quý của mình, để giúp cho nữ phái mở mang non sông đất nước.

1393

Rán quá sức cần phong thí nhận,
 Dường say mê lơ lảng tinh thần.
 Sấn tay thêm một chữ: Thân,
 Để dành gỡ khổ đoạn tràng hồng nhan.

Chú thích:

Cần phong: Cần là cần thận; phong là niêm lại cho kín. Cần phong là cần thận niêm lại cho kín. **Thí nhận:** Nhận là con chim

nhận; thí, đáng lẽ là chữ “*thi*” (*thi nhận tức là thơ nhận*), nhưng vì luật thơ, chỗ này phải là chữ vần trắc, nên đổi lại là “*thí*”. Thi nhận tức là Thơ nhận, nghĩa là gởi thơ nhờ con chim nhận mang đi. **Sấn tay:** Đưa tay lướt tới, với một cử chỉ mạnh dạn. **Thân:** nghĩa là: tự mình.

Câu 1393: Tác giả rán quá sức viết thành bài thơ này, cần thận niệm lại, nhờ chim nhận gởi đi khắp nơi để khuyên dạy nữ phái rán lo tròn Nhơn đạo gồm Tú Đức và Tam Tùng.

Câu 1394: Đường như vì say mê công việc mà tinh thần có vẻ lơ lửng lơ như để ở đâu đâu.

Câu 1395-1396: Tác giả, Đoàn Tiên Nương đưa tay lướt tới, với ý chí mạnh mẽ, viết thêm một chữ Thân để lưu ý giới phụ nữ phải nhớ kỹ rằng: Tự mình mới có thể cứu được mình chớ không ai cứu được mình, tự mình giải khổ cho mình chớ không ai giải khổ giùm mình, tự mình tu hành để giải thoát chớ không ai tu giùm mình được, tự mình bước lên nấc thang tiến hóa để lên địa vị cao thượng chớ không ai bồng ẵm mình lên được.

Sở dĩ Đoàn Tiên Nương phải nhấn mạnh như thế là vì Bà biết rõ người phụ nữ luôn luôn có tánh ỷ lại, chỉ biết nương dựa chớ ít khi tự chủ, tự lực cánh sinh. Đó cũng là yếu điểm của đạo Tam Tùng, làm cho người phụ nữ chỉ biết tùng theo và sống phụ thuộc vào người khác.

1397

*Buông ngọn viết vào làn mây trắng,
Hễ có thương nhớ dạng là hơn.
Cảnh Thiên gởi tức hương hồn,
Đề câu tiết nghĩa vĩnh tồn hậu lai.*

1401

Đời đời danh chói CAO ĐÀI!

Chú thích:

Buông ngọn viết: Buông tay bỏ cây viết ra, vì đã viết xong. **Vào làn mây trắng:** Ý nói linh hồn siêu thăng, bay vào làn mây trắng, lên

các tầng Trời để đến cõi Thiêng Liêng Hằng Sống. **Cảnh Thiên:** Ý nói cõi Trời, tức là cõi Thiêng Liêng Hằng Sống. **Tác:** Tiếng dùng để tỏ ý khiêm nhượng. **Hương hồn:** Hồn thơm, linh hồn của người chết. **Đề câu:** Viết ra một câu. **Tiết nghĩa:** Lòng ngay thẳng trong sạch và sự ăn ở phải đạo. **Vĩnh tồn:** Tồn tại lâu dài. **Hậu lai:** Thời gian từ đây về sau.

Câu 1397: Bà Đoàn Thị Điểm giảng cơ viết xong tác phẩm Nữ Trung Tùng Phận thì Bà liền được siêu thăng, linh hồn Bà được đi lên cõi Tiên, đúng như lời Đức Phạm Hộ Pháp nói: “*Thuở xưa, Bà Điểm qui liễu nhưng chưa siêu thoát được vì Bà thiếu công quả. Nay Bà ra được cuốn Nữ Trung Tùng Phận rồi, tức nhiên Bà lập được công quả trong buổi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Nhờ vậy Bà mới siêu thoát và trở về Tiên Cảnh.*”

Câu 1399: Gởi linh hồn nơi cõi Trời. Ý nói đắc đạo, linh hồn được lên ở cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Câu 1400: Viết ra một câu để khuyên nữ phái phải giữ gìn tiết nghĩa thì mới được vĩnh tồn hậu lai. Đòi đòi danh chói **CAO ĐÀI** ■

CHINH PHỤ NGÂM

ĐOÀN THỊ ĐIỂM

(Chép theo bản của Văn Bình Tôn thất Lương
in năm 1950 Sách Giáo Khoa Tân Việt)

1

Thuở Trời Đất nổi cơn gió bụi,
Khách má hồng nhiều nổi truân chuyên.
Xanh kia thăm thẳm tầng trên,
Vì ai gây dựng cho nên nổi nầy.

5

Trống Tràng thành lung lay bóng nguyệt,
Khói Cam tuyền mờ mịt thức mây.
Chín tầng gương báu trao tay,
Nửa đêm truyền hịch định ngày xuất chinh.

9

Nước thanh bình ba trăm năm cũ,
Áo nhung trao quan vũ từ đây.
Sứ Trời sớm giục đường mây,
Phép công là trọng, niềm tây sá nào.

13

Đường giong ruổi lưng đeo cung tiễn,
Buổi tiễn đưa lòng bạn thê noa.
Bóng cờ tiếng trống xa xa,
Sầu lên ngọn ải, oán ra cửa phòng.

17

Chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt,
Xếp bút nghiên theo việc đao cung.
Thành liền mong tiến bệ rồng,
Thuốc gươm đã quyết chẳng dung giặc Trời.

21

Chí làm trai dẫm nghìn da ngựa,
Gieo Thái sơn nhẹ tựa hồng mao.
Giã nhà đeo bức chiến bào,
Thét roi cầu Vy, ào ào gió thu.

25

Ngòi đầu cầu nước trong như lọc,
Đường bên cầu cỏ mọc còn non.
Đưa chàng lòng dặc dặc buồn,
Bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền.

29

Nước trong chảy, lòng phiền chẳng rửa,
Cỏ xanh thơm, dạ nhớ khó quên.
Nhủ rồi tay lại trao liền,
Bước đi một bước lại vin áo chàng.

33

Lòng thiếp tựa bóng Trăng theo dõi,
Dạ chàng xa ngoài cõi Thiên sơn.
Múa gươm rượu tiễn chưa tàn,
Chỉ ngang ngọn giáo vào ngàn hang beo.

37

Săn Lâu lan rặng theo Giới Tử,
Tối Man Khê bàn sự Phục Ba.
Áo chàng đồ tựa rán pha,
Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in.

41

Tiếng nhạc ngựa lần chen tiếng trống,
Giáp mặt rồi phút bỗng chia tay.
Hà lương chia rẽ đường nầy,
Bên đường trông bóng cờ bay ngùi ngùi.

45

Quân trước đã gần ngoài doanh liễu,
Kỵ sau còn khuất nẻo Tràng dương.
Quân đưa chàng ruổi lên đường,
Liễu dương biết tiếp đoạn trường nầy chẳng?

49

Tiếng địch thổi nghe chừng đồng vọng,
Hàng cờ bay trong bóng phát phơ.
Dấu chàng theo lớp mây đưa,
Thiếp nhìn rặng núi, ngẩn ngơ nổi nhà.

53

Chàng thì đi cõi xa mưa gió,
Thiếp lại về buồng cũ gối chăn.
Đoái trông theo đã cách ngăn,
Tuôn màu mây biếc trải ngân núi xanh.

57

Chốn Hàm dương chàng còn ngảnh lại,
Bến Tiêu tương thiếp hãy trông sang.
 Khói Tiêu tương cách Hàm dương,
Cây Hàm dương cách Tiêu tương mấy trùng.

61

Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy,
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu.
 Ngàn dâu xanh ngắt một màu,
Lòng chàng ý thiếp ai sâu hơn ai?

65

Chàng từ đi vào nơi gió cát,
Đêm Trăng nầy nghỉ mát phương nao?
 Xưa nay chiến địa dường bao,
Nội không muôn dặm xiết bao dãi dầu.

69

Hơi gió lạnh người râu mặt dạn,
Giòng nước sâu ngựa nản chân bon.
 Ôm yên gối trống đã chôn,
Năm vùng cát trắng, ngủ cồn rêu xanh.

74

Nay Hán xuống Bạch thành đóng lại,
Mai Hồ vào Thanh hải dòm qua.
 Hình khe thế núi gần xa,
Đút thoi lại nổi thấp đà lên cao.

77

Sương đầu núi buổi chiều như giội,
 Nước lòng khe nẻo suối còn sâu.
 Nào người áo giáp bấy lâu,
 Lòng quê qua đó mặt sầu chẳng khuây.

81

Trên trường gấm có hay chăng nhè?
 Mặt chinh phu ai vẽ cho nên.
 Tưởng chàng giông ruổi bấy niên,
 Chẳng nơi Hãn hải thì miền Tiêu quan.

85

Đã trác trở đòi ngàn xà hổ,
 Lại lạnh lòng những chỗ sương phong.
 Lên cao trông thức mây lồng,
 Lòng nào mà chẳng động lòng bi thương.

89

Chàng từ sang Đông Nam khơi nẻo,
 Biết nay chàng tiến thảo nơi đâu?
 Những người chinh chiến bấy lâu,
 Nhẹ xem tính mệnh như màu cỏ cây.

93

Nức hơi mạnh ân dày từ trước,
 Trải chốn nghèo, tuổi được bao nhiêu?
 Non Kỳ quạnh quẽ Trăng treo,
 Bến Phi gió thổi đìu hiu mấy gò.

97

Hồn tử sĩ gió ù ù thổi,
Mặt chinh phu trăng dôi dôi soi.
Chinh phu tử sĩ mấy người,
Nào ai mặc mặt, nào ai gọi hồn?

101

Dấu binh lửa nước non như cũ,
Kẻ hành nhân qua đó chạnh thương.
Phận trai già cõi chiến trường,
Chàng Siêu mái tóc điểm sương mới về.

105

Tưởng chàng trải nhiều bề nắng nỏ,
Ba thước gươm, một cổ nhung yên.
Xông pha gió bãi Trăng ngàn,
Tên reo đầu ngựa, giáo lan mặt thành.

109

Áng công danh trăm đường rộn rã,
Những nhọc nhằn nào đã nghỉ ngơi.
Nỗi lòng biết ngỏ cùng ai,
Thiếp trong cánh cửa, chàng ngoài chân mây.

113

Trong cửa này đã đành phận thiếp,
Ngoài mây kia há kiếp chàng vay?
Những mong cá nước sum vầy,
Nào ngờ đôi ngã nước mây cách vời.

117

Thiếp chẳng tưởng ra người chinh phụ,
 Chàng há từng học lũ vương tôn.
 Có sao cách trở nước non?
 Khiến người thôi sớm thôi hôm những sầu.

121

Khách phong lưu đương chùng niên thiếu,
 Sánh nhau cùng dan díu chữ duyên.
 Nỡ nào đôi lứa thiếu niên,
 Quan sơn để cách hàn huyền bao đành.

125

Thuở lâm hành oanh chưa bén liễu,
 Hỏi ngày về ước nẻo quyên ca.
 Nay quyên đã giục oanh già,
 Ý nhi lại gáy trước nhà lú lo.

129

Thuở đăng đồ mai chưa dạn gió,
 Hỏi ngày về chỉ độ đào bông.
 Nay đào đã quyến gió đông,
 Phù dung lại đã bên sông bơ sở.

133

Hẹn cùng ta Lũng tây nham ấy,
 Sớm đã trông nào thấy hơi tăm.
 Ngập ngừng lá rụng cành trâm,
 Buổi hôm nghe dậy tiếng cầm xông xao.

137

Hẹn nơi nao Hán dương cầu nợ,
Chiều lại tìm nào có tiêu hao.
Ngập ngừng gió thổi chéo bào,
Bãi hôm tuôn dẫy nước trào mênh mông.

141

Tin thường lại, người không thấy lại,
Hoa dương tàn đã trải rêu xanh.
Rêu xanh mấy lớp chung quanh,
Đạo sân một bước trăm tình ngăn ngại.

145

Thư thường tới, người không thấy tới,
Bức rèm thưa lẩn dãi bóng dương.
Bóng dương mấy buổi xuyên ngang,
Lời sao mười hẹn chín thường đờn sai.

149

Thử tính lại diễn khơi ngày ấy,
Tiền sen này đã nảy là ba,
Xót người lần lửa ải xa,
Xót người nương chốn Hoàng hoa dậm dài.

153

Tình gia thất nào ai chẳng có,
Kìa lão thân khuê phụ nhớ thương.
Mẹ già phơ phất mái sương,
Con thơ măng sữa vả đương phù trì.

157

Lòng lão thân buồn khi tựa cửa,
 Miệng hài nhi chờ bữa mớm cơm.
 Ngọt bùi thiệp đã hiểu nam,
 Dạy con đèn sách thiệp làm phụ thân.

161

Nay một thân nuôi già dạy trẻ,
 Nỗi quan hoài mang mẽ biết bao.
 Nhớ chàng trái mấy sương sao,
 Xuân từng đổi mới, đông nào còn dư.

165

Kể năm đã ba tư cách diễn,
 Mỗi sầu thêm nghìn vạn ngón ngang.
 Ước gì gần gũi tắc gang,
 Giải niềm cay đắng để chàng tỏ hay.

169

Thoa cung Hán thuở ngày xuất giá,
 Gương lầu Tần dấu đã soi chung.
 Cây ai mà gọi tới cùng,
 Để chàng thấu hết tấm lòng tương tư.

173

Nhẫn đeo tay mọi khi ngắm nghĩa,
 Ngọc cài đầu thuở bé vui chơi.
 Cây ai mà gọi tới nơi,
 Để chàng trân trọng dấu người tương thân.

177

Trái mấy thu tin đi tin lại,
Tối Xuân nầy tin hãy vắng không.
Thấy nhàn luống tưởng thư phong.
Nghe hơi sương, sắm áo bông sẵn sàng.

181

Gió tây thổi không đường hồng tiện,
Xót cõi ngoài tuyết quyến mưa sa.
Màn mưa trướng tuyết xông pha,
Nghĩ thêm lạnh lẽo kẻ ra cõi ngoài.

185

Đề chữ gấm phong thôi lại mở,
Gieo bó tiền tin dở còn ngờ.
Trời hôm tựa bóng ngắn ngơ,
Trăng khuya nương gối bờ phờ tóc mai.

189

Há như ai, hôn say bóng lẫn,
Bỗng thơ thơ thẩn thẩn hư không.
Trâm cài xiêm giắt lạnh lòng,
Lệch làn tóc rối, lỏng vòng lưng eo.

193

Đạo hiên vắng thắm gieo từng bước,
Bức rèm thưa rủ thác đòi phen.
Ngoài rèm thước chẳng mách tin,
Trong rèm dường đã có đèn biết chăng?

197

Đèn có biết đường bằng chẳng biết,
 Lòng thiệp riêng bi thiết mà thôi.
 Buồn rầu nói chẳng nên lời,
 Hoa đèn kia với bóng người khá thương.

201

Gà eo óc gáy sương năm trống,
 Hòe phất phơ rủ bóng bốn bên.
 Khắc chờ đằng đẵng như niên,
 Mối sầu dằng dặc tựa miền biển xa.

205

Hương gương đốt hồn đà mê mải,
 Gương gương soi lệ lại chứa chan.
 Sắt cầm gương gãy ngón đàn,
 Dây uyên kinh đứt, phím loan ngại chùng.

209

Lòng này gửi gió đông có tiện,
 Nghìn vàng xin gửi đến non Yên.
 Non Yên dù chẳng tới miền,
 Nhớ chàng thăm thăm đường lên bằng Trời.

213

Trời thăm thăm xa vời không thấu,
 Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong.
 Cảnh buồn người thiết tha lòng,
 Cành cây sương đượm tiếng trùng mưa phun.

217

Sương như búa, bỏ mòn gốc liễu,
Tuyết đường cửa, xẻ héo cành ngô.
Giọt sương phủ bụi chim gù,
Sâu tường kêu vắng, chuông chùa nện khơi.

221

Vài tiếng dế nguyệt soi trước ốc,
Một hàng tiêu gió thốc ngoài hiên.
Lá màn lay ngọn gió xuyên,
Bóng hoa theo bóng nguyệt lên trước rèm.

225

Hoa giải nguyệt, nguyệt in một tấm,
Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông.
Nguyệt hoa, hoa nguyệt trùng trùng,
Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đâu.

229

Đâu xiết kể trăm sâu nghìn nã,
Từ nữ công phụ xảo đều nguôi.
Biếng cầm kim, biếng đưa thoi,
Oanh đôi thẹn dệt, bướm đôi ngại thùa.

233

Mặt biếng tô, miệng càng biếng nói,
Sớm lại chiều đòi dỗi nường song.
Nường song luống giận, ngơ lòng,
Vắng chàng điếm phấn, trang hồng với ai?

237

Biếng trang điếm lòng người sâu tủi,
 Xót nỗi chàng ngoài cõi trùng quan.
 Khác gì ả Chức chị Hằng,
 Bến Ngân sùi sụt cung Trăng chốc mòn.

241

Sầu ôm nặng hầy chồng làm gối,
 Buồn chứa đầy hầy thổi làm cơm.
 Mượn hoa mượn rượu giải buồn,
 Sầu làm rượu nhạt, mượn làm hoa ôi.

245

Gõ sanh ngọc mấy hồi không tiếng,
 Ôm đàn tranh mấy phím rời tay.
 Xót người hành dịch bấy nay,
 Dặm xa mong mỏi hết đây lại với.

249

Ca quyên gheo làm rơi nước mắt,
 Trống tiêu khua như đốt buồng gan.
 Vỡ vàng đổi khác dung nhan,
 Khuê ly mới biết tân toan đường này.

253

Nếm chua cay tẩm lòng mới tỏ,
 Chua cay này há có vì ai?
 Vì chàng lệ thiếp nhỏ đôi,
 Vì chàng thân thiếp lẻ loi một bề.

257

Thân thiếp chẳng gân kê dưới trướng,
Lê thiếp nào chút vương bên khản.
Duy còn hồn mộng được gân,
Đêm đêm thường đến Giang tân tìm người.

261

Tìm chàng thuở Dương đài lối cũ,
Gặp chàng nơi Tương phố bến xưa.
Sum vầy mấy lúc tình cờ,
Chẳng qua trên gối một giờ mộng xuân.

265

Giận thiếp thân lại không bằng mộng,
Được gân chàng bến Lũng thành Quan.
Khi mơ những tiếc khi tàn,
Tình trong giấc mộng muôn vàn cũng không.

269

Vui có một tấm lòng chẳng dứt,
Vốn theo chàng giờ khắc nào nguôi.
Lòng theo nhưng chữa thấy người,
Lên cao mấy lúc trông vời bánh xe.

273

Trông bến nam bãi che mặt nước,
Cỏ biếc um dâu muốt màu xanh.
Nhà thôn mấy xóm chông chênh,
Một đàn cò đậu trước ghềnh chiều hôm.

277

Trông đường bắc đò chòm quán khách,
 Rườm rà xanh cây ngát núi non.
 Lúa thành thoi thóp bên cồn,
 Nghe thôi địch ngọc véo von bên lầu.

281

Non đông thấy lá hầu chất đống,
 Trĩ xập xoè, mai cũng bẻ bai.
 Khói mù nghi ngút ngàn khơi,
 Con chim bạt gió lạc loài kêu sương.

285

Lũng tây thấy nước dường uốn khúc,
 Nhận liệng không sóng giục thuyền câu.
 Ngàn thông chen chúc khóm lau,
 Cách ghềnh thấp thoáng người đầu đi về.

289

Trông bốn bề chân trời mặt đất,
 Lên xuống lầu thấm thoát đòi phen.
 Lốp mây ngừng mắt ngại nhìn,
 Biết đâu chinh chiến là miền Ngọc quan.

293

Gậy rút đất dễ khôn học chức,
 Khăn gieo cầu nào được thấy Tiên.
 Lòng nầy hóa đá cũng nên,
 Ɛ không lệ ngọc mà lên trông lầu.

297

Lúc ngành lại ngấm màu dương liễu,
Thà khuyên chàng đừng chịu tước phong.
Chẳng hay muôn dặm ruổi dong,
Lòng chàng biết có như lòng thiếp chăng?

301

Lòng chàng ví cũng bằng như thế,
Lòng thiếp đâu dám nghĩ gần xa.
Hương dương lòng thiếp như hoa,
Lòng chàng lẫn thẩn ơ tà bóng dương.

305

Bóng dương để hoa vàng chẳng đoái,
Hoa để vàng bởi tại bóng dương.
Hoa vàng hoa rụng quanh tường,
Trải xem hoa rụng đêm sương mấy lần.

309

Chôi lan nọ trước sân đã hái,
Ngọn tần kia bên bãi đưa hương.
Sửa xiêm dạo bước tiền đường,
Ngửa trông xem vẻ thiên chương thẩn thờ.

313

Bóng Ngân hà khi mờ khi tỏ,
Độ Khue triển buổi có buổi không.
Thức mây đòi lúc nhật nông,
Chuôi sao Bắc Đẩu thôi đông lại đoài.

317

Mặt Trăng tỏ thường soi bên gối,
 Bùng mắt trông sương gội cành khô.
 Lạnh lòng thay bấy nhiều thu,
 Gió may hiu hắt trên đầu tường vôi.

321

Một năm một nhạt mùi sơn phấn,
 Trượng phu còn thơ thảo miễn khơi.
 Xưa sao hình ảnh chẳng rời,
 Bây giờ nở để cách vời Sâm Thương.

325

Chàng ruổi ngựa dặm trường mây phủ,
 Thiếp đạo hài lâu cũ rêu in.
 Gió xuân ngày một vắng tin,
 Khá thương lẽ hết mấy phen lương thì.

329

Xây nhớ khi cành Diêu đóa Ngụy,
 Trước gió Xuân vàng tía sánh nhau.
 Nọ thì ả Chúc chàng Ngâu,
 Tối Trăng thu lại bắc cầu sang sông.

333

Thương một kẻ phòng không luống giữ,
 Thời tiết lành lắm lẽ đòi nau.
 Thoi đưa ngày tháng ruổi mau,
 Người đời thắm thoát qua màu xuân xanh.

337

Xuân thu để giận quanh ở dạ,
Hợp ly đành buồn quá khi vui.
Oán sâu nhều rối tôi bởi,
Vóc bô liễu dễ ép nài chiều xuân.

341

Kìa Văn Quân mỹ miều thuở trước,
E đến khi đầu bạc mà thương.
Mặt hoa nọ gã Phan lang,
Sợ khi mái tóc điểm sương cũng ngừng.

345

Nghĩ nhan sắc đương chùng hoa nở,
Tiếc quang âm lẫn lữa gieo qua.
Nghĩ mệnh bạc, tiếc niên hoa,
Gái tơ mấy chốc đã ra nạ dòng.

349

Gác nguyệt nọ mơ màng vẽ mặt,
Lầu hoa kia phảng phất mùi hương.
Trách Trời sao để lỗ làng,
Thiếp rầu thiếp lại rầu chàng chẳng quên.

353

Chàng thấy chẳng chim uyên ở nội,
Cũng đập diu chẳng vội phân trương.
Chẳng xem chim yến trên rường,
Bạc đầu không nở đôi đường rẽ nhau.

357

Kìa loài sâu đôi đầu cùng sánh,
 Nọ loài chim chắp cánh cùng bay.
 Liễu sen là thức cỏ cây,
 Đôi hoa cũng dính đôi cây cũng liền.

361

Ấy loài vật tình duyên còn thế,
 Sao kiếp người nỡ để đây đây.
 Thiếp xin về kiếp sau này,
 Như chim liền cánh như cây liền cành.

365

Đành muôn kiếp chữ tình đã vậy,
 Theo kiếp này hơn thấy kiếp sau.
 Thiếp xin chàng chớ bạc đầu,
 Thiếp thì giữ mãi lấy màu trẻ trung.

369

Xin làm bóng theo cùng chàng vậy,
 Chàng đi đâu cũng thấy thiếp bên.
 Chàng nương vầng nhật thiếp nguyện,
 Mọi bề trung hiếu thiếp xin vẹn tròn.

373

Lòng hứa quốc tựa sơn ngăn ngắt,
 Súc tỳ dân đường sắt trở trở.
 Máu Thuyền vu, quắc Nhục chi,
 Ấy thì bữa uống, ấy thì bữa ăn.

377

Mũi dòng vác đòi lần hăm hở,
Đã lòng Trời gìn giữ người trung.
Hộ chàng trăm trận nên công,
Buông tên ải bắc, treo cung non đồi.

381

Bóng kỳ xí giã ngoài quan ải,
Tiếng khải ca trở lại thân kinh.
Đình non khắc đá đề danh,
Triều thiên vào trước cung đình dâng công.

385

Nước Ngân hán vác dòng rửa sạch,
Khúc nhạc từ réo rất lừng khen.
Tài so Tần, Hoắc vẹn tuyền,
Tên ghi gác khói, tượng truyền đài lân.

389

Nền huân tướng đại cân rạng vẻ,
Chữ đồng hưu bia để nghìn đông.
Ởn Trên tử ẩm thê phong,
Phần vinh thiếp cũng đượm chung hương Trời.

393

Thiếp chẳng đại như người Tô phụ,
Chàng hẳn không như lũ Lạc dương.
Khi về đeo quả ấn vàng,
Trên khung cửi dám rầy ruộng làm cao.

397

Xin vì chàng xếp bào cởi giáp,
Xin vì chàng giữ lớp phong sương.
Vì chàng tay chuốc chén vàng,
Vì chàng điểm phấn đeo hương nả nùng.

401

Mở khăn lệ chàng trông từng tấm,
Đọc thơ sầu chàng thẩm từng câu.
Câu vui đối với câu sầu,
Rượu khà cùng kẻ trước sau mọi lời.

405

Sẽ rót vui lần lần từng chén,
Sẽ ca dần ren rén từng thiên.
Liên ngâm đối ẩm đòi phen,
Cùng chàng lại kết mối duyên đến già.

409

Cho bỏ lúc sầu xa cách nhớ,
Giữ gìn nhau vui thuở thanh bình.
Ngâm nga mong gửi chữ tình,
Đường này âu hẳn tài lành trượng phu ■

HƯỚNG DẪN

Tìm các từ ngữ, Thành ngữ, Điển tích
trong Nữ Trung Tòng Phận

A

Ác thú: C. 1139

Ai bi: C. 336

Ái phong: C. 620

Am tự: C. 915

Áng văn: C. 10

Anh nhi: C. 339

Anh thư: C. 1218

Áo trâu: C. 553

Ấn ái: C. 1227

Ấu xuân: C. 1076

Ác phong: C. 1302

Ái ân: C. 68

Ái thủy: C. 1387

An bang tế thể: C. 400

Anh hoa: C. 1196

Anh phong: C. 399 & C. 1212

Áo tơi: C. 1178

Âm cung: C. 860

Ấu nhi: C. 268

B

Ba mươi sáu cơi: C. 1260

Bá Lý Hề: C. 556

Bác ái: C. 1197

Bạc tình: C. 556

Bán xuân: C. 791

Bao chừ: C. 342

Bao Tỳ: C. 836

Bạo ngược: C. 429

Bạt tụy: C. 368

Bất bình: C. 60

Bấy chầy: C. 340

Bẻ gãy chữ đồng: C. 927

Bể hện: C. 1297

Ba vạn sáu ngàn ngày: C. 1375

Bá nạp: C. 1224

Bạc phước: C. 305

Bán duyên: C. 750

Bạn tác: C. 519

Bao nả: C. 948

Bảo thân: C. 364

Bạo tàn: C. 372

Báu châu: C. 1020

Bầu nhật nguyệt: C. 1207

Bấy chừ: C. 999

Bẻ liều: C. 60

Bể khổ: C. 987

- Bến khố: C. 1081
 Bến Phạm: C. 1152
 Bĩ bàng: C. 665
 Biển ái: C. 737
 Biển trí: C. 1180
 Bụi mai: C. 819
 Bóng Hằng: C. 825
 Bóng sắc: C. 827
 Bóng trời nồng nực: C. 821
 Bốn nghìn năm: C. 393
 Bở bền: C. 376
 Bợn bùn: C. 1390
 Buôn duyên bán nợ: C. 580
 Buồn tình: C. 993
 Buông lời: C. 1338
 Bút hoa: C. 162
 Bút ngọc: C. 165
 Bướm cũ: C. 183

- Bến mê: C. 1159
 Bĩ thô: C. 1188
 Biên đình: C. 431
 Biển mê: C. 1228
 Biệt phu: C. 1044
 Bóng bọt: C. 100
 Bóng ngà: C. 536
 Bóng trăng xuân: C. 610
 Bỗ kinh: C. 101
 Bờ tực: C. 1159
 Bợn hoang: C. 332
 Bợn tực: C. 1241
 Buôn hương: C. 806
 Buông câu: C. 1330
 Buông ngọn viết: C. 1397
 Bút nghiên: C. 14
 Bưởi bông: C. 724
 Bướm ong: C. 46

C

- Ca xang: C. 808
 Cam lồ: C. 1238
 Canh gà: C. 187
 Canh tàn: C. 184
 Cành mai đương nở: C. 593
 Cánh bướm: C. 837
 Cánh nhận: C. 282
 Cảnh Phạm: C. 1347
 Cảnh tịnh: C. 911
 Cẩn duyên: C. 707
- Cam tâm: C. 1099
 Canh củi: C. 680
 Canh lợn: C. 185
 Canh trâu: C. 727
 Cành xuân nhụy nở: C. 293
 Cánh hồng: C. 823
 Cánh hạn: C. 281
 Cảnh Thiên: C. 1399
 Cao niên: C. 649
 Cẩn nợ: C. 689

- Cần oan: C. 1014
Cần răng: C. 722
Cầm hồn hoa: C. 534
Cầm sắt: C. 668
Cần phong: C. 1393
Cầu Lam: C. 201
Cây liễn cành: C. 243
Cò ngà: C. 894
Cỏ rẽ hai: C. 406
Con gậy lê: C. 1074
Con Rồng cháu Tiên: C. 4
Cội thu: C. 1040
Cội tử: C. 640
Công nghệ: C. 361
Cơ hàn: C. 680
Cõi phụng ngựa loan: C. 159
Cửa ông công bà: C. 544
Cúc đục: C. 489
Cúi gặt: C. 997
Cung dầu tên cỏ: C. 432
Cung loan: C. 608
Cung Quảng: C. 825
Cùng căn: C. 1008
Cút côi: C. 247
Cửa hấp gà: C. 554
Cửa Phạm: C. 970
Cừu thước: C. 246
Cần sanh: C. 1072
Cầm điều: C. 253
Cầm nguyệt: C. 705
Cần Vương: C. 386
Cây trăm thước: C. 1223 & C. 1353
Cầu Ô: C. 214
Cò tay đếm tuổi: C. 340
Cỏ huyền: C. 1073
Con đò đưa khách: C. 749
Con Hồng cháu Lạc: C. 415
Cò đăng: C. 172
Cội thung: C. 725
Công danh: C. 473
Công phu: C. 1346
Cơ tạo: C. 1264
Cơm tẻ: C. 341
Cửa phù du: C. 1130
Cúc xử mai xào: C. 1194
Cung cấm: C. 155
Cung Ngọc Hư: C. 1256
Cung nguyệt: C. 147
Cung Thiểm: C. 190
Cuồng khấu: C. 431
Cửa công: C. 86
Cửa Không: C. 978
Cửa tía: C. 821
Cứu thế độ nhơn: C. 1267

Ch

- Chác oán mua hờn: C. 1148
Chài lữ: C. 918

Chánh thê: C. 712	Chánh tà: C. 453
Chăn dân: C. 684	Châm đê: C. 1044
Chằm khú: C. 642	Châu lưu: C. 403
Châu mãi Thần: C. 565	Châu mảy: C. 1048
Châu Trần: C. 532	Chén hiệp phu: C. 1298
Chếch mác: C. 726	Chì dẫn dạ: C. 269
Chí Linh: C. 1227	Chí thiết: C. 706
Chích bạn: C. 238	Chiêu Quân cống Hồ: C. 733
Chim kết cánh: C. 243	Chim xanh: C. 812
Chỉ ước: C. 492	Chinh phu: C. 326
Chơn chánh: C. 425	Chơn hồng: C. 1202
Chơn ngôn: C. 984	Chủ trương: C. 108
Chùa mây: C. 915	Chúa cả: C. 116
Chúa Thánh tội hiền: C. 682	Chuỗi bồ: C. 1183
Chuộng quới: C. 1114	Chuyển thế: C. 1261
Chừ sao: C. 171	Chước quý: C. 11

D

Da mỗi: C. 844	Dải đồng: C. 194
Danh thần: C. 367	Danh tiết: C. 1386
Dân khí: C. 426	Dật dờ cánh liệng: C. 889
Dây oan: C. 1134	Dẩy xe cha: C. 482
Dẫy tràn: C. 143	Dế reo tơ: C. 967
Dễ đuôi: C. 79	Dệt văn Tô Huệ: C. 632
Dĩ hơi: C. 70	Diêm đình: C. 872
Dò đon: C. 1077	Dòng là: C. 240
Dòng Tương: C. 97	Dở cầm: C. 104
Dở chơn hỏi nợ: C. 936	Du Sách: C. 700
Du Tiên: C. 858	Dục tài: C. 8
Dưới Bộc trong dàu: C. 198	Dương gian: C. 1376

Dương môn: C. 1363

Dứt hơi ba tấc: C. 1120

Đa tình: C. 1342

Đài hoa: C. 814

Đài sen: C. 1246

Đại trượng phu: C. 434

Đàn tơ dờ mùi: C. 1356

Đào lý: C. 877

Đào yêu: C. 602

Đạo ngài: C. 506

Đạo phu thê: C. 114

Đạo phục: C. 1153

Đạo thể: C. 1320

Đạo tông: C. 112

Đắc truyền: C. 450

Đặng thất: C. 1110

Đậm thắm: C. 564

Đậm sắc: C. 1301

Đầu Phật: C. 1323

Đầu tuyết: C. 1073

Đeo đẳng: C. 21

Đề năm vắn: C. 1382

Đề thi tự thuật: C. 165

Điện Thánh: C. 973

Đình thần: C. 428

Đóa ngọc: C. 145

Đoạn căn: C. 1271

Đoạn trường: C. 251

Dưỡng nghi: C. 484

Đ

Đai cân: C. 373

Đài liễu: C. 813

Đại đồng: C. 448

Đàn ong xóm bướm: C. 581

Đào châu: C. 817

Đào thư: C. 343

Đạo hằng: C. 570

Đạo nhơn luân: C. 1327

Đạo phụ cơ: C. 22

Đạo quân thần: C. 442

Đạo thờ thần: C. 642

Đạo y: C. 1210

Đắc vận: C. 404

Đắp cặn thành sấu: C. 162

Đậm hương: C. 747

Đất chiếu trời màn: C. 256

Đầu sương: C. 867

Đen bạc: C. 317

Đeo thắm chác sấu: C. 1111

Đề Oanh: C. 643

Đề Nghiêu: C. 479

Điều tàn: C. 1003

Định triều an bang: C. 416

Đoan nghiêm: C. 636

Đoạn tình: C. 1348

Đoạn tử: C. 1366

Đoạt binh: C. 440	Đoạt phương tự diệt: C. 1252
Đòi khúc: C. 1286	Đòi phen: C. 263
Đon đường: C. 1236	Đồ thơ: C. 518
Đổ vương: C. 514	Đổ lỵ: C. 1048
Đổ quyền: C. 729	Đổ thừa: C. 648
Độ dân: C. 384	Độc mã đơn đao: C. 511
Đông độ: C. 325	Đông sương: C. 553
Đồng bào: C. 507	Động đào: C. 133
Động tình: C. 1030	Đơn cô: C. 590
Đỡ ngọn binh đao: C. 15	Đút cơm vợ quáng: C. 572
Đưa linh: C. 866	Đưa thoi: C. 672
Đứng mảy râu: C. 409	Đường phước: C. 1191
Đường thế: C. 781	

E

Ên anh: C. 203 & C. 250

G

Gái bán thuyền: C. 719	Gan sắt đá: C. 455
Gành khơi: C. 894	Gáo tình: C. 1056
Gãy trâm, bể bình: C. 744	Gấm lót đường: C. 614
Gầy sống: C. 526	Gậy bá: C. 1177
Gậy lê: C. 866	Gót nhân ái: C. 1185
Gót sen: C. 616	Gối còn nửa nguyệt: C. 728
Gối loan: C. 302	Gối phụng: C. 188
Gươm thư hùng: C. 3	Gương thu: C. 104
Gương xưa lỗi ráp: C. 136	Gia cư: C. 192
Gia đàn: C. 1099	Gia nghiệp: C. 1061
Gia nô: C. 116	Gia pháp: C. 1328
Gia thất: C. 356	Gia tư: C. 312
Giá tuyết: C. 795	Giải cầu: C. 757

Giải mê: C. 1268
Giải phiền: C. 1281
Giải thảm cõi phiền: C. 1016
Gian truân: C. 1288
Giao thân: C. 571
Giày cỏ: C. 1177
Gieo cầu: C. 604
Gió trắng là phận: C. 521
Giọng kinh khua: C. 970
Giọt nhành dương: C. 1155
Giữa đàng trông ngọc: C. 197

Giải phần hữu sinh: C. 1252
Giải quả trừ khiên: C. 1170
Gian ngược chi danh: C. 558
Giành én giựt anh: C. 1031
Giao tình: C. 11 & C. 754
Giấc Nam Kha: C. 1358
Gió tuyết: C. 777
Giống từ hơi: C. 66
Giọt đau thương: C. 1298
Giục giã: C. 1358

H

Hà hải: C. 731
Hạc nội mây ngàn: C. 1243
Hải đảo: C. 1176
Hải thệ sơn minh: C. 964
Hạnh Ngươn: C. 742
Hằng Nga: C. 324
Hầu xinh: C. 562
Hậu thế: C. 436
Héo don: C. 144
Hiển tổ vinh tông: C. 437
Hiệp cần: C. 1308
Hiếu nam: C. 228
Hình hoa: C. 46
Hoa bốn mùa: C. 1354
Hoa dưới gạch phòng thu: C. 102
Hoa phong nhụy: C. 613
Hoàng hôn: C. 1364

Hạc cầm: C. 1174
Hạc qui hồi: C. 1046
Hải đường: C. 620 & C. 913
Hạng Thác: C. 445
Hảo cừu giai nhân: C. 1216
Hầu hồn giảm thương: C. 756
Hậu lai: C. 167
Hẹn biển thề non: C. 896
Hiên thu: C. 822
Hiển tông môn: C. 486
Hiệp hào: C. 517
Hiếu thân: C. 478
Hình mai: C. 144 & C. 843
Hoa chạ: C. 805
Hoa ép liễu nài: C. 818
Hoa tường buồn ong: C. 768
Hoành sơn: C. 390

Hồn phách: C. 1379

Hồng duyên: C. 1158

Hồng nhận: C. 893

Hơi cầm sắt: C. 808

Huệ kiếm: C. 1209

Huyết khí: C. 222 & C. 266

Huỳnh lương: C. 949

Hương hỏa: C. 31 & C. 357

Hương hồn: C. 1399

Hương nguyên: C. 132

Hương tàn: C. 935 & C. 1223

Hữu giao: C. 516

Hý tràng: C. 1136

Hồng ân: C. 1198

Hồng nhan: C. 609

Hồng thư: C. 1367

Hơi đồng: C. 802

Hùng Vương: C. 391

Huyết mạch đồng môn: C. 499

Hương đơm lửa nồng: C. 47

Hương hỏa ba sinh: C. 210

Hương hồng: C. 1388

Hương sắc: C. 578

Hương thể: C. 182

Hý sinh: C. 420

K

Kẻ Hồn người Hồ: C. 215

Kém phương thiếu thế: C. 409

Kế nhiệm mưu mầu: C. 451

Kênh kênh: C. 1073

Kiền trinh: C. 288

Kiếp căn: C. 1108

Kiếp phù sanh: C. 950

Kim cổ: C. 789

Kinh bố: C. 532

Kinh sử: C. 13

Khách đoạn trường: C. 789

Khai phát: C. 446

Khắc cốt: C. 1382

Khi thị: C. 397

Khí tượng: C. 1391

Kẻ thiết: C. 77

Keo rã sơn rời: C. 106

Kế sanh nhai: C. 1142

Kiểm cung: C. 83

Kiến thân: C. 39

Kiếp làng chơi: C. 330

Kim cải: C. 111

Kim tiền: C. 683

Kinh luân: C. 2

Kinh tâm: C. 352

Khách tục: C. 972 & C. 1268

Khai quốc công thần: C. 435

Khép khuôn: C. 494

Khí sinh: C. 870

Khinh trọng: C. 376

Khó nhín: C. 1098

Khối sanh: C. 1360

Không không: C. 1350

Khuất bóng: C. 1032

Khuê các: C. 621

Khuyết dân: C. 1324

Khối chung tình: C. 268

Khối tình: C. 743

Khổng Trình: C. 34

Khúc khiu: C. 345

Khuê phòng: C. 19

Khuynh thành: C. 383 & C. 559

L

Lạc cung: C. 64

Lang quân: C. 696

Lãnh cung: C. 272

Lạnh ngắt: C. 285

Lão thành: C. 472

Lặng trang: C. 916

Lập thân: C. 488

Lầu xanh: C. 320 & C. 1201

Lệ ngọc: C. 279

Lịch sự: C. 1341

Liệt nữ: C. 1208

Liễu Chương đài: C. 820

Liễu ngô hoa tường: C. 600

Linh quang: C. 1258

Loạn phụng: C. 812

Loạn quốc: C. 383

Lòng son: C. 688

Lỗ Ban: C. 370

Lộn chống: C. 710

Lỡ duyên: C. 648

Lời than tiếng thiết: C. 1304

Lục trần: C. 1250

Lại nhũng quan gian: C. 422

Lãng tử: C. 897

Lãnh đạm: C. 1046

Lạnh nòng: C. 537

Lau thanh: C. 1156

Lẩn lộ: C. 1352

Lầu hồng: C. 1182

Lê thứ: C. 117

Lịch sắc: C. 45

Liễn tang: C. 1045

Liệt sĩ: C. 384

Liễu mai: C. 726

Linh đơn: C. 1184

Linh Thiên: C. 1260

Loạn gia: C. 720

Long ám: C. 1045

Lòng vàng: C. 1025

Lôi Âm: C. 1078

Lỡ bể: C. 1366

Lời hơn tiếng thiết: C. 1089

Luận biện: C. 693

Luông tuồng: C. 496

Lụy mình: C. 764
 Lừa lọc câu thể: C. 658
 Lương nhân: C. 48
 Lưu Quang Trường: C. 509

Lụy tình: C. 976
 Lửa hương: C. 492
 Lường tài cân sắc: C. 656
 Lựu đào: C. 124

M

Ma Ha thủy: C. 1221
 Mãi Thân: C. 565
 Mạng phụ: C. 677
 Mạnh Quang: C. 675
 Mây nhàn: C. 847
 Mây xanh: C. 1389
 Mây mạy: C. 306
 Mạn mà: C. 620
 Mắt kẻ ngó song: C. 220
 Mặt ngán thân dụ: C. 49
 Mẫn Tử Khiên: C. 481
 Mấy nấc tương tư: C. 998
 Mèo mả gà đồng: C. 811
 Mệnh số: C. 858
 Miếu đường: C. 392
 Mòn vinh nhục: C. 781
 Mối giếng: C. 30
 Mua quan bán chức: C. 424
 Mùi chê: C. 775
 Mỹ miều: C. 1240
 Mỹ nhân: C. 828

Má đào: C. 14
 Màng: C. 33
 Mảnh hình: C. 1291
 Mây liễu: C. 50
 Mây râu: C. 129
 Máy linh cơ tạo: C. 461
 Mắc mỏ: C. 107
 Mặn nồng: C. 476
 Mặt hoa đã nhú: C. 773
 Mặt phép: C. 85
 Mây mưa đánh Giáp: C. 189
 Mấy từng tương tư: C. 908
 Mến anh quên én: C. 321
 Mệnh Thiên: C. 1251
 Mịt mờ: C. 966
 Mót cần: C. 1018
 Một ngựa một mình: C. 504
 Mùi chàm: C. 830
 Mười hai bến nước: C. 645
 Mỹ ngôn: C. 12

N

Nam châu: C. 414
 Nam Kha: C. 1358

Nam Hải: C. 405
 Nam mô: C. 993

- Nam nhân: C. 1332
Nam trào: C. 387
Nảo nông: C. 287
Năm châu: C. 402
Nặng ngãi nhiều nhơn: C. 806
Nâng khăn đắp: C. 93
Nấu kinh sử: C. 13
Nẻo chánh: C. 1233
Nết khuôn: C. 48
Niềm: C. 193
Nín hơi sống rớt: C. 1381
Non nhân: C. 1180
Non Vu: C. 1356
Nội trợ: C. 21
Nợ đời: C. 982
Nơi cân quân tử: C. 588
Nữ lưu: C. 36
Nữ phách: C. 1
Nữ trung: C. 672
Nước Cam lồ: C. 1237
Nướm nướp: C. 206
Ngai vàng: C. 371
Ngập ngừng: C. 275
Ngoại lân: C. 458
Ngọc cận hương thân: C. 794
Ngọc trắng: C. 1390
Ngồi lơ lên kỹ: C. 810
Ngũ hồ: C. 56
Ngũ quan: C. 1249
Nguyệt rạng: C. 815
Nam phong: C. 456
Nam tử: C. 401
Nảo nùng: C. 780
Nắng nồng tuyết lạnh: C. 989
Nấc thang hồng: C. 1270
Nầu sồng: C. 1196
Nén hương nguyên: C. 148
Nét ngài: C. 842
Ni Cô: C. 992
Niên thiếu: C. 1085
Nín nầm: C. 1099
Non thể: C. 798
Nô y: C. 338
Nợ ba sinh: C. 943
Nợ tiền khiên: C. 1318
Núm mồ bạc mệnh: C. 788
Nữ nhi: C. 164
Nữ sĩ: C. 8
Nữ Trung Tòng Phận: Tựa sách
Nước thấm đầu non: C. 235
Nường ý: C. 12
Ngàn dâu: C. 337
Ngắt ngưỡng: C. 734
Ngoại tông: C. 80
Ngọc Cầu Lam: C. 134
Ngô Khởi: C. 558
Ngôn tử: C. 626
Ngũ khí: C. 1257
Ngụy Tào: C. 388
Nguyệt tà: C. 188

Ngư Tiểu Canh Mục: C. 364
 Nghĩa thâm: C. 231
 Nghịch chủng: C. 421
 Nghiệp chương: C. 1239
 Nghiệt căn: C. 1156
 Nhà lan: C. 629
 Nhà nội: C. 1001
 Nhạc Phi (Điển tích): C. 381
 Nhạn tín: C. 1367
 Nhành dương: C. 1248
 Nhành xuân: C. 104
 Nhấp nhóa: C. 825
 Nhấp nhô: C. 282
 Nhẹ là bức: C. 137
 Nhẹ thể: C. 762
 Nhị Kiều: C. 699
 Nhiếp chánh: C. 681
 Nho Tông: C. 446
 Nơn đạo: C. 1233
 Nơn tình: C. 1226
 Nhục tổ hổ tông: C. 485
 Nhụy phai hương lợt: C. 176
 Như Lai: C. 1236
 Nhút quốc: C. 405

Nghì phu thê: C. 280
 Nghĩa thủy chung: C. 779
 Nghiệp cả: C. 4
 Nghiệp oan khiên: C. 1198
 Nghiệt đài: C. 1144
 Nhà lang: C. 833
 Nhà vàng: C. 615
 Nhạn lạc ngư trầm: C. 960
 Nhành dâu khuất: C. 933
 Nhành mai sái mùa: C. 704
 Nhật nghiêm: C. 74
 Nhấp nhoáng: C. 1006
 Nhất tiểu thiên kim (Thành ngữ):
 C. 786
 Nhẹ mình nữ trung: C. 1316
 Nhi tôn: C. 26
 Nhiễm lấm thân: C. 617
 Nhiều điều gói gương: C. 604
 Nơn duyên: C. 236
 Nơn luân: C. 366 & C. 1234
 Nhúc nhắc: C. 866
 Nhuệ khí: C. 10
 Nhụy tướng hương hình: C. 74
 Như tờ: C. 968



Oan khiên: C. 1198
 Oan ương: C. 929
 Ô thước bắc cầu: C. 271

Oan trái: C. 1239
 Ong bướm: C. 73
 Ốc mượn hồn: C. 739

Ôm mô thủ hiếu: C. 1189

Ôn nhu: C. 1214

P

Phàm tâm: C. 1250

Phạm trọng Yên: C. 685

Phan Tiếp Dẫn: C. 1244

Phan Vương: C. 836

Pháp gia: C. 358

Pháp nghiêm: C. 652

Phăng tâm: C. 1035

Phẩm quyền: C. 32

Phấn lột hương tàn: C. 787

Phận bạc như vôi: C. 239

Phận mỏng: C. 609

Phất trần: C. 1179

Phật tâm: C. 1272

Phép quỷ hợp hồn: C. 398

Phiên quốc: C. 741

Phím loan: C. 180

Phong nguyệt: C. 585

Phong tình: C. 650

Phong trần: C. 796

Phòng đào: C. 57

Phòng hạnh: C. 216

Phòng hiệp cần: C. 1308

Phòng không: C. 286

Phòng the: C. 1224

Phòng thu: C. 102

Phòng tiêu: C. 803

Phòng toan: C. 200

Phồn ba: C. 582

Phồn hoa: C. 1107

Phụ phụ: C. 525

Phù du: C. 1130

Phù dung: C. 126

Phù sinh: C. 950

Phụ cơ: C. 22

Phụ duyên: C. 940

Phụ nghĩa: C. 199

Phụ nhân nan hóa: C. 533

Phụ phàng: C. 68

Phụ thân: C. 224

Phụ tình: C. 204

Phụ tùng: C. 1386

Phúc hạnh: C. 782

Phụng lầu: C.163 & C. 603

Q

Quả kiếp: C. 1257

Quan cả: C. 117

Quán tục: C. 1305

Quạt duyên: C. 216

Quạt gió trăng đèn: C. 1247

Quân thần: C. 378

Quân trung: C. 368

Quân tử: C. 93 & C. 696

Quân tử hảo cừ: C. 139
 Quần hồng: C. 2
 Qui hồi Tiên bang: C. 1096
 Qui y: C. 1106
 Quốc chánh: C. 389
 Quốc triều: C. 414

Quân Vương: C. 686
 Quần xoa: C. 15
 Qui mô: C. 402 & C. 1100
 Quý tể: C. 357
 Quốc thể: C. 397
 Quyền môn: C. 18

R

Rấp ranh: C. 406
 Rẻ rúng: C. 5
 Rèm thu: C. 816
 Roi dẫu: C. 481
 Rỡ rỡ: C. 414
 Rù quến: C. 90
 Rừng thiển: C. 1077

Rẻ duyên: C. 784
 Rèm là: C. 618
 Rỉ rả: C. 250
 Rốn: C. 973
 Rời bốc đóa hoa: C. 654
 Rừng Nho biển Thánh: C. 35
 Rượu quỳnh: C. 212

S

Sách đời: C. 1126
 Sạch giũ: C. 1210
 Sái thế lỗ thời: C. 1331
 Sanh ly tử biệt: C. 981
 Sanh thành: C. 347
 Sánh bì: C. 8
 Sắc so tài: C. 209
 Sắt son: C. 508
 Sấn tay: C. 1395
 Sĩ Nông Công Cổ: C. 363
 Siêu thăng: C. 1278
 Soi bóng nước: C. 841
 Song hồ: C. 1101
 Sô xiêm: C. 1168

Sách hiền: C. 1248
 Sài Triệu Trịnh: C. 513
 Sanh ký tử qui: C. 1263
 Sanh nhai: C. 363
 Sanh tử: C. 508
 Sắc không: C. 1254
 Sắp con cái nhà: C. 716
 Sân ngô: C. 920
 Si tình: C. 1314
 Siêu quần: C. 368
 So sóng: C. 586
 Son sắt: C. 193
 Sóng xao: C. 797
 Số căn: C. 1266

Sông Ngân: C. 200

Sơ giao: C. 199

Sớm đào tối muộn: C. 793

Sống thừa: C. 1010

Sơ sẩy: C. 72

Suối vàng: C. 417

T

Ta bà: C. 1167

Tài ba: C. 1218

Tài sắc đa truân: C. 611

Tài tình: C. 441

Tái hiệp: C. 1093

Tam Tùng: C. 778

Tàn hoa: C. 106

Tang y: C. 865

Tảo mộ đạp thanh: C. 922

Tạo Hóa: C. 1261

Tâm can: C. 1026

Tâm đầu: C. 200

Tâm thần: C. 1359

Tấm duyên: C. 284

Tấm tình: C. 1246

Tấn Tần: C. 1336

Tập búa Lỗ Ban: C. 370

Tây Thi: C. 826

Tế mi vẹn đạo: C. 676

Tiện tỳ: C. 547

Tiếng tiêu: C. 163

Tiết giá: C. 708

Tiết nghĩa: C. 1400

Tiêu hủy: C. 1350

Tiểu thiếp: C. 717

Tà dương: C. 934

Tài danh: C. 502

Tài thần: C. 459

Tài tử: C. 365

Tái hôn: C. 776

Tám phân: C. 292

Tang thương: C. 1127

Tánh danh: C. 710

Tảo tần: C. 227 & C. 306

Tay co: C. 54

Tâm chánh: C. 1229

Tâm lý: C. 1292

Tâm trung nghĩa khí: C. 512

Tấm gan: C. 384

Tấn khí hùng: C. 522

Tận trung: C. 369

Tây Âu: C. 328

Té bao lăm: C. 353

Tế tông đường: C. 38

Tiếng đờn vô cực: C. 1277

Tiếng tiêu khải phụng: C. 628

Tiết hạnh: C. 661

Tiết ngọc: C. 1313

Tiêu Sử-Lộng Ngọc (Điển tích): C. 603

Tim vợ dâng dưa: C. 323

Tin nhận: C. 769	Tinh thần: C. 7
Tinh trắng: C. 824	Tinh trung: C. 381
Tinh Vệ: C. 737	Tinh si: C. 142
Tính niên: C. 1079	Tinh say: C. 1363
Tòa sen chín phẩm: C. 1272	Tóc hoa râm: C. 774
Tóc xanh: C. 847	Tô Huệ: C. 632
Tổ trần: C. 316	Tổ hiển: C. 37
Tộc chủng: C. 389	Tội nghiệp: C. 234
Tôn kính: C. 449	Tông đường: C. 38
Tông môn: C. 1058	Tống Hoàng: C. 569
Tơ duyên: C. 158	Tơ đồng: C. 178
Tơ hồng: C. 800	Tơ loan: C. 66
Tơ tóc: C. 6	Tua: C. 396
Tục lệ: C. 1181	Tục tánh: C. 1249
Tuế nguyệt: C. 1072	Túi gió trăng: C. 1173
Tùng phu: C. 674	Tùng phụ: C. 639
Tùng quyền chấp kinh: C. 1343	Tuổi hạc: C. 725
Tuồng đời: C. 1123	Túy mộng: C. 585
Tuyển đài: C. 1376	Tuyển hiền: C. 649
Tuyệt giá: C. 167 & C. 945	Tuyệt lạnh nắng nồng: C. 926
Tứ dục: C. 1197	Từ bi: C. 980
Từ duyên: C. 571	Từ lệnh, Từ mạng: C. 69
Từ tâm: C. 1214	Từ Thức: C. 213
Tứ hải ngũ hồ: C. 56	Tứ xứ: C. 457
Tử ly: C. 864	Tử thi: C. 868
Tử tiết: C. 151	Tự kế phụng thờ: C. 358
Tự thuật: C. 165	Tương giang: C. 196
Tương tư: C. 154	Tường đông: C.73 & C. 178
Tướng hạc hình mai: C. 622	Từu điểm: C. 833

Th

- Tha bang: C. 394
Thác ra ma: C. 319
Tham nhũng: C. 683
Thảm phiến: C. 720
Thảm trang: C. 1002
Thảng mảng: C. 1345
Thanh liêm: C. 688
Thánh miếu: C. 17
Thảm má đào: C. 14
Thân danh: C. 602
Thân phạm: C. 990
Thất tình: C. 1350
Thây phạm: C. 1266
Thê nhi: C. 546
Thi lá: C. 607
Thí nhận: C. 1393
Thiên lương: C. 1192
Thiện duyên: C. 1270
Thiếu tài khiếm đức: C. 416
Thọ giáo: C. 441
Thơ hương: C. 404
Thu phòng: C. 1203
Thú trùng: C. 254
Thục nữ: C. 16
Thung đường: C. 489
Thuốc trường sanh: C. 202
Thuyền Bát Nhã: C. 1169
Thuyền hạc: C. 1192
Thuyền nan: C. 839
Thả lá hồng: C. 770
Tham lê bỏ lựu: C. 204
Thảm đạm: C. 873
Thảm tín: C. 1097
Tháng thâu năm lụn: C. 1345
Thanh lâu: C. 584
Thanh xuân bất tái: C. 697
Thăm ván bán thuyền: C. 131
Thâm tình: C. 90
Thân mòn gối rung: C. 540
Thất nghĩa: C. 701
Thất tuần: C. 1076
Thây thi: C. 1379
Thế cuộc: C. 1109
Thi thơ: C. 36
Thiên hạ: C. 448
Thiên Thai: C. 1176
Thiếu phụ Nam Xương: C. 299–300
Thình thình: C. 35
Thơ chim: C. 607
Thu không: C. 966
Thú cầm: C. 874
Thúc thách: C. 2
Thung dung: C. 139
Thung huyện: C. 225
Thuyền bá: C. 797
Thuyền con: C. 1235
Thuyền huệ: C. 1000
Thuyền quyền: C. 5

Thuyền tình: C. 991 & C. 1228	Thú thê chánh thiếp: C. 956
Thửa nguyên: C. 303	Thức ngọc: C. 653
Thức tỉnh: C. 218 & C. 1186	Thước cừu: C. 1032
Thương tâm: C. 172	Thương thân: C. 238
Thường phu: C. 103	Thượng sĩ: C. 367

Tr

Trà mi: C. 72	Trà ngâu: C. 212
Trá ngôn: C. 652	Trái căn: C. 1182
Trái chủ: C. 1209	Trái duyên: C. 790
Trang tài mạo: C. 669	Tranh tòng dứt dây: C. 180
Trao duyên: C. 600	Trao tơ: C. 888
Trao trâm đắp áo: C. 670	Trau tria: C. 1
Trăm năm: C. 884	Trăng hoa: C. 766
Trăm luân: C. 1232	Trân cam: C. 80
Trần ai: C. 1046	Trần cầu: C. 1179
Trận trung: C. 440	Treo mắt: C. 46
Tri âm: C. 705	Tri Thiên: C. 856
Trí già: C. 471	Trí thức: C. 1215
Trí tri: C. 448	Trí xảo: C. 462
Triển bưng: C. 906	Trinh phu: C. 1208
Trinh tiết: C. 601	Trọng ngãi: C. 378
Trọng nghi phụ tử: C. 485	Trọng Ni: C. 445
Trọng tiếng cũng như: C. 614	Trọng yếu: C. 438
Trộm nén hương thừa: C. 322	Truân chuyên: C. 686
Truyền hiền: C. 479	Truyền hương: C. 488
Trừ mị: C. 425	Trước mai: C. 204
Trước tử: C. 917	Trương Lương dâng dép: C. 443
Trường đình: C. 727	Trường phong nguyệt: C. 785
Trường huynh: C. 232	Trượng phu: C. 60

U

U Minh: C. 969

Ủ dột: C. 144

Ủa xào: C. 175

Uy linh: C. 405

Uốm sương: C. 774

U ơ: C. 483

Ủ ê: C. 184

Uống cạn chén tình: C. 942

Ước: C. 193

Ưu quân ái quốc: C. 460

V

Vách có âm thính: C. 75

Vãng sanh: C. 1346 & C. 1362

Vào trường ra màn: C. 809

Văn hóa: C. 1

Văn nhân: C. 365

Văn ngử: C. 949

Vạn lăm trực lờn: C. 807

Vấn vợ: C. 245

Vấy vùng: C. 824

Vẻ xuân: C. 616

Vĩ nhân: C. 433

Vịn nú: C. 174

Vĩnh tồn hậu lai: C. 356

Voi cày chim cấy: C. 477

Vòng tục: C. 861

Vô ưu: C. 1234

Vợ tôi chồng chúa: C. 113

Vợ vợ: C. 99

Vụ tất: C. 978

Vui càn: C. 95

Vườn điều: C. 804

Vườn xuân: C. 206

Vạn linh: C. 1262

Vành xuân: C. 819

Vày vã: C. 534

Văn minh: C. 462

Văn tài: C. 166

Vấn vỏi: C. 242

Vắng hoe: C. 188

Vận trù: C. 410

Vẻ hồng: C. 107 & C. 273

Vẹn giống trọn dòng: C. 1063

Vị bài: C. 1043

Vĩnh sanh: C. 1104

Vịnh liễu: C. 893

Vong thân: C. 434

Vô duyên: C. 156

Vợ Châu Công: C. 677

Vợ chênh: C. 58

Vũ trụ: C. 517

Vua Thuấn: C. 477

Vùng Nam Hải: C. 405

Vườn thu: C. 619

Vương thần loạn ngôi: C. 1328



NỮ TRUNG TÙNG PHẬN

Tiên Nương Đoàn Thị Điểm giảng cơ đề bút

Năm Quý Dậu – 1933

Hội Thánh Giữ Bản Quyền

